

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



chuyện
bên
lề
và
chợ trời chữ nghĩa

TU DINH • VO CAO

SEACAEF

SOUTHEAST ASIAN CULTURE AND EDUCATION FOUNDATION

CALIFORNIA MÙA ĐÔNG 2004

tập 1

INTERNATIONAL CENTER

DEC 13 2005

TUẤN VĂ CĂN
chuyện bên lề
và
chợ trời chung nghĩa

SEACARE

Saint Lucia Caribbean Anti-Poison Foundation
Castries, St. Lucia, W.I. 19000

lập 1

INTERNATIONAL CENTER

2005 8 1 000

TU DINH • Võ CAO

chuyện bên lề
và
chợ trời chữ nghĩa

X-01-09200R-1 ISBN
Copyright © 2004 by SEACAEF
SEACAEF (Southeast Asian Culture And Education Foundation)
1129 3rd Street, Suite 5100
(905) 747-0411 - (925) 248-0417
www.seacef.org
SEACAEF
SOUTHEAST ASIAN CULTURE AND EDUCATION FOUNDATION
CALIFORNIA MÙA ĐÔNG 2004

tập 1

VIETNAMESE 895.9228 T811C
Tu Dinh.
Chuyện bên lề và chợ trời
chữ nghĩa
Huntington Beach, CA :
SEACAEF, Southeast Asian
Culture and Education

ISBN 1-930296-10-X

Copyright © 2004 by Tu Dinh and Vo Cao,
SEACAEF (Southeast Asian Culture And Education Foundation).
17217 Blue Fox Circle
Huntington Beach, CA 92647
Tel: (714) 842-7589 - Fax: (714) 847-4009
Email: SEACAEF@aol.com

No part of this work may be reproduced or transmitted
in any form or by any means, electronic or mechanical,
including photocopying and recording, or by any information
storage or retrieval system without the prior written permission
of SEACAEF unless such copying is expressly permitted
by federal copyright law.

Printed in the U.S.A.

Tập này gồm những bài viết
trong khoảng thời gian 2003-2004,
đã đăng trên trang nhà
www.chuyenbenle.com
và được đưa lên Mạng
bằng PDF của Adobe Acrobat 6.0.

Mục lục

1	Nguyễn Tất Nhiên, những ngày . . .	1
2	<u>Chợ Trời Chữ Nghĩa</u>	2
3	<u>Viết như dân gian</u>	4
4	Quê Quán Của Con Người	6
5	<u>Sức mạnh của chữ nghĩa: ngắn gọn</u>	7
6	<u>Nếu không có chữ quốc ngữ</u>	10
7	Chuyện ở quán cà phê (1)	12
8	Nàng đã không “mua một Con Bò”	16
9	<u>Người Việt viết Tiếng Tàu bằng chữ quốc ngữ</u>	18
10	<u>Ông lạy ông bà lạy bà</u>	19
11	<u>Tỷ lệ Hán Việt trong Tiếng Việt</u>	20
12	<u>Phân biệt Chữ Hán Việt và Chữ Việt thuần</u>	24
13	<u>cao niên, cao niên, và cao niên</u>	26
14	<u>Tiếng Việt kém chính xác (1)</u>	28
15	Vài điểm khác nhau giữa văn hóa Việt và Tàu	30
16	Mùa xuân ấy	43
17	Đỉnh Gió Hú	47
18	thành phố hiện đại	48
19	Không ngừng xét lại	49
20	<u>Anh tôi</u> (truyện ngắn)	52
21	<u>Liz</u> (truyện ngắn)	60
22	Hai tinh thần khác nhau	78
23	<u>Chữ không có dấu có phải là . . . ?</u>	83
24	<u>Tiến hóa hay thụt lùi?</u>	85
25	<u>Tiếng Việt là đơn âm hay đa âm . . . ?</u>	88
26	người chồng lý tưởng	96
27	Lang thang trên Nước Mỹ (1)	97
28	<u>Tiếng Việt kém chính xác (2)</u>	121
29	<u>Tiếng Việt kém chính xác (3)</u>	124
30	Lang thang trên Nước Mỹ (2)	126
31	<u>tiếng lái</u>	128
32	Computeria	133
33	<u>đồng hương, đồng hương, và đồng hương</u>	140
34	<u>Ca dao mới, và ngôn ngữ ám chỉ mới</u>	142
35	Những Người Việt không có quê hương . . .	145
36	bài thơ lượm được trên đường bolsa	154
37	Lang thang trên Nước Mỹ (3)	155
38	<u>Tiếng lóng</u>	196
39	Một tấm gương đáng suy gẫm	202
40	nghĩ về Việt Nam	209
41	Tiếng Việt kém chính xác (4)	215-221

- Chợ Trời Chữ Nghĩa có gạch dưới – Chuyện Bên Lề không có.

Sách vở ích giù cho buổi ấy . . .
Nguyễn Khuyến

Nguyễn Tất Nhiên,
những ngày còn trên trần gian
VO CAO

Một hôm, nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên mang mấy tập thơ đến một nhà sách ở Miền Nam California để gởi bán. Bà chủ nhà sách nói, “Thời buổi này mà còn thơ với thẩn. Chưa đầy 100 trang mà giá tám dollars thì có ma nó mới mua. Tám dollars, người ta ăn được hai bát phở.”

Nài nĩ mãi không được, Nguyễn Tất Nhiên đành ôm mấy tập thơ buồn bã ra về . . .

Chợ Trời Chữ Nghĩa

VO CAO & TU DINH

(trên trang nhà www.chuyenbenle.com)

Từ cuối thế kỷ 20, con người đi vào Thời Kỳ Tin Học, là thời kỳ của tốc độ. Các công trình khai phá, nghiên cứu, sáng tạo, và phát minh của con người tăng rất nhiều và rất nhanh, so với nhiều thế kỷ trước, nhứt là trong khoa học điện toán, và các ngành khoa học mới. Từ đó, nhu cầu về chữ nghĩa mới để gọi tên các vật chất mới và ý niệm mới cũng tăng nhanh.

Thay vì mượn chữ của Tàu, Người Việt có thể dùng Tiếng Việt để đặt ra các chữ mới, cùng nghĩa với Tiếng Anh hay Tiếng Pháp. *Bảng kê 20,088 chữ chiếc*, và *Trữ lượng chữ đôi* chứa rất nhiều chữ bị bỏ hoang, có thể dùng để đặt ra chữ mới mà không phải lệ thuộc vào chữ nghĩa của Tàu, đồng thời tránh khỏi cảnh chồng chất thêm nhiều ý nghĩa mới cho các chữ có sẵn, nghĩa là lâm vào nạn khan hiếm chữ.

Chợ Trời Chữ Nghĩa là nơi để mọi người trong dân gian góp phần đặt ra chữ mới. Nhiều người sẽ cho nhiều chữ mới khác nhau, để gọi tên một vật chất mới hay một ý niệm mới. Và cũng chính dân gian, người dùng chữ nghĩa, và thời gian, sẽ quyết định chọn một trong nhiều chữ ấy: chữ nào được dùng nhiều, chữ ấy sẽ sống, và sẽ có mặt trong tự điển Tiếng Việt. Đó là cách dân gian Việt Nam cùng nhau mang lại sức sống mới cho Tiếng Việt, bằng cách làm giàu tiếng mẹ đẻ.

Chợ Trời Chữ Nghĩa đón nhận tất cả những chữ mới do dân gian Việt Nam, ở trong nước, hay đang ở khắp mọi nơi trên Trái Đất, gửi đến, và sẽ được đưa lên mạng để mọi người cùng biết, và có thể lấy ra để dùng. Cùng lúc, đây cũng là nơi đón nhận tất cả mọi ý kiến về ngôn ngữ Việt Nam, trong tinh thần tự do phát biểu. Các chữ mới sẽ được đăng vào mục **Những Chữ Mới Tiếng Việt**; các bài viết đóng góp ý kiến sẽ được đăng vào mục **Viết Về Chữ Nghĩa Việt Nam**.

Sức mạnh thật của một dân tộc được làm bởi truyền thống khai phá, nghiên cứu, sáng tạo, và phát minh. Một dân tộc chỉ biết thừa hưởng tài sản trí tuệ của thế giới, sẽ mãi mãi là một dân tộc chậm tiến. Hãy nhìn Người Nhựt. Cách đây nửa thế kỷ, một thủ tướng Nhựt, trong một chuyến công du ở Mỹ, đã mua về một chiếc xe Mỹ, vì xe Nhựt lúc đó chưa đạt độ an toàn cần thiết, và ông đã bị báo chí Nhựt phê bình. Thật ra, khi sản phẩm trong nước kém phẩm chất thì người dân thỉnh mua sắm đồ dùng nước ngoài là một chuyện bình thường. Ngày nay, xe Nhựt chạy đầy đường ở Mỹ, vì xe Nhựt tốt hơn xe Mỹ, theo bảng xếp hạng hằng năm của tạp chí Mỹ *Consumer Report*. Đó là kết quả của nghiên cứu, sáng tạo, và phát minh không ngừng của Người Nhựt.

Dân gian nói **cực chẳng đã**, và học giả Hồ Hữu Tường đã viết **chẳng dặng đừng**, thay vì dùng Chữ Hán Việt **bất đắc dĩ**, hay **bất khả kháng**. Những sáng tạo nho nhỏ hôm nay rồi sẽ dẫn đến những sáng tạo lớn hơn, và cứ như thế mãi, ngôn ngữ Việt Nam sẽ ngày càng giàu hơn.

Làm giàu Tiếng Việt, và theo thời gian, đưa Tiếng Việt thoát khỏi cảnh lệ thuộc vào chữ nghĩa của Tàu, đã kéo dài nhiều ngàn năm cho đến hôm nay, đó là ý nghĩa của Chợ Trời Chữ Nghĩa, nơi đón nhận và phơi bày tất cả mọi tiếng nói tự do của Người Việt góp phần làm giàu và nâng cao giá trị của tiếng mẹ đẻ, như Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ đã từng làm trong lịch sử.

Chợ Trời Chữ Nghĩa
 là của mọi người trong dân gian,
 là một nơi chốn không có ai làm chủ;
 chỉ có người giữ chợ để chung bày chữ nghĩa mới,
 và các bài Viết Về Chữ Nghĩa Việt Nam.

Chợ Trời Chữ Nghĩa
 trân trọng kính mời
 tất cả mọi người trong dân gian
 có tấm lòng nghĩ đến tương lai
 của Ngôn Ngữ Việt Nam,

 vui lòng gởi về
Những Chữ Mới Tiếng Việt
 và các bài Viết Về Chữ Nghĩa Việt Nam
 để làm giàu Tiếng Việt,
 và hơn thế nữa,
 đưa Tiếng Việt thoát khỏi
 cảnh lệ thuộc vào chữ nghĩa của Tàu
 suốt nhiều ngàn năm qua.

Tôn trọng tinh hoa ngôn ngữ của Tàu
 không có nghĩa là
 Người Việt không cần mở hướng đi riêng
 cho Ngôn Ngữ Việt Nam.

Sẽ là một lỗi lầm của lớp người lớn tuổi,
 khi để cho lớp người trẻ Việt Nam hiện nay,
 mà vốn Hán Việt gần như không có gì,
 cảm thấy Tiếng Việt ngày càng khó hiểu và xa lạ
 vì dùng quá nhiều Hán Việt không cần thiết.

Viết như dân gian

TU DINH

Suốt dòng lịch sử, cho đến hôm nay, đầu thế kỷ 21, tiếng nói tự do và hồn nhiên nhất của văn học Việt Nam, là ca dao, được viết bởi dân gian không tên tuổi.

Bởi không tên tuổi, dân gian không sợ mất tên tuổi khi nói lên ý nghĩ của mình. Như một con người通俗, nghĩa là không có khoa bảng hay địa vị xã hội, và không có đồng nghiệp, dân gian không bị ám ảnh bởi sự khen chê của ai. Và với tâm hồn phơi phới tự do, không bị sống giữa hàng rào định kiến, dân gian là người có đủ tinh thần phóng khoáng khi nói lên ý nghĩ của mình. Ca dao đã cho thấy điều này. Bao lâu những người viết còn bị ám ảnh bởi mất cái này, mất cái kia trong cuộc đời trần gian của họ, bấy lâu, người viết không còn tự do và thoải mái để nói lên ý nghĩ của mình. Ngôn ngữ ám chỉ trong văn học Việt Nam đã cho thấy điều này.

Trở trại như dân gian, và không tên tuổi như dân gian, nghĩa là không có gì để vướng bận, người viết sẽ cảm thấy mình là một người tự do và hồn nhiên, để nói lên ý nghĩ của mình.

Một ví dụ về ngôn ngữ tự do và hồn nhiên của dân gian.

Lúc lén năm, lén sáu, khi chơi với những đứa trẻ cùng lứa tuổi, ngoài đường ở làng quê, tôi thường chạy theo để thổi cho bay lên những cái ruột hoa thật nhẹ, bay lơ lửng trên đầu, tách ra từ các cánh hoa của một loại cây lớn trồng bên lề đường. Thuở ấy, tôi nghe một đứa nói, “Lông lồn Bà Trời kìa! Tụi bây ơi, thổi đi!”

Thời gian ở trong quân đội Miền Nam, một hôm tôi được một đại đội trưởng rủ đi nhậu ở một quán bình dân. Trên bàn, chỉ có bia và một món mặn: một đĩa lớn đựng con chem chép đã luộc hay nướng chín. Ông đại đội trưởng chỉ vào một con đã tách ra, và nói, “Đây là lồn tiên, mời anh!” Lúc đó, tôi mới để ý thấy trên thân của con chem chép, có dính một nhúm lông, và trông thật giống bộ phận sinh dục của người đàn bà.

Giả sử những trẻ con như chúng tôi không phải là những trẻ con nhà quê, mà là những đứa trẻ ở thành phố, con cái của nhà giàu hay nhà có học hay nhà có địa vị, chúng tôi sẽ không khỏi bị người lớn la rầy. Giả sử chúng tôi không ngồi nhậu ở một quán cóc bình dân, mà ngồi chung với nhiều quan khách trong một bữa tiệc ở nhà hàng sang trọng, có lẽ ông đại đội trưởng ấy đã không thể ăn nói một cách hồn nhiên như trên.

Dẫu cho người ta dùng lời giù hay chữ giù để gọi tên một vật chất hay một ý niệm, nó chỉ là một quy ước để thông tin; nó hoàn toàn không ngầm chứa một điều gì cả. Giả sử từ buổi đầu của lịch sử cho đến hôm nay, Người Việt hoàn toàn không biết Chữ Hán, nghĩa là đã không có Tiếng Hán Việt, Người Việt sẽ chỉ có và chỉ dùng chữ nghĩa của mình. Khi đó, sẽ không có ai cho rằng dùng chữ này là thanh nhã, và dùng chữ kia là không thanh nhã; dùng chữ này là bác học, và dùng chữ kia là quê mùa. Bởi vì, người ta chỉ có một chữ một dùng để gọi tên một vật chất hay một ý niệm nào đó.

Ca dao chỉ dùng một phần trăm Tiếng Hán Việt: Tất cả những gì mà các tác phẩm văn học bác học tạo nên được, như tính chất nêu thơ, trữ tình, lãng mạn, ấn tượng . . . ca dao đều có. Và cái mà ngôn ngữ bác học khác hơn ngôn ngữ dân gian là, trong khi ngôn ngữ dân gian tự do và hồn nhiên, ngôn ngữ bác học thì gò bó, kiểu cách hình thức, và chạy theo cảm giác ảo của chữ nghĩa, như một thị hiếu. Từ đó, ngôn ngữ bác học có thể mang màu sắc giả tạo, nhưng ngôn ngữ dân gian thì không, hoàn toàn không.

Chẳng hạn, bác học gọi hai người sanh ra mình là *thân phụ* và *thân mẫu*, có giù thật sự hay hơn là dân gian gọi bằng *cha* và *mẹ*? Cho rằng hay hơn, đó chỉ là cảm giác ảo. Chữ nghĩa chỉ là những quy ước để thông tin; quy ước có tính chất tự do và phi thẩm mỹ. Chẳng hạn, bác học gọi *quốc lộ*, có giù thật sự hay hơn là dân gian gọi bằng *đường cái quan*? Chẳng hạn, bác học gọi *vô tuyến điện*, có giù thật sự hay hơn là dân gian gọi bằng *giây thép gió*? Tất cả chỉ là những cảm giác ảo, nghĩa là không có thật.

Mỗi chữ chiết tự nó không có tác dụng thẩm mỹ. Chỉ khi nào người ta ghép chúng với nhau để thành một chữ đôi hay một nhóm chữ hay một câu, khi đó sự phối hợp chữ nghĩa mới có tác dụng thẩm mỹ, nghĩa là người viết làm nên linh hồn, hay ma lực, cho chữ nghĩa. Nói khác đi, chỉ có người nói năng hay viết lách một cách quê mùa; không có chữ nghĩa quê mùa. Tương tự như vậy, mỗi nốt nhạc riêng rẽ, tự nó, không có tác dụng giù cả. Chỉ khi nào người viết nhạc phối hợp chúng với nhau, khi đó, sự phối hợp mới làm nên linh hồn nhạc, để thành một bản nhạc. Chỉ có người viết nhạc không hay; không có nốt nhạc không hay.

Khi người ta nói năng hay viết lách một cách hồn nhiên, mọi sự vật hay ý niệm sẽ hiện hữu một cách hồn nhiên. Khi người ta nói năng hay viết lách một cách giả tạo, mọi sự vật hay ý niệm sẽ hiện hữu một cách giả tạo. Và cái Đẹp không làm bằng những gì là giả tạo.

Viết như dân gian, hay nói như dân gian – như dân gian làm ca dao – là viết hay nói như hơi thở tự nhiên, với cái đầu phơi phới tự do, đứng ở ngoài vòng rào của định kiến, và viết như một con người trẻ trui, không có giù để sợ mất hay còn.

Quê Quán Của Con Người

VO CAO

Hình như Walt Disney, một thiên tài hoạt họa, người đã biến loài vật thành bạn bè dễ thương của con người, người đã đưa trẻ thơ, và cả người lớn, dạo chơi trong cái thế giới đẹp đẽ, nén thơ, hiền hòa, và nhân ái của cổ tích và thần thoại, hình như con người ấy không muốn rời bỏ Trái Đất này để ra đi mãi mãi. Bởi vậy, ông muốn xác của ông được ướp lạnh, với hy vọng rằng một ngày nọ, nền khoa học tiến bộ sẽ giúp ông lấy lại hơi thở trên trần gian này.

Có thể nói, trong trái tim của Walt Disney, *Trái Đất Là Quê Quán Của Con Người*. Ông đã sanh ra trên Trái Đất, đã sống nơi đây, đã yêu thương cả loài người và loài vật trên mặt đất này, mang lại cho họ niềm vui, và cuối cùng không muốn rời bỏ nơi này.

Thời gian gần đây, một số ít người cũng muốn được ướp xác khi ngừng thở, cũng với hy vọng một ngày nọ, khoa học tiến bộ sẽ giúp họ lấy lại hơi thở, và như những kẻ đi xa lâu ngày, họ sẽ được trở về để nhìn thấy lại *Quê Quán Của Con Người*, dẫu lúc đó đã đổi khác như thế nào. Họ không muốn ra đi; họ chỉ muốn trở về. Bởi họ yêu thương con người và đời sống trên Trái Đất này. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, ngồi tù hơn nửa đời người, đã bật lên tiếng kêu ai oán,

Tôi chưa sống cuộc đời tôi muốn sống . . .

Số đông con người sanh ra trên Trái Đất, chưa làm việc cho cạn óc để trả nợ trần gian, chưa sống và chưa yêu cho cạn máu, đã vội cầu nguyện và ngồi chờ ngày rời bỏ hẳn Trái Đất này, để mong đi đến *Cõi Vĩnh Hằng*. Bon chen, khôn vặt, dàn phẫn mìn những vật chất tốt nhất và nhiều nhất, là họ. Nhìn trẻ thơ thiếu ăn loli xương, và trẻ em bụi đời đối lạnh lang thang trên hè phố, bằng trái tim lạnh, là họ. Nhìn người cô thế, người bình đang đau đớn, người tù . . . bằng đôi mắt lạnh, là họ. Chưa làm được một người bình thường mà tốt, đã muốn làm bậc thánh trên trần gian, là họ. Thích được gọi là kẻ thành công mà không ngại dẫm đạp lên người khác, là họ. Thích làm anh hùng hay vĩ nhân bằng nỗi đau đớn quằn oại và bằng máu của con người, là họ.

Họ là những kẻ sống trên mặt đất nhưng không nhìn thấy con người, chỉ nhìn thấy mình, và ung dung chờ ngày được đi đến *Cõi Vĩnh Hằng*.

Đó là cái khác nhau sâu xa giữa những người biết yêu thương con người và đời sống trên Trái Đất này, và những người coi nơi đây là *Cõi Tạm*.

Sức mạnh của chữ nghĩa: ngắn gọn

VO CAO & TU DINH

Trong bản tin thế giới trên *Người Việt Online*, ngày 7/19/2003, người ta được biết chính phủ Pháp vừa ra linh cẩm dùng chữ **Email**, mà phải dùng chữ **Courriel**. *Courriel* là viết tắt của *Courrier électronique*.

Tiếng Pháp đã từng được xem là một ngôn ngữ quý tộc, tại Nước Nga ngày xưa chẳng hạn. Tiếng Pháp cũng được xem là ngôn ngữ chính xác nhất thế giới. Trong những điều kiện như vậy, tại sao Tiếng Pháp không xâm nhập vào Nước Mỹ, mà Tiếng Anh kiểu Mỹ (American English) lại xâm nhập vào Nước Pháp? Lý do:

- (1) *Tiếng Anh kiểu Mỹ ngắn gọn hơn Tiếng Pháp*, và
- (2) *Con người đang đi vào Thời Kỳ Tin Học, là Thời Kỳ Của Tốc Độ*.

Bây giờ là thời buổi mà con người bị cuốn theo tốc độ nhanh của đời sống, khác hẳn với nhiều thế kỷ trước. Mọi cái phải thay đổi cho phù hợp với tốc độ của đời sống hiện nay; chữ nghĩa cũng vậy. Con người không có thời gian để nói hay viết loại chữ nghĩa dài dòng. Nói khác đi, **loại chữ nghĩa dài dòng đã lỗi thời**.

Có lẽ chỉ có những nhà ngôn ngữ học của Mỹ đã hiểu được điều này. Người Mỹ chẳng những rút ngắn chữ nghĩa từng chữ, từng vần, mà họ còn rút ngắn từng chữ cái. Trên các đường phố Mỹ, người ta có thể nhận ra điều này bằng cách nhìn chữ nghĩa được rút ngắn:

passing	⇒	xing
deep	⇒	dip
through	⇒	thru
bicycle	⇒	bike

Mỗi người đều biết Người Mỹ đã không viết Tiếng Anh hoàn toàn giống Người Anh: một số ít chữ được rút ngắn lại, thường là bỏ bớt chữ cái. Chẳng hạn, **colour** thành **color**, **aesthetic** thành **esthetic** . . . Người Anh viết **programme**; Người Mỹ viết **program**. Người Mỹ không nói **Coca Cola**; Người Mỹ nói **Coke**. Trong toán học, Người Mỹ có thể viết **iff** thay cho **if and only if**. Thay vì nói **Telefacsimile**, Người Mỹ nói **Fax**. Theo thời gian, Người Mỹ còn cắt tia chữ nghĩa ban đầu. Ví dụ mới nhất:

Internet	⇒	Net
e-mail	⇒	email ⇒ mail
microprocessor	⇒	processor

Người Mỹ dùng chữ **Fax** tương tự như Người Việt dùng một chữ bị bỏ hoang trong ngôn ngữ Việt Nam. Phải đến Thời Kỳ Tin Học, người ta mới thật sự thấy rõ sự cần thiết rút ngắn chữ nghĩa.

Tất cả các ví dụ trên cho thấy, từ lâu, Người Mỹ có khuynh hướng rút ngắn chữ nghĩa trong mọi trường hợp có thể được. Đó chính là sức mạnh của Tiếng Anh kiểu Mỹ. Bởi sức mạnh này, Tiếng Anh kiểu Mỹ chẳng những đã xâm nhập vào Nước Pháp, mà còn xâm nhập vào rất nhiều nước khác, trong đó có Việt Nam.

Thật ra, người ta có thể thấy Người Việt đã có khuynh hướng rút ngắn chữ nghĩa từ lâu. *Thể tinh lược* là một ví dụ lớn trong ngôn ngữ Việt Nam. Ví dụ nhỏ:

- áo chống lạnh ⇒ áo lạnh
- áo chống mưa ⇒ áo mưa

Một việc ngược đời có lẽ chỉ xảy ra tại Việt Nam: trong khi dân gian theo khuynh hướng tự nhiên, là rút ngắn chữ nghĩa, lớp người có học đã đi ngược lại, bằng cách kéo dài chữ nghĩa ra, và thích chèm thêm Hán Việt, mặc dầu đã có Tiếng Việt cùng nghĩa.

Ví dụ

- các cháu nhỏ ⇒ các cháu nhi đồng
- Ông Bà Bác Sĩ Trần Văn X. ⇒ Bác Sĩ Trần Văn X. và phu nhân
- người già ⇒ người cao niên
- tiệm tạp hóa ⇒ cửa hàng bách hóa tổng hợp
- cây xăng ⇒ trạm xăng dầu
- đứt gân máu ⇒ hội chứng xuất huyết não

Ngoài việc kiếm tìm các chữ mới để gọi tên vật chất mới và ý niệm mới, mọi người trong dân gian có thể đưa ra các chữ mới bằng Tiếng Việt, ngắn gọn, để thay thế một số chữ nghĩa đang dùng, bằng Hán Việt, khó hiểu, rườm rà, hay quá dài dòng.

Ví dụ

Pháp thoại, thính chung, giao diện đồ hình, truy cập mạng lưới Internet . . .

Chẳng hạn, chữ Windows chỉ có hai vẫn, nhưng nhiều người thích viết **Win2000**, **WinXP** hơn là viết **Windows 2000**, **Windows XP**. Chẳng hạn, người ta thích nói “**vào mạng/ lén Net**” hơn là nói “**truy cập mạng lưới Internet**.” Thay vì dùng Hán Việt để dịch chữ **graphical interface** là **giao diện đồ hình**, người ta có thể dùng Tiếng Việt để nói là **lệnh đồ hình/ lệnh hình** (chẳng hạn, **lệnh hình** của Windows dễ dùng hơn **lệnh chữ** của Linux); hoặc dùng cách ghép vẫn để rút ngắn, như sau:

GIAO DIỆN ĐỒ HÌNH = **GIÙNH** (một chữ bị bỏ hoang)
TRUY CẤP MẠNG LƯỚI INTERNET = **CẤP NET**.

Mọi bắt đầu đều không dễ dàng và suông sẻ. Không bắt đầu thì sẽ không đi tới, nghĩa là đứng yên. Nếu Người Việt muốn làm giàu và mở rộng Tiếng Việt, Tiếng Việt sẽ giàu và mở rộng. Người Pháp nói: “Vouloir, c'est pouvoir” – “Muốn thì được.”

Để mở chợ, trước hết, chúng tôi đóng góp một ít chữ mới cùng nghĩa với Tiếng Anh, trong khoa điện toán. Các chữ đề nghị sau đây mang ba đặc tính:

- dùng Tiếng Việt, với những chữ hiện có trong tự điển, hoặc chữ bị bỏ hoang;
- Tiếng Việt có thể là Tiếng Việt thuần, hoặc Tiếng Hán đã được Việt hóa;
- ngắn gọn đến chừng có thể được;
- chỉ dùng Hán Việt trong trường hợp không có Tiếng Việt cùng nghĩa.

Những Chữ Mới Tiếng Việt (đề nghị)

Tiếng Anh	Tiếng Việt	
	chữ có mặt trong tự điển	chữ bị bỏ hoang
highlight	quét sáng/ quệt	cennifer
graphical interface	lịnh bằng hình/ lịnh hình	giình (giao diện đồ hình)
download	nạp xuống	
upload	phóng lên	
email	thư gió	
eBook	sách gió	
eCommerce	chợ gió	
vertical scrolling bar	cuốn đứng	
horizontal scrolling bar	cuốn ngang	
show	roi/ chiếu	
remove	gỡ bỏ	
resolution	độ đặc/ độ mịn	
bug	bị lỗi	
debug	sửa lỗi	
default	định sẵn/ cài sẵn	kết
code		mở kết
decode		
menu	bảng kê	
conflict	va chạm (phần mềm)	
icon		hình kon
background color	màu nền	
memory	bộ nhớ	
volatile memory	bộ nhớ tạm	
permanent memory	bộ nhớ mãi	

Nếu không có chữ quốc ngữ

TU DINH

Có tiếng nói nhưng không có chữ viết, dân tộc Việt Nam đã dùng Chữ Hán làm chuyển ngữ trong nhiều ngàn năm. Sau khi có Chữ Nôm, một biến thể của Chữ Hán, là loại chữ ghi âm tiếng nói của Người Việt, từ thế kỷ 13 đến cuối thế kỷ 19, dân tộc Việt Nam đã dùng cùng lúc hai thứ chữ, cả Hán lẫn Nôm.

Thời kỳ Chữ Hán, các tác phẩm văn học không có nhiều, và hầu hết là viết về lịch sử và địa lý; nền văn học bác học không phát triển được vì lý do tiếng nói và chữ viết khác nhau, nghĩa là không tương ứng với nhau.

Chữ Nôm là chữ viết riêng đầu tiên của Người Việt. Là loại chữ ghi âm, do đó, Chữ Nôm và tiếng nói của Người Việt tương ứng với nhau. Bởi vậy, bằng Chữ Nôm, nền văn học bác học của Việt Nam mới bắt đầu nở rộ những tác phẩm đặc sắc, như *Truyện Kiều*, *Chinh Phụ Ngâm*, *Cung Oán Ngâm Khúc*... thơ Đường luật, ca trù, hát nói, cộng với nhiều tác phẩm không có tên người viết, như *Bích Câu Kỳ Ngộ*, *Nhi Độ Mai*, *Phan Trần*, *Bản Nữ Thán*...

Thuở Hán Nôm, nền văn học bác học của Việt Nam nằm im lìm trong các thư phòng nhỏ bé, vì số người biết chữ không đáng kể so với dân số.

Giả sử không có chữ quốc ngữ.

Thời Pháp thuộc, buổi đầu, Việt Nam vẫn dùng Chữ Hán Nôm. Về sau, Người Pháp lập ra các trường học dạy bằng Tiếng Pháp; từ đó, số người biết Tiếng Pháp ngày càng nhiều, nhiều hơn số người biết Hán Nôm.

Giả sử không có chữ quốc ngữ, và giả sử Người Pháp đã không ép buộc Việt Nam bãi bỏ các khoa thi bằng Chữ Hán, vào lúc Việt Nam đã nhìn qua khỏi Nước Tàu, và thấy Trái Đất Lớn Rộng Của Con Người, Người Việt sẽ đứng trước sự chọn lựa: tiếp tục dùng Hán Nôm làm chuyển ngữ, hay dùng Tiếng Pháp làm chuyển ngữ.

Câu trả lời gần đúng là, xuôi dòng lịch sử, Người Việt sẽ chọn Tiếng Pháp làm chuyển ngữ, bởi các lý do sau đây:

- *Vào thời buổi đó, thế lực không nằm trong tay vua chúa và các sĩ phu, mà nằm trong tay lớp người Tây học, chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, và ảnh hưởng của nền văn minh Tây Phương, nói chung.*
- *Lớp người trẻ, được đào tạo từ trường Pháp, nhận thấy học khoa học và kỹ thuật của Tây Phương là cần thiết hơn cái học từ chương từ ngàn xưa, một cái học không sáng tạo, và xa lạ với nền văn minh khoa học.*

Trường hợp này xảy ra, Việt Nam ngày nay sẽ giống như một vài nước thuộc địa cũ của Pháp ở Phi Châu, hiện dùng Tiếng Pháp làm chuyển ngữ. Kết quả sự chọn lựa này sẽ là, vì chữ viết và tiếng nói không tương ứng với nhau, Người Việt sẽ ngày càng nói Tiếng Pháp nhiều hơn tiếng mẹ đẻ. Đó là hiện tượng học tiếng nào thì suy nghĩ trực tiếp bằng tiếng ấy. Từ đó, Tiếng Việt chẳng những không phát triển, mà sẽ mai một theo thời gian, vì ít được dùng. Và biết đâu, rồi đến một ngày kia, Tiếng Việt sẽ trở thành “cổ ngữ,” nghĩa là một ngôn ngữ chết của dân tộc Việt Nam.

Chữ quốc ngữ có mặt kịp thời, và nó đã gánh vác những nhiệm vụ lịch sử quan trọng đối với dân tộc Việt Nam, như sau:

- *Chữ quốc ngữ đã đưa Văn Học Hán Nôm rời khỏi các thư phòng nhỏ bé, để ra ngoài dân gian, sau khi các tác phẩm của nền văn học này được phiên âm ra chữ quốc ngữ.*
- *Chữ quốc ngữ, dễ học và dễ viết, trong thế kỷ 20, đã giúp cho nền giáo dục tiểu và trung học của Việt Nam tiến bằng đôi hia bảy dặm; đó là điều mà thời kỳ Hán Nôm đã không làm được.*
- *Chữ quốc ngữ đã nhanh chóng đưa Việt Nam lên hàng những nước có tỷ lệ mù chữ vào hàng thấp trên thế giới, 6%, tuy Việt Nam hiện vẫn còn là một đất nước nghèo nàn và lạc hậu. Nếu không có chữ quốc ngữ, đầu Người Việt đã chọn Chữ Nôm hay Chữ Pháp làm chuyển ngữ, tỷ lệ mù chữ của Việt Nam hiện nay có lẽ sẽ không dưới 50%, tương đương với Ấn Độ (48%), Maroc (50%), Ai Cập (52%), Lào (55%), hay Pakistan (65%) – theo The Time Almanac 2000.*

Nói rằng chữ quốc ngữ là cái may mắn ngàn năm một thuở của dân tộc Việt Nam, đó không phải là lời quá đáng.

Chuyện ở quán cà phê (1)

TU DINH

Quán cà phê *Cheo Leo*. Khu Little Saigon.

- Vừa rồi về Việt Nam, tôi thấy Việt Nam bây giờ đã thay đổi rất nhiều, so với trước, và làm cho tôi thấy lạ, như thể tôi là một du khách nước ngoài, chờ không phải là Người Việt về thăm nhà. Vui lắm. Xe cộ chạy đầy đường. Nhiều cao ốc. Cầu và đường mới làm nhiều lắm, đẹp lắm. Có cả cầu treo mà xưa nay mình chưa thấy ở trong nước.
- À, tôi cũng thấy vậy. Nhớ lại thời gian từ 1975 đến 1985, người đi đường lưa thưa; chỉ có xe gắn máy; ít khi thấy xe du lịch . . .
- Bây giờ xe Mercedes cũng có, kể cả một chiếc Roll-Royce hiếm thấy của một người nào đó . . .
- Vậy à? Ở Mỹ mươi lăm năm, tôi chưa có dịp nhìn thấy một chiếc Roll-Royce chạy ngoài đường.
- Bởi vậy, tôi mới nói Việt Nam bây giờ không còn giống như lúc mình còn ở trong nước. Nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, cái gì cũng sang trọng; đi đâu cũng thấy. Cần thử giữ cũng có . . . Mới đây, Việt Nam được ghi nhận là một nơi du lịch hấp dẫn nhất ở Đông Nam Á.
- Nhờ Việt Nam mở cửa mới được như vậy. Dầu thế nào thì mình cũng mừng cho đất nước của mình . . .

Một cô gái, có vẻ là một sinh viên, im lặng ngồi nghe từ đầu, bây giờ lên tiếng:

- Xin lỗi mấy Bác mấy Chú, cháu còn nhỏ tuổi, nhưng cháu có tìm hiểu lịch sử Việt Nam. Cháu thấy Việt Nam từ xưa đến nay, chưa bao giờ mở cửa. Cho người ta vào làm ăn buôn bán là một nhu cầu tự nhiên về kinh tế; nước nào cũng phải làm như vậy. Cho người ngoài vô, nhưng không cho người dân của mình tự do đi ra, để buôn bán, để đi học và làm công tác nghiên cứu, hay chỉ để du lịch cho biết đó biết đây. Ba má cháu hay nói, “Đi một ngày đàng học một sàng khôn.” Từ xưa cho đến nay, nước Việt Nam luôn luôn “bế quan tỏa cảng,” kể cả thời kỳ trước 1975, và hiện nay, cũng vậy mà thôi. Cái cửa lớn nhất để tiếp xúc với thế giới, là Internet, bị đóng, hay chỉ mở hí hí, thì làm sao có thể gọi là mở cửa? Hiện nay, chỉ có một triệu trong tám mươi triệu Người Việt trong nước, được nhìn thế giới qua khe cửa của Internet, như vậy thì làm sao có thể nói là Việt Nam đang mở cửa?

Cháu nghĩ, ý nghĩa quan trọng của mở cửa, là mở con mắt và mở cái đầu. Nghĩa là phải biết bỏ cái nhìn một phương, mà phải nhìn muôn phương; nghĩa là không để bộ óc ngủ yên, như cây cối ngủ mùa đông ở xứ lạnh. Từ đó, đồng bào mình mới nhận ra cái giữ là tinh hoa, và cái giữ là cặn bã, của con người trên Trái Đất này.

Về Việt Nam, mấy Bác mấy Chú nói rằng đã nhìn thấy, so với lúc trước, hiện nay có rất nhiều nhà cửa, cao ốc văn phòng, cầu đường, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, hầu hết là mới mẻ và khá sang trọng. Tuy nhiên, có một cái mà cháu không nghe nói đến: các trường học. Có lẽ chúng là những kiến trúc ọp ẹp, nhỏ bé, khiêm tốn, xác xơ, nghĩa là chúng chẳng bao giờ đậm vào mắt của Chú Bác, hay của du khách nước ngoài. Sống ở đây nhiều năm, có lẽ Chú Bác cũng biết, đi trên đường phố Mỹ, mọi người đều thấy, một trong những kiến trúc đậm vào mắt người đi đường, là các trường học. Đó là những kiến trúc khang trang, đẹp đẽ, và rộng lớn. Trường trung học thì rộng lớn như Dinh Độc Lập tại Sài Gòn; trường đại học thì rộng lớn như một thành phố. Trước đây, Tổng Thống Reagan có nói: “Nếu ở Mỹ có một người đói, đó là một tội ác.” Và người ta cũng có thể nói thêm: “Nếu ở Mỹ có một người muốn đi học đại học mà không được đi học, đó cũng là một tội ác.” Chú Bác nói, ở Việt Nam hiện nay, cần cái gì cũng có. Không đúng đâu. Nhiều triệu người trẻ cần trường đại học để học, nhưng không có đủ. Nhiều triệu người trẻ Việt Nam hiện nay không có cơ hội tiếp nhận kho tàng tri thức của con người, như ước mơ của họ. Họ là lớp người trẻ tuyệt vọng, bơ vơ, thầm lặng, và cam chịu số phận, trong một đất nước mà một số đông Người Việt về thăm nhà cho là đang phát triển, nhộn nhịp, đổi mới, và vui lẩm... Lớp người trẻ trong nước đã và đang tiếp tục bị sống trong cái “Đống Rác Của Lịch Sử”...

Theo cháu nghĩ, sức mạnh của một dân tộc không nằm ở các cao ốc văn phòng, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi... Đó chỉ là những phương tiện của nền kinh tế mà thôi. Sức mạnh thật của một dân tộc nằm ở các trường học, các viện nghiên cứu... nghĩa là nằm trong cái đầu của con người.

Theo cháu biết, một số đông khách du lịch nước ngoài, khi đến Việt Nam, thường đi thăm Văn Miếu ở Hà Nội. Họ ngạc nhiên khi ngắm nhìn một di tích cho thấy cha ông chúng ta, từ xưa, đã biết tổ chức việc học đến cấp tiến sĩ...

Có lẽ cô gái cảm thấy con gái Việt Nam mà nói hơi nhiều, nên có vẻ e ngại, nhìn chung quanh, và ngừng lại. Chuyện ở quán cà phê đứt đoạn tại đây.

- Trang sau là một bài báo viết về các trường học tại VN, trích từ *Việt Báo Online*, 12/9/2003.

Không Có Phòng Đèn Học

Bạn,

Theo báo Tuổi Trẻ, hơn 300 học sinh từ mẫu giáo đến lớp 3 của xã Tam Thanh, Tam Kỳ, Quảng Nam hiện vẫn phân tán nhiều nơi bởi 3 cơ sở mẫu giáo và 4 phòng học không thể ngồi học. Giờ đây, cả giáo viên và học sinh phải tận dụng hội trường thôn, nhà giữ xe để mở lớp. Báo này ghi như sau.

Khó mà tả hết được nỗi mừng vui của các em học sinh nghèo vùng cát xã Tam Thanh khi năm học 2000 - 2001 được ngồi trong các ngôi trường mới xây. Cùng thời gian, trên địa bàn xã, 3 trường mẫu giáo tại các thôn Trung Thanh, Hạ Thanh và Thanh Tân cùng 4 phòng học khác tại cơ sở Tân Thanh thuộc Trường tiểu học Tam Thanh được đưa vào sử dụng. Niềm vui ấy cũng chỉ kéo dài chưa tròn 3 năm... Năm học 2003 - 2004 vừa khai giảng được mấy hôm thì mùa mưa ập đến. Những cơn mưa đầu mùa tuy không lớn nhưng tất cả phòng học mới xây đều bị cháy nướm, học sinh ngồi trong lớp phải choàng áo mưa mới có thể học được. Theo lời kể của các giáo viên đứng lớp, trong những ngày mưa lớn, các lớp mẫu giáo tại 2 cơ sở Trung Thanh và Hạ Thanh bị nước mưa chày ướt hết cả học sinh. Nhà trường buộc phải cho các em nghỉ học để kiểm tra trần nhà, tìm cách khắc phục.

Qua kiểm tra, các giáo viên phát hiện ngoài các vết nứt của mái nhà, trần nhà cũng bị vỡ và oằn xuống nhiều nơi. Khi sự việc trở nên trầm trọng, có thể gây tai họa cho học sinh và thầy cô giáo bất kỳ lúc nào, UB xã Tam Thanh đã quyết định đình chỉ việc dạy và học tại 2 cơ sở này, đồng thời cho di chuyển số học sinh mẫu giáo tại đây về nhà làm việc của thôn để học tạm. Cảnh giác hơn, các thầy cô giáo và UB xã Tam Thanh tiếp tục kiểm tra hiện trạng của cơ sở mẫu giáo Thanh Tân và phát hiện cơ sở này cũng trong tình trạng xập xệ, xuống cấp tương tự. UB xã cũng quyết định đình chỉ việc học của lớp mẫu giáo tại đây và chuyển sang học tạm tại nhà sinh hoạt của thôn. Thật may mắn cho sinh mạng của 30 học sinh mẫu giáo này! chỉ mấy giờ đồng hồ sau khi có đình chỉ, đến 14 giờ cùng ngày toàn bộ trần nhà, mái lợp và xà gồ của lớp học đã đổ sập.

Trong khi đó, ban giám hiệu Trường tiểu học Tam Thanh cũng tức tốc làm đơn kiến nghị Phòng Giáo dục - Đào tạo thị xã và UB xã cho kiểm tra độ an toàn của 4 phòng học được xây dựng vào năm 2000. Và kết quả, cả 4 phòng học đều chung số phận như 3 cơ sở mẫu giáo, tất cả đều có nguy cơ sập đổ bất kỳ lúc nào. Lập tức việc giảng dạy tại 4 phòng học này cũng bị đình chỉ và được tiến hành sửa chữa từ ngày 17/9/2003.

Bạn,

Cũng theo báo TT, đã hơn 2 tháng kể từ ngày 3 cơ sở trường mẫu giáo và 4 phòng học của xã Tam Thanh bị hư hại, việc sửa chữa đến nay vẫn chưa hoàn tất. Nhiều thầy cô giáo đang dạy các lớp mẫu giáo và lớp 1, 2, 3 tại các điểm mượn tạm ở nhà sinh hoạt của thôn than thở: "Nhà làm việc của thôn quá chật, lại không đảm bảo ánh sáng, bàn ghế không đúng chuẩn... Mỗi khi trời mưa là phải ngừng dạy bởi gió lùa rất lạnh và không đủ ánh sáng, dạy học kiểu ni làm sao đảm bảo chất lượng..." Nhưng các lớp được thôn cho mượn nhà làm việc học tạm còn may mắn, số học sinh của Trường tiểu học Tam Thanh phải ngồi học trong nhà giữ xe còn bi đát hơn: Trời nắng không chịu nổi nắng nóng của cát và mái tôn, còn mưa thì mưa tạt gió lùa. Trong số 300 học sinh của xã đã có nhiều em phải nghỉ học giữa chừng, số còn lại lúc có lúc vắng không biết rồi đây sẽ như thế nào!

Viet Bao Online, 12/9/2003

Nàng đã không “mua một Con Bò”

TU DINH

Trong mục tin tức trên AOL, ngày 10/ 26/ 2003, người ta đọc thấy một cái tựa,

Strange but True

Richest Teen Buys ■ Cow?

Tin này viết về một cô con gái của nhà tỷ phú Hy Lạp Onassis (đã qua đời), tên là Athina Roussel, 18 tuổi, đã tặng người bạn trai, một thanh niên Ba Tây, một món quà trị giá 320,000 dollars (một chiếc xe thể thao). Bản tin cho thấy:

- *Nhà báo viết tin này không giữ đúng tuyên thống nghề nghiệp. Trong khi nhà báo viết bình luận có quyền đưa ra mọi ý kiến riêng của mình, nhà báo viết tin tức thì khác: chỉ trình bày khách quan và trung thực một sự việc hay sự kiện, nhưng tránh đưa ra ý kiến riêng của mình; phần nhận định về sự việc hay sự kiện trong các bản tin, là thuộc về người đọc. Cái tựa tin trên đây ngầm chứa ý kiến riêng của người viết tin. Ý kiến này chưa hẳn đúng, và trước hết, nó gây ấn tượng và định kiến cho người đọc. Có thể nói, cái tựa tin trên đây xúc phạm đến danh dự của người bạn trai của Athina Roussel, cùng lúc, cũng xúc phạm đến nhân phẩm của nàng.*
- *Không phải chỉ có các dân tộc Á Đông, các dân tộc Tây Phương cũng có điều gì “môn đương hộ đối.”*
- *Sau hết, cái đáng nói nhất, là nhà báo này thật sự chưa tìm thấy tình yêu trong cuộc đời của ông ta, và do đó, chưa biết yêu là gì. Bởi vậy, người ta mới đọc thấy cái tựa như trên.*

Không phải bất cứ ai đi qua trần gian này cũng tìm thấy tình yêu, và biết yêu là gì. Tình yêu là một hiện tượng mà ngôn ngữ thường nghiêm của con người không thể định nghĩa được (*undefined*), nhưng nó vượt lên trên mọi thứ: tiền bạc, địa vị, danh vọng, tôn giáo, chủng tộc, tổ quốc . . . Những người chưa từng bắt gặp tình yêu trên trần gian này, và chưa từng biết yêu là gì, thường chỉ nhìn thấy những thứ ở chung quanh và ở bên ngoài tình yêu.

Bởi tìm thấy tình yêu, và biết yêu là gì, một ông vua nước Anh đã bỏ ngai vàng để lấy tình yêu của một người đàn bà gốc Mỹ. Bởi không biết tình yêu là gì, trong khoảng mươi năm 1960, một số người trong hoàng gia Anh đã ép buộc Công Chúa Margaret phải rời bỏ Peter Townsend, một đại tá có nhiệm vụ hầu cận và tập cho công chúa cưỡi ngựa . . .

Tin này cũng không có gì lạ để được sắp vào mục *Chuyện Lạ Nhưng Có Thật*.

Giả sử một sinh viên chưa đi làm, có 100 dollars trong túi, nhưng muốn tặng người bạn gái một món quà trị giá 150 dollars. Chàng sinh viên này, hoặc tìm việc làm tạm, hoặc vay mượn bạn bè hay người thân, để có thêm 50 dollars, cho đủ tiền mua món quà đã tính trước. Như vậy, chàng sinh viên này xài 150% số tiền hiện có, cho người yêu.

Giả sử một người thuộc lợi tức trung bình ở Mỹ, có 5,000 dollars trong trương mục, mua một món quà trị giá 300 dollars, để tặng người yêu. Như vậy, người này xài 6% số tiền hiện có, cho người yêu.

Athina Roussel đã tặng cho người bạn trai một món quà trị giá 320,000 dollars, so với số tiền mà nàng có là 2.7 tỷ dollars; như vậy, nàng chỉ xài 0.0001% số tiền hiện có, cho người yêu.

So sánh các con số 150%, 6%, và 0.0001%, người ta mới thấy việc cô gái giàu nhứt thế giới Athina Roussel tặng cho người bạn trai một món quà 320,000 dollars, thật không có gì đáng gọi là một *Chuyện Lạ Nhưng Có Thật*, và nhà báo cũng không có lý do để dùng những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của người bạn trai của nàng, và cả nhân phẩm của nàng nữa. Nghĩa là nàng đã không “mua một Con Bò,” mà nàng chỉ đơn giản tặng một món quà cho người mà nàng yêu, như bao nhiêu cô gái tìm thấy tình yêu, và đang biết yêu là gì . . .

Người Việt viết Tiếng Tàu bằng chữ quốc ngữ

TU DINH

Trên Việt Báo Online, mục Trước Thời Cuộc, ngày 9/28/2003, người ta đọc thấy một cái tựa như sau,

“Bất Hoạn Bần, Hoạn Bất An.”

Có lẽ chỉ có một ít người lớn tuổi hiểu được ý nghĩa của mấy chữ này. Có lẽ không có ai trong lớp người trẻ hiểu được mấy chữ này, dù là lớp người trẻ đang sống tại Mỹ, hay lớp người trẻ trong nước. Phải đọc hết nội dung bài báo, người đọc mới có thể hiểu mang máng ý nghĩa của mấy chữ này.

Có một số Tiếng Hán Việt không có Tiếng Việt tương đương. Tuy nhiên, người ta vẫn có thể dùng cách nói tương đương bằng Tiếng Việt, để Người Việt có thể hiểu những Tiếng Hán Việt không có Tiếng Việt cùng nghĩa.

Ví dụ

duy nhất	⇒	chỉ một mà thôi
thống nhất	⇒	gom lại làm một
thanh niên	⇒	lớp người trẻ
v.v.		

Có lẽ những người đọc thuộc lớp người trẻ, nhìn cái tựa, họ sẽ thấy chán vì không hiểu ý nghĩa, và họ sẽ không mở bài báo ra để đọc. Và lớp người trẻ Việt Nam sống tại Mỹ sẽ cảm thấy Tiếng Việt ngày càng khó hiểu và xa lạ.

Cái vốn quý của lớp người lớn tuổi hiện nay là kinh nghiệm, kể cả kinh nghiệm sống và kinh nghiệm lịch sử. Đó là cái mà lớp người trẻ Việt Nam, ở trong nước hay đang sống ở đâu đó trên khắp Trái Đất, chưa có. Lớp người trẻ Việt Nam, dù là đang ở đâu, là những cánh tay và khối óc còn mơn mởn, là lớp người sẽ đứng lên xây dựng một nước Việt Nam tương lai, tự do, dân chủ, pháp trị, và nhân bản. Thiết tưởng lớp người lớn tuổi cần thiết phải nói với lớp người trẻ *bằng những chữ nghĩa giản dị, ngắn gọn, trực tiếp, và dễ hiểu*; như vậy, lớp người trẻ mới có thể tiếp nhận được, và kịp thời, tất cả kinh nghiệm mà lớp người lớn tuổi muốn để lại, trước khi trở về với cát bụi.

Viết hay nói là để thông tin một điều gì đó. Thông tin mà người đọc hay người nghe không hiểu thì giống như đưa một tờ giấy không có chữ.

Ông lạy ông bà lạy bà

TU DINH

Ở Sài Gòn trước năm 1975, có lẽ nhiều người còn nhớ, một số người ăn xin thường cất tiếng kêu xin như sau:

Ông lạy ông bà lạy bà xin Ông bà làm phước bối thí . . .

Lời nói là như vậy, vì lời nói không cho thấy cách chấm câu. Viết lại lời này, người ta cần thiết phải dùng cách chấm câu. Có thể có hai cách chấm câu, và cả hai đều đúng văn phạm.

1 *Ông lạy Ông! Bà lạy bà! Xin Ông Bà làm phước bối thí . . .*

2 *Ông, lạy Ông! Bà, lạy Bà! Xin Ông Bà làm phước bối thí . . .*

Giả sử những người ăn xin tại Sài Gòn cũng viết lời xin trên một tấm bảng, như các homeless ở Mỹ. Nếu lời xin được viết theo cách chấm câu 1, người ăn xin có lẽ sẽ không nhận được nhiều tiền: những người biết văn phạm có lẽ sẽ không cho tiền, vì ý nghĩa của Câu 1 là:

Ông hãy lạy Ông! Bà hãy lạy bà! Xin Ông Bà làm phước bối thí . . .

Ông, Bà (hai chữ trước) = nhân vật đại từ, chủ từ của động từ lay.

Nếu lời xin được viết theo cách chấm câu 2, người ăn xin sẽ nhận được nhiều tiền hơn, vì ý nghĩa đúng mà người ăn xin muốn nói với khách qua đường, bằng Câu 2, là:

Thưa Ông, con lạy Ông! Thưa Bà, con lạy Bà! Xin Ông Bà làm phước bối thí . . .

Câu này có hai chữ tinh lược:

Thưa = chữ đệm;

con = nhân vật đại từ, ngoài thứ nhất, chủ từ của động từ lay.

Tùy theo cách viết, cái khác nhau rất quan trọng, làm thay đổi hẳn ý nghĩa của Câu 1 và Câu 2, là chủ từ của động từ lạy:

Câu 1 ⇒ *Ông Bà hãy lạy nhau!*

Câu 2 ⇒ *Con lạy Ông Bà!*

Người Mỹ sanh ra có thể tự nhiên NÓI Tiếng Anh đúng văn phạm; Người Việt sanh ra có thể tự nhiên NÓI Tiếng Việt đúng văn phạm. Nhưng, Người Mỹ sanh ra không tự nhiên VIẾT Tiếng Anh đúng văn phạm, và chính xác; Người Việt sanh ra không tự nhiên VIẾT Tiếng Việt đúng văn phạm, và chính xác.

Tỷ lệ Hán Việt trong Tiếng Việt

VO CAO

Trong khi đếm chữ để tìm tỷ lệ Tiếng Hán Việt trong ngôn ngữ Việt Nam, chúng tôi đã không xem là Tiếng Hán Việt trong hai trường hợp sau đây:

- *Tiếng Hán đã được Việt hóa;*
- *những tiếng không thể nhận ra nguồn gốc Hán.*

Tác phẩm	Tác giả	Hán Việt/ Số chữ	Tỷ lệ %
Truyện thơ Chữ Nôm			
<i>Truyện Kiều</i>	Nguyễn Du	585/ 2,576	22.7
<i>Cung Oán Ngâm Khúc</i>	Nguyễn Gia Thiều	589/ 2,492	23.6
<i>Chinh Phụ Ngâm</i>	Đoàn Thị Điểm	653/ 2,585	22.8
<i>Lục Vân Tiên</i>	Nguyễn Đình Chiểu	<u>338/ 2,170</u>	<u>15.5</u>
		Trung bình	21
Thơ Chữ Nôm			
<i>Phòng không</i>	Tú Xương	0/ 56	0.0
<i>Năm mới chúc nhau</i>	"	2/ 140	1.4
<i>Quan tại gia</i>	"	0/ 56	0.0
<i>Tát nước</i>	Hồ Xuân Hương	0/ 56	0.0
<i>Vịnh cái giếng</i>	"	2/ 56	3.6
<i>Cảnh Quán Khánh</i>	"	0/ 56	0.0
<i>Thu điếu</i>	Nguyễn Khuyến	0/ 56	0.0
<i>Thu ẩm</i>	"	0/ 56	0.0
<i>Thu vịnh</i>	"	1/ 56	1.8
<i>Cảnh hoàng hôn</i>	Bà Huyện Thanh Quan	16/ 56	28.5
<i>Chùa Trấn Bắc</i>	"	8/ 56	14.2
<i>Chiều hôm nhớ nhà</i>	"	8/ 56	14.2
<i>Tự thuật</i>	Nguyễn Công Trứ	12/ 56	21.4
<i>Chí nam nhi</i>	"	16/ 65	24.6
<i>Cầm kỳ thi túu</i>	"	23/ 108	22.2
<i>Tổng vịnh Truyện Kiều</i>	Chu Mạnh Trinh	6/ 56	10.7
<i>Phong cảnh Hương Sơn</i>	"	19/ 137	13.8
<i>Vịnh Từ Hải</i>	"	<u>8/ 56</u>	<u>14.2</u>
		Trung bình	9
Nghiên cứu & biên khảo nửa đầu thế kỷ 20			
<i>Am chúng sinh</i>	Phan Kế Bính	174/ 689	25.2
<i>Cách lể phép của người mình</i>	Phạm Quỳnh	84/ 364	23.0
<i>Tư tưởng Lão Trang</i>			
<i>trong những bài hát nói</i>	Nguyễn Văn Ngọc	<u>82/ 327</u>	<u>25.0</u>
		Trung bình	24

Nghiên cứu & biên khảo nửa đầu thế kỷ 20

<i>Am chúng sinh</i>	Phan Kế Bính	174/ 689	25.2
<i>Cách lể phép của người mình</i>	Phạm Quỳnh	84/ 364	23.0
<i>Tư tưởng Lão Trang</i>			
<i>trong những bài hát nói</i>	Nguyễn Văn Ngọc	<u>82/ 327</u>	<u>25.0</u>

Truyện đầu thế kỷ 10

<i>Trên bãi bể Đồ Sơn</i>	Hoàng Ngọc Phách	39/ 385	10.1
<i>Phong cảnh Cửa Cạn ở Phú Quốc</i>	Đông Hồ	102/ 568	17.9
<i>Câu chuyện thương tâm</i>	Phạm Duy Tốn	<u>29/ 395</u>	<u>7.5</u>
		Trung bình	12

Thơ tiền chiến (trước 1945)

<i>Giây phút chạnh lòng</i>	Thế Lữ	62/ 392	15.8
<i>Bên sông đưa khách</i>	"	36/ 168	21.4
<i>Tiếng sáo Thiên Thai</i>	"	24/ 126	19.0
<i>Lời kỵ nữ</i>	Xuân Diệu	52/ 248	20.9
<i>Tương tư, chiều...</i>	"	20/ 184	10.8
<i>Buồn trăng</i>	"	21/ 112	18.7
<i>Tình tự</i>	Huy Cận	35/ 184	19.0
<i>Tràng giang</i>	"	16/ 112	14.2
<i>Vạn lý tình</i>	"	14/ 84	16.6
<i>Họ cưới nhau</i>	Tú Mỡ	49/ 230	21.3
<i>Lý Toét đặt tên con</i>	"	21/ 224	9.3
<i>Đốc gì?</i>	"	26/ 112	23.2
<i>Màu tím hoa sim</i>	Hữu Loan	<u>30/ 279</u>	<u>10.7</u>
		Trung bình	17

Ca dao

<i>Đêm năm canh năm vợ ngồi hầu</i>		0/ 57	0.0
<i>Trên trời có đám mây xanh</i>		2/ 56	3.5
<i>Cái quạt mươi tám cái nang</i>		0/ 56	0.0
<i>Hôm kia anh đến chơi nhà</i>		1/ 56	1.7
<i>Thuyền đã đến bến anh ơi</i>		1/ 63	1.5
<i>Hôm qua tát nước đầu đình</i>		<u>2/ 112</u>	<u>1.7</u>
		Trung bình	1

Truyện nửa đầu thế kỷ 20

<i>Thế rồi một buổi chiều</i>	Nhất Linh	167/ 1190	14.0
<i>Anh phải sống</i>	Khái Hưng	40/ 498	8.0
<i>Gió lạnh đầu mùa</i>	Thạch Lam	55/ 1366	4.0
<i>Đoạn tình</i>	Hồ Biểu Chánh	<u>41/ 928</u>	<u>4.4</u>
		Trung bình	8

Truyện nửa sau thế kỷ 20

<i>Chiều mênh mông</i>	Nguyễn Thị Thụy Vũ	151/ 1,527	9.8
<i>Mưa không ướt đất</i>	Trùng Dương	141/ 1,601	8.8
<i>Ba con cáo</i>	Bình Nguyên Lộc	125/ 1,641	7.6
<i>Nhớ làng</i>	Võ Phiến	<u>202/ 1,724</u>	<u>11.7</u>
		Trung bình	9

Thơ nửa sau thế kỷ 20

<i>Thi sĩ</i>	Tô Thùy Yên	38/ 189	20.1
<i>Thân phận của thi sĩ</i>	"	42/ 200	21.0
<i>Chiều trên phá Tam Giang</i>	"	147/ 717	20.5
<i>Ngày sanh của rắn</i> (bài iv)	Phạm Công Thiện	12/ 212	5.6
" (bài x)	"	12/ 140	8.5
" (bài xii)	"	22/ 150	14.6
<i>Khúc buồn tình</i>	Nguyễn Tất Nhiên	2/ 164	1.2
<i>Hai năm tình lận đận</i>	"	12/ 190	6.3
<i>Ma soeur</i>	=	14/ 115	12.1
<i>Tôi sống mãi</i>	Nguyễn Chí Thiện	41/ 316	12.9
<i>Tình cảm</i>	"	16/ 271	5.9
<i>Trái tim tôi</i>	"	<u>22/ 245</u>	<u>8.9</u>
		Trung bình	11

Nghiên cứu & biên khảo nửa sau thế kỷ 20

<i>Nguyễn Du, đại thi hào dân tộc</i>	Phạm Công Thiện	185/ 860	21.5
<i>Đọc bản thảo của Nhất Linh</i>	Võ Phiến	124/ 594	20.8
<i>Để trả Nhất Linh Nguyễn Tường Tam</i>			
<i>về cho lịch sử</i>	Trần Thanh Hiệp	335/ 1213	27.6
<i>Phát triển quốc gia</i>			
<i>và quản lý môi trường</i>	Mai Thanh Truyết	325/ 805	40.3
<i>Phân biệt ngữ, ngôn, và ngôn ngữ</i>	Dương Đức Nhự	<u>275/ 696</u>	<u>39.5</u>
		Trung bình	30

Báo chí đầu thế kỷ 21

<i>•Người Việt, California, 10/03/2002</i>			
<i>Giá dầu sưởi ấm sẽ tăng quan trọng</i>			
<i>vào Mùa Đông này</i> (tin tức)		50/ 242	20.6
<i>Bình luận</i>			
<i>Các nước nghèo cần cải tổ chính trị</i>	Ngô Nhân Dụng	208/ 598	34.7
<i>•Viễn Đông, California, 09/26/2002</i>			
<i>Đài Loan mở cửa cho các tổ chức</i>			
<i>giao dịch với Trung Quốc</i> (tin tức)		79/ 230	34.3
<i>Bình luận</i>			
<i>Vinh nhục kiếp người</i>	Vĩnh Phúc	180/ 624	28.8
<i>•Việt Báo, California, 10/19/2002</i>			
<i>Hãng Yamaha đóng cửa các xưởng</i>			
<i>ráp xe gắn máy ở VN</i> (tin tức)		105/ 350	30.0
<i>Bình luận</i>			
<i>Ác luyện nguyên tử công</i>	Nguyễn Viết Khánh	<u>304/ 1224</u>	<u>24.8</u>
		Trung bình	29

Bảng tóm tắt
Tỷ lệ Hán Việt trong ngôn ngữ Việt Nam

		%	1 Hán Việt/ số chữ
1	Truyện thơ Chữ Nôm	21	1/ 5
2	Thơ Chữ Nôm	9	1/ 11
3	Nghiên cứu & biên khảo nửa đầu thế kỷ 20	24	1/ 4
4	Truyện đầu thế kỷ 20	12	1/ 8
5	Thơ tiền chiến – nửa đầu thế kỷ 20	17	1/ 6
6	Ca dao	1	1/ 100
7	Truyện nửa đầu thế kỷ 20	8	1/ 13
8	Truyện nửa sau thế kỷ 20	9	1/ 11
9	Thơ nửa sau thế kỷ 20	11	1/ 9
10	Nghiên cứu & biên khảo nửa sau thế kỷ 20	30	1/ 3
11	Báo chí đầu thế kỷ 21	29	1/ 3

Mùa Đông 2002

Phân biệt

Chữ Hán Việt và Chữ Việt thuần

VO CAO

Lớp người lớn tuổi, với vốn Hán Việt có sẵn, có thể nhận ra ngay các Chữ Hán Việt trong ngôn ngữ Việt Nam. Tuy nhiên, lớp người trẻ, mà vốn Hán Việt gần như không có gì, thường không thể phân biệt Chữ Hán Việt với Chữ Việt thuần.

Bài này có mục đích giúp lớp người trẻ phân biệt Chữ Hán Việt với Chữ Việt thuần.

Cách thứ 1

Cách dễ dàng nhất, và chính xác nhất để nhận ra Chữ Hán Việt, là dùng một tự điển Hán Việt, chẳng hạn như *Hán Việt tự điển* của Đào Duy Anh. Chữ nào có mặt trong tự điển Hán Việt, đó là Chữ Hán Việt; chữ nào không có mặt, đó là Chữ Việt thuần.

Ví dụ

Để biết chữ **mộc** có phải là Chữ Hán Việt không, tra tự điển Hán Việt ở chữ cái M, vẫn MÔ. Nếu tìm thấy chữ MỘC thì đó là Chữ Hán Việt; nếu không tìm thấy chữ MỘC thì đó là Chữ Việt thuần.

Cách thứ 2

Trước hết, lưu ý rằng Chữ Hán Việt không bao giờ có mặt trong câu Tiếng Việt dưới hình thức *chữ chiếc*, mà chỉ có mặt dưới hình thức *chữ ghép* (chữ đôi, ba, bốn . . .).

Ví dụ

Các *chữ chiếc* Hán Việt **mộc** (cây), **thảo** (cỏ), **tinh** (saô) không bao giờ có mặt trong câu Tiếng Việt.

Người Việt không nói

Rừng nầy có nhiều **mộc**.

Con ngựa đang ăn **thảo**.

Bầu trời đêm nay có nhiều **tinh**.

Người Việt nói

Rừng nầy có nhiều cây.

Con ngựa đang ăn cỏ.

Bầu trời đêm nay có nhiều sao.

Người Việt có thể nói

Rừng nầy có nhiều *danh mộc* (cây quý).

Bầy ngựa chạy ngang qua *thảo nguyên* (đồng cỏ).

Bầu trời đêm nay có nhiều *tinh tú* (chòm sao).

Ngoại lệ, người ta có thể thấy *chữ chiết* Hán Việt có mặt trong hai trường hợp:

- **thành ngữ**

của thiên trả địa	(của trời trả đất)
vào sanh ra tử	(vào sống ■ chết)
bán sống bán chết	(nửa sống nửa chết)
- **chữ đôi pha trộn Hán và Việt**

nông cạn	nông, Hán Việt, có nghĩa là <i>cạn</i> ;
sợ hãi	<i>hãi</i> , Hán Việt, có nghĩa là <i>sợ</i> ;
đường lô	<i>lô</i> , Hán Việt, có nghĩa là <i>đường</i> ;
nàng tiên	<i>tiên</i> là Hán Việt, và <i>nàng</i> là Chữ Việt;
quán rượu	<i>quán</i> là Hán Việt, và <i>rượu</i> là Chữ Việt.

Chữ chiết Hán Việt trong các thành ngữ, hay trong các chữ đôi pha trộn, là những Chữ Hán đã được Việt hóa; trong trường hợp này, người ta coi đó là Chữ Việt. Có một số chữ chiết Hán Việt có mặt trong câu Tiếng Việt; tuy nhiên, đó là những Chữ Hán đã được Việt hóa, và được coi như Tiếng Việt, ví dụ, *vạn*, *ức*, *triệu*, *đông*, *tây*, *nam*, *bắc*, *xuân*, *hạ*, *thu*, *đông* . . .

Có thể nói bất kỳ *chữ chiết* nào trong một câu Tiếng Việt đều là Chữ Việt, hoặc là Chữ Việt thuần, hoặc là Chữ Việt từ Tiếng Hán đã được Việt hóa. Như vậy, vấn đề phân biệt Chữ Hán Việt với Chữ Việt chỉ đặt ■ cho các *chữ ghép* mà thôi. Trường hợp nhận ra có một *chữ chiết* trong *chữ ghép* là Chữ Hán Việt, và nếu biết *chữ ghép* ấy không phải là *chữ pha trộn* Hán và Việt, có thể kết luận đó là một Chữ Hán Việt.

Nói chung, Chữ Việt thuần rất nghèo nàn. Nếu không có Chữ Hán Việt và Chữ Hán được Việt hóa, ngôn ngữ Việt Nam không đủ dùng. Một số đáng kể Chữ Hán đã được Việt hóa từ lâu đời; đến nay, trừ những nhà ngôn ngữ học và một số rất ít những người thông thạo Chữ Hán, dân gian Việt Nam không thể nhận ra nhiều Chữ Việt có nguồn gốc từ Chữ Hán.

Tóm lại, cách tốt nhất và chính xác nhất để nhận ra một *chữ chiết* hay *chữ ghép* có phải là Chữ Hán Việt hay không, là: *tra tự điển Hán Việt*.

cao niên, cao niên, và cao niên

TU DINH

Tiếng Việt rất nghèo nàn, nhứt là nghèo về chữ nghĩa dùng cho các ý niệm trừu tượng. Ngôn ngữ Việt Nam không đủ dùng, nếu không có Tiếng Hán Việt. Theo thống kê của chúng tôi trong quyển *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam* – bản in lần 2, California, Mùa Hè 2003 – tỷ lệ Hán Việt trong Tiếng Việt là:

- từ 20% đến 30%, nếu không kể Tiếng Hán Việt đã được Việt hóa;
- có thể lên đến 50%, nếu kể luôn Tiếng Hán Việt đã được Việt hóa.

Đáng lý, Người Việt phải biết quý và giữ gìn vốn liếng chữ nghĩa của cha ông để lại. Đó là chưa nói phải mỗi ngày mỗi làm giàu Tiếng Việt, để theo thời gian, đưa Tiếng Việt thoát khỏi cảnh lệ thuộc nặng nề vào chữ nghĩa của Tàu.

Trên báo chí hiện nay, tại Mỹ cũng như trong nước, người ta thấy Người Việt đã làm ngược lại. Rất nhiều trường hợp có Tiếng Việt cùng nghĩa với Tiếng Hán Việt, lớp người có học không chịu dùng Tiếng Việt, mà thích dùng Tiếng Hán Việt. Chúng tôi đã viết nhiều về việc này trong quyển *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*. Việc thích dùng Hán Việt ngày nay đã trở thành một chứng bệnh của lớp người có học,

bịnh chê tiếng mẹ đẻ.

Một ví dụ nhỏ.

Trên báo, ngày nào người ta cũng thấy chữ **cao niên**, **cao niên** . . . và **cao niên** . . . Gọi người lớn tuổi là **người già**, có gì xấu hổ hay quê mùa? Gọi là người **cao niên**, có gì đáng hảnh diện hay tỏ ra báu học? Có thể nói, thời gian gần đây, chữ **già**, là tiếng mẹ đẻ, đã bị lớp người có học liệng vào thùng rác, để thay bằng Tiếng Hán Việt, là chữ **cao niên**. Chữ **già**, và rất nhiều Chữ Việt thuần khác nữa, đang chết trên sách báo.

Trong một bài thơ Chữ Nôm, nhà thơ Nguyễn Khuyến viết,

Tuổi già hụt lệ như sương . . .

Nguyễn Khuyến đã không viết,

Cao niên hụt lệ như sương . . .

Trong ba kỳ thi Hán học, Nguyễn Khuyến, bút hiệu là Yên Đỗ, đỗ đầu cả ba, và được người thời đó gọi là Tam Nguyên Yên Đỗ. Vậy mà thơ của ông, thường chỉ có cái tựa là Tiếng Hán Việt, còn toàn bài thơ chỉ dùng Tiếng Việt. Tỷ lệ Hán Việt trong Tiếng Việt, ở trước, cho thấy tỷ lệ Hán Việt trong thơ Nguyễn Khuyến, là 0%, tương đương với ca dao. Đặc biệt, Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương, và Tú Xương, những người tinh thông Hán học, là ba nhà thơ Chữ Nôm nổi tiếng, rất ít dùng Tiếng Hán Việt.

Ngày 11/04/2003, người ta đọc thấy trên *Việt Báo Online* câu sau đây:

“Biểu tình tạ kháng trước tiền dinh Quốc Hội Hoa Kỳ . . .”

Câu này có thể được viết bằng Tiếng Việt, nói theo học trò, là “dễ như ăn cơm,”

“Biểu tình ngồi chống trước tòa nhà Quốc Hội Hoa Kỳ . . .” hoặc,

“Biểu tình chống đối bằng cách ngồi trước tòa nhà Quốc Hội Hoa Kỳ . . .”

Thỉnh thoảng, người ta có thể đọc thấy những câu đại khái như sau, trên báo:

Nhận được hỉ tín, Giáo Sư Trần Văn X. vừa cử hành lễ thương thọ bát tuần cho thân phụ tại tư thất . . .

Có thể viết:

Nhận được tin vui, Giáo Sư Trần Văn X. vừa làm lễ mừng tám mươi tuổi cho người cha tại nhà riêng . . .

Trong tiểu thuyết tiền chiến, các nhà văn có tả cảnh những đứa con chối bỏ cha mẹ mình trước đám đông. Nếu người cha là một ông già ở ngoài Bắc, thì mặc chiếc áo the thảm, cái ô cắp nách; nếu là một ông già ở trong Nam, thì mặc cái áo bà ba, khăn rồng quấn trên đầu. Cả hai ông già đều mặt mày sạm đen vì cháy nắng, và bàn tay sần sùi chai cứng, bởi nhiều năm tháng dầm mưa dài nắng ngoài đồng ruộng để lo cho con ăn học. Mấy ông già này đâu ngờ rằng, sau khi được ăn học, chúng liền trở thành những đứa con mất dạy, tỏ ra ngượng nghẹn và chối bỏ cha mẹ mình trước đám đông, chỉ vì cảm thấy “xấu hổ” đã có những người cha “quê mùa” như thế.

Hãy nhìn cảnh cha mẹ sống vì con, dưới ngòi bút của Nam Cao:

Ấy thế là một lúc sau, mẹ tôi dành cởi ruột tượng đưa cho tôi đồng bạc để đi xe, rồi buồn bã xách cái thúng không ra về. Nghĩ đến cái luyến tiếc trên đầu những ngón tay run run của mẹ tôi khi đưa cho tôi cái giấy bạc gấp làm từ, tiếng thở dài và vẻ mặt thở thẩn của người khi bước ra về, và tưởng tượng đến bước chân vương vương, đến cái bóng dáng lùi thuỷ của người, đi bộ trên con đường dài tràn nắng bụi, tôi thấy lòng nặng trĩu và sầm tối lại . . .

Lớp người có học đang đối xử với tiếng mẹ đẻ hiện nay, cũng giống như những đứa con chối bỏ cha mẹ. Miệng thì nói nào là bảo tồn văn hóa, nào là bảo vệ truyền thống dân tộc, nào là Tiếng Việt mến yêu . . . tay thì tiếp tục liệng chữ nghĩa của cha ông vào thùng rác, để thay bằng Tiếng Hán Việt.

Lãnh thổ là thân xác; văn hóa và truyền thống là linh hồn của một dân tộc. Bảo vệ bờ cõi mà không bảo vệ linh hồn, rồi có thể một ngày kia, Người Việt không còn là một dân tộc, mà chỉ là phó sản của một dân tộc khác.

Tiếng Việt kém chính xác vì cách gọi theo bà con họ hàng

VO CAO & TU DINH

Trong quyển *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*, chúng tôi đã cho thấy Tiếng Việt kém chính xác vì các lý do sau đây:

- *thể tĩnh lược;*
- *không biến dạng;*
- *cách gọi theo bà con họ hàng.*

Dưới đây, thêm một ví dụ về tính chất kém chính xác của Tiếng Việt vì cách gọi theo bà con họ hàng, như một phong tục đặc biệt của Người Việt.

Xét câu thơ

*Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn em đó lọ câu chị đây.
Nguyễn Du*

Câu thơ trên có thể được hiểu theo 3 cách khác nhau. Trước hết, đại từ *em* phải được hiểu là *em gái*, chỉ Thúy Vân, và *chị* ở đây chỉ Thúy Kiều.

(1) Thúy Kiều (ngôi thứ 1) nói với Thúy Vân (ngôi thứ 2)

em = cô, nhân vật đại từ, ngôi thứ 2, chỉ người đang nghe;
chị = tôi, nhân vật đại từ, ngôi thứ 1, chỉ người đang nói.

*Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn cô đó lọ câu tôi đây.*

(2) Thúy Kiều (ngôi thứ 1) nói với Kim Trọng (ngôi thứ 2) về Thúy Vân và mình (ngôi thứ 3)

em = cô ấy, nhân vật đại từ, ngôi thứ 3, chỉ Thúy Vân;
chị = tôi, nhân vật đại từ, ngôi thứ 3, dùng như ngôi thứ 1, chỉ Thúy Kiều.

*Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn cô ấy đó lọ câu tôi đây.*

Vì lúc này Thúy Vân đã là vợ của Kim Trọng, nên Thúy Kiều gọi mình là chị của Kim Trọng. Nói về mình như ngôi thứ 3 là một cách nói tỏ ra vừa khách quan vừa lịch sự. Trước mặt mọi người trong nhà, lời nói của Thúy Kiều có thể hiểu là nói với Thúy Vân (cách hiểu thứ 1), mà cũng có thể hiểu là nói với Kim Trọng (cách hiểu thứ 2).

(3) Nhà thơ Nguyễn Du (ngôi thứ 1) nói với người đọc (ngôi thứ 2) về Thúy Vân và Thúy Kiều

em = *người em gái*, danh từ, chỉ Thúy Vân;

chị = *người chị*, danh từ, chỉ Thúy Kiều.

Cửa nhà dù tính về sau,

Thì còn [có] người em gái đó lọ cầu người chị đây.

Trong trường hợp thứ 3 này, **em** (người em gái), và **chị** (người chị) không phải là các *nhân vật đại từ*, mà là các *danh từ*, là *túc từ* của hai động từ *có* (tính lược), và *cầu*.

Phần đông người đọc hiểu câu thơ trên theo cách thứ (1); tuy nhiên, theo luận lý văn phạm, câu thơ trên cũng có thể được hiểu theo cách (2) và cách (3).

Tính chất kém chính xác của Tiếng Việt thường tạo **n** bởi một, hoặc hai, hoặc cả ba yếu tố nêu ra ở trên cùng một lúc (*thể tinh lược, không biến dạng, và cách gọi theo bà con họ hàng*).

Trong lời nói, khi mặt giáp mặt, *cách gọi theo bà con họ hàng* thường không gây ra hiểu lầm hoặc hiểu sai. Trong văn chương, khi tính chất chính xác là cần thiết, người viết cần phải nói rõ hơn khi dùng *cách gọi theo bà con họ hàng*, nếu không dùng cách gọi thông thường và đầy đủ lịch sự như Âu Mỹ, và phải loại bỏ hoàn toàn *thể tinh lược*.

Trong thể văn nghệ thuật, tính chất kém chính xác của Tiếng Việt không có tầm quan trọng. Trong thể văn thông tin (sách giáo khoa, tài liệu nghiên cứu, văn kiện pháp luật, báo chí . . .), tính chất chính xác của ngôn ngữ là cần thiết và vô cùng quan trọng: một câu văn không thể được hiểu nhiều hơn một nghĩa. Đặc biệt, với *cấu trúc câu* của Tiếng Việt rất uyển chuyển*, người ta có rất nhiều cách để viết một câu chính xác khi cần. Các sách giáo khoa viết bằng Tiếng Việt trong nửa sau thế kỷ 20 đã chứng tỏ Tiếng Việt có khả năng diễn tả chính xác trong các ngành khoa học.

* Tu Dinh & Vo Cao. *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*. California: SEACAEF, 2003.

Vài điểm khác nhau giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Tàu

VO CAO & TU DINH

1**Cấu trúc của ngôn ngữ**

Cấu trúc của Tiếng Việt ngược lại với cấu trúc của Tiếng Tàu.

▪ cấu trúc của Tiếng Việt	⇒	chữ chính	+	chữ phụ
		mây		trắng
		cha		nuôi
		tàu		ngầm
▪ cấu trúc của Tiếng Tàu	⇒	chữ phụ	+	chữ chính
		bạch		vân
		duồng		phụ
		tiềm thủy		dĩnh

Có thể nói, cấu trúc của Tiếng Việt giống cấu trúc của Tiếng Pháp, và cấu trúc của Tiếng Tàu giống cấu trúc của Tiếng Anh.

Người Nhựt phát triển khoa học và kỹ thuật trước Người Tàu, và do đó, Người Tàu đã mượn nhiều chữ nghĩa của Nhựt, rồi Người Việt mượn lại của Tàu. Chẳng hạn, các hạng từ *nguyên tử*, *nguyên tử lực*, *nguyên tử năng* . . . là của Nhựt.

Tuy ở giáp ranh giới với Tàu, và mượn chữ của Tàu, cấu trúc của ngôn ngữ Việt Nam khác hẳn cấu trúc của ngôn ngữ Tàu.

2**Cách gọi nhau**

Người Tàu gọi nhau bằng các nhân vật đại từ giống như Người Anh gọi nhau:

	Người Tàu gọi nhau		Người Anh gọi nhau
Ngôi thứ nhất	ngā	(tôi/ ta)	I
Ngôi thứ hai	nē	(ông/ bà/ mầy)	You
Ngôi thứ ba	tha	(ông ấy/ bà ấy/ nó)	He/ She

Người Việt dùng cách gọi theo bà con họ hàng. Nghĩa là, đối với bất cứ ai, đã quen thân hay mới gặp lần đầu, tùy tuổi tác, Người Việt dùng cách gọi như trong gia đình:

đáng ông bà, gọi *ông bà*; đáng chú bác, gọi *chú bác*; đáng cô dì, gọi *cô dì*; đáng anh chị, gọi *anh chị*; đáng em gọi *em*; đáng con cháu, gọi *con cháu* . . .

Sau khi chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, Người Việt dùng thêm cách gọi ngắn gọn và đầy đủ lịch sự theo kiểu Âu Mỹ. Đối với những người có địa vị xã hội, Người Việt thường dùng cách gọi theo Âu Mỹ, với ý nghĩa tôn trọng đặc biệt. Chẳng hạn, trước mặt một cô gái chưa chồng, nhưng có địa vị xã hội, Người Việt không gọi bằng *Cô*, mà gọi bằng *Bà*; trước mặt một thanh niên chưa vợ, nhưng có địa vị xã hội, Người Việt không gọi bằng *Anh* hay *Cậu*, mà gọi bằng *Ông*.

Trừ các trường hợp đặc biệt kể trên, cách gọi theo bà con họ hàng khi nói chuyện với nhau là cách gọi thông thường và phổ biến nhất trong dân gian Việt Nam.

Đặc biệt, khi gọi nhau, Người Tàu kéo mình xuống thấp, và nâng người lên cao.

Ví dụ

Gọi mình

tè xá

(nhà rách nát/ my humble house)

bí nhân

(người hèn mọn/ my humble person)

tè quốc

(nước nghèo nàn/ my poor country)

hạ quan

(quan thấp/ lower-ranking officer)

thiểm chức

(chức vụ xoàng/ my unworthy title)

ngu ý

(ý kiến ngu muội/ my humble opinion)

ngu đê

(dứa em ngu muội/your stupid little brother)

Gọi người

quý thất

(nhà sang trọng/ your noble house)

quý khách

(khách sang trọng/ distinguished guest)

quý quốc

(nước giàu sang/ your noble country)

thượng quan

(quan trên/ higher-ranking officer)

đại nhân

(người cao quý/ Your Excellency)

cao kiến

(ý nghĩ cao xa/ profound opinion)

hiền huynh

(người anh khôn ngoan/ my wise brother)

Cách gọi theo bà con họ hàng của Người Việt chỉ có ý nghĩa phân biệt tuổi tác, và không có ý nghĩa kéo mình xuống thấp và đưa người lên cao, như cách gọi của Tàu. Cách gọi nhau của Người Việt có tính chất quan và ngang hàng.

Ví dụ

Người Việt nói

Bác đến chơi đây, ta với ta . . .

Nguyễn Khuyến

Dãy đông thì **dãy** bên tây

Dãy chưa có vợ, **dãy** nay chưa chồng.

Ca dao

Quê hương tôi nghèo lắm, ai ơi!

Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn.

Phạm Đình Chương

Kia ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi!

Thạch Lam

Người ta di cấy lấy công

Tôi nay di cấy còn trông nhiều bê.

Ca dao

Rượu hỏng em uống cho say

Vui cùng chị một vài giây cuối cùng.

Nguyễn Bính

Anh đi theo Chúa Tây Sơn

Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

Ca dao

Ví dụ trong lời nói thường ngày:

Ý kiến của Ông là . . . còn ý kiến của tôi là . . .

Cái nhà của tôi chỉ có ba phòng ngủ, còn cái nhà của Anh có bốn phòng ngủ.

Mong Ông Giám Đốc xét cái đơn của tôi.

Với tư cách Trưởng Phái Đoàn thay mặt nước Việt Nam Cộng Hòa, tôi xin được chuyển đến Tổng Thống nước Cộng Hòa Pháp . . .

Nói tóm lại, Người Việt dùng cách gọi ngang hàng và lịch sự, nhưng không kéo mình xuống thấp và nâng người lên cao, như phong tục Tàu.

3

Thơ Việt và thơ Tàu

Thơ Việt và thơ Tàu khác **hẳn** nhau ở cách gieo vần. Do đó, chỉ cần xem cách gieo vần, người ta có thể nhận ra đó là thơ Việt thuần, hay thơ bắt chước theo Tàu.

VÂN TRONG THƠ TÀU

Thơ Tàu chỉ có **vần cuối** (cúc vận).

Thơ bốn chữ (ca dao Tàu)

*Quan quan thư cưu
Tai hà chi chau
Yểu điệu thực nữ
Quân tử hảo cau.*
Kinh Thi

Thơ năm chữ (ngũ ngôn)

*Tinh dạ tử
Sàng tiền minh nguyệt quang
Nghi thị địa thương sương
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương*
Lý Bạch

Thơ bảy chữ (thất ngôn)

*Phong kiều dạ bạc
Nguyệt lạc ô đê sương mân
Giang phong ngư hỏa đối sâu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*
Trương Kế

VÂN TRONG THƠ VIỆT

Thơ Việt thuần – lục bát và song thất
lục bát – có cả **vần cuối** và **vần lưng** (yêu vận).

Thơ lục bát

*Cái cò là cái cò quăm
Mày hay đánh vợ mày nầm với ai?
Có đánh thì đánh ban mai
Chớ đánh chập tối chẳng ai cho nầm.
Ca dao*

Thơ song thất lục bát

*Giếng Ngọc Hà vừa trong vừa mát
Vườn Ngọc Hà thơm ngọt gần xa
Hỏi người xách nước tươi hoa:
Có cho ai được vào rã chốn này?
Ca dao*

4

Trọng nam khinh nữ

Trọng nam khinh nữ là phong tục của Tàu; đó không phải là phong tục của Việt Nam. Theo phong tục Tàu, người vợ phải gọi nâng người chồng bằng các tên gọi như *lão gia* (người già/ my old husband), *tương công* (người lãnh đạo/ my leader), hoặc ít nhất cũng là *phu quân* (người chồng/ my husband); người chồng kéo thấp người vợ xuống bằng các tên gọi như *tiện nội* (người vợ hèn hạ/ my humble wife), *ngu phụ* (người vợ ngu muội/ my stupid wife), *chuyết khinh* (người vợ vụng về/ awkward wife).

Bởi không có đầu óc trọng nam khinh nữ, Người Việt nâng người vợ lên bằng cách đổi tên gọi *tiện nội* thành *hiền nội* (người vợ khôn ngoan/ my wise wife), hoặc *hiền thê*. Ngoài hai đại từ *anh* và *còn* để vợ chồng gọi nhau, đặc biệt, ngôn ngữ Việt Nam còn có hai đại từ *mình* và *nhà tôi*, dùng chung cho cả vợ lẫn chồng. Các tên gọi dùng để chỉ người vợ trong ngôn ngữ Việt Nam cho thấy tầm quan trọng của người đàn bà trong gia đình.

Tiếng Hán Việt gọi *Hội phụ huynh học sinh*. Người Việt không dịch là *Hội cha anh học trò*, mà dịch là *Hội cha mẹ học trò*. Trong xã hội Việt Nam, khi người mẹ còn sống, người mẹ cùng người cha ngang hàng với nhau để thay mặt gia đình, không phải người cha và người con trai lớn. Xã hội Tàu phủ nhận vai trò của người mẹ, nhưng xã hội Việt Nam thì không.

Ngôn ngữ Việt Nam cho thấy dân gian Việt Nam coi người vợ và người chồng ngang hàng với nhau; người mẹ và người cha ngang hàng với nhau.

Chỉ có một số rất ít Người Việt, như vua quan, sĩ phu, và những người trưởng giả, có đầu óc trọng nam khinh nữ, vì chịu ảnh hưởng văn hóa Tàu, nhưng dân gian Việt Nam thì không, hoàn toàn không có đầu óc trọng nam khinh nữ. Ca dao Việt Nam cho thấy rõ điều này.

*Ba đồng một mớ dàn ông
Đem bỏ vào lồng cho kiến nó tha
Ba trăm một mụ dàn bà
Đem về mà trải chiếu hoa cho ngồi.
Ca dao*

*Bao nhiêu giá một ông chồng
Thì em cũng bỏ đủ đồng ra mua.
Ca dao*

*Gái chính chuyên lấy được chín chồng
Về viên bồ lợ gánh gồng đi chơi
Không may quang đứt lợ rơi
Bò ra lỗm ngổm chín nơi chín chồng.*
Ca dao

Chẳng những không trọng nam khinh nữ, đàn ông con trai Việt Nam còn phải biết chiều chuộng và nịnh đàn bà con gái.

*Lỗ mũi em mươi tám gánh lông
Chồng yêu chồng bảo râu rồng Trời cho.*
Ca dao

*Cô kia gánh cỏ đường vòng
Vai anh không gánh nhưng lòng anh đau.*
Ca dao

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa thì rửa chân tay
Đừng rửa chân mà chết cá ao anh.*
Ca dao

*Hôm kia anh đến chơi nhà
Thấy mẹ nằm võng thấy cha nằm giường
Thấy em nằm đất anh thương
Anh ra kê chợ đóng giường tám thang
Bốn góc thì anh thép vàng
Bốn chân thép bạc tám thang chạm rồng
Bây giờ phải bỏ giường không
Em di lấy chồng phí cả công anh.*
Ca dao

Vậy mà, nhiều trường hợp, người vợ Việt Nam còn lấn lướt người chồng một cách quá đáng. Có lẽ chỉ có ngôn ngữ Việt Nam mới có các hạng từ *sợ vợ, thờ bà, râu quắp*... nhưng không có các hạng từ ngược lại, như *sợ chồng, thờ ông*...

Trọng nam khinh nữ của Tàu dẫn đến hủ tục *thủ tiết* (chồng chết sớm thì vợ phải ở vây “thờ chồng” suốt đời). Người vợ được coi như một vật sở hữu của người chồng, như cái nhà, cái cày, con trâu . . . Đó là tính chất vô nhân của hủ tục thủ tiết.

Hủ tục thủ tiết của Tàu chỉ có ảnh hưởng đối với một số rất ít Người Việt. Đó là vua quan, sĩ phu, và những người trưởng giả. Dân gian Việt Nam chống lại hủ tục này.

Hỡi thằng cu bé! Hỡi thằng cu lớn!
Cu tí cu tí cu tí oi!
Con dậy con ăn con ở với ông
Để mẹ đi lấy chồng kiếm lấy em con.
 Ca dao

Giàu thì thịt cá cơm canh
Khó thì lương rau đĩa muối cúng anh, tôi đi lấy chồng.
Hỡi anh chồng cũ của tôi oi!
Anh có khôn thiêng, thì xin anh trở dậy ăn xôi nghe kèn.
Thôi anh đã về nghiệp ấy, xin anh đừng ghen
Để cho người khác cầm quyền thê nhi.
Miệng em khóc, tay em bế ẵm cái ông thần vì
Tay em gạt nước mắt, tay em thì tháp nén nhang.
Bởi vì đâu mà nên nỗi muôn vàn.
 Ca dao

Đầu óc trọng nam khinh nữ vẫn được lưu truyền trong dân tộc Tàu từ ngàn xưa cho đến hôm nay, đầu thế kỷ 21. Tin tức trên báo chí Tiếng Việt tại Mỹ cho thấy, ngày nay, tại nhiều nơi ở Tàu, người dân giiết các đứa trẻ còn trong bụng mẹ, nếu họ biết đó là con gái. Việc này dẫn đến nạn khan hiếm đàn bà con gái rất trầm trọng. Vài nơi bên Tàu, ngoài việc họ hàng lấy nhau, thậm chí anh em ruột cũng lấy nhau. Tin báo chí ở Việt Nam cho biết, nhiều cô gái Việt Nam bị bán sang Tàu, đã phải làm vợ nhiều người đàn ông trong cùng một gia đình.

Việt Nam không phải là một dân tộc trọng nam khinh nữ, nên không xảy ra cảnh cha mẹ giiết chết các bé gái còn trong bụng mẹ. Do đó, ở Việt Nam có tình trạng trai thiếu gái thừa, nhứt là trong thời kỳ chiến tranh. Tuy nhiên, dựa vào lý do kiêm hãm đà tăng dân số, chế độ cộng sản hiện nay khuyến khích và cho phá thai tự do. Mỗi năm có hàng trăm ngàn đứa trẻ bị giiết từ bụng mẹ. Giiết một người lớn đã là một tội ác; giiết những đứa trẻ còn trong bụng mẹ, chưa thể cất tiếng nói phản kháng, là một việc làm man rợ. Cộng sản coi việc này như một việc bình thường hằng ngày. Cuối cùng, hành động giiết trẻ con trong bụng mẹ sẽ dẫn đến thảm họa như sau:

Người man rợ lâu ngày không còn nhận ra mình là man rợ.

Có thể trong tương lai, Người Tàu không còn đâu óc trọng nam khinh nữ nữa, nhưng chữ viết của họ vẫn còn lưu lại dấu vết trọng nam khinh nữ trong văn hóa của họ. Trừ vài ba chữ ngoại lệ, những Chữ Hán được viết với bộ *nữ* (đàn bà con gái) thường mang ý nghĩa xấu.

Sau đây là ví dụ về những chữ, được viết với bộ *nữ*, có ý nghĩa xấu.

Chữ có bộ <i>nữ</i>	Ý nghĩa	Ví dụ
<i>nô</i> (<i>nữ+hựu</i>)	tôi tớ	<i>nô bộc, nô lệ, nông nô...</i>
<i>tỳ</i> (<i>nữ+ti</i>)	con đồi, tôi tớ	<i>nô tỳ, tỳ thiếp...</i>
<i>vọng</i> (<i>nữ+vong</i>)	sai, lầm	<i>vọng ngôn, vọng ngữ, vọng tưởng...</i>
<i>đố</i> (<i>nữ+hộ</i>)	ghen ghét	<i>đố kỵ, tạo vật đố hồng nhan...</i>
<i>tật</i> (<i>nữ+tật</i>)	ghen ghét	<i>tật đố...</i>
<i>gian</i> (<i>nữ+can</i>)	dối trá	<i>gian dâm, gian tà, gian trá...</i>
<i>yêu</i> (<i>nữ+yêu</i>)	quái gở	<i>yêu ngôn, yêu quái, yêu tinh...</i>
<i>lãnh</i> (<i>nữ+lại</i>)	lười biếng	<i>lãnh công...</i>
<i>lam</i> (<i>nữ+lâm</i>)	tham	<i>tham lam...</i>
<i>phương</i> (<i>nữ+phương</i>)	làm hại	<i>phương hại...</i>

Một vài chữ sau đây, được viết với bộ *nữ*, nhưng không có ý nghĩa xấu.

<i>hảo</i> (<i>nữ+tử</i>)	tốt	<i>hảo ý, hảo hợp, hoàn hảo...</i>
<i>diệu</i> (<i>nữ+thiểu</i>)	khéo, hay	<i>diệu kế, diệu dược, kỳ diệu...</i>
<i>thỏa</i> (<i>nữ+trả</i>)	yên, vừa vặn	<i>thỏa đáng, thỏa hiệp, ổn thỏa...</i>

Chỉ đến khi nào Người Tàu thay đổi chữ viết của họ, thì họ mới xóa được dấu vết trọng nam khinh nữ trong văn hóa của họ.

5

Quan niệm về tình yêu trai gái

Theo phong tục Tàu, tình yêu và hôn nhân của trai gái phụ thuộc vào cha mẹ họ, và phụ thuộc vào phong tục tập quán khắc nghiệt, với rất nhiều điều cấm kỵ về tính dục.

Cha mẹ không nhìn con cái như những con người có nhân vị riêng, và phải được tôn trọng từ lúc nhỏ. Con cái, từ lúc sanh ra cho đến lúc lớn lên, đều bị cha mẹ suy nghĩ giùm, và quyết định giùm mọi việc. Người chồng Tàu coi người vợ như một vật sở hữu của mình; cha mẹ Tàu cũng coi con cái như những vật sở hữu của họ.

Văn hóa Tàu quan niệm *nam nữ thẹo tho bất thân*, nghĩa là đàn ông con trai và đàn bà con gái không được gần nhau. Việc cấm kỵ này là phản tự nhiên. Đến tuổi dậy thì, con trai và con gái thích đi tìm để gặp nhau, đó là một việc bình thường của những con người bình thường, và hoàn toàn hợp với tự nhiên. Bởi điều cấm kỵ này, “các cô gái của Nước Tàu ngày xưa đứng tựa cửa, ló mặt ra cửa sổ, vén màn trên kiệu . . . để nhìn trộm các chàng trai lá” (Lang).

Lấy nhau vì tình ít xảy ra tại Nước Tàu. Hôn nhân là do cha mẹ quyết định hoặc ép buộc con cái, dựa vào lý do môn đương hộ đối, bảo vệ gia sản, hay bảo vệ danh giá của gia đình. Người Tàu khuyến khích anh em họ (con cô con cậu) kết hôn với nhau. Hôn nhân xảy ra thường không phải là kết quả của tình yêu, mà là kết quả của sự suy nghĩ giùm và sự tính toán của cha mẹ.

Trong những điều kiện như vậy, trai gái luôn luôn ở trong tình trạng ức chế tính dục (sexual repression/ refoulement sexuel).

Khác với phong tục Tàu, Người Việt không cho anh em có liên hệ huyết thống gần hay xa lấy nhau; hôn nhân chỉ được chấp nhận giữa đôi trai gái hoàn toàn là người dung.

Ngoài một số rất ít người chịu ảnh hưởng và sống rập khuôn theo văn hóa Tàu, dân gian Việt Nam nhìn tình yêu trai gái một cách hồn nhiên. Trai gái thích gần nhau là một việc bình thường.

*Xa xôi dịch lại cho gần
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.*
Ca dao

*Ước gì ta ở chung nhà
Ra vào đúng chạm để mà thương nhau.*
Ca dao

*Chiếc xanh trải xuống mà ngồi
Em ơi, xích lại gần tôi kẽo buồn!*
Ca dao

Dân gian Việt Nam cho thấy cái nhìn phóng khoáng về tình yêu và đời sống lứa đôi.

*Mẹ ơi, con muốn lấy chồng
Con ơi, mẹ cũng một lòng như con.*
Ca dao

*Thương nhau cởi áo cho nhau
Về nhà mẹ hối – Qua cầu gió bay!*
Ca dao

*Còn đêm nay nữa mai đi
Lặng vàng chẳng tiếc, tiếc khi ngồi kề.*
Ca dao

*Chưa quen đi lại cho quen
Tuy rằng cửa đóng mà then không cài.*
Ca dao

*Ước giù anh hóa ra hoa
Để ■■ nâng lấy rồi mà cài khăn
Ước giù anh hóa ra chăn
Để cho ■■ dắp em lăn em nằm
Ước giù anh hóa ra gương
Để cho em cứ ngày thường em soi
Ước giù anh hóa ra coi
Để cho em đựng cau tươi trầu vàng.*
Ca dao

*Gối chăn gối chiếu không êm
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.*
Ca dao

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nu tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay.*
Ca dao

*Rượu ngon cái cặn cũng ngon
Thương em chẳng luận chồng con mấy đời.*
Ca dao

*Dêm qua anh nằm nhà ngoài
Để em thở vắn than dài nhà trong
Ước giù anh được vô phòng
Loan ôm lấy phượng phượng bồng láy loan.*
Ca dao

Khác với cha mẹ Tàu, là “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy,” cha mẹ Việt Nam thì thường thường là “thương đâu gã đó.” Vua quan và nhà giàu thường bắt chước theo Tàu.

Chuyện phòng the cũng không phải là một điều cấm kỵ đối với dân gian Việt Nam.

- *Của chúa ai thấy chả thèm*

Em cho chị mượn chồng em vài ngày

- *Chồng em đâu phải trâu cày*

Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm.

Ca dao

Chị em rủ nhau tắm đầm

- *Của em thì trắng, chị thâm thế này?*

- *Chị thâm bơi tại anh mày*

- *Xưa kia chị cũng hạt trai đỗ lòm.*

Ca dao

Có chồng càng dễ chơi ngang

Để ra con thiếp con chàng con ai.

Ca dao

Vú em chum chύm chұм cau

Cho anh bóp cái có đau anh đèn

Vú em chỉ đáng một tiền

Cho anh bóp cái anh đèn quan năm.

Ca dao

6

Đàn bà uống rượu và không uống rượu

Đặc biệt, tuy trọng nam khinh nữ, nhưng đàn bà con gái Tàu (cũng như đàn bà con gái Nhựt và Đại Hán) được ngồi chung với đàn ông con trai, để cùng nhau uống rượu.

Tuy không trọng nam khinh nữ, nhưng người chồng Việt Nam không cho đàn bà con gái uống rượu. Khi đàn ông con trai quây quần bên bàn rượu, đàn bà con gái thường lánh mặt ở nhà trong. Và, người vợ Việt Nam cũng thường không thích thấy chồng uống rượu thường xuyên, mặc dầu không phản đối. Trong phong tục Việt Nam, không có cảnh vợ chồng hay trai gái “đối ẩm” với nhau.

Đó là một điểm khác nhau rõ rệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Tàu.

7

Ca Dao và Kinh Thi

Kinh Thi là một hình thức ca dao của Tàu, do Khổng Tử chọn lựa (san định) và lấy 300 bài phù hợp với triết lý chánh trị và luân lý của mình. Sách *Luận Ngữ* ghi lại lời dạy của Khổng Tử, có câu: “*Thi tam bách, nhứt ngôn dĩ tể chi: tư vô tà.*” (Kinh Thi có 300 bài, có thể thâu tóm trong một lời: không nghĩ bậy). *Không nghĩ bậy* ở đây phải được hiểu là *không nghĩ trái lại với cái triết lý chánh trị và luân lý* của Khổng Tử. Triết lý chánh trị của Khổng Tử là đề cao quyền hành tuyệt đối của vua (quân quyền), của người cha (phụ quyền), và của người đàn ông (nam quyền). Người ta thấy sự đề cao ba quyền ấy trong những lời dạy sau đây, gọi là *tam cương*, tức ba giềng mối:

- **quân xử thân tử, thân bất tử bất trung**
(vua bảo bầy tôi chết, bầy tôi không chết là bầy tôi không trung)
- **phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu**
(cha bảo con chết, con không chết là con không hiếu)
- **tại gia tùng phụ; xuất giá tùng phu; phu tử tùng tử**
(con gái ở nhà thì phục tùng cha; đi lấy chồng thì phục tùng chồng; chồng chết thì phục tùng con trai)

Trong nền luân lý của Khổng Tử, *cá nhân* không có chỗ đứng. Đời sống tình cảm của cá nhân bị chi phối và kiểm soát bởi *gia đình* và *gia tộc*. Bởi vậy, trong Kinh Thi, người ta ít thấy *tình cảm* và *bản năng* của con người được bộc lộ một cách hồn nhiên và tự do như trong Ca Dao Việt Nam.

Ca Dao là văn học dân gian, bao gồm những tác phẩm rải rác trong dân gian, được làm bởi dân gian không tên tuổi, và được truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bởi vậy, Ca Dao được gọi là văn chương truyền miệng. Hầu hết ca dao được làm bằng thơ lục bát, là thể thơ truyền thống và thuần túy của Việt Nam. Ca Dao không có những lời dạy dỗ người ta về cách sống. Ca Dao là biểu lộ của một nếp sống, là tiếng nói tự do về đời sống, là tiếng nói phản kháng những gì mà dân gian không ưa thích và chống lại. Nói tóm lại, Ca Dao ghi lại nếp sống và cái nhìn của dân gian Việt Nam theo dòng lịch sử. Là Văn Học Dân Gian, nhưng Ca Dao có đầy đủ tính chất nghệ thuật như các tác phẩm của Văn Học Bác Học, như ấn tượng, nên thơ, trữ tình, lãng mạn, cộng với tính chất giiểu cợt.

Người ta có thể gọi Kinh Thi là một cuốn sách giáo khoa, được chọn lựa và sắp xếp bởi Khổng Tử, nhằm mục đích chánh trị và luân lý rõ rệt, và Ca Dao là một **hình thức nguyên thủy** của báo chí, được làm bởi dân gian không tên tuổi. Một cuốn sách giáo khoa sẽ lỗi thời trong một thời gian ngắn hay dài, nhưng Ca Dao thì vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử, vì nó ghi lại nếp sống và nếp suy nghĩ của dân gian qua các thời kỳ của lịch sử. Ngoài giá trị văn học, Ca Dao còn là một pho sử liệu vô giá.

8

Quân chủ chuyên chính và xã thôn tự trị

Thời phong kiến bên Tàu, quyền hành của nhà vua bị hạn chế một phần nào, vì sự có mặt của các nước chư hầu. Khi một ông vua lạm dụng quyền hành để ngược đãi người dân thì các chư hầu có thể hợp nhau để lật đổ nhà vua hung bạo đó. Trường hợp này xảy ra cho các vua Kiệt và vua Trụ bên Tàu.

Nhưng từ khi Trần Thủ Ôn tiêu diệt sáu nước để thống nhất Nước Tàu, nền quân chủ chuyên chính được thành lập ở Tàu, và quyền hành của nhà vua là tuyệt đối, vì không còn lo ngại các nước chư hầu như trước kia nữa. Nhà Trần cai trị người dân rất tàn bạo: tiêu diệt mọi sự phản kháng, thậm chí bằng cách “đốt sách chôn học trò” (phản thư khanh nho). Thừa Tướng Lý Tư của Nhà Trần là cha đẻ của chế độ hộ khẩu mà các nước cộng sản ngày nay áp dụng, nhằm kiểm soát người dân bằng cách kiểm soát phần ăn của họ. Về sau, Lý Tư chạy trốn nhưng không thoát được, và bị giam, cũng vì cái chính sách hộ khẩu mà ông ta đã nghĩ ra.

Nền quân chủ ở Việt Nam không có tính chất chuyên chính như nền quân chủ ở Tàu, một phần là vì ở Việt Nam có chế độ xã thôn tự trị. Triều đình không can thiệp vào đời sống của người dân ở làng mạc. Người dân ở mỗi làng có quyền bầu lên một Ban Hội Tề (Hội Đồng Xã) để chăm sóc các sinh hoạt của người dân trong làng. Vua có phép vua; làng có lệ làng. Do đó, Người Việt có câu tục ngữ “*Phép vua thua lệ làng*.”

Luật lệ của Việt Nam trong thời quân chủ – luật Hồng Đức, luật Gia Long, Hoàng triều luật lệ – không quá khắc nghiệt và không có những hình phạt dã man và vô nhân, như luật lệ của Tàu – luật Nhà Minh, luật Nhà Thanh. Chẳng hạn, trong năm hình phạt (ngũ hình) trong luật Gia Long, tội *xuy* (đánh bằng roi) có năm bức, từ 10 đến 50 roi; nhưng đàn bà có mang được hoãn đến 100 ngày sau khi sanh để mới chịu hình phạt. Chẳng hạn, cũng theo luật Gia Long, người bị tội *lưu* (đày đi xa), được đem theo vợ con để khai khẩn đất hoang, và được ăn ở tự do, có khi lại được cấp trâu bò và dụng cụ làm ruộng (người canh điền khỉ). Chẳng hạn, luật lệ Việt Nam không có hình phạt một người phạm tội thì giết cả chín họ (tru di cữu tộc), và không có hình phạt thiến (cung hình), là một hình phạt dã man và vô nhân. Nhà viết sử nổi tiếng Tư Mã Thiên bị hình phạt thiến, chỉ vì ông từ chối, không cho vua xem bộ *Sử Ký* của ông.

Chế độ xã thôn tự trị có nghĩa là trung ương tản quyền ở cấp làng mạc. Điều đó cho thấy sự tiến bộ về chính trị và xã hội trong thời quân chủ tại Việt Nam.

Tập quyền, chuyên chính, tàn bạo, và vô nhân, đó là đặc điểm của nền quân chủ Tàu. Tản quyền cho xã thôn tự trị, và ôn hòa, đó là đặc điểm của nền quân chủ Việt Nam.

Mùa xuân ấy

TU DINH

*Mùa xuân ấy ông tôi lên tận tỉnh
Đón tôi về xem hội ở làng bên.
Đoàn Văn Cừ*

Hội đây là *Hội Đình Làng*. Thuở ấy, đường đi lại còn khó khăn, vậy mà một người ông, là một cụ già, phải khăn gói lặn lội vất vả từ làng quê đi ra tỉnh để đón đứa cháu “về xem hội ở làng bên.” Người dân ở thành phố thường không biết Hội Đình Làng là gì. Hình ảnh trên đây cho thấy Hội Đình Làng là lễ hội có ý nghĩa rất quan trọng đối với dân gian Việt Nam.

Ở Việt Nam, làng nào cũng có cái đình. Đình làng là nơi dân gian lập ra, để:

- *tưởng nhớ người xưa có công với dân tộc, đất nước, hay địa phương;*
- *dân làng họp mặt để làm các nghi lễ truyền thống hằng năm;*
- *dân làng họp mặt để vui chơi trong những ngày lễ hội; trong những ngày ấy, thường có các gánh hát về diễn cho dân làng xem, và các trò chơi dân gian.*

Trong năm, Hội Đình Làng là lễ hội quan trọng, tưng bừng, và nhộn nhịp của dân làng. Thuở xưa, đình làng còn là nơi Ban Hội Tề giải quyết những việc cần thiết trong dân gian; thường hợp này, đình làng giống như một trụ sở hành chánh. Là một nước quân chủ, nhưng Việt Nam có chế độ xã thôn tự trị. Đó là sự tiến bộ về chánh trị và xã hội trong thời quân chủ của Việt Nam. Trên có phép vua; dưới có lệ làng; làng nào lệ ấy. Người Việt sống gắn bó suốt đời với ngôi làng của họ. Dầu ngôi làng của mình như thế nào, rất hiếm người bỏ làng ra đi. Bỏ làng, đó là nỗi buồn lớn, nếu không nói là nỗi đau lòng của dân làng.

Có thể nói, cái đình là ngôi nhà chung, và là linh hồn của dân làng. Đình làng là những kiến trúc nhỏ bé, đơn sơ, và thường nép mình dưới bóng các cây già; sân đình thì rất rộng. Không có cổng, không có hàng rào, và không có cửa đóng then cài, đình làng luôn luôn mở rộng cho mọi người trong làng, kể cả các cậu bé chăn trâu, những người cù bơ cù bất, những kẻ lang thang không nhà . . . tất cả đều có thể đến đình làng để dừng chân, hay để nghỉ tạm đôi ngày.

Có chết lại có minh tinh
Thất nghiệp nằm đình có trống cầm canh.
Ca dao*

* **minh tinh** là một thứ cờ lụa đỏ, cán tre, dựng phía đông của quan tài, trên đó có viết họ tên, thụy hiệu, và chức tước của người chết.

Việc cúng bái ở đình làng là một tập tục mang tính chất văn hóa, và không dính dáng đến bất cứ tôn giáo nào cả. Giống như Ngày Tết, dân gian cúng một mâm cơm để rước ông bà, những người đã chết, trở về với gia đình, rồi lại cúng để tiễn đưa ông bà. Cũng giống như dân gian cúng giỗ cho những người đã chết trong gia đình. Việt Nam không phải là một dân tộc hướng về thần quyền; việc cúng bái là một tập tục của văn hóa Việt Nam, hoàn toàn mang ý nghĩa tượng trưng, nhằm tỏ lòng tưởng nhớ và kính trọng những người đã chết, hay nói chung, là nhằm tỏ lòng tưởng nhớ và kính trọng ông bà tổ tiên. Có thể gọi đó là đạo thờ ông bà tổ tiên; đạo hiếu theo nghĩa là con đường, là nếp sống, và không dính dáng gì đến tôn giáo nào cả.

Cái đình là nơi thờ những **còn người** mà dân gian nhớ ơn và kính trọng; cái đình không thờ **thần quyền**. Bởi vậy, người ta có thể nói, cái đình là biểu tượng của tinh thần **nhân bản**, lấy con người làm gốc, của dân tộc Việt Nam.

Cái đình gắn bó với đời sống của dân gian, nên được dân gian nhắc đến nhiều nhất.

*Trúc xinh trúc mọc đầu đình
Em xinh em đứng một mình cũng xinh.*
Ca dao

*Cây đa lá rụng đầy đình
Bao nhiêu lá rụng thương mình bấy nhiêu.*
Ca dao

*Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen . . .*
Ca dao

*Đôi ta đứng trước sân đình
Đình bao nhiêu ngôi thương mình bấy nhiêu.*
Ca dao

*Bảo rằng cách trở đò giang
Không sang là chẳng đường sang đã dành
Nhưng dây cách một đầu đình
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi.*
Nguyễn Bính

Dân gian nói đến cái đình với đầy tình cảm, như nói đến nhà hương hỏa của dân làng, và như nói đến một nơi chốn thân yêu và gần gũi nhất của dân làng.

Không có đầu óc thần quyền, dân gian Việt Nam kéo xuống những gùi ở Trên Cao, cho ngang hàng, gần gũi, và thân thiết với con người.

*Con cóc là cậu Ông Trời
Hễ ai đánh nó thì Trời đánh cho.
Ca dao
Ông Trời bị kéo xuống thấp ngang hàng loài vật.*

*Bắc thang lên hỏi Ông Trời
Có tiền cho gái có đòi được không?
Ca dao
Ông Trời được coi như một người bạn của con người.*

*Các em thích đùa, muốn lên Cung Trăng
Cứ hỏi Ông Trời cho mượn cái thang.
Lê Thương*

*Lâm Tuyền quyền cả phồn hoa lại
Rõ khéo trời già đến dở dom.
Hồ Xuân Hương*

*Thấy anh hay chữ, em hỏi thử một lời:
Thuở tạo thiên lập địa, Ông Trời ai sanh?
Ca dao*

*Gần chùa gọi Bụt bằng anh
Thấy Bụt hiền lành bế Bụt đi chơi.
Ca dao*

*Ông thánh còn có khi lầm
Huống chi con gái tám nhăm tuổi đâu.
Ca dao
Ônh thánh cũng không khác gì người thường.*

*Người gần ta, Trời xa ta
Thương người, rồi mới thương qua Phật Trời.
Vita Lê Văn Vị*

Trời, Phật, hoặc ý niệm về Thượng Đế, được Người Việt xem như ngang hàng nhưng xa cách với con người, một quan niệm sống của dân gian: lấy con người làm gốc. Đó là khuynh hướng nhân bản, ngược lại với khuynh hướng thần quyền.

Nhân bản là điều kiện cần và đủ để cho một dân tộc có nếp sống hiền hòa và nhân ái. Trong bản chất sâu xa, Việt Nam là một dân tộc như thế.

Điều đáng tiếc là, hiện nay, những kẻ muốn làm anh hùng hay vĩ nhân hay bậc thánh, đã làm đau đớn và chảy máu dân tộc Việt Nam. Thật ra, đó là những kẻ không còn là Người Việt nữa. Có thể nói hiện nay là thời kỳ đen tối nhất trong suốt dòng lịch sử của Việt Nam, đen tối hơn thời Bắc thuộc và thời Pháp thuộc. Trong hai thời kỳ ấy, kẻ thống trị dân tộc Việt Nam là ngoại bang; hiện nay, kẻ thống trị dân tộc Việt Nam lại là những kẻ gọi là đồng bào của họ.

Bỏ làng đã là một nỗi đau lòng đối với Người Việt, vậy mà hàng triệu Người Việt đã phải rời bỏ đất nước để ra đi, lang thang khắp Trái Đất. Người còn lại trong nước thì phải sống trong cái “Đống Rác Của Lịch Sử.”

Bánh xe lịch sử sẽ đè bẹp những kẻ đi ngược lại bản chất của dân tộc Việt Nam. Người Việt trong nước, và Người Việt lang thang trên khắp Trái Đất, có thể hy vọng, với bản chất nhân bản của dân tộc, nước Việt Nam tương lai là, và sẽ là một đất nước hiền hòa và nhân ái.

Đỉnh Gió Hú

TU DINH

Bây giờ, mùa đông sắp đi qua, và mùa xuân đang tới. Cuối Tháng Giiêng dương lịch này là ngày Tết Nguyên Đán của Việt Nam. Đó là thời gian tuyết sẽ rơi nhiều. Nếu không có ai nhắc, nhiều Người Việt lang thang trên Nước Mỹ, hay lang thang trên khắp Trái Đất, sẽ không nhớ Tết Nguyên Đán đến vào ngày nào.

Nước Mỹ không ngủ. Ở đây, con người làm việc 24/24 giờ, nghĩa là người ta luân phiên nhau làm việc suốt ngày đêm, bởi vì, tại hầu hết các nơi sản xuất hàng hóa, máy móc chạy liên tục không ngừng. Người Việt tại đây phải sống theo guồng máy ấy. Quanh năm suốt tháng, vợ chồng con cái rất hiếm khi ngồi lại ăn cơm chung với nhau. Buổi chiều, người mẹ vừa trở về nhà, người cha lại lên xe ra đi. Con cái cũng vậy, người nào có ca làm việc của người ấy. Bữa cơm gia đình chỉ còn là kỷ niệm rất xa xôi của những ngày còn sống tại Việt Nam.

Trên cao nguyên Colorado, sống trong ngôi nhà ở một vùng đất khá cao, lần đầu tiên, tôi đã nghe và biết gió hú như thế nào. Mỗi khi nghe tiếng gió hú, tôi nhớ đến truyện *Đỉnh Gió Hú* (*Wuthering Heights/ Les Hauts de Hurle-Vent*) của Emily Bronte, và tưởng tượng đến đời sống cô độc quanh năm của hai chị em Emily Bronte và Charlotte Bronte trên ngọn đồi Đỉnh Gió Hú, một nơi đèo heo hút gió ở Nước Anh.

Cách nay ba năm, Colorado có bão tuyết kéo dài trong nhiều ngày. Gió mạnh và tuyết rơi liên tục, lên cao đến tám tấc, và có nơi dày hơn một thước. Nhiều người bị kẹt tại chỗ làm; nhiều trăm chiếc xe chạy không được, nằm dọc trên free way và đường xuyên bang. Trong những ngày thiên tai ấy, một số ít gia đình sống trong cảnh lo âu phập phồng, vì người thân chưa trở về; số đông gia đình được dịp hiếm hoi ngồi và sum họp, với những bữa cơm gia đình nóng hổi, mà ngày thường không có.

Có thể nói, thế hệ Người Việt thứ nhứt tỵ nạn tại Nước Mỹ, chỉ có một số ít đã về thăm nhà tại Việt Nam, còn lại số đông không thể trở về để thăm gia đình, và để nhìn thấy lại nơi quê cha đất tổ. Như hai chị em Bronte, lớp người già lang thang trên Nước Mỹ, dẫu được con cháu đùm bọc, hay đang ở trong các trại dưỡng lão, đã và đang sống những năm tháng dài cô độc trên Đỉnh Gió Hú,

Nghe im lặng mà sống,

Nhin trời đất mà vui . . .

Tô Thùy Yên

Họ sẽ nằm xuống mãi mãi trên Đỉnh Gió Hú, bởi vì Ngày Tươi Sáng Của Quê Hương đến chậm hơn tuổi già . . .

thành phố hiện đại

VO CAO

Chiếc xe buýt chở đoàn du lịch 28 người rời phi trường đi vào thành phố Thượng Hải. Anh hướng dẫn viên người Trung Hoa giới thiệu: “Thượng Hải ngày nay là một thành phố hiện đại, không giống như Thượng Hải của mấy mươi năm về trước: hệ thống cầu đường được mở rộng, cao ốc được xây cất thêm, rộng rãi, đẹp đẽ, sạch sẽ . . .”

Chiếc xe buýt chạy qua vài con đường lớn của thành phố, rồi dừng lại trước một thương xá sang trọng. Đoàn du khách xuống xe, đi vào thương xá để mua sắm. Một người đàn bà trong đoàn du khách nói với anh hướng dẫn viên:

– Anh chỉ giúp tôi đường đi đến phòng vệ sinh của thương xá.
Anh hướng dẫn viên đáp:

– Chị cứ đi theo mùi nước tiểu là đến phòng vệ sinh.

Không ngừng xét lại

VO CAO & TU DINH

Trên *Việt Báo Online*, ngày 12/25/2003, người đọc có dịp thấy một cái nhìn sâu xa, và có giá trị lịch sử, của Tiến Sĩ Phan Văn Song, qua bài viết của ông,

Một Quan Niệm Về Một Việt Nam Liên Bang
Qua Tình Thần Xã Thôn Tự Trị Cổ Thời

Tác giả bài báo nhắc lại các ưu điểm của dân tộc Việt Nam đã có từ ngàn xưa, là:

- *chế độ xã thôn tự trị, có nghĩa là, từ thời quân chủ, trung ương đã tản quyền cho cấp làng mạc: vua có phép vua, và làng có lệ làng;*
- *làng mạc và gia đình là nền tảng vững chắc của xã hội Việt Nam.*

Từ đó, tác giả đưa ra ý kiến là, trong tương lai, nghĩa là sau khi chế độ cộng sản không còn nữa, Việt Nam có thể theo thể chế của một Liên Bang. Thể chế liên bang không phải là một điều mới mẻ, nhưng nó rất thích hợp cho thời đại ngày nay, vì nó sẽ giúp mang lại ổn định và bình yên cho đời sống trong một liên bang. Có thể nói, gần như không có đất nước nào chỉ gồm có một dân tộc thuần nhất. Một liên bang là rất thích hợp cho những đất nước không thuần nhất. Riêng với Việt Nam, dưới hình thức liên bang, các sắc tộc không cùng phong tục, sẽ sống chung hòa bình và thân ái, trong tình thần nương dựa vào nhau để cùng vươn lên. Đồng bào Thượng ở cao nguyên Ban Mê Thuột, Pleiku, và Kontum sẽ có quyền tự trị; hay đồng bào Chàm ở Phan Rang và Châu Đốc; hay đồng bào gốc Miên ở Sóc Trăng và Bạc Liêu; hay đồng bào thuộc các dân tộc thiểu số ở thượng du Miền Bắc, cũng vậy.

Vào thời đại này, vài ý niệm cần phải được xét lại.

Ý niệm “thống nhất”

Gom các dân tộc thiểu số, hay các dân tộc yếu hơn mình, vào chung một quốc gia, như một toàn thể thuần nhất, *ngoài ý muốn của họ*, dưới quyền cai trị tập trung của một nước lớn, là một việc lỗi thời. Điều này chỉ gây đau đớn cho các dân tộc thiểu số, và các dân tộc yếu hơn các dân tộc đông người. Có thể nói, gây đau đớn cho các dân tộc thiểu số, hay các dân tộc yếu hơn mình, trong thời đại ngày nay, là một việc lỗi thời. Bao lâu các dân tộc thiểu số hay các dân tộc yếu còn bị các dân tộc mạnh hay đông dân áp bức, bấy lâu con người trên Trái Đất vẫn chưa được bình yên. Bởi vậy, ý niệm *thống nhất* phải được thay bằng ý niệm *liên hiệp* trong một quốc gia theo thể chế liên bang, và cần thiết phải tản quyền cho các tiểu bang, như chế độ xã thôn tự trị có từ ngàn xưa của dân tộc Việt Nam. Nghĩa là tập quyền phải được thay bằng tản quyền. Ngày nay, trong các xã hội tiến bộ, tự do cá nhân của con người được công nhận và tôn trọng. Vậy, có lý do nào tự do của các dân tộc thiểu số lại không được công nhận và tôn trọng?

Ý niệm “sở hữu”

Đầu óc tư hữu là bản chất của con người. Quyền tư hữu là động lực thúc đẩy người ta làm việc hăng say, từ đó, xã hội tiến hóa và vươn lên, và đời sống con người được nâng cao dần, theo thời gian.

Một dân tộc thiểu số vẫn là một dân tộc, với mảnh đất nhỏ bé có từ ngàn xưa của họ, với tài nguyên thiên nhiên, với phong tục tập quán, với nếp sống và nếp suy nghĩ riêng của họ. Nói tóm lại, một dân tộc thiểu số có tự do của họ, và họ phải được công nhận và tôn trọng, như người ta công nhận và tôn trọng tự do cá nhân của con người. Con người có thể sở hữu mọi thứ giá trị vật chất hay tinh thần, nhưng **con người không thể sở hữu con người**, nghĩa là con người không thể coi bất cứ con người nào khác hơn mình, là sở hữu của mình. Những con người bị coi là sở hữu của người khác thì không còn là con người tự do. Không được sống tự do, con người không còn là con người.

Thời quân chủ ở Phương Tây, tất cả đất đai lẫn con người, là dân, được coi là thuộc **quyền sở hữu** của vua. Thời Trung Cổ ở Âu Châu, người vợ là vật sở hữu của người chồng: trước khi đi xa, người chồng đeo nịch khóa trinh (ceinture de chasteté) vào chỗ kín của vợ, và giữ chìa khóa. Các nhà viết sử gọi thời kỳ dã man và đen tối này là *Những Đêm Đen Trung Cổ (Les Nuits Moyenageuses)*.

Trong thời kỳ của chế độ nông nô ở Âu Châu và Bắc Mỹ, người da trắng sở hữu các nô lệ da đen, đổi xử dã man với họ, và khi cần thì đem đi bán hay giết chết họ như những con vật. Ngày nay, Nước Mỹ coi đó là một vết đen trong lịch sử.

Trong nhiều ngàn năm qua, hệ thống chính trị và luân lý của Khổng Tử đã cho phép **con người sở hữu con người**: dân gian là sở hữu của một ông vua; người vợ là sở hữu của người chồng; con cái là sở hữu của cha mẹ. Đó là tính chất vô nhân của Khổng Giáo. Nhiều ngàn năm sau, Karl Marx lặp lại tính chất vô nhân này một cách tàn bạo hơn, bằng chủ nghĩa cộng sản: con người bị coi như một bầy cừu, bởi vì con người trong chế độ cộng sản bị *suy nghĩ giùm* bằng các giáo điều, nghĩa là con người không còn được tự do để *suy nghĩ khác*. Đó là cách chủ nghĩa cộng sản coi con người là **sở hữu** của tập đoàn thống trị. Trong khi đả kích các tôn giáo, Karl Marx lại coi chủ nghĩa cộng sản như một hình thức của tôn giáo, với những giáo điều của nó, còn cách sinh hoạt thì bắt chước theo các tôn giáo. Trái với các tôn giáo khác, chủ nghĩa cộng sản là một “tôn giáo” làm hạ phẩm giá của con người. Con người chỉ là con người khi con người có tự do để suy nghĩ. Không còn suy nghĩ, con người cũng không còn là con người nữa. Bởi vậy, cuối thế kỷ 20, các dân tộc có trình độ dân trí cao ở Âu Châu, và chỉ có Mông Cổ ở Á Châu, đã liệt chủ nghĩa cộng sản vào thùng rác. Họ không muốn làm một bầy cừu cho một chủ nghĩa vô nhân; họ muốn trở lại làm con người.

Ý niệm “yêu nước”

Tốc độ của đời sống con người trên Trái Đất đã tăng lên theo thời gian. Từ bước chân của con người, đến bước chân của loài ngựa, đến sức gió đẩy các tàu thuyền, đến máy hơi nước và máy nổ, đến máy bay chong chóng, phản lực, và siêu âm, đến hiện nay là thời kỳ tin học, tốc độ của đời sống con người bằng với vận tốc của dòng điện. “Vận tốc thu ngắn không gian;” con người trên Trái Đất trở nên gần gũi nhau hơn; từ đó, nhiều biên giới bị xóa hay trở thành biên giới ảo. Bởi vậy, có người nêu ra ý tưởng Trái Đất sẽ trở thành như một *ngôi làng chung* của con người.

Ngày nay, sẽ là lỗi thời, khi lấy cớ là yêu nước, một dân tộc đồng người hay một dân tộc mạnh, lấn đất của một dân tộc thiểu số hay một dân tộc yếu hơn mình về sức mạnh vật chất; sẽ là lỗi thời khi lấy cớ là yêu nước để chèn ép hay chà đạp một dân tộc thiểu số hay một dân tộc yếu; sẽ là lỗi thời khi lấy cớ là yêu nước để cưỡng bức một dân tộc thiểu số vào chung lãnh thổ dưới quyền cai trị tập trung của mình; sẽ là lỗi thời khi lấy cớ là yêu nước để tự do gây ô nhiễm môi trường chung của Trái Đất . . .

Bởi từ xưa cho đến nay, ý niệm yêu nước đã được hiểu theo một nghĩa quá hẹp hòi và thấp kém, nên mới có cảnh các dân tộc dẫm đạp lên nhau, mạnh được yếu thua. Ngày nay, ý niệm yêu nước đã được định nghĩa một cách đúng, không phải bởi một nhà triết học hay một nhà chính trị nào cả, mà bởi một nghệ sĩ, là một kiến trúc sư thiên tài của thế kỷ 20, Le Corbusier:

Le patriote est celui qui crée chaque jour.

Người yêu nước là người sáng tạo mỗi ngày.

Theo nghĩa này, một nông dân có đầu óc, biết cách chăm sóc cánh đồng của mình để có thu hoạch cao, là một người yêu nước. Một người phu quét đường biết cách làm việc vén khéo để không làm trở ngại lưu thông, và không để bụi bặm bay lên hai bên đường, là một người yêu nước. Những nhà làm luật ngày đêm nghiên cứu để thay các luật lệ lỗi thời bằng các luật mới để cho xã hội an toàn và tốt đẹp hơn, là những người yêu nước. Những nhà khoa học đủ mọi ngành đang ngày đêm cặm cụi trong các viện nghiên cứu để mang lại các tiến bộ khoa học và kỹ thuật, là những người yêu nước . . .

Cũng theo nghĩa này, những kẻ chưa làm được những người bình thường mà tốt, đã nhân danh yêu nước, để muốn làm anh hùng hay siêu nhân hay vĩ nhân, từ đó, đã làm đau đớn và chảy máu một dân tộc, chẳng những không phải là những người yêu nước, mà phải bị coi là những tên tội đồ của một dân tộc.

Để vươn lên, một dân tộc phải tự mở con đường riêng cho mình, và phải *không ngừng xét lại*, để loại bỏ kịp thời những gì đã lỗi thời.

TRUYỆN NGẮN

A n h t ô i

TU DINH

Tôi nhở, lúc còn ở Việt Nam, anh tôi và tôi thường chơi đùa với nhau. Lúc đó, anh tôi đang học Lớp Chín. Anh tôi là con của bác tôi; chúng tôi là hai anh em chú bác. Tôi là con gái, và nhỏ hơn anh ba tuổi. Lúc đó, dưới mắt tôi, anh tôi là một người hiền lành, dễ thương, và rất thông minh.

Thế rồi tôi theo ba má tôi đi định cư ở Mỹ. Hai năm sau, gia đình bác tôi cũng qua Mỹ, và chỉ ở cách xa chúng tôi khoảng 20 phút lái xe. Những năm đầu tiên tại Mỹ, cả hai gia đình sống rất chật vật. Đời sống ở đây nhanh quá; con người thì tất bật và đầy lo toan. Bởi vậy, ít khi tôi được gặp anh tôi.

Thỉnh thoảng, tôi mới có dịp gặp anh tôi ở ngoài đường. Tôi thấy anh tôi bây giờ có khác hơn hình ảnh ngày xưa, lúc chúng tôi còn sống tại Việt Nam. Cách ăn nói mạnh dạn hơn, quần jean ống rộng thùng thình, tóc cắt hai tầng, anh tôi có vẻ đã là một thanh niên đang sống tại Mỹ. Tôi đã quen nhìn các sinh viên như thế ở trong trường, nên tôi không lấy làm lạ. Nhưng tôi cảm thấy một thoáng buồn, và cảm giác khó chịu, khi tôi nhìn anh tôi đeo bông tai. Rồi tôi cũng tự nói với tôi, điều này cũng thường thấy ở xứ này; có vài giáo sư cũng đeo bông tai như thế.

Bỗng đi một thời gian khá lâu, một hôm, ba tôi kêu tôi ra phòng khách để cha con nói chuyện với nhau. Đó là một việc bình thường đối với tôi; kể cả khi tôi còn nhỏ, ba tôi lúc nào cũng muốn coi tôi như một người bạn, hơn là một đứa con. Ba tôi nói:

- Thằng Vượng, anh con, đã làm cho gia đình bác con đau khổ mấy năm nay, con có biết không? Học xong high school, nó đi học ở community college chưa hết nửa mùa thì bỏ học từ đó đến nay. Nó không nghe lời hai bác của con; ngày nay qua ngày kia, nó đi theo mấy đứa Việt Nam qua đây đã lâu, và đã tiêm nhiễm nhiều thói hư tật xấu. Và nó đã trở thành một thanh niên ăn không ngồi rồi, lêu lổng, và làm những việc không nên làm . . .

Thật ra, ba có thể nói rằng, hai bác của con có lỗi một phần nào đối với sự hư hỏng của anh con ngày nay. Cái lỗi ấy chỉ là vô tình, nhưng nó là một trong những nguyên nhân mà nhiều bậc cha mẹ tại Mỹ đã đưa một số đứa trẻ vào đường hư hỏng. Như con thấy, mình đang sống tại Nước Mỹ, nghĩa là không phải đang sống tại Việt Nam. Từ một đất nước theo phong tục Á Đông, đến một đất nước theo phong tục Âu Mỹ, dĩ nhiên nếp suy nghĩ và nếp sống của trẻ con hay thanh niên, như con chẳng hạn, phải có gì thay đổi theo môi trường mới, phải không con?

Đó là điều mà hầu hết cha mẹ Việt Nam tại Mỹ không hiểu, và thậm chí, không chấp nhận. Từ một đất nước nghèo nàn đến một đất nước giàu có vào hàng đầu thế giới, nếp sống, nếp suy nghĩ, và nhu cầu của con người phải có gì thay đổi, con có nghĩ như thế không?

Theo ba biết, thời gian trước đây, lúc anh con còn học ở high school, hiếm khi hai bác của con cho anh con một ít tiền riêng để xài vặt. Anh con xin mua một máy chụp hình, hai bác cũng không cho . . . Đại khái như vậy. Hai bác của con cứ nói phải lo làm lụng để nuôi sống gia đình, nên không có thời gian để quan tâm đến con cái. ‘Con cái là con cái, không phải muốn gì được nấy,’ có lần bác con đã nói với ba như vậy. Cha mẹ nào cũng thương con cái, nhưng ít có cha mẹ nào chịu tìm hiểu con cái, coi con cái như bạn bè, quan tâm đến những nhu cầu chánh đáng của chúng, chia sẻ niềm vui nỗi buồn với từng đứa con . . .

Kết quả là có những đứa con cảm thấy bơ vơ lạc lõng giữa một gia đình mà cha mẹ cứ nghĩ rằng sum họp và đầm ấm. Trong những điều kiện như vậy, một ít đứa con đã rơi vào cạm bẫy của bọn thanh niên Việt Nam hư hỏng. Một lối mòn nữa của cha mẹ Việt Nam, là cha mẹ dành quyền suy nghĩ giúp con cái, mà không cho con cái được tự do suy nghĩ, và tự do tìm một nếp sống mà chúng chọn lựa. Chẳng hạn, đứa con có khiếu về toán và vật lý, mà cha mẹ cứ muốn con mình phải trở thành một bác sĩ y khoa, chỉ vì dưới mắt cha mẹ, bác sĩ y khoa là một nghề danh giá trong xã hội. Chẳng hạn, đứa con thích hội họa, và muốn trở thành một họa sĩ, nhưng cha mẹ lại muốn con trở thành một kỹ sư công chánh . . . Đại khái như vậy. Cũng có thể những gì mà cha mẹ muốn con cái phải thực hiện ngày hôm nay, được thôi thúc từ cõi vô thức của cha mẹ: con cái phải thực hiện giấc mơ mà ngày xưa, vào thời trẻ, người cha hay người mẹ đã không thực hiện được. Như thế thì cha mẹ sống vì con cái, hay cha mẹ muốn con cái phải sống vì mình? Tại sao không cho con cái thực hiện giấc mơ của chúng ngày hôm nay, mà bắt chúng phải đi theo giấc mơ dang dở của mình thời trẻ, ở không gian và thời gian khác với ngày hôm nay? Nói tóm lại, tự do của mỗi con người trên mặt đất này là quý hơn hết.

Về phần ba, ba rất khó nói chuyện với bác con. Người Việt là như vậy. Người anh có quyền nói với người em bất cứ điều gì, kể cả nặng lời, nhưng người em bàn chuyện với người anh thì dễ bị bắt lỗi là thất kính. Ba muốn nói với bác con là bác con phải nhìn con cái như những con người có nhân vị riêng, phải được người lớn công nhận và tôn trọng. Nhân vị có nghĩa là bất cứ con người nào sanh ra trên mặt đất, là một đơn vị con người, nghĩa là có một chỗ đứng riêng trên mặt đất. Ba sẽ dò trong TV Guide hằng tuần để biết hôm nào người ta có chiếu lại một kiệt tác của điện ảnh thế giới, vào đầu thập niên 60, phim *La Strada*, Tiếng Ý, có nghĩa là *Con Đường*, ba sẽ cho con biết để xem. Xem phim này, con sẽ hiểu nhân vị là gì.

Đó là một câu chuyện rất đơn giản, do nam diễn viên nổi tiếng thời ấy, là Anthony Quinn, đóng chung với nữ diễn viên Melina Marisa. Nghĩa là chỉ có hai nhân vật. Một người đàn ông vạm vỡ, và một cô gái bé nhỏ và ngây ngô, lang thang trên một chiếc xe Lambretta ba bánh, giống như những chiếc xe Lambretta chở khách mà con đã thấy ở Việt Nam. Đi đến đâu, người đàn ông chỉ biểu diễn một màn xiếc duy nhất: dùng sức mạnh của bắp thịt ở ngực và cánh tay, để làm bung một sợi xích sắt. Cô gái nhỏ ngây ngô, đầu óc tối tăm, là người giúp việc cho người đàn ông, để làm những việc lặt vặt.

Trên đường lang thang kiếm sống, hai con người sống bên nhau như hai kẻ xa lạ. Người đàn ông thì ăn nói thô lỗ, còn cô gái ngây ngô thì không để ý đến việc gì. Họ sống bên cạnh nhau như thế, lang thang và lang thang mãi. Cuối cùng, cô gái đã chết dọc đường lang thang của họ. Cô gái không còn nữa; người ta thấy người đàn ông đi ra một bãi biển vắng người. Anh ta đứng ở đó, nhìn ra biển, bất động. Trong giây phút ấy, anh ta mới nhận ra rằng, có một người con gái, đầu chỉ là một cô gái ngây ngô và vô tâm, đã từng sống bên cạnh anh, cùng anh trải qua những giây phút vui buồn, theo anh lang thang khắp đó đây, trên chiếc Lambretta nhỏ bé. Nghĩa là có một con người đã có mặt trong đời sống của anh; và bây giờ, có thể có một cô gái giống như thế trên mặt đất, nhưng không phải là cô gái ấy.

Và cuối cùng, ba tôi nói với tôi:

– Con hay cháu cũng là dòng máu của đại gia đình chúng ta. Ba thấy tội cho thằng Vượng, và ba thương nó cũng như thương con. Con còn trẻ, cùng trang lứa với nó, con dễ nói chuyện với nó hơn ba. Vậy, ba nghĩ rằng con có thể cố gắng để làm cho nó biết suy nghĩ, để rời bỏ cách sống hiện nay. Làm cách nào thì tùy sự thông minh của con. Ba nghĩ cách tốt nhất là con cố gắng nói cho nó đi học lại. Sự học sẽ mở đầu óc của nó, và từ đó, anh con sẽ biết phải sống như thế nào . . .

Đêm đó, cha con tôi nói chuyện đến hai giờ sáng. Tôi trở về phòng, và thao thức, rất lâu mới ngủ được.

Phải đến hơn một năm sau, với biết bao cố gắng, kiên nhẫn, và mệt mỏi của tôi, có lúc tưởng chừng muốn bỏ dở công việc mà ba tôi đã tin tưởng giao cho tôi, anh tôi mới trở lại cấp sách đến trường, và học cùng một campus với tôi. Tôi thấy vui biết bao, nếu không nói là cảm thấy hạnh phúc của một người nhìn thấy kết quả của việc mình làm.

Gần như ngày nào anh em chúng tôi cũng gặp nhau, vì tôi không muốn anh tôi có cảm giác cô độc, như anh đã từng cho tôi biết là anh đã có cảm giác ấy trong nhiều năm.

Những ngày đầu tiên trước khi vào mùa học, tôi đích thân lái xe đưa anh tôi đến trường. Tôi chỉ cho anh tôi bãi đậu xe rẻ tiền, chỉ có 2.25 dollars một ngày, tuy hơi xa lớp học. Tôi cũng chỉ cho anh tôi nhà để xe năm tầng ở gần các lớp học, giá đến 3.75 dollars, để vào những ngày tuyết rơi nhiều quá, anh tôi có thể để xe ở đây cho an toàn. Rồi chúng tôi đi vào tiệm sách của campus để anh tôi mua sách cho mùa học mới. Những năm học đầu tiên, sách cũ rất nhiều, giá rẻ. Anh tôi có tiền trợ cấp của Liên Bang dành cho sinh viên không có đi làm, và cha mẹ có lợi tức thấp. Tôi dùng thẻ tín dụng của tôi để trả tiền sách cho anh tôi. Từ tiệm sách đi ra ngoài, là một phòng ăn rộng lớn dành cho sinh viên. Ở đây có bán đủ các món ăn Mỹ, Mễ, và Tàu. Anh tôi đến quầy mua hai cái Big Mac, có kèm thức uống, rồi chúng tôi đến một bàn trống để ngồi ăn. Vào mùa học, phòng ăn đầy sinh viên suốt ngày, và rất ồn ào. Nhưng hôm nay chưa vào mùa, nên phòng ăn ít người, và yên lặng. Vừa ăn, anh tôi vừa nói:

– Anh cảm ơn em. Ngày mai, anh sẽ gửi tiền sách lại cho em.

Tôi nói:

- Không. Anh đừng trả tiền cho em. Đây là những quyển sách đầu tiên, em mua tặng anh. Cuối mùa học, sinh viên thường bán sách lại cho nhà trường. Anh nhớ giữ lại những quyển sách này, như một kỷ niệm của em đối với anh.
- Hồi nay, lúc em trả tiền, anh nhìn cái tên của em trên credit card, anh cứ tưởng đó là cái tên của Người Tàu. Em là con gái mà có cái tên ngộ quá, không giống ai. Xưa nay anh vẫn thắc mắc, nhưng anh không dám hỏi em tại sao em có cái tên lạ như vậy.

Tôi cười và nói:

- Tên em là Lá; nếu không bỏ dấu thì giống Tiếng Tàu, nhưng bỏ dấu thì nó rất Việt Nam. Hồi nhỏ, em rất mặc cảm về cái tên của em. Khi em vừa đủ lớn, một hôm ba em đã cho biết tại sao ống đã đặt tên cho em như vậy. Ba em bảo em hãy nhìn một chiếc lá rơi từ trên một cành cây: nó rơi tự do và tự nhiên, rồi bay lượn theo chiều gió. Ba em nói, ‘Khi con ra đời, ấy là lúc con giống như một chiếc lá rời khỏi một cành cây, là cha mẹ. Từ lúc con ra đời, cho đến lúc lớn khôn, và cho đến lúc con rời khỏi gia đình, cha mẹ mong muốn con được sống một cách tự do và tự nhiên, như những gì con nghĩ, theo một nếp sống mà con chọn lựa . . . Tên con là Lá, có nghĩa là chiếc lá.’ Từ đó, em không còn mặc cảm về cái tên của em, nếu không muốn nói là nó cũng có ý nghĩa dễ thương của nó, phải không anh?
- Vậy giờ, anh thấy cái tên của em rất dễ thương. Vậy mà anh không biết.

Biết giờ anh tôi đi học mỗi ngày, thỉnh thoảng, tôi đến nhà bác tôi để đưa anh cùng đi đến trường, nghĩa là ngày ấy anh tôi không cần lái xe đi học. Tôi thấy bác tôi và cả gia đình có vẻ vui mừng. Bác tôi bây giờ không còn vẻ mặt nghiêm khắc như xưa. Bác nhìn tôi, hơi gật đầu, và mỉm cười. Đó là hình ảnh của người bác bây giờ, mà trước kia tôi không thấy.

Một hôm, sau khi học xong lớp cuối cùng, vào lúc 8:45 giờ tối, tôi rời khỏi Science Building để ra về. Lúc đó là mùa đông, trời đã tối hẳn. Đi ngang qua khu vườn nhỏ, tôi nghe tiếng kêu:

– Em!

Tôi nhìn bên cạnh, và thấy anh tôi đang co ro ngồi một mình trên chiếc băng gỗ dài.

Tôi chưa kịp hỏi, anh tôi nói:

– Anh đợi em nãy giờ; anh không muốn về một mình. Em có thể ngồi đây để nói chuyện với anh một chút rồi về, được không?

Trời rất lạnh, nhưng tôi cũng ngồi xuống bên cạnh anh tôi. Không thấy anh tôi nói gì, tôi hỏi:

– Anh Vượng, anh có gì cần nói với em?

– Không . . . Anh em mình chỉ ngồi đây một lát, đến khi em chịu lạnh hết nổi thì mình về.

Chúng tôi ngồi trong bóng tối, dưới các tàng cây cổ thụ đang ngủ mùa đông, không còn lá. Im lặng. Rồi tôi nghe anh tôi nói:

– Buổi tối, về một mình buồn lắm. Nên anh ngồi đây đợi em để cùng về với em.

– Anh không thấy lạnh sao?

– Có. Nhưng anh chịu được. Chờ em, anh đã hút hết mấy điếu thuốc. Cho anh hút thêm một điếu nữa, rồi mình về, được không em?

– Anh hút đi.

Tôi đã quen nhìn ba tôi hút thuốc, và quen mùi thuốc lá, mỗi khi cha con tôi ngồi nói chuyện với nhau. Trời tối, nhìn đóm lửa trên đầu điếu thuốc của anh tôi, tự nhiên tôi thấy vui. Đợi anh hút hết điếu thuốc, tôi nói:

– Anh, thôi mình về. Tối nay, anh để xe lại ở bãi đậu xe. Em lái xe đưa anh về nhà.

Sáng mai, trước giờ học của anh, em sẽ đến đón anh.

Thường thì anh tôi lái xe đưa tôi về nhà. Nhưng hôm nay tôi muốn tự mình lái xe đưa anh tôi về. Chúng tôi đứng lên, và đi bộ đến bãi đậu xe. Anh tôi nắm chặt tay tôi, và chúng tôi đi sát bên nhau cho đỡ lạnh. Đường đi đến bãi đậu xe rẽ tiền hơi xa, ở ngoài khuôn viên campus. Dưới ánh sáng lờ mờ của những ngọn đèn vàng leo lét dọc đường, đi sát bên anh tôi, tôi cố giữ để anh tôi không biết tôi đang run vì gió lạnh.

Sau mấy mùa học nữa, tôi bỗng nhận ra anh tôi đã trở lại hình ảnh hiền lành, dễ thương, cộng với một chút ngây ngô, như hồi anh còn nhỏ, lúc chúng tôi còn chơi đùa với nhau ở Việt Nam. Những giờ rảnh giữa hai lớp học, chúng tôi gặp nhau ở cafeteria, nếu trời quá lạnh, hay ở ngoài trời, vào những ngày nắng ấm.

Sau khi mua thức ăn ở kiosk dọc đường, chúng tôi thường đến ngồi ăn trên một băng gỗ dài giữa thảm cỏ, và dưới bóng của cây phong. Tôi thấy anh tôi trở nên ít nói hơn xưa. Anh tôi thường nhìn lơ đãng; đôi khi anh tôi nhìn tôi rất lâu, và không nói gì.

Hôm nay, lần đầu tiên, anh tôi và tôi ngồi ăn trưa ở một nhà hàng trong campus. Món ăn ở đây đắt tiền hơn ở kiosk dọc đường, và ở nhà ăn dành cho sinh viên. Hôm nay trời ít lạnh, và chúng tôi ngồi ở một bàn trên sân cỏ ngoài trời, dưới gốc một cây phong, bên hông nhà hàng.

Anh Vượng nói:

– Hôm nay anh có nhiều tiền. Lâu lâu mình phải xài sang một bữa.

Nghé tiếng “xài sang,” tôi lại nhớ ngày xưa, anh tôi thường bị bác tôi la rầy về cái tật xài sang của anh, nghĩa là có đồng nào hết đồng nấy. Tôi nhìn anh, và thấy anh hoàn toàn giống như người anh ngày xưa, và không có gì thay đổi. Tôi thấy anh tôi có vẻ vui hơn ngày thường, lảng xăng đi vào trong nhà hàng mua thức ăn, và bưng ra một mâm. Anh tự chọn thức ăn mà không hỏi tôi trước. Anh đưa cho tôi món Burritos đặc biệt, một món ăn Mẽ, cũng là món ăn được ưa thích của nhà hàng này. Anh tôi biết tôi thích món này. Và anh cũng ăn Burritos.

Chúng tôi vừa nói chuyện, vừa ngồi ăn thong thả, vì lớp học kế tiếp còn hơn hai tiếng đồng hồ, và tuy trời hơi lạnh, nhưng chúng tôi mặc áo khoác đủ ấm. Sau khi ăn xong, chúng tôi tiếp tục ngồi lại đó.

Anh tôi nhìn tôi, và nói:

- Anh nhớ lúc mình còn ở Việt Nam, em hay làm biếng, đi đâu cũng bắt anh phải chờ em bằng xe đạp.
- Không phải làm biếng. Tại em thích đi chung với anh, vì em không có anh trai.
- Anh nhớ, ba năm trước, lúc nào em gặp anh, em cũng nói có một chuyện, là rủ anh đi học với em. Anh có cảm tưởng đó là một chuyện gì quan trọng nhất đối với em. Có lúc anh bức mình, và đã nói với em những lời không tốt. Em có còn giận anh không? Nghĩ lại, anh thấy buồn, vì anh đã làm cho em không vui.

Tôi nói:

- Anh nói đúng. Đó là điều quan trọng nhất đối với em lúc ấy. Em chỉ thương anh; em không có giận anh.
- Lúc còn ở Việt Nam, cái gì em cũng bắt anh phải chiều em và làm cho em. Bù lại, ở đây thì em đã giúp anh rất nhiều. Nếu không có em, có lẽ anh không đi học . . . Nghĩ lại giựt mình. Có đi học, anh mới thấy trước đây anh thật là u mê. Em, anh cảm ơn em suốt đời anh.

Tôi cảm động, và nhớ lại lời ba tôi nói là đúng. Tôi nói:

- Thôi, hãy bỏ qua những chuyện đó đi anh. Em cũng không nghĩ là trên Nước Mỹ rộng lớn này, anh và em lại được gần nhau như ngày xưa tại Việt Nam. Böyle giờ, mỗi ngày đi học chung với anh, em thấy vui.

Anh tôi nhìn tôi rất lâu, như nhìn một người mới gặp, và anh nói:

- Còn anh, bây giờ anh thấy em rất đẹp. Anh rất thích em để mái tóc tự nhiên và ngang vai như vậy. Anh nhớ lời Chú nói, cái gián dị luôn luôn đẹp hơn cái rắc rối. Anh thích nhìn em ngồi ở ngoài trời; gió thổi mạnh làm tóc em bay . . . đẹp lắm. Em có biết em rất đẹp không?
- Em cũng không biết nữa. Nếu anh thấy em xấu thì em xấu. Nếu anh thấy em đẹp thì em đẹp.

Anh tôi cười. Rồi tôi thấy anh tôi có vẻ trầm ngâm, đôi mắt nhìn xa xôi, và im lặng. Tôi nhìn anh tôi hút thuốc, không biết nói gì nữa, và cũng im lặng. Mãi lâu sau, anh tôi nhìn tôi một lúc, và bằng một giọng xúc động, anh tôi nói:

- Trong thời gian đi học chung với em, làm sao em biết được, có cái gì luôn luôn nồng tràn trong lòng anh, mà anh không thể nói với em . . .

Hơi ngạc nhiên và thắc mắc, tôi nói với anh tôi:

- Anh nói đi. Em nghe.
- Phải chi em không phải là em chú bác của anh . . . thì anh đã yêu em.

Lần đầu tiên, tôi thấy bất ngờ và xúc động khi gần anh tôi. Tôi cố gắng giữ bình tĩnh, và nói:

- Thì anh yêu em như một đứa em gái, có sao đâu . . .
- Không phải. Anh muốn yêu em và kết hôn với em, em có hiểu không?

Tôi nghe trái tim đập mạnh và hơi thở nhanh. Tôi nói:

- Phong tục của dân tộc Việt Nam không cho phép anh em có huyết thống gần hay xa kết hôn với nhau. Em nghĩ đó là một phong tục tốt hơn nhiều dân tộc khác, vì nó giúp cho một giống dân không bị thoái hóa . . . Anh có hiểu không? Anh làm cho em xúc động, nhưng anh và em không có sự chọn lựa nào khác, vì mình là anh em chú bác . . .

Anh tôi chống tay lên cầm, nhìn xuống bàn, im lặng. Rồi anh tôi nói, rất nhỏ, đủ cho tôi nghe:

- Anh hiểu. Anh cảm ơn em. Thôi em hãy bỏ qua việc này, và coi như anh đã không có nói gì với em, trong buổi trưa hôm nay. Thật ra, có lúc anh tưởng tượng em là một nàng tiên trong một truyện thần thoại nào đó, một nàng tiên thật đẹp và thật nhân từ . . . Em có hiểu không?

Nhìn vào đôi mắt của anh tôi, tôi cảm thấy ái ngại, cảm thấy một cái gì lâng lâng, và cảm thấy một thoáng buồn. Tôi chợt nhận ra anh tôi bây giờ không còn là một thanh niên hời hợt như trước nữa.

Tôi nói với anh tôi, mà cũng là nói với tôi:

- Ba em có kể cho em nghe truyện Grazeilla của nhà văn lãng mạn Pháp Lamartine, ở thế kỷ 19. Một người anh họ của Grazeilla yêu nàng, và im lặng đau khổ, chỉ vì nàng là người em gái họ, như anh và em bây giờ. Grazeilla biết tình yêu của người

anh họ. Người anh ra đi, Grazeilla buồn rầu, lâm bệnh, và trước khi từ giã trần gian này, nàng đã cắt mái tóc của mình, để lại cho người anh . . . Nàng đã chết lúc mới mươi sáu tuổi.

Cuối cùng, Lamartine viết:

'Yêu để được yêu, là thuộc về con người; yêu để yêu, là thuộc về thánh thần.'

Anh tôi im lặng. Không dám nhìn anh tôi, tôi lơ đãng nhìn ra đường. Bỗng tôi nhận thấy bàn tay anh tôi nắm chặt lấy bàn tay tôi ở trên bàn.

– Em, nếu có ai kêu anh lên thiên đàng, anh không đi. Vì ở đó không có em . . . Tôi quay đi, và tôi khóc.

TRUYỆN NGẮN

L i z

TU DINH

(1)

Thời gian hơn mươi bốn năm sống tại Mỹ, ở Tiểu Bang Colorado, hôm nay là ngày quan trọng nhất đối với tôi.

Apartment nhỏ bé này, mà tôi đã sống cô độc trong nhiều năm, hôm nay đã trở thành mái ấm của ba người: Liz, đứa con gái sắp sanh của nàng, và tôi. Tôi đưa Liz đến phòng ngủ độc nhất của apartment, và nói với nàng:

– Đây là phòng ngủ dành riêng cho em. Anh đã dọn dẹp cho có ngăn nắp và sạch sẽ.

Tất cả vật dụng đều mới, từ cái giường đôi, nệm, tấm trải nệm, chăn đắp, cái bàn nhỏ có ghế xoay . . . tất cả đều mới mua hai ngày trước, để dành riêng cho em.

Trong phòng vệ sinh, có đủ kem đánh răng, bàn chải, khăn tắm, khăn lau mặt, các chai xà bông tắm . . . tất cả đều mới, và được để riêng một góc, có một tờ giấy dán lên tường, và ghi tên của em. Từ hôm nay, phòng ngủ này chỉ có mình em dùng.

Phòng ăn còn rộng, và anh sẽ ngủ ở một góc của phòng ăn. Anh chỉ cần một tấm chăn mỏng trải trên thảm là ngủ được, không cần nệm.

Nói xong, tôi chỉ cho Liz từng thứ vật dụng mà nàng sẽ cần cho đời sống hằng ngày. Liz nhìn tôi, và nói:

– Cám ơn anh rất nhiều. Em cũng sống rất giản dị. Con em sẽ ra đời trong ngôi nhà này, đó là điều quan trọng nhất đối với em. Ít nhất, con em cũng được sống trong một ngôi nhà ấm cúng. Một người chị họ muốn xin đứa con trong bụng em, nhưng em không đồng ý. Em muốn tự mình em nuôi con em, và sống với nó.

Nghé Liz nói, tôi nghĩ rằng nàng là một người mẹ thương con; tôi cảm thấy vui. Rồi tôi đưa Liz trở ra phòng khách, phòng ăn, bếp, và chỗ để máy giặt và máy sấy. Tôi chỉ cho nàng chỗ để máy hộp bột giặt, và giấy làm thơm dùng cho máy sấy. Tôi đến phòng khách mang cái túi xách quần áo và vật dụng của nàng, và nói:

– Bây giờ, em có thể vô phòng của em để nghỉ ngơi. Có lẽ em đã mệt mỏi rồi.

Liz đi theo tôi. Tôi mở cửa phòng ngủ, đặt cái túi xách trước tủ tường, rồi đi ra. Trước khi tôi bước ra khỏi phòng, Liz ôm tôi, và nói một lần nữa:

– Cám ơn anh, Vien.

Tôi bước ra, và đóng cửa phòng lại.

Khoảng 11:30 giờ trưa, Liz đi ra phòng khách. Tôi nói với Liz:

– Xin lỗi em, anh quên hỏi là em thích món ăn gì, để anh đi mua, và mình cùng ăn bữa trưa. Lâu nay sống một mình, nên anh không có nấu nướng giữ cả. Anh chỉ ăn các món ăn làm sẵn, như Hamburger, gà quay KFC, Burritos, Pizza . . . hoặc đôi khi đi ăn ở các tiệm ăn Việt Nam.

Liz nói:

- Em cũng như anh. Thời gian vừa qua, em chỉ ăn fast food. Anh thích Pizza không?
- Em muốn ăn Pizza.
- Vậy anh sẽ gọi điện thoại cho Pizza Hut để đặt mua. Em thích loại nào?
- Em thích Pineapple Supreme.

Nửa giờ sau, Pizza nóng được giao đến nhà. Liz và tôi ngồi ăn bữa trưa tại phòng ăn.

(2)

Tôi biết Liz từ trên trang bìa của tờ báo sinh viên của Metropolitan State College of Denver, gọi tắt là MSCD, ở Auraria Campus. Trong lúc chờ lớp học kế tiếp, tôi ngồi đọc tờ báo này ở cafeteria. Bên trên cái tựa,

Youths on the streets

Pregnancy burdens transient teen

là một tấm hình lớn nguyên bì ngang tờ báo. Một thanh niên đang đứng, hai tay cầm tấm bảng *Homeless And Looking For Work*, kế bên phải là một cô gái đang ngồi nghiêng, cúi mặt trên hai cánh tay tựa trên hai đầu gối. Tóc cắt ngắn như con trai, khuôn mặt xương xương rất đẹp, và cái dáng ngồi rất buồn của cô gái, tất cả hình ảnh ấy đập mạnh vào mắt tôi. Người thanh niên tên là Jackson; người con gái tên là Liz. Tờ báo cho biết Liz đang mang thai sáu tháng, đã bị người tình bỏ rơi. Nàng chỉ giản dị mơ ước có được một nơi trú ngụ cho đứa con gái sắp sanh. Hiện nay, ban ngày Jackson và Liz đứng tại góc đường Broadway và Evans, khu Downtown Denver, để nhận tiền cho cửa khách qua đường. Buổi tối, Jackson ngủ ở ngoài trạm xe lửa, góc Santa Fe và Florida; Liz thì trở về Urban Peak, nơi trú ngụ dành cho homeless từ 16 đến 21 tuổi. Liz mới 20 tuổi, nên nàng được trú ngụ ở đây, còn Jackson đã 23 tuổi nên không thể ở lại đây. Tờ báo có in hình chụp Jackson ngủ ở ngoài trời lạnh, trên một tấm nệm kê dưới đất, và phủ lén người bằng sáu cái mền dày. Hình ảnh ấy đã làm tôi xúc động, và tôi cảm thấy buồn.

Mùa thu năm đó, tôi đang học năm cuối của chương trình BS in Mathematics tại University of Colorado at Denver, gọi tắt là UCD, cùng ở trong Auraria Campus với MSCD, và CCD. Sau khi làm việc đủ mươi năm, và được 40 credits về việc làm, để có thể nhận tiền ưu trí khi đến 65 tuổi, tôi đã quyết định đi học lại, và làm work-study mỗi tuần 20 giờ cho nhà trường.

Trong mươi năm làm việc, tôi có dành dụm được một số tiền. Hơn hai tuần lễ suy nghĩ, tôi quyết định đi gặp Liz, và đề nghị Liz có thể đến trú ngụ tại apartment nhỏ của tôi. Tôi đã nói với Liz rằng tôi sẽ dành một căn phòng riêng cho nàng, để đưa con sấp sanh của nàng sẽ ra đời dưới một mái nhà ấm cúng. Liz có vẻ nghĩ ngợi, và nàng muốn đi xem apartment mà tôi đang ở. Tôi đã làm theo yêu cầu của Liz. Sau đó, tôi đã chờ đợi hơn một tuần mới nhận được điện thoại của Liz. Liz nói, nàng bàng lòng đến trú ngụ tạm thời trong apartment của tôi.

(3)

Như thường lệ, sau bữa ăn tối, tôi dọn dẹp nhanh, vì không có gì nhiều trên bàn, rồi Liz và tôi ra phòng khách ngồi hút thuốc, uống cà phê, và nói chuyện với nhau, trước khi Liz trở vào phòng của nàng. Liz đã có thai đến tháng thứ tám, nhưng trông nàng vẫn khỏe, không có vẻ mệt mỏi. Có lẽ vì nàng còn trẻ. Tôi hỏi Liz:

- Em định đặt tên gì cho con gái của em?
- Leslie. Cùng một chữ cái với tên tắt của em. Anh thấy sao?
- Nghe hay lắm.

Liz hơi cúi xuống, im lặng. Nhìn nàng một hồi lâu, tôi nói:

- Leslie sẽ ra đời trong ngôi nhà này. Anh sẽ cùng với em chăm sóc nó. Nếu em không rời bỏ ngôi nhà này, anh sẽ được nhìn thấy nó lớn lên mỗi ngày. Nếu em không ngại, em có thể cho Leslie mang họ của anh không? Anh sẽ coi Leslie như con anh. Em nghĩ sao?

Liz ngược lên nhìn tôi, không trả lời ngay, và có vẻ suy nghĩ. Rồi Liz nói:

- Xin lỗi anh, họ của anh là gì?
- Nguyen. N-G-U-Y-E-N.
- Đó là Tiếng Việt?
- Đúng. Đó là Tiếng Việt. Tiếng Việt cũng dùng chữ cái La Tinh như Tiếng Anh.

Nàng cười:

- Nhưng em đọc không được.
- Em muốn đọc sao cũng được. Em đọc sao anh cũng hiểu.
- Anh có thể viết ra cho em không?

Tôi đi lấy cây viết, và viết chữ NGUYEN thật rõ. Tôi thấy Liz lẩm nhẩm đọc trong miệng. Liz nói:

- Tiếng Việt khó đọc hơn Tiếng Anh, phải không anh?
- Mỗi thứ tiếng có cách đọc riêng. Còn anh, anh thấy, Tiếng Anh khó đọc hơn Tiếng Việt.

Liz nhìn tôi, và cười. Thấy Liz vui, tôi nói:

- Em chưa trả lời đề nghị của anh.
- Em đọc không được cái họ của anh, nhưng em đồng ý cho Leslie mang họ của anh. Cám ơn anh, Vien.
- Không. Anh cám ơn em mới đúng, vì em cho anh một đứa con. Anh sẽ là một người cha. Hôm nay anh vui lắm, em có biết không?

Liz nhìn tôi, mím cười. Thấy Liz đứng lên, tôi cũng đứng lên. Tôi ôm Liz, và nói:

- Cám ơn em, Liz.
- Anh ngủ ngon.
- Em ngủ ngon.

Rồi Liz đi về phòng của nàng.

(4)

Tôi đưa cho Liz thẻ tín dụng ghi tên nàng, cùng chung một trương mục với tôi, và nói:

- Hôm nay đã gần ngày sanh, em có thể đi mua sẵn những thứ cần dùng cho Leslie. Vì anh không biết rõ em và Leslie cần những gì, nên anh không thể tự đi mua. Anh đưa em đi.

Liz cầm thẻ tín dụng, nhìn thấy tên mình trên thẻ, mắt ngược nhìn tôi, có vẻ ái ngại. Nhìn đôi mắt thật đẹp của Liz, tôi nói:

- Em thay quần áo, rồi mình đi.

Trong tiệm bán những món hàng dành cho trẻ sơ sinh, tôi đẩy chiếc xe đi theo sau Liz. Tôi thấy Liz mua tã, khăn, giấy lau, một ít quần áo trẻ con, và nhiều thứ tôi không biết. Tôi nhắc Liz:

- Minh phải mua một cái giường nhỏ, một ghế an toàn để trong xe, và một xe đẩy.

Liz nói:

- Em biết một chỗ chuyên bán những thứ này, giá rẻ hơn ở đây, nhưng hơi xa.

Liz trả tiền xong, tôi đẩy xe ra bãi đậu xe, chất những món đồ vừa mua vào xe. Rồi tôi đưa Liz đi đến một chỗ bán hàng khác, theo lời nàng chỉ. Tại đây, Liz đặt mua một giường nhỏ, một ghế an toàn gắn vào xe hơi, và một xe đẩy của trẻ con. Người bán hàng hẹn ba ngày sau sẽ chờ những món hàng này đến địa chỉ chúng tôi.

Trên đường về nhà, tôi thấy Liz có vẻ vui. Và tôi cảm thấy vui.

(5)

Tại bệnh viện, Liz đang ở trong phòng sanh, còn tôi ngồi đợi ở ngoài phòng. Rồi một cô y tá đi ra, vừa nói, vừa ra dấu cho tôi vào phòng sanh:

– Ông Nguyen, mời ông vào.

Hơi ngạc nhiên, tôi đi vào phòng, và cô y tá đóng cửa phòng lại. Tôi thấy bác sĩ đang đỡ đẻ cho Liz. Tôi nhìn khuôn mặt của Liz. Tôi xúc động nhìn thấy Liz đang cử động thân người, có vẻ mệt và đau đớn. Rồi có tiếng khóc: Leslie đã rời khỏi bụng mẹ. Sau đó, bác sĩ vừa nói, vừa ra dấu cho tôi đến cắt rún cho Leslie. Đó là giây phút cảm động nhất đối với tôi. Sau khi cột rún cho Leslie, bác sĩ in hai bàn chân của Leslie lên chiếc áo trắng tôi đang mặc. Nhìn Liz đang nằm, mắt nhắm lại, tôi cảm thấy xúc động.

Trong phòng riêng sau khi sanh, Liz nằm trên chiếc giường đặc biệt dành cho nàng; tôi ngồi trên chiếc giường nhỏ kê song song bên cạnh. Tôi bồng Leslie nằm ngủ bằng hai tay đặt lên hai đầu gối của tôi; Leslie được quấn kín trong lớp vải trắng. Tôi nhìn Liz đang nằm ngủ vì mệt. Tôi nhìn Leslie trên tay tôi. Trẻ sơ sinh rất dễ thương; Leslie lại là con của tôi. Tôi ngắm nhìn Leslie, để xem Leslie có nét nào giống mẹ không. Tôi mong Leslie giống mẹ, và lớn lên sẽ mang vẻ đẹp của Liz.

Buổi tối, tôi ở lại bệnh viện với Liz. Thỉnh thoảng, một cô y tá vào phòng săn sóc cho Liz và Leslie. Giữa đêm, tôi thấy Liz thức dậy. Tôi đến cúi xuống ôm Liz, và nói:

– Liz, em đã cảm thấy khỏe chưa?

Liz nhìn tôi, gật đầu.

Lúc 10:15 giờ sáng, bác sĩ khám sức khỏe cho hai mẹ con Liz. Bác sĩ cho biết sức khỏe của hai mẹ con rất tốt, và cho phép chúng tôi về nhà. Chuẩn bị đầy đủ, tôi đưa Liz và Leslie về đến nhà lúc 3:00 giờ chiều.

(6)

Sau khi Leslie ra đời được một tháng rưỡi, Liz nói với tôi là nàng muốn đi lễ nhà thờ mỗi tuần. Liz theo đạo Roman Catholic. Liz nghĩ rằng tôi theo Đạo Phật. Nhưng tôi cho Liz biết rằng tôi là người không có tôn giáo. Tôi nói với Liz:

– Khi nào em đi lễ nhà thờ, anh sẽ đưa em và Leslie đi. Và anh cũng vào nhà thờ dự lễ với em và con.

Liz hơi ngạc nhiên:

– Nhưng anh có biết nghi lễ của nhà thờ Roman Catholic không?

– Anh xin lỗi, anh không biết. Nhưng anh sẽ làm theo em và mọi người trong nhà thờ. Anh sẽ nhìn em; thấy em làm như thế nào thì anh sẽ làm theo như vậy.

Hôm nay là ngày chúa nhựt đầu tiên, Liz, Leslie, và tôi đi lễ ở nhà thờ gần nhà. Tối hôm qua có tuyết rơi, nhưng không nhiều lắm. Tuy nhiên, ngoài trời rất lạnh, vào khoảng 6 độ Fahrenheit. Liz mặc nhiều lớp áo cho con, buộc giây an toàn cho Leslie ở chiếc ghế sau xe, và nàng ngồi ở ghế trước với tôi.

Đến nhà thờ, tôi xách cái nôi của Leslie, và chúng tôi đi nhanh vào trong. Đã có khá đông người ngồi trong nhà thờ. Liz đi trước, vòng qua cánh trái của nhà thờ, gần sát bàn thờ, vì ở đó còn nhiều hàng ghế trống. Liz đi vào một hàng ghế; tôi xách cái nôi của Leslie đưa lên cao khỏi các ghế ngồi, đi theo sau nàng. Liz đứng lại, ra dấu cho tôi ngồi ở chiếc ghế bên cạnh nàng. Tôi đặt cái nôi của Leslie bên cạnh tôi, và ngồi ở giữa Liz và Leslie.

Nhà thờ Saint Michael mới xây cất, theo một kiến trúc mới, khác hẳn các nhà thờ mà tôi thấy tại Việt Nam. Bên trong nhà thờ là một không gian rất thoáng, rất rộng, và rất đơn giản. Đó là một hình chữ nhật khoảng 50 m chiều ngang, và 30 m chiều sâu. Bàn thờ được đặt theo chiều ngang, ở phía trong. Các hàng ghế xếp theo hình chữ U, hướng về bàn thờ. Trần nhà thờ khá cao, toàn màu trắng, nên người ta có cảm giác thoáng rộng và thoải mái. Giữa nóc nhà thờ, là một ô vuông rộng nhô lên cao, lợp bằng kiếng lọc ánh sáng. Bên dưới rất sáng. Trong nhà thờ, ánh sáng thiên nhiên là chính, một số đèn chỉ là phụ.

Sau khi ngồi vào ghế trong vài giây, Liz kéo miếng gỗ nhỏ có bọc nệm ở dưới hàng ghế trước ra, rồi nàng đặt hai đầu gối lên, và quỳ xuống. Tôi vội vàng làm theo Liz, và quỳ xuống bên cạnh nàng. Liz tỳ hai tay lên lưng chiếc ghế trước, và cúi mặt xuống. Có lẽ Liz đang đọc kinh hay cầu nguyện. Tôi chỉ nhìn ngang, nhưng không cúi đầu xuống như nàng, vì tôi còn phải liếc nhìn Liz để theo dõi các động tác tiếp của nàng, để làm theo. Một lúc sau, Liz ngồi lên ghế, và tôi cũng làm như vậy.

Rồi mọi người đứng lên. Trong khi một người đàn bà đứng hát thánh ca sau một cái bục nhỏ bên phải bàn thờ, tôi thấy có hai linh mục, một già một trẻ, từ phía cửa trước tiến vô nhà thờ, với một số người đi kèm, trong đó có một người cầm cây thánh giá lớn đi trước. Hai linh mục bước lên bàn thờ bằng gỗ, chỉ cao hơn mặt nền ba bậc. Buổi lễ bắt đầu. Mặc dù không có đạo, có một bản thánh ca giữa buổi lễ đã làm cho tôi cảm thấy lâng lâng và xúc động.

Tôi luôn luôn nhìn Liz và mọi người để làm theo các động tác của nghi lễ. Đến gần cuối buổi lễ, mọi người quỳ xuống, trong khi một linh mục làm phép thánh trên bàn thờ. Đây là lúc trang nghiêm nhất trong buổi lễ. Rồi mọi người đứng dậy, người nầy nắm tay người kia theo hàng ngang. Liz đưa tay lên; một tay tôi nắm tay nàng, và tay kia nắm tay người bên cạnh. Một lúc sau, mọi người cùng nâng tay lên cao, rồi sau đó

buông ra. Linh mục nói vài câu, và sau cùng ông bảo mọi người chúc bình an những người bên cạnh. Tôi đang lúng túng thì Liz ôm hôn tôi. Không biết gì, nhưng tôi cũng ôm Liz và hôn trên hai má nàng. Rồi chúng tôi bắt tay chúc bình an những người bên cạnh ở hàng ghế trước và sau. Đây là lần đầu tiên Liz ôm hôn tôi, trong khung cảnh trang nghiêm của nhà thờ. Tôi thấy bất ngờ, xúc động, và có cảm giác lâng lâng.

Trên đường đưa Liz và Leslie về nhà, tôi nói:

- Hôm nay anh đã thuộc gần hết các nghi lễ. Anh thấy không có gì khó, và anh sẽ giống như em. Tuần sau mình lại đi lễ nữa, phải không em?
- Phải, tuần nào mình cũng đi. Em thích đi buổi lễ cuối vào lúc 12:15 giờ trưa như hôm nay, để kịp thời gian cho Leslie bú sữa, tắm cho nó, và chuẩn bị quần áo cho con và em.

Từ hôm ấy, ngày Chúa nhụt là một ngày có ý nghĩa, và là một ngày vui đối với tôi.

(7)

Leslie đang ngủ ở trong phòng của Liz, và cửa phòng được mở ra, để chúng tôi có thể nghe tiếng khóc của Leslie khi nó thức dậy. Liz và tôi ngồi uống cà phê trong cái ô nhỏ mà tôi đã tự làm, để khói thuốc không bay vào nhà. Chỗ này hơi chật, giống như một ổ chuột, ở phía sau nhà, có quạt rút khói và một máy sưởi bằng điện 1,500 watts; trong đó chỉ kê hai cái ghế, và một bàn nhỏ. Đó là nơi để Liz và tôi ngồi uống cà phê và hút thuốc.

Liz nói với tôi:

- Chúa nhụt vừa rồi, ở nhà thờ, anh giỏi lắm. Anh làm giống như em. Những người bên cạnh tưởng là anh có đạo như em. Tuy nhiên, anh đã phạm một tội rất lớn.

Thấy tôi ngạc không hiểu, Liz nói:

- Lúc em lên bàn thờ để nhận bánh thánh, sao anh cũng xách cái nôi của Leslie để đi theo em, và cũng nhận bánh thánh như em? Anh không phải là người có đạo, nên anh không thể nhận bánh thánh. Đó là một cái tội lớn, anh có hiểu không?

Rồi Liz lại cười:

- Tuy nhiên, vì anh không biết luật nên anh mới làm như vậy. Nhìn thấy anh đưa tay ra nhận bánh thánh, suýt chút nữa em đã bật cười. Lúc đó, em thấy anh thật là ngốc nghếch. Nhưng Chúa sẽ tha tội cho anh, vì anh không biết rõ việc mình làm. Em ngạc nhiên khi biết anh là người không có tôn giáo, vì ai cũng phải có đức tin. Anh có thể cho em biết vì sao không. Tuy nhiên, nếu anh không muốn nói thì anh có thể không cần trả lời em.

Câu hỏi của Liz rất khó trả lời. Ngập ngừng một lúc, tôi nói với nàng:

- Thật tình, anh cũng không hiểu tại sao. Có lẽ gia đình anh không có ai có đạo, nên anh cũng như vậy. Anh không nghĩ đến những gì quá cao xa. Trái tim của anh dành cho con người, những người gần gũi ở bên anh. Chẳng hạn, bây giờ, em đang ngồi trước mặt anh, và Leslie đang ngủ trong phòng. Đó là hai người gần gũi nhất với anh. Anh quan tâm và yêu hai người ấy. Anh không nghĩ gì xa hơn nữa.

(8)

Sáng hôm nay, Liz và tôi đã tổ chức mừng sinh nhật lần thứ nhứt của Leslie. Liz đã sống bên cạnh tôi trong căn apartment này được hơn một năm.

Bây giờ là 10:00 giờ tối. Liz và tôi ngồi trong ống chuột uống cà phê, hút thuốc, và nói chuyện với nhau. Liz đã quen thức khuya cùng với tôi. Tôi nhìn Liz và nói:

- Anh thấy tóc em bây giờ đã dài ngang vai, đẹp lắm. Khi anh gặp em, em để tóc ngắn như con trai, thấy không đẹp. Anh mong em đừng bao giờ uốn tóc. Mái tóc suông tự nhiên là đẹp nhứt, theo ý anh. Mỗi khi em cúi xuống, tóc em rủ xuống theo, đẹp lắm.

Liz nghe tôi nói, mắt nàng long lanh. Liz không nói gì. Nhìn đôi mắt xanh da trời rất đẹp của Liz, tôi nói:

- Liz, em có biết anh yêu em lắm không? Không phải bây giờ, mà từ lúc gặp em. Anh không thể nói gì khác. Tình yêu là một hiện tượng không thể định nghĩa được, em có biết không? Yêu là yêu, thế thôi ...
- Em biết, và em đã biết từ lâu. Em cũng biết là anh luôn luôn tôn trọng em, trong thời gian anh và em sống bên cạnh nhau trong ngôi nhà này. Không hẳn là em không có yêu anh. Nhưng ...

Liz không nói tiếp. Tôi nghĩ là tôi không nên hỏi những gì Liz không muốn nói với tôi.

Tôi nói với Liz:

- Anh tin không có cái gì mãi mãi như thế. Cái gì cũng sẽ thay đổi theo thời gian. Tôi đến bàn lấy viết chì màu và một tờ giấy. Tôi vẽ hai cột, như một biểu đồ. Cột thứ nhứt ghi tên tôi; cột thứ hai ghi tên Liz; ở dưới ghi số không, và trên cùng ghi số 100%. Tôi dùng màu đỏ bôi đầy cột ghi tên tôi, lên đến số 100%. Tôi đặt tờ giấy trên bàn, trước mặt Liz, chỉ vào tên tôi, và nói:

- Em đã biết tình yêu của anh đối với em. Cột ghi tên em còn trống. Chừng vài tháng một lần, anh mong em sẽ cho anh xem lại tờ giấy này, để anh biết tự tay em ghi tình cảm của em đối với anh đã lên đến bao nhiêu phần trăm. Đó là tiếng nói của thời gian. Nếu như em không ghi gì cả, đó cũng là một câu trả lời của em, và anh sẽ hiểu.

Tôi bỏ tờ giấy vào một bao thư, và đưa cho Liz. Tôi thấy Liz vừa có vẻ xúc động, vừa có vẻ ngập ngừng, nhưng cuối cùng, nàng cầm bao thư, và nói:

– Em sẽ giữ nó.

Rồi tôi nói:

– Thôi, em hãy bỏ qua chuyện này. Việc quan trọng nhất mà anh muốn nói với em đêm nay là, anh mong em đi học lại, em có đồng ý không? Anh thấy bây giờ là lúc thuận tiện để em đi học. Mọi việc có anh lo.

Liz có vẻ ngạc nhiên, có lẽ vì nàng không nghĩ đến điều này. Liz nói:

- Em lúc nào cũng muốn vào đại học, vì đó là dự định của em, khi em còn học ở high school. Nhưng Leslie còn nhỏ quá. Anh nghĩ đến tương lai của em, em rất cảm ơn anh. Nhưng em thấy bây giờ chưa tiện để em đi học.
- Em đừng lo. Em có thể chọn các lớp học vào những giờ có anh ở nhà. Anh sẽ trông coi Leslie. Anh có bổn phận cùng với em săn sóc cho Leslie. Leslie là con của em, mà cũng là con của anh. Anh biết cách làm cho con chúng ta vui khi ở nhà với anh. Em thấy không, khi Leslie khóc, anh chỉ cần bồng con lên thì nó không khóc nữa.
- Em cảm thấy hạnh phúc, và rất cảm ơn anh, khi thấy anh đã yêu thương, lo lắng, và săn sóc cho Leslie từ khi nó sanh ra. Anh là một người cha tốt. Lớn lên, Leslie sẽ rất yêu người cha tốt của nó. Em chắc chắn như vậy. Nếu anh cảm thấy việc em đi học làm cho anh vui, em sẽ đi học. Cảm ơn anh đã lo cho em.

Liz đứng lên, và đến ôm tôi, như một lời cảm ơn. Sở Liz đổi ý, tôi nói:

- Mùa Fall gần kề. Vậy em đến Arapahoe Community College gần nhà mình để ghi tên, và dùng thẻ tín dụng của em để đóng tiền học. Anh sẽ làm đơn cho em để xin tiền trợ cấp của Liên Bang. Mùa Spring tới đây, em sẽ được tiền trợ cấp.

Sáng hôm sau, tôi đưa Liz đến Arapahoe Community College để ghi tên đi học.

Hai tuần sau nữa, là ngày nhập học của Mùa Fall. Liz lái chiếc xe của nàng. Leslie nằm trên ghế an toàn trong chiếc xe của tôi. Chúng tôi đi đến trường, vì hôm nay là ngày học đầu tiên. Tại bãi đậu xe, tôi ôm hôn Liz, và chúc nàng may mắn. Rồi tôi đứng lại để nhìn Liz, lưng đeo túi xách, đi về phía Classroom Building. Hình ảnh một người mẹ trẻ đi học làm cho tôi cảm động, và tôi thấy yêu nàng biết bao.

(9)

Tôi mua một bàn thật nhỏ vừa đủ hai người ngồi ăn, và kê gần bếp, để thay bàn ăn trước kia. Phòng ăn trống bây giờ là nơi để bàn học của Liz, và bàn làm việc của tôi. Hai bàn đặt song song nhau, quay vô hướng, và cách nhau khoảng hai thước. Tôi muốn khi ngồi ở bàn làm việc, thỉnh thoảng tôi có thể quay nhìn Liz đang ngồi học. Khi Liz

để tóc tự nhiên, tôi nhìn tóc nàng rủ xuống khi ngồi học. Khi Liz cột tóc lên phía sau, tôi lại được nhìn một bên khuôn mặt của nàng. Cả hai hình ảnh của Liz đều rất đẹp đối với tôi. Mỗi ngày nhìn Liz ngồi học, đó là hạnh phúc của tôi.

Chúng tôi ăn uống rất giản dị, để đỡ mất thời giờ. Thường ngày, chúng tôi ăn fast food. Thỉnh thoảng, Liz mới nấu ăn trong những ngày nghỉ cuối tuần. Liz mua một quyển sách dạy nấu ăn, và để ở bếp. Mỗi lần nấu món gì, Liz lật sách coi. Có khi tôi đưa Liz đi ăn phở hay chả giò, là hai món ăn Việt Nam mà nàng ưa thích.

Để cho Liz có thời gian thoải mái, ban ngày, tôi coi sóc Leslie, vui đùa với nó, và thường đẩy xe cho Leslie đi dạo trong khuôn viên của apartment mà chúng tôi đang ở, vào những ngày nắng ấm.

(10)

Đang chơi với Leslie ở phòng khách, tôi nghe Liz gọi tôi từ bàn học của nàng. Tôi đi đến bàn học của Liz. Nàng đưa cuốn tập, chỉ bài toán mà nàng đã làm xong, và hỏi tôi có đúng không. Tôi xem kỹ, thấy kết quả đúng, nhưng cách viết bài giải rất sơ sài và không mạch lạc. Tôi kéo chiếc ghế của tôi để ngồi gần Liz, và nói:

– Em đã làm ra kết quả đúng. Em giỏi lắm. Anh thấy em rất thông minh.
Tay cầm cây viết chì đưa ngang lên môi, Liz nhìn tôi, có vẻ vui mừng:

- Cám ơn anh.
- Nhưng lần sau, em nhớ viết lời giải cho thật rõ ràng và mạch lạc. Anh có thể nói, học toán không phải là chỉ để biết làm toán. Có khi một người không học nhiều về toán, chỉ dùng các công thức cũng tính ra kết quả được. Ý anh muốn nói là, em cần chú ý con đường dẫn đến kết quả của một bài toán, hơn là chỉ chú ý đến kết quả. Người ta gọi đó là phương pháp toán học, hay luận lý toán học, em có biết không?
- Nghĩa là sao, anh? Anh có thể nói rõ hơn cho em hiểu không?
- Nghĩa là, khi em muốn chứng minh một cái gì đó, em cần cho thấy rõ là em căn cứ vào một định nghĩa, hay một định lý, hay một quy tắc nào đó. Và từ tính chất này dẫn đến tính chất kia một cách chắc chắn, nghĩa là có luận lý, cho đến khi dẫn đến kết quả cuối cùng mà em muốn, step-by-step. Phần này rất quan trọng. Đó là con đường dẫn đến kết quả. Nó giúp em tập suy nghĩ theo phương pháp toán học. Khi em đã biết suy nghĩ có phương pháp, em sẽ thấy việc làm toán không còn khó. Một điều quan trọng nữa mà anh muốn nói với em là, có thể nói, gần như bài toán nào cũng có nhiều hơn một bài giải. Từ nay, khi làm toán, em thử cố gắng tìm thêm bài giải thứ hai, sau khi em đã tìm được một bài giải. Em sẽ cảm thấy thú vị khi học toán.

– Làm xong các bài tập, em thấy vui lắm. Từ nay, em sẽ cố gắng làm như anh nói.
Anh đã giúp em có lòng tự tin.

Liz đứng lên, bước tới, hai tay ôm đầu tôi, má nàng kề vào má tôi. Tôi hiểu đó là lời cảm ơn rất dễ thương của Liz, mỗi khi nàng không nói tiếng cảm ơn. Liz ôm tôi hơi lâu; hơi thở và mùi da thịt của nàng mang lại cho tôi cảm giác lâng lâng hạnh phúc.

Từ hôm đó về sau, tôi thấy Liz cặm cụi học toán. Thỉnh thoảng, Liz đưa cho tôi xem những bài toán nào mà nàng đã tìm được hai bài giải. Tôi rất mừng thấy Liz ham học và có lòng tự tin. Tôi nói với Liz:

– Em rất thông minh, em có biết không?

Mỗi lần như vậy, tôi nhìn thấy đôi mắt Liz long lanh, và nàng rất vui mừng.

(11)

Mùa nào, Liz cũng ghi tên học toán liên tục, kể cả lớp học Mùa Hè, là mùa ngắn trong năm, chỉ dài từ 10 đến 12 tuần học.

Tối hôm nay, lúc ngồi uống cà phê và hút thuốc với tôi trong ố chuột, Liz vui vẻ nói:

– Chiều nay, trong giờ học Hóa Học đại cương, một sinh viên lên bảng làm bài toán về cân bằng các phương trình hóa học, căn cứ vào trọng lượng phân tử. Thật ra, người ta có thể cân bằng các phương trình hóa học bằng matrix, dựa vào trọng lượng nguyên tử, chính xác hơn, mà không cần dựa vào kết quả cân đo trong phòng thí nghiệm. Ý em muốn nói với anh là, như anh đã nói, bài toán nào cũng có nhiều hơn một cách giải. Em cảm ơn anh đã làm cho em cảm thấy thích học toán như anh. Em đã quyết định học BS in Mathematics. Anh có vui không?

– Anh chúc mừng em. Anh vui lắm.

Và tôi nói tiếp:

– Sau này em sẽ thấy, toán là một môn học chính xác; nó mang lại những ích lợi thực tế lớn lao trong đời sống của con người, nhưng nó rất trừu tượng. Một việc nữa anh có thể nói với em là, vì toán là những ý niệm chỉ nằm trong đầu của con người, nên một ngày nào đó, em sẽ trở thành một người mơ màng mờ mờ, vì em đi đâu hay em ở đâu, em cũng suy nghĩ về nó. Vậy, em nhớ lái xe cho cẩn thận.

– Anh đừng lo. Em lái xe rất cẩn thận. Để em đi lấy thêm cà phê cho anh.

Liz đứng lên, cầm tách cà phê đã cạn của tôi, đi vào bếp, và bưng ra một tách đầy.

– Em đã bỏ đường rồi. Em biết anh uống cà phê ít ngọt hơn em một chút. Anh nói chuyện cho em nghe nữa đi.

Tôi nói:

– Em chưa buồn ngủ sao? Anh thấy bây giờ em thức khuya giờ lắm.

- Tại anh tập cho em. Vả lại, anh và em không có gì ngoài chơi, ban ngày thì rất bận rộn, nên chỉ có buổi tối để anh và em ngồi nói chuyện với nhau cho đỡ buồn. Sống bên cạnh anh, em thấy đêm tối có ý nghĩa hơn là chỉ để ngủ. Anh nói chuyện nữa đi. Em nghe.

Tôi bưng tách cà phê lên uống, nhìn đôi mắt rất đẹp của Liz một hồi lâu, như tôi đã quen nhìn như thế từ mấy năm nay, rồi tôi nói:

- Em có biết không, nhà toán học và nhà thơ giống nhau. Họ không suy nghĩ hay nói về những gì có thật trong đời sống; họ nói về các ý niệm. Chẳng hạn, em nghe câu thơ rất ngắn sau đây của một nhà thơ Việt Nam, Phạm Công Thiện:

tôi gọi hương và tôi chết giấc

Hương là tên của một người con gái. Nhà thơ không tả một người chết giấc, như chúng ta có dịp thấy trong các tai nạn xe cộ. Nhà thơ muốn chúng ta hiểu ý niệm say đắm và đam mê tột cùng của một người khi yêu một người. Chỉ cần nhắc đến tên của người con gái, nhà thơ cũng đủ xúc động vô cùng, tưởng tượng như mình đang ngã lăn ra, bất tỉnh. Rất nhiều ý niệm mà ngôn ngữ thường nghiệm không thể diễn tả được. Và nghệ thuật là những ngôn ngữ đặc biệt mà các nghệ sĩ dùng để diễn tả các ý niệm cho chúng ta hiểu, hay ít nhất, chúng ta có thể cảm nhận được. Chẳng hạn, khi nghe một bản nhạc hay, em nhận được một cảm giác nào đó, đó là tiếng nói của nghệ thuật. Khác với toán học, nghệ thuật không phải là ngôn ngữ của khối óc; nghệ thuật là ngôn ngữ để nói với trái tim . . . Em có biết không?

Liz chăm chú nghe tôi nói, và nàng nhìn tôi bằng đôi mắt long lanh. Tôi thấy đôi mắt ấy thật đẹp, và xa thẳm như bầu trời.

(12)

Leslie và tôi ngồi dưới thảm ở phòng khách. Tôi đang chỉ cho Leslie ráp thành một ngôi nhà từ những miếng gỗ nhỏ bé trong hộp đồ chơi mà tôi mới mua hôm qua. Nghe tiếng mở khóa cửa trước, tôi biết Liz đi học về. Liz bước vô, đóng cửa lại, và hỏi:

- Anh đang làm gì đó?
- Leslie đang ráp một cái nhà, và anh đang giúp nó. Anh đã trang trí xong cây thông để chuẩn bị cho Lê Giáng Sinh.
- Anh làm đẹp quá. Em thích lắm. Còn sớm mà anh đã thắp đèn cho cây thông.
- Anh muốn cây thông rực sáng suốt ngày đêm.

Tôi ngược lên nhìn Liz, và thấy nàng mím cười. Túi đeo lưng vẫn còn trên vai, Liz cúi xuống, quỳ hai đầu gối trên thảm, rồi dang hai cánh tay choàng qua đầu Leslie và tôi, vì hai cha con chúng tôi đang ngồi gần nhau. Liz hôn trên má tôi và trên đầu Leslie. Rồi Liz khép vòng tay của nàng lại; ba cái đầu chụm vào nhau.

Liz đã dọn thức ăn xong, và chúng tôi ăn bữa chiều. Liz và tôi ngồi đối mặt nhau; Leslie ngồi ở giữa, trên một cái ghế cao, ngang tầm với bàn ăn. Leslie bây giờ có thể tự ăn một mình. Tôi hỏi Liz:

- Hôm nay em đi học có vui không?
- Trong giờ học, thỉnh thoảng em nhớ anh và Leslie đang ở nhà.

Tôi nhìn Leslie, rồi nhìn Liz, và nói:

- Em cứ yên tâm đi học. Ở nhà đã có anh chơi với Leslie. Leslie có một người mẹ, và nó cũng có một người cha, nhưng nó không có "cha mẹ." Lớn lên, Leslie sẽ thấy người mẹ và người cha của nó là hai người riêng biệt, một người thì ở trên mặt trăng, còn một người thì ở trên mặt trời, không giống ai ...

Liz bật cười. Liz quay qua nhìn Leslie một hồi lâu. Rồi Liz im lặng, không nhìn tôi mà nhìn xuống bàn; muống thức ăn trên tay Liz ngừng lại và nằm yên ở môi nàng ...

(13)

Sau một tuần ở Toronto, Canada, để dự đám tang người chị, chiều Thứ Bảy hôm nay tôi trở về nhà. Từ dưới đường hầm xe điện đi lên Main Terminal, tôi thấy Liz và Leslie đứng chờ tôi. Tôi ôm hôn nàng và hôn Leslie. Tôi cõng Leslie trên lưng tôi; Liz đưa tay cầm cái túi xách nhỏ giúp tôi. Rồi chúng tôi đi bộ đến bến đậu xe ở Tầng 5 của nhà để xe. Liz lái xe đưa chúng tôi về nhà. Liz hỏi tôi đi đường có bình yên không. Tôi cho nàng biết là mọi việc đều suông sẻ.

Chúng tôi về đến nhà lúc 9:15 giờ tối. Liz nói:

- Con đã ăn xong. Em còn đợi anh về để mình cùng ăn bữa tối.

Liz đi vào bếp, và tôi vội vàng tắm thật nhanh để kịp ăn với Liz. Hôm nay, Liz làm món ăn mà tôi ưa thích: beefsteak, và một đĩa rau cải trộn với giấm và dầu olive. Chúng tôi có thói quen mỗi bữa ăn chỉ có một món mà thôi, vì tôi không muốn Liz mất nhiều thời gian nấu nướng. Liz cũng đã quen với cách ăn uống giản dị.

Hôm nay tôi thấy Liz có vẻ vui hơn thường ngày. Trong bữa ăn, thỉnh thoảng Liz nhìn tôi hơi lâu, và không nói gì. Ăn xong, nàng dọn dẹp, còn tôi ra ngồi ở phòng khách. Tôi cảm thấy thoải mái sau một chuyến đi xa trở về nhà. Tôi thèm thuốc, nhưng tôi muốn đợi Liz, để cùng nàng uống cà phê và hút thuốc trong cái ổ chuột của chúng tôi.

Bây giờ là 10:30 giờ tối. Liz ra phòng khách, trên tay cầm một sơ-mi bìa cứng, mà tôi không biết có gì trong đó. Bình thường, Liz và tôi ngồi đối mặt nhau. Tôi hơi ngạc nhiên thấy hôm nay Liz đến ngồi bên cạnh tôi trên chiếc sofa.

Liz đưa cho tôi cái sơ-mi, và nói:

- Đây là câu hỏi mà anh đã đưa cho em hai năm trước. Có lẽ anh không còn nhớ, nhưng em không quên. Anh mở ra xem đi.

Tôi đã nhớ lại cái biển đồ mà tôi đưa cho nàng hai năm trước đây, trong đó tôi đề nghị Liz ghi mức tiến triển tình cảm của nàng đối với tôi. Tôi nói:

- Lâu lắm, anh đã không mở bao thư này. Mở ra, anh không biết vui hay buồn.

Liz lấy lại cái sơ-mi trong tay tôi, rút ra tờ giấy trong một bao thư màu vàng, và đưa cho tôi. Tôi cầm tờ giấy để xem. Đó là giây phút xúc động nhất của tôi, từ lúc Liz có mặt trong ngôi nhà này. Cột đứng ghi tên Liz đã được nàng tô màu xanh đến 100%. Tôi nói với nàng:

- Em làm cho anh xúc động biết bao. Anh cảm ơn em, Liz.

Liz đứng lên, và nói:

- Anh đứng lên đi.

Tôi đứng lên. Nàng nhích lại thật sát trước mặt tôi. Nhìn vào mắt tôi, bằng đôi mắt long lanh của nàng, Liz nói:

- Em yêu anh.

Rồi Liz ôm tôi thật chặt, đầu nàng tựa lên vai tôi. Chúng tôi ôm nhau rất lâu, và im lặng. Rồi Liz để khuôn mặt nàng sát mặt tôi, hơi ngược lên, mắt nàng khép lại. Mi mắt nàng dài và cong; khi mắt nàng khép xuống, tôi vẫn thấy đôi mắt ấy thật đẹp. Đó là hình ảnh mà tôi không bao giờ có thể quên. Tôi ôm Liz, và chúng tôi hôn nhau cái hôn đầu tiên của tình yêu. Khi chúng tôi buông nhau ra, tôi vuốt mái tóc nàng, và gõ những sợi tóc đang rủ xuống vương hai bên má nàng. Mùi da thịt của Liz mang lại cho tôi một cảm giác lâng lâng. Liz nói:

- Em biết, anh yêu em, nhưng anh luôn luôn tôn trọng em. Anh đã kêu em bỏ tờ giấy này, nhưng em giữ nó, vì em tôn trọng anh. Anh là một người cô độc; em cũng là một người cô độc. Cuối cùng, em nghĩ, em không thể không yêu một người như anh. Anh đã cho em một mái nhà ấm cúng. Anh đã cho Leslie có một người cha. Hôm nay, anh có vui không?
- Không phải vui, mà là hạnh phúc. Bây giờ, anh là một người hạnh phúc, em có biết không?
- Từ hôm nay, em là vợ anh. Minh sẽ sống với nhau như vợ chồng, anh có hiểu không?
- Liz, mình đi vô ổ chuột để hút thuốc. Nay giờ, anh thèm thuốc.

Liz nói:

- Em cũng vậy. Để em đi lấy cà phê.

Đến ổ chuột, chúng tôi lại ôm hôn nhau lần nữa, rồi mới ngồi xuống ghế. Liz và tôi ngồi uống cà phê và hút thuốc rất nhiều. Tôi nói:

- Em có biết Columbine là gì không? Đó là một loài hoa đại thật đẹp ở xứ này. Em cũng là một loài hoa đại thật đẹp, mà anh yêu biết bao, em có biết không?

Chúng tôi ngồi trong ổ chuột đến 2:00 giờ sáng. Liz nói:

– Viên, bây giờ mình đi vô phòng ngủ. Em đã chuẩn bị căn phòng ấy cho đêm nay. Liz và tôi đứng lên. Nàng quàng cánh tay nàng qua tay tôi. Chúng tôi đi sát bên nhau, đến trước cửa phòng ngủ dành riêng cho nàng bấy lâu nay. Liz nói nhỏ:

– Anh mở cửa đi.

Tôi đưa tay vặn nhẹ ổ khóa, và tôi đưa Liz vào phòng. Tôi thấy căn phòng chỉ có một đèn mờ trên chiếc bàn nhỏ ở đầu giường. Tôi nói nhỏ, đủ cho Liz nghe:

– Liz, mình có thể bật đèn cho sáng không? Em đẹp lắm. Anh yêu em, và đêm nay, anh muốn được ngắm nhìn em . . .

Liz nhìn tôi, mím cười, rồi nàng đi bật ngọn đèn sáng ở trong phòng.

Đêm đó, Liz và tôi trở thành vợ chồng.

NHẬT KÝ CỦA LIZ

Khi em và Leslie đi đến phòng cấp cứu thì anh không còn thở nữa. Em chạy đến chỗ năm của anh. Tấm vải trắng mở ra, em cúi xuống nhìn lại khuôn mặt của anh. Em ôm anh, và khóc.

Em còn nhớ hôm ấy, lúc 1:00PM, anh ôm hôn em trước khi đi làm, và anh nói, "Anh đã đến tuổi hưu trí, nhưng anh còn sức khỏe, nên anh tiếp tục đi làm cho đến khi em học xong BS, và có việc làm, thì anh sẽ ở nhà, và sẽ sống bên cạnh em nhiều hơn. Và em sẽ đi làm để nuôi anh, trong những ngày cuối cùng của anh." Như thường lệ, em pha sẵn cà phê để đợi anh về vào lúc 11:00PM. Rồi em nhận được tin anh bị tai nạn đụng xe trên đường về nhà. Và anh không bao giờ trở về ngôi nhà này nữa.

Ngày từ giã anh, chỉ có em, Leslie, và hai vợ chồng Jackson, với đứa con nhỏ. Không có ai trong gia đình em. Jackson là người duy nhất mà em đã báo tin buồn, và anh ấy đã vội vàng đến kịp để từ giã anh. Jackson đã có việc làm ở tiểu bang nhà của anh ấy; vợ anh là Người Mẽ, còn trẻ, nói Tiếng Anh chưa rành lắm, nhưng rất dễ thương. Cũng như em, anh hãy mừng cho Jackson đã có gia đình.

Em rất buồn, nếu không muốn nói là đau lòng vì cảnh vắng lặng của những ngày ấy. Nhưng em tự an ủi em, khi em nhớ ngày xưa anh hay nói với em là, trong ngôn ngữ, hai là nhiều, nghĩa là hầu hết danh từ chỉ số hai trở lên thì có S. Giả sử không có hai vợ chồng Jackson, thì em và con chúng ta cũng đủ hai người, phải không anh? Trước khi trở về Florida, hai vợ chồng Jackson, đứa con, cùng với em và Leslie đã đi dự lễ ở nhà thờ Saint Michael để cầu nguyện cho anh. Khi Cha cử hành thánh lễ xong, em đã khóc, vì không còn anh ở bên cạnh em, để em quay lại ôm anh và hôn anh như ngày xưa.

Ngày Commencement Ceremony ở CU-Denver, đáng lý là ngày vui nhứt của anh và em, lại là ngày buồn nhứt của em. Anh nói anh sẽ mua một chai Champagne ngon nhứt của Pháp, và một bó hoa thật đẹp để mừng em. Anh nói anh sẽ đứng ở phía trước, trong sân dành riêng cho thân nhân, để nhìn em mặc chiếc áo dài đen và đội mũ đen, đi ra nhận văn bằng Bachelor in Mathematics. Anh nói đó sẽ là ngày vui nhứt và cảm động nhứt của anh, và anh ví nó như ngày anh nhận được câu nói ‘Em yêu anh’ của em, mà anh đã chờ đợi trong ba năm rất dài đối với anh. Ngày Commencement Ceremony, đã không có anh để nhìn em, ôm em, và chúc mừng cho em. Trên đường trở về nhà, chạy ngang qua Đường 17, nhìn thấy từng đám lá vàng và nâu rơi trên thảm cỏ hai bên đường, em nhớ anh vô cùng. Em nhớ, ngày xưa, lúc mình chạy ngang qua con đường này vào mùa thu, anh đã nói với em: “Ở Miền Nam Việt Nam, không có bốn mùa. Ở đây, anh được nhìn thấy bốn mùa của thiên nhiên. Thiên nhiên đã nhuộm vàng rực rỡ hai hàng cây trên đường . . . thật đẹp, em có nhìn thấy không?”

Mỗi khi đi một mình, em thích chạy trên free way cho nhanh. Còn khi đi với anh, anh chỉ thích lái xe trên những con đường chật chội trong thành phố, và anh thích đi ngang qua Đường 17. Ở đây, người ta chỉ cho chạy 30 mph, vậy mà anh cứ thích lái xe đưa em đi qua con đường ấy. Em nhớ anh đã nói, đây là con đường cổ xưa và đẹp nhứt của thành phố Denver. Anh nói, đi trên Đường 17 giống như đi trong một đường hầm làm bằng những hàng cây cổ thụ hai bên đường, mà cành của chúng đan vào nhau ở trên cao, mà anh gọi là ‘mái vòm xanh.’ Anh nói, bốn mùa là chiếc đồng hồ của thiên nhiên. Khi mình thấy cây cối nhuộm vàng và nâu thì mình biết là mùa thu; khi mình thấy giá lạnh và màu trắng xóa thật đẹp của tuyết phủ khắp nơi thì mình biết là mùa đông . . . Anh nói, lúc còn ở Việt Nam, anh rất thích cây thông. Nhưng ở đây, anh không còn thích cây thông, vì nó là loại cây evergreen. Anh nói cái gì cũng phải đổi thay, hay chuyển mình theo thời gian; anh không thích cái gì là mãi mãi như thế . . . Anh nói, giống như em đã không mãi xa cách anh, khi mình sống chung trong một apartment, nên sau ba năm mà anh chờ đợi, anh đã được nghe em nói, ‘Em yêu anh . . .’

Bây giờ, em đã có việc làm, mà em nghĩ rằng ổn định và vững chắc. Em đã xin đi dạy học ở Columbine High School. Em chọn trường này, tuy xa apartment của mình, bởi vì anh nói Columbine là một loài hoa đại rất đẹp, như anh đã từng gọi em như thế. Em xin việc tương đối dễ, vì nhà trường đang cần người dạy toán. Trước khi gặp anh, em chẳng bao giờ để ý đến môn toán, vì em không ưa môn này, và em cũng không biết người ta học toán để làm gì. Bây giờ thì em biết, và em say mê nó, như anh ngày xưa. Anh là người đã dìu em đi vào cái thế giới ý niệm của toán học, cái thế giới của những gì rất trừu tượng, một thế giới không có thật, nhưng cần thiết biết bao, và đáng yêu biết bao. Đợi cho con chúng ta lên sáu tuổi, và vào trường tiểu học, em sẽ học tiếp Master in Mathematics. Lúc đó, không còn anh bên cạnh em, có lẽ em sẽ học mệt hơn ngày xưa. Nhưng em không quên anh hay nhắc câu tục ngữ Pháp, “Vouloir, c'est pouvoir,” nên em sẽ cố gắng. Anh hãy tin em.

Trong trái tim anh, chỉ có con người trên mặt đất này, những người gần gũi bên anh. Em biết anh không tin có điều gì ở ngoài Trái Đất này, còn em thì em tin. Em tin rằng bây giờ anh đang ở một nơi nào đó mà em không thể gặp được anh. Vậy anh hãy nghe em nói. Vì em là một Người Mỹ, em quen sống với những công thức, và sự sòng phẳng. Vào lúc anh gặp em, em mới 20 tuổi, còn anh đã 61 tuổi. Đó là sự không sòng phẳng về tuổi tác, để em có thể yêu anh, và sống với anh như vợ chồng. Đó là lý do mà mình đã bỏ mất hơn ba năm, đáng lý là những năm hạnh phúc của anh và em. Cho đến khi tóc anh đã có nhiều sợi trắng, mà anh đã cắc nghĩa cho em biết bằng Tiếng Việt, là tóc ‘muối và tiêu trộn với nhau,’ em mới nhận ra rằng tình yêu thật, đó là một hiện tượng không thể định nghĩa được bằng ngôn ngữ. Khi em hiểu không thể dùng công thức và sự sòng phẳng trong tình yêu, em đã yêu anh, và mình đã trở thành vợ chồng. Cuối cùng, mình chỉ sống bên nhau hơn hai năm. Như thế, thời gian mà anh chờ đợi em dài hơn thời gian mà em mang lại hạnh phúc cho anh. Đó là nỗi hối hận vô cùng của em.

Cái apartment nhỏ bé này, những ngày đầu tiên đến đây, em vẫn nghĩ là một nơi ở tạm của em, để cho Leslie ra đời. Rồi nó đã trở thành một nơi chốn ấm cúng và thân yêu của chúng ta. Và bây giờ nó là mái nhà vĩnh viễn của em và con chúng ta. Em sẽ không dời đi nơi nào khác. Anh đã tập cho em một nếp sống giản dị. Sống như anh, em thấy tâm hồn em luôn luôn thanh thản. Dưới mái nhà này, em đã mang lại hạnh phúc cho anh, và anh đã mang lại hạnh phúc cho em. Dưới mái nhà này, em đã nhìn anh như một người chồng mà em yêu, như một người anh, mà em không có, và như một người cha, mà em không còn. Có lẽ có cả ba con người ấy trong tình yêu của em. Vậy mà, có lúc mình đùa giỡn với nhau, nhìn mái tóc “muối và tiêu trộn với nhau” của anh, em vui miệng gọi anh là Dad, và anh đã giận em suốt một tuần.

Em nhớ, những lần anh và em đi vô JC Penny hay Foley's để anh mua sắm cho em và con, anh không dám đi sát bên em. Em hiểu anh e ngại về sự chênh lệch tuổi tác của anh và em, trước đám đông. Em thấy tội nghiệp anh, vì em yêu anh vô cùng. Anh còn nhớ không, những lúc đó, em đã vòng tay em cặp tay anh, đi sát bên anh, và dựa đầu vào vai anh. Em muốn anh thấy rằng em yêu anh, và em không nghĩ đến điều gì khác. Mình yêu nhau, và mình sống tự nhiên trong cái thế giới riêng của mình, như thế là đủ, phải không anh?

Thời gian sống bên anh, trong cái apartment nhỏ bé này, tuy không dài lắm, nhưng nó đã để lại cho em rất nhiều kỷ niệm. Sống bên anh, em mới biết rằng, ngoài cái thế giới thực, con người còn có một thế giới của ý niệm và mộng mơ. Bởi vậy, bây giờ không còn anh, nhưng em không cảm thấy cô độc. Em có thể đi ra ngoài một mình; em có thể trở về nhà một mình. Nhưng, buổi tối, em phải ngồi trong cái ổ chuột của anh và em, để uống cà phê, hút thuốc, để nhớ anh, và sống trong cái thế giới mộng mơ làm bằng biết bao kỷ niệm của mình.

Bây giờ là 4:18 AM. Em không thấy mệt mỏi, và em vẫn còn tỉnh táo. Em sẽ đi pha một bình cà phê đen để uống, và hút thuốc Gauloise, loại thuốc lá Pháp mà anh thích, và anh đã tập cho em hút loại thuốc ấy cùng với anh. Anh nói, màu xanh của bao thuốc Gauloise là màu xanh của mắt em.

Em sẽ ngồi uống cà phê và hút thuốc ở cái ô vuông nhỏ bé mà anh đã làm riêng cho anh và em ngồi hút thuốc, và anh gọi là ổ chuột của mình. Em sẽ ngồi ở đó, trước chiếc ghế trống của anh. Đêm nay, em không ngủ. Anh hay nói, Người Hy Lạp thích ngắm nhìn màu xanh của bầu trời, còn anh thích nhìn mắt em. Đôi mắt ấy bây giờ đang ướt. Em yêu anh, và em nhớ anh . . .

Hai tinh thần khác nhau

VO CAO & TU DINH

Người Việt không viết **khoa học** và **kỹ thuật**, mà thường viết **khoa học kỹ thuật**, nghĩa là viết hai hạng từ *khoa học* và *kỹ thuật* dính liền nhau, không có liên từ và, coi như đó chỉ là một hạng từ.

Hai ý niệm khác nhau

Thật ra, *khoa học* và *kỹ thuật* là hai hạng từ khác nhau, để chỉ hai ý niệm khác nhau, mặc dầu chúng có mối liên quan chặt chẽ với nhau.

Nói gọn, **khoa học** là trạng thái hiểu biết, phân biệt với sự thiếu hiểu biết hay hiểu sai. Nói rõ hơn, *khoa học* là sự hiểu biết hay một hệ thống của sự hiểu biết bao gồm những sự thật tổng quát hay sự vận hành của những định luật của thiên nhiên được khám phá bởi con người, được chứng nghiệm bằng phương pháp *khoa học*, liên quan đến thế giới vật chất và những hiện tượng của nó.

Kỹ thuật, nói chung, là sự ứng dụng các hiểu biết *khoa học* vào đời sống con người, nhằm nâng cao đời sống của con người trên Trái Đất. Nghĩa là con người dựa vào các định luật của thiên nhiên để làm cho các điều kiện thiên nhiên giúp ích cho đời sống của con người.

Một cách tổng quát, có thể nói *khoa học* là **biết**, và *kỹ thuật* là **làm**. Và đó là hai ý niệm khác nhau. Con người chỉ biết mà không làm thì sẽ không có gì để nâng cao mức sống của mình.

Vài ví dụ đơn giản.

Con người không sáng tạo ra các định luật; tất cả định luật là của thiên nhiên; thiên nhiên đã và đang vận hành bằng các định luật ấy. Con người, bằng trí thông minh của mình, đã khám phá, hay *biết* được các định luật ấy của thiên nhiên.

Con người không sáng tạo ra năng lượng hay vật chất mà chúng ta đang dùng; tất cả là của thiên nhiên. Tuy nhiên, nhờ các *hiểu biết* *khoa học*, con người biết cách chuyển hóa các năng lượng và vật chất của thiên nhiên, từ dạng không hữu dụng, để *làm* chúng thành dạng hữu dụng.

Chẳng hạn, thời tiền sử, con người phải du mục để kiếm sống bằng hái lượm và săn thú rừng, Trên đường du mục, các bộ lạc gặp nhau, trao đổi các hiểu biết cho nhau, từ đó, vốn hiểu biết nhiều hơn, con người biết “định canh định cư” và tiến đến hình thành các xã hội. Từ lúc chỉ biết hái lượm và săn bắn cho đến lúc biết trồng trọt và chăn nuôi, đó là hình thức nguyên thủy của khoa học và kỹ thuật.

Chẳng hạn, ngày nay, dầu thô trong các túi dầu dưới đất ở dạng không hữu dụng; con người dùng kỹ thuật để chuyển nó sang dạng hữu dụng, và người ta có, ngoài năng lượng là xăng và dầu, còn rất nhiều phô sản khác nữa, có ích cho đời sống, kể cả chất cặn là nhựa (asphalt) dùng để làm lớp mặt đường lộ.

Chẳng hạn, ở Ấn Độ, các nhà khoa học biết rằng thực vật, như cỏ cây, loại tăng trưởng nhanh, nếu được ủ trong nước, trong các hầm không có không khí, trong điều kiện nhiệt độ cao khoảng 40 độ C trở lên, một loại vi khuẩn ký khí sẽ tạo ra các phản ứng hóa học để cho cỏ cây bị hủy hoại và phóng thích khí mêtan (CH_4), có thể dùng để đun nấu trong gia đình. Do đó, ở nước nghèo Ấn Độ, người ta xây các hầm biogas để có khí đốt dùng cho gia đình. Người Ấn Độ thường dùng phân trâu bò để nạp vào các hầm biogas. Trâu bò ăn cỏ; cỏ sanh ra năng lượng để con vật lớn lên và hoạt động; tuy nhiên, trâu bò chỉ tiêu thụ khoảng 60% năng lượng của thức ăn, là cỏ; trong phân trâu bò còn lại 40% năng lượng chứa trong cỏ; phần lớn của 40% năng lượng trong phân trâu bò sẽ được biến thành khí mêtan trong các hầm biogas.

Ở Miền Tây của Miền Nam Việt Nam, gần như nơi nào cũng có rất nhiều cây lục bình. Đó là nguyên liệu tốt nhất để dùng cho các hầm biogas; lục bình tốt hơn phân trâu bò, vì nó còn chứa 100% năng lượng, và dễ tiêu hủy trong các hầm biogas để phóng thích khí mêtan. Trong khoảng mười năm 1980, ở Việt Nam, một số ít gia đình tương đối khá giả, và có đất bên cạnh nhà, đã xây hầm biogas để có khí đốt dùng đun nấu. Giá thành của một hầm biogas cao hơn túi tiền của các gia đình nghèo, nên hầm biogas không được phổ biến rộng rãi trong dân gian, mặc dù chỉ cần bỏ vốn một lần, để sau đó không còn tốn tiền mua than củi hay dầu lửa dùng để đun nấu.

Ở thành phố Denver, những ai có dịp đi ngang qua Đường Colfax, trước Auraria Campus, đều thấy có một cột khí màu trắng bốc lên từ một miệng cống ở giữa đường, liên tục quanh năm suốt tháng. Đó là biogas. Trong những đoạn cống không có không khí, và ở nhiệt độ thích hợp, vi khuẩn ký khí hủy hoại các loại thực vật trong nước cống để phóng thích khí mêtan. Áp suất tăng cao đã làm cho biogas thoát ra ở các miệng cống. Thường thường, với số lượng ít, và áp suất thấp, người ta không nhìn thấy biogas thoát ra. Nhưng ở miệng cống này, có nhiều biogas với áp suất cao, nên người ta thấy mêtan bốc lên nhiều, và cao hơn 2 m, thấy rõ rõ vào mùa lạnh.

Kỹ thuật không phải chỉ làm cho những năng lượng hay vật chất không hữu dụng thành năng lượng hay vật chất hữu dụng, kỹ thuật còn làm cho cái *biết* chưa hữu dụng thành cái *biết* hữu dụng. Cách đây chưa đầy một thế kỷ, những người học toán không biết cơ số hai (binary number) dùng để làm gì. Nay giờ thì người ta biết nó được dùng trong khoa học điện toán. Dòng điện chỉ biết “nói” YES và NO, hay 1 và 0. Người ta dùng cơ số hai để biến “tiếng nói của dòng điện” thành ngôn ngữ thường nghiệm của con người trong các máy điện toán.

Hai tinh thần khác nhau

Suối nguồn của khoa học bắt đầu từ các nước Ả Rập, và Hy Lạp, nói riêng. Thời hoàng kim của khoa học cũng là thời hoàng kim của Đế Quốc Ả Rập, kéo dài từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 13. Tại Hy Lạp, khoa học thuần lý, như Toán và Thiên Văn, đã bắt đầu từ trước Công Nguyên.

Các nước Âu Châu và Bắc Mỹ, thừa hưởng tài sản khoa học đầu tiên của Hy Lạp và Đế Quốc Ả Rập, từ thế kỷ 16 đến nay, đã trở thành những nước tiến bộ, phát triển, và giàu có, trong khi khối Ả Rập nói riêng, Á Châu, Phi Châu, và Châu Mỹ La Tinh, nói chung, thì ở trong tình trạng chậm phát triển và nghèo đói, không kể trường hợp một hai nước Ả Rập có lợi tức đầu người cao, như Kuwait chẳng hạn, nhờ vào cửa trời cho, là dầu hỏa. Lợi tức đầu người cao không có nghĩa Kuwait là một nước phát triển và tiến bộ.

Người ta cắc nghĩa hiện tượng này bằng lý do kinh tế, nghĩa là khi kinh tế không phát triển thì một đất nước ở trong tình trạng chậm tiến. Điều này chỉ đúng một nửa. Phải tìm câu trả lời cho câu hỏi tiếp theo: Tại sao kinh tế không phát triển?

Có thể nói Đế Quốc Ả Rập và Hy Lạp đã ngừng lại ở nửa đường của mình: *khoa học*. Âu Châu và Bắc Mỹ biết đi nửa đường tiếp theo: *kỹ thuật*.

Khoa học và kỹ thuật, hay biết và làm, là hai ý niệm khác nhau, nhưng liên quan chặt chẽ với nhau. Người Tàu nói *Tri nan hành dí* (Biết khó làm dễ), sau đó lại nói *Tri dí hành nan* (Biết dễ làm khó), và cuối cùng, Vương Dương Minh đã chủ trương *Tri hành hợp nhứt* (Biết và làm hợp lại làm một).

Khoa học mà không được ứng dụng vào đời sống thì không mang lại ích lợi cho đời sống của con người. Ứng dụng khoa học vào đời sống, đó là kỹ thuật. Và nhờ kỹ thuật, khoa học tiến nhanh hơn. Điều này cho thấy tại sao Âu Châu và Bắc Mỹ hiện nay đang dẫn đầu về khoa học và kỹ thuật, từ đó, kinh tế phát triển, trở nên giàu có, và đời sống được nâng cao.

Nói chung, các dân tộc Phương Đông nặng *dầu óc thần quyền*, trong khi các dân tộc Phương Tây có ý thức về *tinh thần nhân bản*. Phương Đông thích sống hòa hợp với thiên nhiên, và coi trọng *thần quyền* hơn con người. Phương Tây coi trọng con người hơn *thần quyền*; Phương Tây dùng kỹ thuật để chinh phục thiên nhiên, và biết cách làm cho các điều kiện thiên nhiên phục vụ cho đời sống của con người. Đó là lý do kỹ thuật của Phương Tây phát triển liên tục, còn kỹ thuật của Phương Đông, trừ Nước Nhụt ngày nay, thì không phát triển. Khoa học và kỹ thuật phát triển là điều kiện tất yếu để một đất nước trở nên phát triển và tiến bộ. Muốn vậy, con người phải được coi trọng, nghĩa là con người phải có *tự do*, cộng với một nền giáo dục *nhân bản* (nền giáo dục nhân bản là nền giáo dục lấy con người làm gốc) và *khai phóng* (nền giáo dục khai phóng là nền giáo dục cởi bỏ mọi hình thức nô lệ con người).

Cho đến đầu thế kỷ 21 hiện nay, tình hình vẫn là như vậy. Khối Hồi Giáo có dầu óc thần quyền nặng nề, và nhất là ở một vài nước không có sự tách rời *thể quyền* và *thần quyền*: người đứng đầu một tôn giáo cũng là người đứng đầu của một quốc gia. Các nước cộng sản cũng có thể được coi như có dầu óc thần quyền, với ông thần là Karl Marx, và giáo quyền là chủ nghĩa cộng sản. Cuối thế kỷ 20, những dân tộc có trình độ dân trí cao, như 15 nước cộng hòa trong Liên Bang Sô Viết, và 7 nước Đông Âu (Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Albany, Bảo Gia Lợi, và Lỗ Ma Ni) đã không còn thờ ông thần Karl Marx nữa, và lần lượt bãi bỏ chế độ cộng sản. Các nước khác, vì trình độ dân trí thấp, như Tàu, Bắc Hàn, Việt Nam, và Cuba vẫn còn tiếp tục mù quáng thờ ông thần Karl Marx, với chủ nghĩa cộng sản, như một “tôn giáo.”

Một cách tổng quát, có thể nói, hai tinh thần khác nhau – *thần quyền* và *nhân bản* – dẫn đến hai kết quả khác nhau – *chậm tiến* và *phát triển*.

Kỹ thuật và ý thức của con người

Hiện nay, ở các nước không có trình độ khoa học và kỹ thuật, vì dân trí thấp, người ta sử dụng hóa chất bừa bãi, đã gây ô nhiễm môi trường sống tại chỗ. Chẳng hạn, theo Tiến Sĩ Mai Thanh Truyết, Việt Nam hiện nay đang bị ô nhiễm môi trường trầm trọng. Các nước phát triển thì khai thác thiên nhiên một cách quá đáng, và thải khí độc lên bầu khí quyển của Trái Đất quá mức, làm ô nhiễm môi trường chung của Trái Đất. Riêng Nước Mỹ thải ra 26% khí độc lên khí quyển, theo tài liệu của tờ Time. Ba nước lớn là Mỹ, Nga, và Tàu đã không chịu ký Hiệp Định Kyoto về bảo vệ môi trường của Trái Đất, viễn lý do “yêu nước,” vì họ sợ ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế của họ.

Hôm nay là thế kỷ của tốc độ, con người đang gần gũi nhau hơn, và người ta đang từ từ coi Trái Đất là *ngôi làng chung*, ý niệm “yêu nước” cần phải được xét lại, để không trở nên quá hẹp hòi và quá thấp kém. Lòng yêu nước phải được dung hòa với tình yêu con người, tình yêu đời sống trên Trái Đất, và tình yêu Trái Đất.

Mặt khác, người ta có thể nói, không phải nơi nào khác, Trái Đất mới là *Quê Quán Của Con Người*. Với con người, Trái Đất không phải là *Cõi Tạm*, bao lâu chưa có ai nói được *Cõi Thật*, hay *Cõi Vĩnh Hằng* của con người, là ở nơi nào.

Bao lâu con người còn chưa biết yêu thương Trái Đất, là nơi quê cha đất tổ của mình, và đời sống ở đó, bấy lâu Trái Đất còn tiếp tục bị hủy hoại, và ô nhiễm. Có người đã nghĩ đến *Cái Chết Của Thiên Nhiên*, *The Death Of Nature*.

Kỹ thuật nâng cao đời sống của con người, nhưng cùng lúc nó có thể gây tai họa cho con người, nếu ý thức của con người tiến chậm hơn kỹ thuật.

Hai tinh thần khác nhau đã dẫn đến hai hoàn cảnh lịch sử khác nhau. Ruyard Kipling có nói: “*Đông Tây không bao giờ gặp nhau.*” Câu nói này còn đúng cho đến đầu thế kỷ 21. Tuy nhiên, không có cái gì là mãi mãi như thế. Nước Nhật ngày nay đã theo tinh thần nhân bản, do đó, đã phát triển và tiến bộ ngang hàng như các nước Âu Mỹ. Đại Hàn, Đài Loan, và Singapore đang nối gót Nhật. Người ta có thể sửa lại câu nói trên cho đúng hơn,

“*Đông Tây còn lâu mới gặp nhau.*”

Chữ không có dấu có phải là chữ quốc ngữ không?

VO CAO

Một số Người Việt nghĩ rằng chữ quốc ngữ thì phải có dấu:

- dấu giọng (sắc/ huyền/ nặng/ hỏi/ ngã), hoặc
- dấu đặc biệt của chữ quốc ngữ (như â/ ê/ ă/ ơ/ ư/ đ).

Khi đọc các chữ không có các dấu trên đây, người ta thường có ấn tượng đó không phải là chữ quốc ngữ. Vì vậy, một số người dị ứng với những chữ quốc ngữ không có dấu gì cả, nghĩa là cảm thấy khó chịu khi gặp những chữ quốc ngữ không có dấu.

Đó chỉ là một định kiến sai lầm cần phải cởi bỏ. Thật ra, Tiếng Việt có 6 giọng, đã được các giáo sĩ sáng tạo chữ quốc ngữ nêu rõ trong quyển tự điển đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ, *Dictionarium Annamiticvm, Lvsitanvm, et Latinvm Ope*, của Alexandre de Rhodes, in ở nhà in của Giáo Hội La Mã, tại Rome, năm 1651. Sáu giọng đó là:

1	giọng bằng	không dấu	(ba)
2	giọng sắc	dấu sắc	(bá)
3	giọng trầm	dấu huyền	(bà)
4	giọng uốn cong	dấu ngã	(bā)
5	giọng nặng trĩu	dấu nặng	(bạ)
6	giọng nhẹ	dấu hỏi	(bả).

Như vậy, chữ quốc ngữ có những chữ **không dấu**. Mở bất cứ quyển tự điển Tiếng Việt nào, người ta sẽ thấy khá nhiều chữ quốc ngữ không có dấu, kể cả dấu giọng và dấu đặc biệt của chữ quốc ngữ.

Số lượng chữ quốc ngữ không có dấu

Theo Phụ bản 35 – *Bảng kê 20,088 chữ chiết quốc ngữ*, trong quyển *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*, có 1,095 chữ chiết quốc ngữ không có dấu, gồm có số chữ hiện đang dùng, có mặt trong tự điển Tiếng Việt, và số chữ bị bỏ hoang, hay chữ chờ.

Hoán vị đôi số lượng 1,095 chữ chiếc không có dấu này, người ta sẽ có số lượng những chữ đôi quốc ngữ không có dấu:

$$\begin{aligned}P(n, r) &= n! / (n - r)! \\&= 1095! / (1095 - 2)! \\&= 1,197,930.\end{aligned}$$

Số lượng chữ đôi không có dấu trên đây chỉ gồm có những chữ đôi thường và chữ đôi lật ngược (như *thanh nam – nam thanh*), nhưng không có những chữ đôi lặp lại (như *manh manh, song song*). Vậy phải cộng thêm 1,095 chữ đôi lặp lại:

<i>chữ đôi không có dấu, thường và lật ngược</i>	1,197,930
<i>chữ đôi không có dấu, lặp lại</i>	1,095
Số lượng đầy đủ chữ đôi không có dấu	1,199,025

Số lượng gần 1 triệu 200 ngàn chữ đôi quốc ngữ không có dấu trên đây bao gồm những chữ hiện dùng và những chữ bị bỏ hoang, hay chữ chờ. Đó không phải là một con số nhỏ.

Trong văn học Việt Nam, người ta thấy nhiều nhà văn và nhà thơ có tên hoặc bút hiệu là những chữ quốc ngữ không có dấu; có thể kể ra vài ví dụ:

Nam Cao
Tam Lang
Thanh Nam
Duy Lam
Manh Manh (bút hiệu của nữ sĩ Nguyễn Thị Kiêm).

Nhiều người đọc, kể cả trong giới văn học, thường thắc mắc về những cái tên hay bút hiệu là chữ quốc ngữ không có dấu. Vấn đề được giải quyết như sau: nhìn thấy chữ viết như thế nào thì đọc như thế ấy, là xong. Điều đáng nói là, tác phẩm quan trọng hơn cái tên hay bút hiệu của người viết. Người đọc có thể thưởng thức kiệt tác *Truyện Kiều* mà không cần biết rõ Nguyễn Du là người như thế nào; có thể đọc bài thơ *Hai sắc hoa ti-gôn* mà không cần biết rõ TTKh là ai; có thể đọc *Gió đầu mùa* mà không cần biết Thạch Lam như thế nào . . .

Tiến hóa hay thụt lùi?

VO CAO & TU DINH

Ngôn ngữ không chết cứng; ngôn ngữ phát triển, tiến hoá, và hoàn thiện theo thời gian. Làm cho ngôn ngữ phát triển và tiến hoá, đó là một việc cần thiết và thường xuyên. Tuy nhiên, trước khi làm cho một ngôn ngữ phát triển và tiến hoá, người ta cần thiết phải biết rõ các đặc tính của ngôn ngữ ấy.

Thời kỳ trước năm 1975 ở Miền Nam, và hiện nay, tại Việt Nam nói chung, người ta đang có ý thay đổi cách viết chữ quốc ngữ, bằng cách chỉ dùng hoặc nguyên âm I, hoặc nguyên âm Y, nghĩa là bỏ bớt một trong hai nguyên âm này. Xa hơn nữa, trong quyển *Văn phạm Việt Nam*, tái bản năm 1966, trang 72, Bùi Đức Tịnh viết:

"Trong chính tả thường có rất nhiều tự mẫu hoàn toàn không liên hệ gì đến âm thanh của tiếng."

Ghi chú

Chữ “**tự mẫu**” trong câu trên đáng lý phải viết là **mẫu tự**, Hán Việt, hoặc **chữ cái**, Tiếng Việt, cùng nghĩa với *letters (of the alphabet)* của Tiếng Anh, hay *lettres (de l'alphabet)* của Tiếng Pháp. Dùng **chữ tự mẫu** là không đúng cấu trúc của Tiếng Hán, giống cấu trúc của Tiếng Anh, một cấu trúc ngược lại với cấu trúc của Tiếng Việt:

chữ phụ	+	chữ chính	=	chữ đôi
tự (chữ)		mẫu (mẹ)		tự mẫu (mẹ chữ)
mẫu (mẹ)		tự (chữ)		mẫu tự (chữ mẹ, thường gọi là <i>chữ cái</i> *)

* Người Việt gọi *mẹ* là *cái*, như trong câu tục ngữ “Con dại cái mang.” Vì vậy, thay vì nói *chữ mẹ*, Người Việt nói *chữ cái*. Nói chung, *chữ cái* có nghĩa là *mẹ, chánh, quan trọng nhất*, như các ví dụ dưới đây:
dường cái quan, đường cái, sông cái, cột cái, cửa cái, ngón cái . . .

Tác giả Bùi Đức Tịnh nghĩ rằng trong chữ quốc ngữ, có một số chữ cái là “thừa,” như các trường hợp sau đây, chẳng hạn:

Tại ■ viết thành hai chữ?

- ngan* & *ngang*
- các* & *cát*
- túi* & *tuổi*
- mai* & *may*

Tại ■ không viết bằng một chữ một mà thay?

- ngan* (“thừa” chữ cái G)
- các* hoặc *cát* (“thừa” một chữ cái C hay T)
- túi* (“thừa” chữ cái Ô)
- mai* hoặc *may* (“thừa” một chữ cái I hay Y)

Chữ Nôm và chữ quốc ngữ đều là loại chữ ghi âm tiếng nói của Người Việt. Tuy nhiên, Chữ Nôm không cho thấy cách phát âm chính xác của Người Việt; trong khi đó, chữ quốc ngữ đã thể hiện được sự chính xác trong cách phát âm của Người Việt. Bởi vậy, chữ quốc ngữ mới có những chữ được phát âm gần giống nhau, nhưng vẫn có một sự phân biệt rất tinh tế, nghĩa là chỉ *gần giống* nhau, nhưng *không đồng nhất* với nhau. Cách phát âm rất chuẩn của hầu hết dân gian Miền Bắc cho thấy **không có chữ cái nào là thừa trong chữ quốc ngữ**, như nhận định của Bùi Đức Tịnh. Cách phát âm của hầu hết dân gian Miền Bắc **phân biệt rõ**:

- chữ cái cuối là N hay NG, N hay NH, C hay T ...
- âm gốc AI hay AY, UI hay UÔI, IU hay IỀU, AO hay AU, OM hay ÔM hay ÔM, ONG hay ÔNG, ÚI hay UÔI ...
- nguyên âm I và Y;
- DẤU HỎI và DẤU NGÃ.

Ví dụ

Các âm gốc dưới đây được phát âm gần giống nhau, nhưng không đồng nhất với nhau:

in	và	inh	(không phải thừa chữ cái H)
im	và	iêm	(“ “ È)
iu	và	iêu	(“ “ È)
iên	và	iêng	(“ “ G)
v.v.			

Phát âm của Tiếng Việt

Cách phát âm được phân biệt bởi cử động của lưỡi, hàm răng, và môi.

CHỮ CÁI ĐẦU	CHỮ CÁI GIỮA	CHỮ CÁI CUỐI	CÁCH PHÁT ÂM	VÍ DỤ
		i	ngắn và nhẹ	thúi/ mai
		y	dài và nặng	thúy/ may
		t	ngắn và nhẹ	bát/ ít
	c/ ch		dài và nặng	bác/ ích
	n		ngắn và nhẹ	dân
	ng		dài và nặng	dâng
	ui		ngắn	cúi
	uôi		dài	cuối
o			nhỏ	học
ô			nặng	hộc
c			nhỏ	ca hát
k			nặng	kỹ thuật
		dấu hỏi	ngắn và nhẹ	nghỉ
		dấu ngã	kéo dài	nghĩ

Tiếng Việt là ngôn ngữ duy nhất và thống nhất của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, cách phát âm của dân gian ba Miền có phần khác biệt nhau. Nói chung, dân gian Miền Bắc phát âm Tiếng Việt chuẩn nhất, dân gian Miền Trung phát âm chuẩn một phần nào, và dân gian Miền Nam phát âm không chuẩn. Hiện tượng dân gian Miền Nam phát âm Tiếng Việt không chuẩn có thể là do cuộc Nam Tiến để mở mang bờ cõi của dân tộc Việt Nam. Sự thay đổi môi trường địa lý, và sự tiếp xúc với các dân tộc khác, đã có ảnh hưởng đến cách phát âm và ngôn ngữ của dân gian Miền Nam.

Trong quyển *Văn phạm Việt Nam*, tác giả Bùi Đức Tịnh chỉ viết về văn phạm, và đã không có khảo sát kỹ về ngôn ngữ Việt Nam. Hơn nữa, tác giả là người Miền Nam, quen nghe cách phát âm không chuẩn của dân gian Miền Nam, nên mới có nhận định sai lầm như trên.

Những ý kiến đề nghị,

- bỏ bớt một trong hai nguyên âm I và Y;
- chỉ dùng chữ cái cuối N, mà không dùng cả hai N và NG;
- chỉ dùng chữ cái cuối là C hay T, mà không dùng cả hai C và T;
- chỉ dùng âm gốc UI, mà không dùng cả hai UI và UÔI; chỉ dùng âm gốc IM, mà không dùng cả hai IM và IÊM; chỉ dùng âm gốc IU, mà không dùng cả hai IU và IÊU, chỉ dùng âm gốc IÊN, mà không dùng cả hai IÊN và IÊNG . . .
- bỏ bớt DẤU NGÃ, nghĩa là không dùng cả hai DẤU HỎI và DẤU NGÃ;

là đi ngược với cách phát âm chính xác Tiếng Việt của Người Việt.

Người ta không thể dựa vào cách phát âm không chuẩn của dân gian Miền Nam, để buộc dân gian trên toàn lãnh thổ Việt Nam phải viết sai chữ quốc ngữ. Sai ở đây có nghĩa là sự thay đổi cách viết như các đề nghị trên đây sẽ không còn thể hiện chính xác cách phát âm chuẩn của Tiếng Việt, căn cứ vào cách phát âm rất chính xác của hầu hết dân gian Miền Bắc.

Cách viết của chữ quốc ngữ cho thấy các giáo sĩ Âu Châu, khi sáng tạo chữ quốc ngữ, đã khảo sát rất kỹ cách phát âm Tiếng Việt của Người Việt, đặc biệt là của dân gian Miền Bắc.

Các đề nghị “cải cách” trên đây chẳng những không giúp phát triển và tiến hóa, mà sẽ làm cho chữ quốc ngữ và Tiếng Việt mất tính chất chính xác và rất tinh tế trong cách phát âm của Người Việt, đồng thời làm nghèo các âm của Tiếng Việt, và làm nghèo Tiếng Việt nói chung.

Có thể nói cải cách như trên là một bước đi thụt lùi; nó sẽ làm hỏng chữ quốc ngữ.

Chữ quốc ngữ là đơn âm hay đa âm, và biến dạng hay không biến dạng?

VO CAO & TU DINH

Có hai khuynh hướng trái ngược nhau về tính chất của chữ quốc ngữ. Một khuynh hướng cho rằng chữ quốc ngữ là *đơn âm và không biến dạng*; một khuynh hướng khác, cho rằng chữ quốc ngữ là *đa âm và biến dạng*. Nửa thế kỷ trôi qua, sự bất đồng ý kiến giữa hai khuynh hướng vẫn chưa chấm dứt, nghĩa là hiện nay người ta vẫn chưa đi đến một kết luận đúng.

Nguyên nhân của sự bất đồng ý kiến kéo dài, đó là do những người nghiên cứu chữ quốc ngữ, của cả hai khuynh hướng, đã không đưa ra **tiền đề** chung, và được mọi người công nhận. Biện luận mà không căn cứ vào một tiền đề thì không thể đi đến kết luận đúng hay sai. Sau đây là hai ví dụ về “kết luận” mà không có tiền đề.

(1) *Khổng Tử hỏi một cậu bé:*

— *Mặt trời xa hay Thành Trường An xa?*

Cậu bé đáp:

— *Mặt trời gần; Thành Trường An xa, vì tôi nhìn thấy mặt trời mà không nhìn thấy Thành Trường An.*

Không thể nói rằng cậu bé trả lời đúng hay sai, vì hai người nói chuyện với nhau mà không đặt tiền đề. Nếu đặt tiền đề là khoảng cách được đo bằng đơn vị độ dài, là cây thước, cậu bé đã nói sai. Nếu đặt tiền đề là khoảng cách gần hay xa là do mắt nhìn thấy hay không nhìn thấy, cậu bé đã nói đúng.

(2) *Hai người nói chuyện về hình học. Người thứ nhất nói:*

— *Tổng số góc trong của một tam giác bằng 180 độ.*

Người thứ hai nói:

— *Không đúng. Tổng số góc trong của một tam giác hoặc lớn hơn 180 độ, hoặc nhỏ hơn 180 độ, nghĩa là không bằng 180 độ.*

Hai người cãi nhau hoài không dứt. Và người ta cũng không thể cho rằng ai đúng, và ai sai. Lý do là trước khi nói chuyện, hai người này không dựa vào tiền đề chung mà cả hai cùng công nhận. Nếu cả hai dựa vào tiền đề của hình học Euclid, người thứ nhất nói đúng; nếu cả hai dựa vào tiền đề của hình học phi Euclid, người thứ hai nói đúng.

Để trả lời câu hỏi, chữ quốc ngữ là **đơn âm** hay **đa âm**, và **biến dạng** hay **không biến dạng**, chúng tôi đưa ra tiền đề trước khi biện luận.

1 Chữ quốc ngữ là đơn âm hay đa âm?

1.1 TIỀN ĐỀ LỚN (MAJOR PREMISE)

- định nghĩa của **chữ**;
- định nghĩa **đơn âm** và **đa âm**.

Chữ (word/ mot)

Đối với ngôn ngữ viết bằng chữ cái La Tinh, như Tiếng Anh, Tiếng Pháp, và Tiếng Việt, một chữ là một tập hợp của các chữ cái được viết liền nhau, trong đó, phải có ít nhất một nguyên âm.

Đơn âm và đa âm (monosyllabic & polysyllabic)

*Người ta gọi là ngôn ngữ **đơn âm**, hay **một vần**, khi nào mỗi chữ phát ra bằng một âm duy nhất. Người ta gọi là ngôn ngữ **đa âm**, hay **nhiều vần**, khi nào mỗi chữ phát ra bằng một âm hay nhiều hơn một âm.*

Theo định nghĩa trên, người ta căn cứ vào **số âm**, hay **số vần**, của **một chữ**, để xác định một ngôn ngữ là đơn âm hay đa âm. Đơn âm và đa âm là những ý niệm hoàn toàn thuộc về **hình thức** của chữ viết, nghĩa là không xét đến ý nghĩa, hay nội dung, của ngôn ngữ.

1.2 TIỀN ĐỀ NHỎ (MINOR PREMISE)

Một chữ quốc ngữ có ít nhất 1 nguyên âm, và nhiều nhất là 3 nguyên âm. Khi một chữ quốc ngữ có 2 hoặc 3 nguyên âm, người ta luôn luôn có thể tách nó ra thành hai âm khác nhau. Khi Người Việt phát âm, hai âm này *giao nhau*, để tạo ra một âm duy nhất.

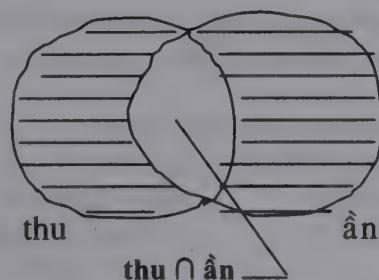
Ví dụ (ký hiệu \cap có nghĩa là *giao nhau*),

thuần	\Rightarrow	thu \cap ần
huệ	\Rightarrow	hu \cap ệ
nguyễn	\Rightarrow	ngu \cap yễn
oai	\Rightarrow	o \cap ai
thúy	\Rightarrow	thu \cap ý ⁽¹⁾
thúi	\Rightarrow	thu \cap í ⁽²⁾

(1) âm ý phát âm kéo dài;

(2) âm í phát âm ngắn.

Có thể dùng biểu đồ Venn để cho thấy sự *giao nhau* (intersection) của 2 âm.



Người đọc có thể tự mình làm trắc nghiệm, để nhận ra mỗi chữ quốc ngữ được phát ra bằng một âm duy nhất, tạo ra bởi sự giao nhau, tức là phần chung, của hai âm, khi một chữ quốc ngữ có 2 hoặc 3 nguyên âm.

- **Bắt đầu, phát âm chậm, và tách rời, hai âm **thu** và **ân**.**
- Phát âm hai âm này *nhanh lên dần*: người đọc sẽ nhận ra một âm duy nhất, là âm của chữ **thuần**, do hai âm **thu** và **ân** giao nhau.
- Làm trắc nghiệm này, nếu người đọc là đồng bào ở Miền Bắc, sẽ nhận ra kết quả dễ dàng; nếu là đồng bào ở Miền Nam, thì tương đối phải chú ý lắng nghe, để nhận ra kết quả. Lý do là hầu hết dân gian Miền Bắc phát âm Tiếng Việt rất chuẩn, và dân gian Miền Nam phát âm Tiếng Việt không chuẩn.

Cùng là ngôn ngữ dùng chữ cái La Tinh, chữ quốc ngữ có cấu trúc khác với cấu trúc của Chữ Anh và Chữ Pháp.

Chữ quốc ngữ	Chữ Anh	Chữ Pháp
Các nguyên âm luôn luôn đunting liền nhau .	Các nguyên âm có thể đunting liền nhau hoặc bị tách rời bởi các phụ âm.	
cửa	moon	(moon)
cuối	thing	(thing)
toại	computer	(com-put-er)
tuyến	paper	(pa-per)
chuông	nation	(na-tion)
ngoan	gasoline	(gas-o-line)
hoài	Californian	(Cal-i-for-nian)
nguyễn	television	(tele-vi-sion)
khuya	generalization	(gen-er-al-iza-tion)
oai	language	(lan-guage)

Các khảo sát trên đây cho thấy, với cấu trúc đặc biệt của nó, **chữ quốc ngữ phát ra bằng một âm duy nhất**.

1.3 KẾT LUẬN (CONCLUSION)

TIỀN ĐỀ LỚN
TIỀN ĐỀ NHỎ

Mỗi chữ phát ra bằng một âm duy nhất là ngôn ngữ đơn âm;
Chữ quốc ngữ phát ra bằng một âm duy nhất;

KẾT LUẬN

Chữ quốc ngữ là **ngôn ngữ đơn âm**.

2 Chữ quốc ngữ là biến dạng hay không biến dạng?

2.1 TIỀN ĐỀ LỚN

- định nghĩa biến dạng và biến âm.

Biến dạng (inflection)

Một chữ được gọi là **biến dạng** khi nó thay đổi cách viết, bởi hai lý do:

- (1) *vì nhiệm vụ văn phạm;*
- (2) *thay đổi tên gọi văn phạm.*

Theo định nghĩa này, Tiếng Anh và Tiếng Pháp là hai ngôn ngữ biến dạng. Sự biến dạng của chữ viết cho thấy mối liên quan văn phạm giữa chữ này và chữ kia trong một câu, hay trong một mệnh đề. Ngôn ngữ biến dạng càng nhiều thì càng cho thấy sự chắc chắn trong mối liên quan nhiệm vụ văn phạm giữa các chữ, dẫn đến sự chính xác của ngôn ngữ. Biến dạng nhiều hơn Tiếng Anh, nên Tiếng Pháp chính xác hơn Tiếng Anh.

Có hai loại biến dạng.

(1) Biến dạng vì nhiệm vụ văn phạm

Các loại chữ biến dạng		
	Chữ Anh	Chữ Pháp
1 danh từ	(noun/ nom)	♦
2 đại từ	(pronoun/ pronom)	♦
3 động từ	(verb/ verbe)	♦
4 tinh từ	(adjective/ adjetif)	—
5 trạng từ	(adverb/ adverbe)	—
6 mạo từ	(article/ article)	—
7 giới từ	(preposition/ préposition)	♦
8 liên từ	(conjunction/ conjonction)	—

(2) Biến dạng vì thay đổi tên gọi văn phạm

Trong Tiếng Anh và Tiếng Pháp, một chữ có thể được biến dạng, nghĩa là thay đổi cách viết, từ *danh từ* sang *động từ/ tinh từ/ trạng từ*, hay ngược lại.

Biến âm (phonetic alteration)

Một chữ được gọi là **biến âm**, khi nó thay đổi cách viết, từ đó dẫn đến *thay đổi cách phát âm*, nhưng:

- (1) *không phải vì nhiệm vụ văn phạm;*
- (2) *không phải vì thay đổi tên gọi văn phạm;*
- (3) *không phải vì thay đổi ý nghĩa.*

Ví dụ, trong Tiếng Việt, đây là những chữ biến âm:

<i>mươi</i>	→ <i>mươi</i>	đều có nghĩa là	10
<i>sáu mươi lăm</i>	→ <i>sáu nhăm</i>	“	65
<i>không</i>	→ <i>khôn</i>	“	<i>không</i>
<i>dã</i>	→ <i>dà</i>	“	<i>dã</i>
<i>nhân</i>	→ <i>nhơn</i>	“	<i>người</i>
<i>nguyên</i>	→ <i>nguơn</i>	“	<i>nguyên</i>
<i>nghĩa</i>	→ <i>nghì</i>	“	<i>nghĩa</i>

Trường hợp sau đây không phải là biến âm:

nghỉ ≠ nghī là hai chữ riêng biệt, để chỉ

võ ≠ vō “

tả ≠ tā “

hai ý niệm khác nhau;

một vật chất và một ý niệm khác nhau;

một ý niệm và một vật chất khác nhau.

2.2 TIỀN ĐỀ NHỎ

Xét các câu sau đây của chữ quốc ngữ.

Đêm qua trời sáng rãm.

(qua là tĩnh từ, cho thông tin về danh từ *đêm*)

Cô ấy dã đi qua Canada.

(qua là giới từ, kết hợp danh từ *riêng Canada* với động từ *đi*)

Cô ấy qua sông băng phà.

(qua là động từ)

Nhiều người qua sông băng phà.

(động từ *qua* không thay đổi theo số nhiều)

Bạn nói với qua bậu không hái lựu bẻ đào. (qua là đại từ, ngôi thứ nhất, thay thế *người đang nói*)

Có qua có lại mới toại lòng nhau.

(qua là danh từ)

Cô ấy thì rất đẹp.

(thì là động từ đặc biệt; *đẹp* là tĩnh từ)

Những cô gái ấy thì rất đẹp.

(động từ đặc biệt *thì* và tĩnh từ *đẹp* không thay đổi theo số nhiều)

Các ví dụ trên đây cho thấy chữ quốc ngữ không thay đổi cách viết vì nhiệm vụ văn phạm, hay vì thay đổi tên gọi văn phạm.

2.3 KẾT LUẬN

TIỀN ĐỀ LỚN

Ngôn ngữ biến dạng là thay đổi cách viết vì nhiệm vụ văn phạm hay vì thay đổi tên gọi văn phạm;

TIỀN ĐỀ NHỎ

Chữ quốc ngữ không thay đổi cách viết vì nhiệm vụ văn phạm hay vì thay đổi tên gọi văn phạm;

KẾT LUẬN

Chữ quốc ngữ không phải là ngôn ngữ biến dạng.

3 Ngôn ngữ đa từ (polylexemic)

Tiếng Anh và Tiếng Pháp là những ngôn ngữ đa âm, hay nhiều vần. Khi cần đặt chữ mới, thông thường, người ta dùng cách ghép vần, và đôi khi, dùng cách ghép chữ. Tiếng Anh ghép vần nhiều hơn ghép chữ; Tiếng Pháp ghép chữ nhiều hơn ghép vần. Khi ghép chữ, Tiếng Anh viết liền nhau, và Tiếng Pháp thường dùng gạch nối.

Ví dụ về ghép vần.

			<u>CHỮ GHÉP VẦN</u>
TIẾNG ANH	modular demodular	⇒	modem
	electronic mail	⇒	email
	camera videotape recorder	⇒	camcorder
	International network	⇒	Internet
TIẾNG PHÁP	courrier électronique	⇒	courriel
	logique électronique	⇒	logiciel
	matériaux électroniques	⇒	matériel
	média bibliothèque	⇒	médiathèque

Ví dụ về ghép chữ

			<u>CHỮ GHÉP CHỮ</u>
TIẾNG ANH	home + maker	⇒	homemaker
	rain + coat	⇒	raincoat
	room + mate	⇒	roommate
	space + craft	⇒	spacecraft
	arm + chair	⇒	armchair
	sea + sick	⇒	seasick
TIẾNG PHÁP	porter + avion	⇒	porte-avion
	bon + jour	⇒	bonjour
	soutien + gorge	⇒	soutien-gorge
	avant + propos	⇒	avant-propos
	mille + pattes	⇒	mille-pattes

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, hay một vần. Số lượng chữ chiếc không đủ để gọi tên các vật chất hay ý niệm, ngày càng nhiều. Do đó, Tiếng Việt thường dùng *chữ dôi*, hoặc *ghép nhiều chiếc với nhau*, để gọi tên một vật chất hay một ý niệm. Vì chữ quốc ngữ chỉ có một vần, người ta không thể chép một chữ quốc ngữ để ghép vần, như các ngôn ngữ nhiều vần.

Nói tóm lại, để tạo chữ mới, **ngôn ngữ đa âm** thì có thể **ghép vần** hoặc **ghép chữ**, còn **ngôn ngữ đơn âm**, như Tiếng Việt, thì chỉ có thể **ghép chữ** mà thôi.

Ví dụ về ghép chữ của Tiếng Việt

- **thợ làm sườn nhà** = **carpenter/ charpentier**

Đứng riêng, bốn chữ này có ý nghĩa khác nhau; ghép lại, bốn chữ này tạo ra một ý nghĩa duy nhất, để chỉ *một người biết làm một công việc chuyên môn, là sườn nhà.*

- **xe ủi đất** = **bulldozer/ bulldozer**

Đứng riêng, ba chữ này có ý nghĩa khác nhau; ghép lại, ba chữ này tạo ra một ý nghĩa duy nhất, để chỉ *một loại xe rất mạnh có gắn một cái lưỡi ở trước, để gọt từng lớp đất, và đẩy đi chỗ khác.*

- **ăn ngủ thở** = **vulgar/ vulgaire**

(hạng từ của Nguyễn Sa)

Đứng riêng, ba chữ này có ý nghĩa khác nhau; ghép lại, ba chữ này tạo ra một ý nghĩa duy nhất, để chỉ *tính chất tầm thường của những con người không biết làm gì trong đời sống của họ, khác hơn là ăn, ngủ, và thở.*

- **giá áo túi cơm** = **vulgar/ vulgaire**

(hang từ của Nguyễn Du. *Truyện Kiều*)

Đứng riêng, bốn chữ này có ý nghĩa khác nhau; ghép lại, bốn chữ này tạo ra một ý nghĩa duy nhất, để chỉ *tính chất tầm thường của kẻ ăn không ngồi rồi, coi tấm thân của họ như một chỗ để mang áo, và bao tử như một túi đựng cơm.*

Để gọi tên một vật chất hay một ý niệm

TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH & TIẾNG PHÁP
Thường dùng nhiều chữ ghép lại nhiều chữ = đa từ (polylexemic)	Thường dùng nhiều vần trong một chữ nhiều vần = đa âm (polysyllabic)

Nếu người ta gọi Tiếng Anh và Tiếng Pháp là ngôn ngữ **đa âm**, người ta có thể gọi Tiếng Việt là ngôn ngữ **đa từ**. Ý niệm **đa từ** khác với ý niệm **đa âm** vì, theo định nghĩa, từ (word) khác với âm (syllable).

Nói tóm lại, người ta có thể nói, Tiếng Việt là:

- (1) ngôn ngữ **đơn âm** (monosyllabic);
- (2) ngôn ngữ **không biến dạng** (non-inflectional);
- (3) ngôn ngữ **đa từ** (polylexemic*/ poly-word).

* một hạng từ mới, để gọi tên một ý niệm mới.

4 Không có mâu thuẫn

Những người thuộc hai khuynh hướng – đơn âm và “đa âm” – tưởng là trái ngược nhau, thật ra, đều đã nhìn thấy đúng hai tính chất khác nhau của Tiếng Việt.

Xét Tiếng Việt theo *hình thức* của chữ viết, khuynh hướng cho rằng Tiếng Việt là **ngôn ngữ đơn âm**, là hoàn toàn đúng. Xét Tiếng Việt theo ý *nghĩa* duy nhất mà các chữ ghép tạo nên, đáng lý khuynh hướng thứ hai phải gọi Tiếng Việt là **ngôn ngữ đa từ** (polylexemic), họ lại gọi là “**đa âm**” (polysyllabic).

Cả hai khuynh hướng đều nhận ra đúng hai tính chất khác nhau của Tiếng Việt. Khuynh hướng thứ nhất đã dùng một hạng từ đúng để gọi tên một tính chất của Tiếng Việt, là **đơn âm**. Khuynh hướng thứ hai đã dùng một hạng từ không đúng (“**đa âm**”), để gọi tên một tính chất khác nữa của Tiếng Việt, là **đa từ**.

Có thể, trong thuật ngữ ngôn ngữ học của Âu Mỹ, không có hạng từ dùng để chỉ ý niệm **đa từ** (polylexemic), nên những người thuộc khuynh hướng thứ hai không biết làm cách nào khác hơn là dùng hạng từ “**đa âm**,” là một hạng từ có sẵn trong thuật ngữ ngôn ngữ học của Âu Mỹ. Chứng bình ngàn năm của lớp người có học của Việt Nam là, sĩ phu ngày xưa không dám *suy nghĩ* khác với tư tưởng có sẵn của Tàu, và trí thức ngày nay không dám *suy nghĩ* khác với tư tưởng có sẵn của Âu Mỹ; thậm chí, không dám dùng chữ *gửi* mà Âu Mỹ chưa dùng. Nghiên cứu có nghĩa là khảo sát, và đi tìm sự thật; không có nghĩa là cưỡng ép một hiện tượng cho “vừa khuôn” (fit) với một ý niệm có sẵn. Khi nói Tiếng Việt là “đa âm,” những người thuộc khuynh hướng này có lẽ đã cảm thấy là không ổn. Bởi vậy, họ đã đi ngược dòng thời gian để dùng lại *gạch nối*, một dấu mà chữ quốc ngữ đã bỏ cách nay hơn nửa thế kỷ. Dấu gạch nối tự nó không thể biến Tiếng Việt từ **đơn âm** thành “**đa âm**” được!

Nói tóm lại, người ta có thể gọi,

- **Tiếng Việt**
là ngôn ngữ **đơn âm** và **đa từ** (**monosyllabic & polylexemic**);
- **Tiếng Anh và Tiếng Pháp**
là ngôn ngữ **đa âm** và **đơn từ** (**polysyllabic & monolexemic**).

người chồng lý tưởng

VO CAO

Trước năm 1975, một tờ báo ở Sài Gòn có đăng câu chuyện đại khái như sau.

Một cô gái đẹp nhưng rất khó tính, đặt ra rất nhiều điều kiện cho người chồng lý tưởng của mình: nào là chàng phải là người như thế này, như thế nọ, như thế kia . . .

Vì đặt ra quá nhiều điều kiện, cuối cùng, chính cô gái cũng không tưởng tượng ra được chàng phải là người như thế nào. Cô gái bèn nhờ máy điện toán cho biết câu trả lời. Sau khi đưa đầy đủ nhiều dữ kiện vào máy, cô ngồi chờ câu trả lời. Rồi cô bỗng nghe máy điện toán kêu lộc cộc, và từ trong máy, nhảy ra . . . một cái bù-lon.

Trước sự tiến bộ không ngừng của khoa học và kỹ thuật, nhiều người đang lo nghĩ, không biết trong tương lai, máy móc có thể “suy nghĩ” như con người hay không.

Thật ra, điều mà nhân loại đang lo ngại không phải là, trong tương lai, máy móc có thể “suy nghĩ” như con người hay không, mà là trong tương lai, có thể con người sẽ suy nghĩ như máy móc hay không.

LANG THANG TRÊN NƯỚC MỸ (1)

Trường học Mỹ

TU DINH

Đây không phải là bài viết của một nhà nghiên cứu, về trường học và nền giáo dục Mỹ, mà chỉ là cái nhìn của một sinh viên Việt Nam, thuộc lớp người di dân tỵ nạn, đang “mài đũng quần trên ghế nhà trường.”

TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC

1

Linh động và xuôi theo tự nhiên

Nhiều cha mẹ Việt Nam thường ngạc nhiên khi được người thân hay đồng bào trong cư xá hướng dẫn cho họ đưa con cái của họ đi học ngay khi vừa đến Mỹ. Ở Mỹ, các trường tiểu học và trung học thu nhận ngay con cái của những người di dân vừa đặt chân đến đất nước này, vào bất cứ lúc nào, mà không cần phải đợi đến đầu mùa học, như ở Việt Nam. Cha mẹ sẽ được hướng dẫn đưa con đến trường để học, tùy theo lứa tuổi của đứa trẻ:

- | | |
|---------------------|-------------|
| ▪ elementary school | 6 – 11 tuổi |
| ▪ middle school | 11 – 14 “ |
| ▪ high school | 14 – 18 “ |

Nhân viên nhà trường chỉ hỏi tên và tuổi của đứa trẻ, tên và địa chỉ của cha mẹ, và tình trạng sinh sống của gia đình, như tiền trợ cấp xã hội và phiếu thực phẩm. Với những dữ kiện này, nhà trường sẽ:

- Xếp lớp cho đứa trẻ, *cẩn cứ vào số tuổi*; chẳng hạn, 6 tuổi sẽ được xếp vào Lớp 1; 9 tuổi vào Lớp 4 . . . Nhà trường không hỏi học bạ tại Việt Nam, mà cha mẹ đã cẩn thận mang theo.
- Nếu gia đình đang hưởng phiếu thực phẩm của Sở Xã Hội, nghĩa là thuộc gia đình có lợi tức thấp, đứa trẻ sẽ được ăn sáng và ăn trưa miễn phí tại trường. Nếu nhà ở xa trường khoảng 5 miles, đứa trẻ sẽ được đưa đón đi học bằng xe bus của nhà trường.

Thủ tục nhập học chỉ kéo dài khoảng 30 phút, và đứa trẻ sẽ đi học vào ngày hôm sau. Theo luật Mỹ, con cái của các di dân hợp pháp và bất hợp pháp đều được nhận vào các trường tiểu và trung học công lập, hoàn toàn miễn phí.

Cha mẹ không cần lo âu về việc con mình chưa biết Tiếng Anh. Nhà trường có các giáo viên chuyên môn để giúp trẻ em di dân, đến từ nhiều nước khác nhau, mau biết nói Tiếng Anh, để sớm hòa nhập và theo kịp chương trình học như các học sinh Mỹ.

Trẻ em di dân từ 10 tuổi trở xuống sẽ nói được Tiếng Anh khoảng một năm rưỡi sau. Càng nhỏ tuổi càng mau biết nói Tiếng Anh. Trẻ em dưới 10 tuổi sẽ nói Tiếng Anh có âm gió, như cách phát âm của Người Mỹ. Trên 10 tuổi sẽ chậm biết nói Tiếng Anh hơn, và nói không có âm gió. Khó nhất của Tiếng Anh là cách phát âm. Nhiều người lớn tuổi đến Mỹ mới bắt đầu học Tiếng Anh, thì thường là có thể viết đúng văn phạm, nhưng chậm nghe và nói.

Một số cha mẹ thường muốn cho con mình học sụt lớp, vì sợ các em không theo kịp các học sinh Mỹ. Đó là một ý nghĩ sai lầm, vì họ không hiểu cách dạy rất linh động của các trường Mỹ. Người Mỹ không “đồng nhất” các học sinh với nhau. Chẳng hạn, cùng là Lớp 10, các học sinh được phân thành nhiều nhóm khác nhau. Các học sinh giỏi môn toán và các học sinh kém môn toán, sẽ được học bằng những quyển sách toán khác nhau, tùy trình độ của từng học sinh. Các môn khác cũng vậy. Ở các high school, ngoài mấy môn học bắt buộc, các học sinh được chọn các môn học khác mà các em thích, miễn sao cho đủ số credits cần thiết để ra trường vào cuối Lớp 12.

Các học sinh giỏi môn nào thì chọn học nhiều credits về môn đó. Chẳng hạn, học sinh nào thích văn chương và báo chí, có thể học nhiều credits về môn này ở high school. Nếu ở high school không còn lớp để học, học sinh có thể học tiếp môn mình thích ở các đại học, nếu đã được 16 tuổi, mặc dù chưa học xong chương trình ở high school. Ở Mỹ, có những học sinh giỏi toán, sau khi học xong lớp Calculus II ở high school, nếu ở trường không có lớp Calculus III, các học sinh này sẽ học tiếp Calculus III, và các lớp toán cao cấp hơn nữa, ở các trường đại học, trước khi ra trường high school. Đó là một việc bình thường ở Mỹ.

Trung học Mỹ không giới hạn trong ba ban: khoa học thực nghiệm, toán, và văn chương, như ở Pháp và ở Việt Nam. Học sinh được tự do chọn lựa trong rất nhiều môn học, và có quyền thay đổi ý thích. Cách dạy học ở các trường Mỹ rất linh động, nghĩa là xuôi theo tự nhiên, và không đồng nhất mọi con người với nhau, vì vậy, học sinh học xong high school sẽ có nhiều kiến thức khác nhau, và nhiều trình độ khác nhau của cùng một môn học, tùy năng khiếu và sở thích của từng học sinh.

Ở trường tiểu học và trung học, học sinh học nguyên một ngày; buổi trưa ăn ở trong trường. Học sinh thuộc gia đình có lợi tức thấp thì được ăn trưa; có trường cho ăn sáng, hoặc hoàn toàn miễn phí, hoặc chỉ tốn bao nhiêu phần trăm tiền ăn, tùy mức lợi tức của gia đình, và tùy theo tiêu chuẩn của các học khu.

Học sinh có thể uống hoặc ăn trong giờ học. Trường học Mỹ xuôi theo tự nhiên: lúc nào khát thì uống, và đói thì ăn. Giống như ở các nơi công cộng khác, ở trường học, gần phòng vệ sinh, là máy uống nước. Xuôi theo tự nhiên: có cho ra thì phải có cho vô.

2

Tôn trọng nhân phẩm và giữ gìn lòng tự tin của trẻ em

Người Mỹ tôn trọng nhân phẩm của trẻ con từ lúc chúng mới sanh ra. Người Mỹ nói chuyện và đối xử với trẻ con cũng cùng một thái độ lịch sự và tôn trọng, như đối với người lớn: khi cần thì nói cảm ơn; khi cần thì nói xin lỗi.

Ở trường học, cũng vậy, thầy cô giáo luôn luôn lịch sự và tôn trọng học sinh. Có lẽ một số cha mẹ Việt Nam có dịp đến trường, và đã nhìn thấy thái độ và cách nói chuyện lịch sự với học sinh Lớp 1 của thầy cô giáo hoặc nhân viên nhà trường.

Ngoài việc tôn trọng nhân phẩm, thầy cô giáo còn tạo lòng tự tin, và nuôi dưỡng lòng tự tin của trẻ em. Trách nhiệm của thầy cô là cố gắng dạy cho học sinh hiểu bài học và làm được các bài tập. Các em học kém được thầy cô quan tâm giúp đỡ để làm được các bài tập. Dầu là bài tập hay bài trắc nghiệm, thầy cô đều tránh làm cho học sinh bị căng thẳng tinh thần (stress). Ở trường học Mỹ, thầy cô giáo tuyệt đối không được quyền nặng lời, hoặc mắng một học sinh là “dốt” hay “ngu dốt.” Đó là một con dao đâm vào lòng tự tin của trẻ thơ. Nói chung, trẻ em ở Mỹ học hành một cách thoải mái, hợp với tuổi thơ của chúng. Trừ một vài trường hợp ngoại lệ rất hiếm hoi, Người Mỹ không thúc ép con cái của mình trong việc học, để được “điểm cao.” Mắng một đứa trẻ là “ngu dốt” hay thúc ép một đứa trẻ phải có “điểm cao,” cả hai trường hợp đều có thể đưa trẻ em đến tình trạng bất ổn tinh thần.

Đay và nuôi dưỡng lòng tự tin của trẻ em, đó là một đặc điểm của trường học Mỹ.

3

Mở rộng tầm nhìn từ tuổi thơ

Ở elementary school, trẻ con chưa được học về khoa điện toán. Tuy nhiên, trường học nào cũng có những phòng đặt máy điện toán. Mục đích là để trẻ con vọc phá, và tập làm quen với máy điện toán, như mở xem hình hoạt họa, và biết in ra giấy để chơi. Mục đích khác nữa, là giới thiệu cho trẻ con biết là ở high school, học sinh sẽ được học sử dụng phần cẩn bản của máy điện toán, chiếc máy đã và đang làm thay đổi đời sống của con người trên Trái Đất.

Các trẻ em đang học ở elementary school và middle school đều có dịp được thầy cô giáo đưa đi thăm các trường đại học. Các sinh viên ở trường đại học thỉnh thoảng có dịp nhìn thấy những toán học sinh nhỏ bé và ngây thơ, được thầy cô giáo dẫn đi dạo trong khuôn viên campus và vào thăm các phòng học. Người Mỹ muốn tạo ấn tượng cho tuổi thơ, rằng việc học còn dài, và cảnh các sinh viên đang tấp nập đi lại trong khuôn viên campus hay ra vào các lớp học, là hình ảnh của các em nhỏ trong tương lai.

Nếu cha mẹ Việt Nam để ý, sẽ thấy, khi dẫn các em nhỏ băng qua đường ở các ngã tư có đèn báo hiệu, các em chỉ chịu băng qua đường khi nhìn thấy hiện ra hình người màu trắng. Không nhìn thấy hình này, dù là lúc vắng xe, các em cũng vẫn đứng đợi. Vì, các em đã được các nhân viên cảnh sát đến trường để hướng dẫn các em về luật lệ lưu thông. Ngoài luật lệ lưu thông, các học sinh nhỏ còn được cho biết sự nguy hiểm của thuốc lá và các loại ma túy, để các em phải tránh xa.

Ở high school, ngoài việc học, học sinh còn được nhà trường cho biết những tin tức thời sự quan trọng, hoặc những tin tức khác có ích cho đời sống hằng ngày của học sinh. Có khi, vì bận việc, cha mẹ biết tin tức thời sự quan trọng chậm hơn con cái của mình.

Vừa dạy, vừa mở rộng tầm nhìn cho học sinh hướng về tương lai, đó là một đặc điểm của trường học Mỹ.

4

Nhận kiến thức và tập “suy nghĩ khác”

Trong các lớp học ở elementary school, học sinh thường ngồi thành từng nhóm quanh một bàn lớn, như bàn làm việc, để các em có thể di chuyển thoải mái, nghĩa là không bị gò bó khi ngồi đọc theo các bàn dài, như ở Việt Nam. Cách sắp xếp lớp học có thể thay đổi khi cần. Lớp học là một không gian thân mật giữa thầy và trò. Học sinh và thầy cô giáo gọi nhau bằng tên riêng (first name). Thầy cô giáo vui vẻ, gần gũi, và ân cần đối với từng học sinh, như những người bạn lớn tuổi của các em, chứ không có thái độ lạnh lùng, xa cách, và oai nghiêm, và đôi khi tay cầm cái roi hay cây thước, như hình ảnh các thầy cô giáo mà người ta có thể thấy tại các trường học ở Việt Nam. Phật bằng cách đánh học trò, là một việc hoàn toàn xa lạ tại các trường học Mỹ.

Trong khung cảnh như vậy, trong giờ học, học sinh nói chuyện với thầy cô giáo và với bạn bè một cách dạn dĩ và tự nhiên. Thầy cô giáo luôn luôn khuyến khích và lắng nghe các học sinh phát biểu ý kiến về bài học. “Các em có câu hỏi gì không?” đó là câu nói mà các học sinh được nghe thường xuyên hằng ngày và hằng giờ trong trường. Trong giờ học, khi cần hỏi hay phát biểu ý kiến, học sinh chỉ cần đưa tay lên, và khi được thầy cô cho phép, học sinh ngồi tự nhiên để nói mà không cần đứng dậy.

Nhận kiến thức từ nhà trường, và tập phát biểu ý kiến, nghĩa là tập “suy nghĩ khác,” bắt đầu từ tuổi thơ, đó là một đặc điểm của trường học Mỹ.

5**Không loại bỏ**

Cuối lớp 12, sau khi học đủ số credits theo quy định của nhà trường, các học sinh đương nhiên ra trường, và được cấp văn bằng High School Diploma, trong một buổi lễ gọi là Commencement Ceremony.

Có những học sinh đã đủ credits trước khi bãي trường; các học sinh này có thể nghỉ học trước, để chờ ngày nhận văn bằng, hoặc muốn tiếp tục đi học cho đến ngày bãi trường, cũng được. Những học sinh nào mà nhà trường nhận thấy là đến ngày bãi trường cũng chưa đủ credits, nhà trường mời cha mẹ đến để cho biết là các học sinh này cần phải học thêm các lớp riêng, để đủ điều kiện ra trường. Nếu là học thêm tại trường, chi phí một lớp học thêm vào khoảng 30-40 dollars; nếu học thêm ở một trung tâm khác, chi phí có thể hơn 100 dollars. Trường hợp đặc biệt, một vài học sinh đến ngày bãi trường mà vẫn còn thiếu credits, nhà trường sẽ cho học thêm vào mùa hè. Các học sinh này không được dự lễ Commencement Ceremony; tuy nhiên, sau khi đủ credits vào mùa hè, các học sinh này sẽ được cấp văn bằng như các học sinh khác, để kịp ghi tên học Mùa Fall ở đại học, như các bạn học cùng niên khóa.

Sau khi có High School Diploma, các học sinh được nhà trường phân phối vào các universities hoặc colleges, tùy số điểm ở high school mà các trường đại học này quy định để thâu nhận sinh viên mới. Các đại học khác nhau đòi hỏi điểm ra trường khác nhau. Một vài học sinh có số điểm thấp hơn quy định của các universities, thì sẽ vào học ở các community colleges, và sau khi có đủ credits, sẽ được chuyển qua các universities.

Nói tóm lại, trường học Mỹ không loại bỏ bất cứ học sinh nào, trừ trường hợp học sinh ấy tự ý bỏ học nửa chừng. Ở Mỹ, không có cảnh học sinh Lớp 12 có kẻ đập người rớt tú tài vào mùa bãi trường, như ở Pháp và Việt Nam; cũng không có cảnh kẻ đập người rớt trong các kỳ thi tuyển vào các trường đại học, sau khi đã có tú tài.

Không loại bỏ bất cứ học sinh nào, đó là một đặc điểm của trường học Mỹ.

DẠI HỌC

Người Mỹ gọi đại học là college. Các colleges chia làm hai nhánh: college hai năm và college bốn năm. College hai năm tức là community college; các community colleges được rải đều trong từng tiểu bang: mỗi thành phố, hay mỗi quận, có một community college. Colleges bốn năm thuộc nhiều ngành khác nhau tập hợp lại thành các universities, nằm chung trong một campus, rộng như một thành phố. Có một vài colleges biệt lập.

Hạng từ School cũng được dùng để gọi đại học; chẳng hạn, School of Mines, School of Law, School of Medicine . . .

Một university là nơi tập hợp các ngành học tổng quát và các ngành học chuyên môn. Các trường chuyên ngành không nằm riêng rẽ như ở Pháp hay ở Việt Nam. Tùy ngành học, các universities có 2 cấp học: undergraduate (Bachelor), và graduate (Master hay Ph.D). Tùy theo nhu cầu của từng tiểu bang, một vài ngành học có thể có ở university này mà không có ở university khác.

6

Rải đều trường đại học trên toàn lãnh thổ

Cách chỉnh trang lãnh thổ của Nước Mỹ cho thấy các tiểu bang và các thành phố trên toàn Nước Mỹ đều có những điều kiện và tiện nghi đời sống tương đương với nhau. Trước đây nửa thế kỷ, nông dân Mỹ chỉ chiếm 5% dân số. Ngày nay, tỷ lệ này thấp hơn, nên ở Mỹ không có tình trạng phân biệt nông thôn và thành thị; có thể nói, ở đâu cũng là thành thị. Ở Nước Mỹ, không có tình trạng tập trung các điều kiện và tiện nghi tại một vài tiểu bang hay thành phố, như ở Việt Nam (chỉ ở các thành phố lớn mới có trường đại học). Nếu Việt Nam cũng theo cách chỉnh trang lãnh thổ như Mỹ, điều kiện và tiện nghi đời sống của người dân ở Cà Mau hay ở Lạng Sơn cũng sẽ tương đương như người dân ở Sài Gòn, Huế, và Hà Nội, nghĩa là ở đâu cũng có trường đại học. Ở Mỹ, các universities rải đều trên toàn lãnh thổ, với chương trình học thống nhất. Trừ một số ít con cái của nhà giàu, thích đi học ở các đại học “nổi tiếng” ở ngoài tiểu bang nhà, hay các học sinh xuất sắc được học bổng của các universities ở ngoài tiểu bang, hầu hết các sinh viên ở tiểu bang nào thì học đại học tại tiểu bang đó.

Ở đâu có dân, ở đó có trường đại học, đó là một đặc điểm của trường học Mỹ.

7

Đi đến đâu, học tiếp tục ở đó

Vì công việc làm, hay vì những lý do khác, Người Mỹ thường di chuyển từ thành phố này đến thành phố khác trong cùng một tiểu bang, hoặc di chuyển từ tiểu bang này đến tiểu bang khác để sinh sống. Đó là một việc bình thường. Đi đến đâu, con cái của họ sẽ tiếp tục sự học ở đó, vì chương trình học, từ tiểu học, trung học, đến đại học, là thống nhất trên toàn Nước Mỹ. Không có trở ngại trong việc chuyển trường.

8

“Học chính là đời sống”

“Education is not a preparation for life; education is life itself.” Đó là lời của triết gia John Dewey. Đó cũng là triết lý của nền giáo dục Mỹ. Kiến thức là để sống, trước khi để làm việc.

Từ quan niệm như trên, trường đại học thu nhận tất cả mọi người đang sống trên Nước Mỹ, không phân biệt sắc tộc, tuổi tác, phái tính, di dân hợp pháp hay bất hợp pháp.

Các di dân hợp pháp, có thẻ xanh nhưng chưa vào quốc tịch Mỹ, vẫn được hưởng tiền trợ cấp của Liên Bang, như sinh viên Mỹ. Các sinh viên, là di dân bất hợp pháp, không được hưởng tiền trợ cấp của Liên Bang, và phải đóng học phí cao khoảng 3 lần, so với sinh viên Mỹ học trong tiểu bang nhà (in state), nghĩa là học phí cao như các sinh viên Mỹ ở ngoài tiểu bang (out of state), hay sinh viên quốc tế (international students).

Trường trung học không loại bỏ học sinh high school bằng thi cử; trường đại học công lập thâu nhận sinh viên tùy theo điểm chuẩn của học sinh ở high school, mà không cần thi tuyển; mỗi trường đại học có điểm chuẩn khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết học sinh thuộc gia đình có lợi tức thấp không đủ điều kiện tài chánh để học đại học. Nước Mỹ giải quyết vấn đề này như sau:

- (1) Mỗi năm, qua chương trình FSAP (Federal Student Aid Programs), Liên Bang chi ra từ 40 đến 60 tỷ dollars để trợ cấp cho hàng triệu sinh viên thuộc gia đình có lợi tức thấp, để học đại học. Đây là số tiền cho không. Đó là chưa kể tiền trợ cấp của Tiểu Bang, và rất nhiều loại học bổng của các hội tư nhân.
- (2) Các học sinh không đủ điều kiện hưởng trợ cấp của FSAP, có thể vay tiền học của Liên Bang hay của rất nhiều cơ quan tài chánh tư nhân, để học đại học, và sẽ trả góp sau khi học xong. Số tiền này không mất; thế hệ trước trả, thế hệ sau mượn tiếp, và cứ như thế mãi.
- (3) Các thanh niên cù bơ cù bất, không nơi nương tựa, cũng có thể đi học đại học. Thời Tổng Thống Clinton, chánh phủ có lập ra tổ chức AMERICORPS, tức National Civilian Community Corps (NCCC) để tạo cơ hội cho các thanh niên này đi học đại học. Vào tổ chức này, các sinh viên phải làm việc cộng đồng mỗi tuần 20 giờ, được học đại học không tốn tiền, được cấp chỗ ở như cư xá sinh viên (Dorm), được nuôi ăn, và mỗi tháng được lãnh 400 dollars.

Trường học là nơi trao kiến thức cho bất cứ ai muốn đi học, vào bất cứ lúc nào trong suốt cuộc đời của họ, không đồng nhứt mọi con người với nhau, không thách thức trí thông minh của người đi học để loại bỏ họ bằng các cuộc thi cử rườm rà, và coi sự học như một phần trong đời sống của con người, từ đó, tạo điều kiện cho mọi người được hấp thụ nền giáo dục cao (higher education), đó là triết lý của nền giáo dục Mỹ.

Không loại bỏ bất cứ học sinh high school nào, mở đủ trường đại học, và rải đều trên khắp lãnh thổ để nhận tất cả sinh viên mà không cần thi cử, tạo điều kiện cho lớp người trẻ vào đại học, đó là một đặc điểm của trường học Mỹ.

9

Community college (đại học 2 năm, hay đại học công đồng)

Theo tài liệu của American Association of Community Colleges, community college ở Mỹ được hình thành và phát triển như sau.

- 1862 Bằng việc thông qua Đạo Luật Morrill Act, người ta đã có ý tưởng lập ra junior college để mở rộng nền giáo dục cao cho những sinh viên trước đó đã bị loại khỏi các đại học lớn.
- 1901 Joliet Junior College ở Illinois là community college đầu tiên ở Mỹ.
- 1931 "The Junior College." Quyển sách của Walter Crosby Eells mở đầu cho sự lớn mạnh của community college bằng sự phát triển của public junior college, và tăng thu nhận sinh viên cho nền giáo dục cao.
- 1960s Community college, cũng gọi là junior college, trở thành một mạng lưới quốc gia trên toàn Nước Mỹ trong khoảng mươi năm 1960, với việc mở ra thêm 457 public community colleges – nhiều hơn tổng số community colleges có từ trước. Sau Thế Chiến II, hiện tượng "Baby boomers" và nền kinh tế phát triển mạnh, là hai yếu tố làm cho community college phát triển nhanh trong khoảng mươi năm 1960, để đáp ứng nhu cầu vào lúc đó. Đến năm 1998, toàn Nước Mỹ có 1,600 community colleges.

Có thể gọi community college là đại học chuyển tiếp. Học xong hai năm ở community college, với 60 credits, các sinh viên sẽ được chuyển qua các universities, để học tiếp hai năm cuối, cho đủ 120 credits của cấp Bachelor. Nhiều trường hợp, các universities chỉ đòi hỏi một số credits căn bản, để được chuyển qua universities, mà không cần học đủ 60 credits ở community college.

Community college có nhiệm vụ rất quan trọng trong nền giáo dục cao ở Mỹ.

- (1) Mỗi thành phố (city), hay ít nhất, mỗi quận (county) có một community college. Các sinh viên có thể học hai năm đầu của đại học ở community college gần nơi ở, mà không cần phải đi xa hơn, để học ở các universities. Một trong những ý nghĩa của mạng lưới community college là đưa nền giáo dục cao đến gần người dân; đó là điều mà các universities không làm được.
- (2) Nhận tất cả các học sinh học xong high school, nhưng không đủ điểm chuẩn để trực tiếp vào các universities, community college là chiếc cầu để đưa các sinh viên này vào university sau hai năm học, hay ít hơn. Community college còn là nơi sẵn sàng đón nhận các học sinh học xong high school, vì lý do riêng, đã không học đại học, có thể đi học lại vào bất cứ lúc nào.

- (3) Community college thâu nhận tất cả mọi người đang sinh sống trên Nước Mỹ, kể cả các di dân bất hợp pháp. Các di dân, đã học xong trung học ở nước họ, đều được nhận vào community college. Ngày nay, theo truyền thống chung của đại học Mỹ, community college không phân biệt chủng tộc, phái tính, và tuổi tác. Ở Mỹ, có những người 50, 60 tuổi, thậm chí 70, 80 tuổi, còn cấp sách đến trường, là một việc bình thường, bởi vì,
"Học không phải là chuẩn bị cho đời sống; học chính là đời sống."
- (4) Ngày nay, theo thống kê, hệ thống community colleges thâu nhận hơn phân nửa số lượng sinh viên undergraduate học hai năm đầu trên toàn Nước Mỹ, trước khi chuyển qua các universities để học hai năm cuối của chương trình Bachelor.
- (5) Năm 1948, trước khi có mạng lưới community colleges trên toàn Nước Mỹ, tỷ lệ Người Mỹ có trình độ đại học là 6.8% Nhờ mạng lưới quốc gia community colleges, tỷ lệ này vào năm 2001 là hơn 24%. Những người có bằng Bachelor/ Bachelor degree được xem là có trình độ đại học.

10

Học sinh và sinh viên có khuyết tật

Để tránh mặc cảm, và để nuôi dưỡng lòng tự tin của các học sinh và sinh viên có khuyết tật, Nước Mỹ không lập ra các trường riêng dành cho người có khuyết tật. Học sinh và sinh viên có khuyết tật học cùng trường với các học sinh và sinh viên khác. Các học sinh và sinh viên bại liệt ngồi trên xe lăn và học chung với các học sinh và sinh viên bình thường. Các học sinh câm điếc hay mù được các nhà giáo chuyên môn dạy riêng, với đầy đủ phương tiện chuyên môn cần thiết.

Ở các trường học Mỹ, cảnh các học sinh hay sinh viên mù đi học với cây gậy dò đường hoặc với một con chó dẫn đường, lẩn lộn với các học sinh và sinh viên khác, là một việc bình thường. Có những sinh viên vừa đi vừa đẩy xe gắn một bình oxygen có ống nhựa dẫn lên mũi để thở. Có những nữ sinh viên bồng con hay đẩy con trên xe, và mang con vào lớp học. Có những sinh viên già, nam hay nữ, vừa đi nặng nhọc, vừa thở hổn hển vì bệnh hoạn, vẫn ngày ngày đến trường. Tất cả là những hình ảnh rất bình thường ở các trường học Mỹ.

11

Cách học

Ở đại học, một năm có ba mùa học: Fall, Spring, và Summer. Mùa Fall và Mùa Spring dài 16 tuần học; Mùa Summer dài 10 tuần học. Riêng Mùa Summer, có môn học chỉ dài 5 tuần học. Có lẽ đây là trường hợp đặc biệt, dành cho các sinh viên chỉ còn thiếu vài credits, để kịp ra trường vào cuối Mùa Summer. Các mùa học cách khoảng nhau từ 3 đến 5 tuần được nghỉ.

Một lớp học trong một mùa thường được tính 3 credits; vài lớp được tính 4 credits. Thông thường, lớp nào cũng học hai buổi một tuần. Lớp 3 credits, mỗi buổi dài 1 giờ 15 phút; lớp 4 credits, mỗi buổi dài từ 1 giờ 50 phút đến 2 giờ 30 phút, tùy môn học. Trường hợp đặc biệt, một lớp dồn lại học trong một ngày, và số giờ học được tăng lên. Từ lớp học trước đến lớp học kế tiếp, cách khoảng ít nhất là 15 phút, để sinh viên kịp đi bộ đến lớp khác, thường là ở một tòa nhà khác. Thông thường, các trường đại học hoạt động từ 7:00 giờ sáng đến 10:30 giờ tối. Sinh viên có thể chọn các lớp học theo giờ giấc thích hợp cho mình, nếu có nhiều lớp giống nhau trong một mùa học.

Chương trình Bachelor dành cho sinh viên undergraduate cần ít nhất 120 credits bắt buộc để ra trường. Sinh viên học ngành nào cũng cần gặp advisor/ counselor để lấy các lớp học nằm trong chương trình. Sinh viên có thể lấy các lớp ngoài chương trình, nếu thích học cho biết; những lớp ngoài chương trình không được tính credits vào số 120 credits bắt buộc của chương trình Bachelor thuộc ngành mình chọn.

Vì cách học trong các trường Mỹ rất linh động, và tính theo credits, sinh viên có thể học liên tục hay cách khoảng, vì lý do riêng, cũng được; miễn sao học đủ 120 credits thì được cấp văn bằng Bachelor của ngành mình chọn. Nếu học liên tục, trung bình cần bốn năm thì xong chương trình Bachelor.

Lớp học nào, sinh viên cũng học theo các sách giáo khoa được giáo sư lớp đó chỉ định. Sách giáo khoa được thay đổi thường xuyên; thường thì vài mùa thay sách giáo khoa một lần. Riêng sách giáo khoa ngành điện toán, gần như mùa nào cũng thay sách, vì môn này tiến quá nhanh; một quyển sách về khoa điện toán sau một mùa học thì đã lỗi thời.

Người Mỹ có lý khi họ áp dụng các mùa học ngắn, hoặc dài 16 tuần, hoặc chỉ dài 10 tuần, chứ không áp dụng cách học nguyên một năm dài 9 tháng (36 tuần) như ở Pháp và Việt Nam. Sinh viên Mỹ làm bài tập (homework) và bài trắc nghiệm thường xuyên. Sau một hoặc hai chương trong sách giáo khoa thì có bài tập và bài trắc nghiệm. Do đó, sinh viên còn nhớ những gì đã học. Đến 9 tháng mới “thi lên lớp” như ở Pháp và Việt Nam, sinh viên không còn nhớ hết những gì đã học, từ đó, sanh ra “học gạo” và “học tủ.” Việc học gạo và học tủ gây ra stress cho sinh viên; nó làm hao mòn và cǎn cỗi sớm bộ óc của con người. Cách học đều đều và thoái mái kiểu Mỹ giúp cho các sinh viên, sau khi ra trường, vẫn còn giữ được bộ óc còn tươi và mơn mởn; do đó, họ còn sinh lực đầy đủ để làm công việc điều hành ở các công ty, hay làm công tác nghiên cứu ở các viện nghiên cứu.

Sau đây là công thức tính độ nhớ mà sinh viên còn giữ được, theo thời gian, gọi là *Human Memory Model*, được áp dụng cho các sinh viên học toán, rút kinh nghiệm bằng cách mỗi tháng mỗi làm cùng một bài trắc nghiệm, và ghi kết quả bằng số điểm.

Điểm trung bình của một môn học toán, cho bởi công thức tính trí nhớ của con người:

$$f(x) = 80 - 17 \log_{10}(t+1), \quad 0 \leq t \leq 12$$

t là thời gian, tính bằng tháng.

Điểm trung bình của bài trắc nghiệm môn toán, làm sau vài ngày học ($t = 0$):

$$f(x) = 80 - 17 \log_{10}(0 + 1) = 80/100$$

Điểm trung bình của bài trắc nghiệm môn toán, làm sau 2 tháng học (học kiểu Mỹ):

$$f(x) = 80 - 17 \log_{10}(2 + 1) = 71/100$$

Điểm trung bình của bài “thi lên lớp” môn toán, làm sau 9 tháng học (học kiểu Pháp):

$$f(x) = 80 - 17 \log_{10}(9 + 1) = 63/100$$

Để lâu ngày mới cho làm bài trắc nghiệm, điểm trung bình sẽ kém dần, là do trí nhớ bị hao mòn theo thời gian, nghĩa là không phải do thông minh hay kém thông minh.

Cũng vì lý do này, một số giáo sư Mỹ cho sinh viên làm bài trắc nghiệm trong lớp, được mở sách ra coi, nghĩa là chỉ dùng sự hiểu biết mà không cần dùng trí nhớ; một số giáo sư khác cho làm bài trắc nghiệm ở nhà. Ở trường học Mỹ, các sinh viên đến trường là để được các giáo sư trao cho kiến thức mà họ cần, chứ không phải là để các giáo sư thách thức trí thông minh hay trí nhớ của mình, nghĩa là không phải để được “xếp hạng.” Bởi vậy, điểm hay hạng (grade) chỉ có ý nghĩa tương đối mà thôi. Khi trả bài, các giáo sư thường đích thân trao cho từng sinh viên, không cho sinh viên biết điểm lẫn nhau, để tránh làm mất lòng tự tin của các sinh viên có điểm thấp.

Trong khi giảng bài, giáo sư thường xuyên hỏi, “Các bạn có câu hỏi gì không?” Nếu có, giáo sư sẽ trả lời từng sinh viên một. Ngoài giờ dạy trong lớp, giáo sư nào cũng dành hai buổi, mỗi buổi khoảng một giờ, để tiếp sinh viên và giải đáp các thắc mắc của sinh viên tại văn phòng riêng của mình trong nhà trường. Ngoài ra, sinh viên có thể hỏi giáo sư bằng điện thoại hoặc bằng email. Giữa thầy và trò, không có một “khoảng cách” xa, như ở các đại học tại Việt Nam. Giáo sư và sinh viên Mỹ thường gọi nhau bằng tên riêng (first name); ít khi gọi bằng họ (last name).

Khi hỏi hay phát biểu ý kiến trong lớp, các sinh viên ngồi tự nhiên tại chỗ, nghĩa là không cần đứng dậy, như ở Việt Nam. Sinh viên có thể uống hay ăn trong giờ học; giáo sư cũng vậy. Nếu có việc riêng, sinh viên có thể rời khỏi lớp trong giờ học mà không cần phải xin phép giáo sư. Thỉnh thoảng, vài nữ sinh viên mang con nhỏ vào lớp học, vì không có ai giữ ở nhà. Đôi khi, vài sinh viên ngủ gục tại bàn học. Lý do là có khoảng 75% sinh viên Mỹ vừa đi học vừa đi làm nửa thời gian (20 giờ một tuần).

Có khi sinh viên đi làm ca đêm, rồi buổi sáng đi học ngay, nên buồn ngủ. Các giáo sư Mỹ coi những việc này là bình thường, vì xưa kia, họ cũng đã từng trải qua thời sinh viên như thế. Như đã nói ở trước, Người Mỹ thích sống xuôi theo tự nhiên.

Ở cấp Bachelor, sinh viên học kiến thức tổng quát nhiều hơn môn học chính. Chẳng hạn, một sinh viên chọn môn toán là chính, để được cấp bằng Bachelor of Science in Mathematics, phải học 64-72 credits các môn thuộc kiến thức tổng quát, và 56-48 credits các môn toán. Trong các môn kiến thức tổng quát, có 3 lớp Tiếng Anh bắt buộc: English Composition I, English Composition II, và Public Speaking. Hầu hết học sinh học xong high school chưa viết Tiếng Anh đúng văn phạm. Ngoài việc tập sinh viên viết đúng văn phạm, các lớp English kể trên còn tập cho sinh viên biết viết một bài văn có phương pháp, biết sưu tầm tài liệu tham khảo, biết cách trích dẫn tài liệu, và biết làm bảng kê tài liệu tham khảo theo một tiêu chuẩn chung. Lớp Public Speaking tập cho sinh viên biết cách nói chuyện trước đám đông.

Các môn kiến thức khác, thuộc nhiều ngành khác nhau; mỗi ngành có rất nhiều lớp để sinh viên được tự do chọn từ một đến hai lớp cho mỗi ngành.

Thông thường, trong các Mùa Fall và Spring, là hai mùa dài trong năm, sinh viên lấy trung bình 4 lớp (tương đương 12-14 credits). Sinh viên nào muốn mau ra trường, có thể lấy 6 lớp (tương đương 18-20 credits). Mùa Summer, chỉ có một số ít sinh viên đi học, và thường chỉ lấy 2 lớp (tương đương 6-7 credits). Sinh viên Mỹ thường nghỉ học Mùa Summer, là mùa ngắn trong năm, để xả hơi hoặc vui chơi.

Giáo sư lớp nào thì cho bài trắc nghiệm và chấm điểm lớp đó. Điểm cuối mùa học: Standard Grades Quality Points (Tài liệu của CU-Denver)

<u>A</u>	= superior/ excellent	4.0	<u>Điểm ra trường Cấp Bachelor.</u>
<u>A⁻</u>	=	3.7	
<u>B⁺</u>	=	3.3	
<u>B</u>	= good/ better than average	3.0	
<u>B⁻</u>	=	2.7	
<u>C⁺</u>	=	2.3	
<u>C</u>	= competent/ average	2.0	
<u>C⁻</u>	=	1.7	
<u>D⁺</u>	=	1.3	
<u>D</u>	= minimum passing	1.0	
<u>D⁻</u>	=	0.7	
<u>F</u>	= failing	0.0	

Thường thường, nhà trường tính điểm tích lũy căn cứ vào điểm tròn:
 $A/ A^- = 4.0$, $B^+/ B/ B^- = 3.0$, $C^+/ C/ C^- = 2.0$, $D^+/ D/ D^- = 1.0$.

Trong vòng hai tuần lễ đầu tiên, sinh viên có thể tự do bỏ bớt (drop/ withdraw) lớp nào cảm thấy không vừa sức của mình, hoặc không thích, và được hoàn lại học phí 100%. Trong thời gian này, sinh viên có thể dùng điện thoại hoặc Online để bỏ lớp. Sau tuần thứ hai cho đến tuần thứ mười, sinh viên muốn bỏ lớp nào phải có chữ ký của giáo sư lớp đó. Việc bỏ bớt các lớp học trong một mùa, là một việc bình thường ở đại học.

Sinh viên được quyền đổi ngành học mà mình đã chọn khi vào university; đổi bao nhiêu lần cũng được, tùy khả năng và ý thích của mình. Muốn đổi ngành học, sinh viên cần gặp advisor/ counselor của mình để được hướng dẫn.

12

CBA

Cách nay hơn 40 năm, Hồ Hữu Tường có mở một lớp hàm thụ dạy nghề làm báo, và ông đặt tên là CBA. Ông đã giải thích ý nghĩa của CBA như sau:

C = Chính học, **B** = Bác học, và **A** = Am học.

Tuy không phải là một nhà giáo chuyên nghiệp, Hồ Hữu Tường hiểu rõ triết lý của sự học, hay của nền giáo dục.

Chính học. Chính có nghĩa là *ngay thẳng*, hay nói chung, là đúng và tốt. Chính ngược với tà. Tà có nghĩa là cong vạy, hay nói chung, là sai và xấu. Ý nghĩa đầu tiên của sự học phải là học cái đúng và tốt; không được học cái tà, là cái sai và xấu.

Một ví dụ.

Loại giáo dục nhồi sọ, học những điều không đúng sự thật, và học như con vẹt, của các nước cộng sản hiện nay không phải là chính học; đó là tà học.

Bác học. Bác có nghĩa là *rộng*. Sự học bắt đầu bằng cái rộng, nghĩa là trước hết phải có kiến thức tổng quát, để có cái nhìn bao quát hay tổng hợp.

Am học. Am là *hiểu rõ*. Sau khi đã có kiến thức tổng quát, sinh viên phải đi vào một ngành học, hay chỉ một nhánh của một ngành học, và học cho hiểu rõ trong phạm vi ấy. Cái học như vậy mới hữu dụng. Học lên cao mà vẫn tiếp tục học cho rộng, nghĩa là không chịu đi sâu vào một chuyên ngành, là một cái học loãng, và do đó, không hữu dụng. Chẳng hạn, những người có ba bốn cái bằng kỹ sư hay tiến sĩ, là những người không hữu dụng bằng những người chỉ có một văn bằng, hoặc không có văn bằng, nhưng đã tự học một ngành thật sâu xa, vì đó là những người *am học*. Người Mỹ dùng tên gọi Ph.D để chỉ những người mà sự học đã đạt đến cái *triết lý* của ngành mình học, mà trường đại học có thể cung cấp cho họ. Đó là am học.

Cách nay khoảng mươi năm, ở Việt Nam có xuất bản một quyển sách gom góp những câu tục ngữ của các dân tộc trên thế giới. Có một câu tục ngữ của Nga, không hiểu nguyên văn như thế nào, nhưng tác giả quyển sách đã dịch ra Tiếng Việt như sau:

“Bá nghệ bá tri, vị chi bá láp.”

Câu tục ngữ trên cho thấy dân tộc Nga hiểu rõ ý nghĩa của am học.

13

“Commencement” đổi lại với “Tốt nghiệp”

Từ đầu bài viết cho đến đây, người đọc không thấy hạng từ “tốt nghiệp,” mà chỉ thấy các hạng từ “học xong” hay “ra trường.” Người Mỹ không quan niệm rằng các sinh viên vừa học xong một cấp nào đó, là “tốt nghiệp,” nghĩa là đã “lành nghề.” Người Mỹ gọi đó chỉ là “bắt đầu.” Bởi vậy, lễ ra trường của các học sinh high school, hay của sinh viên đại học, từ cấp Bachelor, Master, đến Ph.D, đều được gọi là *Commencement Ceremony*.

Hai quan niệm, hay hai triết lý khác nhau về giáo dục, dẫn đến hai kết quả khác nhau. Chẳng hạn, Người Việt gọi những người vừa “đỗ đạt” xong, là những người đã “lành nghề,” nghĩa là đã “hoàn hảo,” nên ngày xưa mới có cảnh “bái tổ vinh quy,” hay “mặc áo gấm về làng,” không biết làm gì khác hơn là chờ ngày ra làm quan, và ngày nay, những người học xong đại học trong nước hay từ nước ngoài trở về, cũng có tâm trạng như vậy, không biết làm gì khác hơn là chờ ngày được giữ một chức vụ nào đó trong chánh quyền hay ngoài xã hội. Như vậy, đối với họ, đỗ đạt xong đã là mãn nguyện, nghĩa là “không bỏ công ăn học,” và tới đó là chấm hết. Người Việt coi trọng bằng cấp và chức vụ hơn là sự học hỏi và kết quả việc làm của họ, trong công việc điều hành, hay trong công tác nghiên cứu. Kết quả là, tuy có một thành phần được du học từ các nước tiến bộ trở về, lớp người có học của Việt Nam vẫn còn đâu óc từ chương, nên dân tộc Việt Nam vẫn không phải là một dân tộc có truyền thống nghiên cứu, sáng tạo, và phát minh, do đó, đã không có đóng góp gì cho tài sản trí tuệ của thế giới.

Người Mỹ coi những người mới ra trường là những người mới “bắt đầu.” Bởi ý nghĩ mình là những người ở mức “bắt đầu,” những người mới ra trường vẫn tiếp tục học hỏi và hăng say làm việc, để chứng tỏ khả năng điều hành công việc ở các công ty, hay khả năng nghiên cứu ở các viện nghiên cứu, và từ đó vươn lên. Bộ óc không bị mệt mỏi và cần cỗi bởi lối học từ chương và nhồi sọ, nghĩa là còn giữ được tươi trẻ và mơn mởn theo lối học kiểu Mỹ, và được tập cho biết “suy nghĩ khác” từ tuổi thơ, lớp người có học của Mỹ đã và đang đưa đất nước rất trẻ của họ vươn lên không ngừng. Có thể nói Nước Mỹ đổi mới từng ngày, và vươn lên từng ngày. Vì, đối với lớp người có học của Mỹ, chỉ có bắt đầu, nhưng không có chấm hết.

14

Lằn ranh giữa trường học và tôn giáo

Số đông Người Mỹ có tôn giáo. Tuy nhiên, rút kinh nghiệm tôn giáo chi phối chánh quyền và trường học ở Âu Châu từ thế kỷ 16 trở về trước, hiến pháp Mỹ phân biệt trường học và tôn giáo, nghĩa là tôn giáo không được xâm nhập vào các trường học công lập, dưới mọi hình thức.

Tôn giáo là những tư tưởng không biến đổi, trong khi đó, xã hội của con người trên Trái Đất không ngừng biến đổi theo thời gian. Bởi vậy, khi tôn giáo chi phối chánh quyền và trường học, một đất nước không thể tự biến đổi theo thời gian để vươn lên. Khối Ả Rập hiện nay là một ví dụ. Đã từng có một nền văn minh sáng chóis, Khối Ả Rập và Hy Lạp là suối nguồn đầu tiên của nền văn minh Âu Mỹ hiện nay. Vì không phân biệt thế quyền và thần quyền, tôn giáo lũng đoạn chánh quyền và trường học, nên các nước Ả Rập không thể vươn lên để trở thành những xã hội tự do, dân chủ, pháp trị, và nhân bản.

15

Nền giáo dục toàn dân

Từ triết lý “*Học không phải là chuẩn bị cho đời sống; học chính là đời sống,*” nền giáo dục cao của Mỹ không có “hàng rào.” Nó mở ra cho tất cả mọi người đang sinh sống trên Nước Mỹ, và tạo điều kiện để thúc đẩy mọi người được hấp thụ nền giáo dục cao. Với quan niệm không loại bỏ, có thể nói, Nước Mỹ là nước có *nền giáo dục toàn dân*. Nước Mỹ đã thực hiện 100% quyền được học hành, là một trong các nhân quyền.

Những nước dùng thi cử để loại bỏ bớt các học sinh trung học, rồi lại dùng các cuộc thi tuyển vào đại học để loại bỏ thêm một lần nữa, các học sinh đã học xong trung học, là những nước không thực hiện đầy đủ quyền được học hành của người dân. Vi phạm quyền được học hành là vi phạm một trong các nhân quyền. Hiểu theo nghĩa này, Nước Pháp chẳng hạn, với những cuộc thi tú tài, và những cuộc thi tuyển vào các đại học chuyên ngành, để loại bỏ nhiều người muốn hấp thụ nền giáo dục cao, là một nước vi phạm một trong các nhân quyền. Đó là điều mà các hội bảo vệ nhân quyền không nhìn thấy, hoặc chưa nói đến, vì trên Trái Đất hiện nay có quá nhiều hình thức vi phạm nhân quyền trầm trọng hơn, và đáng quan tâm hơn.

Các cuộc thi cử rườm rà không có nghĩa là sẽ nâng cao phẩm chất của nền giáo dục. Thực chất, đó là một hành động vi phạm quyền được học hành của người dân. Nước Mỹ không có thi cử rườm rà, và việc học hành rất thoải mái, xuôi theo tự nhiên, nhưng Nước Mỹ vẫn không thiếu những người tài năng, và các thiên tài. Nhiều nước chê là sinh viên Mỹ “học dở” hơn sinh viên của họ, có thể thấy, trong nửa sau của thế kỷ 20, Nước Mỹ đã sản sinh nhiều thiên tài, và dẫn đầu về khoa học và kỹ thuật.

16

Nền giáo dục toàn dân, sức mạnh của Nước Mỹ

Từ mươi năm 1960 đến nay, với sự hình thành *mạng lưới quốc gia community colleges*, với quan niệm *không loại bỏ* bất cứ ai muốn hấp thụ nền giáo dục cao, và với triết lý giáo dục “*học chính là đời sống*” của nền giáo dục, tỷ lệ người có trình độ đại học của Mỹ ngày càng cao. Trong nửa sau thế kỷ 20, Nước Mỹ phát triển với nhịp độ nhanh, vượt qua quê hương gốc của họ là Âu Châu. Có nguồn gốc Âu Châu, nhưng với trình độ dân trí cao, Nước Mỹ tự biến đổi để có bản sắc riêng, với nền văn hóa Mỹ, phong tục tập quán Mỹ, nếp sống và nếp suy nghĩ Mỹ. Đó là kết quả của nền giáo dục, làm bằng triết lý giáo dục Mỹ. Đó là một nền giáo dục nhân bản, nghĩa là vì con người, khai phóng, nghĩa là tập cho con người biết suy nghĩ khác, và không có hàng rào, nghĩa là bất cứ ai muốn hấp thụ nền giáo dục cao, đều có thể đến trường bất cứ lúc nào họ muốn, trong suốt cuộc đời của họ.

Nền giáo dục loại bỏ có thể bỏ sót các thiên tài. Không có con người nào đồng nhứt với con người nào khác. Có những đứa trẻ phát triển sớm; có những đứa trẻ phát triển chậm. Có những đứa trẻ chú ý học đều các môn học, nên được điểm trung bình cao; có những đứa trẻ chỉ thích và đam mê một môn học, và lơ là các môn khác, nên có điểm trung bình thấp trong các cuộc thi, và thi “rớt.” Có gia đình giàu lo cho con cái đi học lên cao; có những gia đình nghèo không đủ sức cho con cái đi học đại học, v. v. Biết đâu, trong số lớp người trẻ bị loại bỏ, nếu được đi học, có thể trở thành những thiên tài.

Mới đây, báo chí có loan tin hai nông dân ở Tây Ninh đã bỏ ra hằng trăm triệu đồng Việt Nam, để tự chế một phi cơ trực thăng, với những máy móc thô sơ và theo ý nghĩ của họ. Không nói chuyện thành công hay thất bại, nhưng người ta phải nói đến sự đam mê hiểu biết, và tinh thần vô vị lợi, vì dám bỏ ra hằng trăm triệu đồng, tiền mồ hôi nước mắt mà họ đã dành dum được trong cuộc đời nông dân của họ. Giả sử hai nông dân này là Người Mỹ, nghĩa là được sống ở một nước có nền giáo dục toàn dân, họ đã không phải là những kẻ bị bỏ sót bởi nền giáo dục theo chính sách loại bỏ của Việt Nam. Và biết đâu, hai nông dân này ngày nay là những người tài năng trong ngành khoa học và kỹ thuật tại Nước Mỹ.

Có thể nói, nền giáo dục toàn dân, đó chính là sức mạnh của Nước Mỹ ngày nay và trong tương lai; tất cả đều do nền giáo dục mà ra. **Không có nước nào, với trình độ dân trí thấp, có thể trở thành một nước phát triển và tiến bộ.**

Người đọc có thể xem bài báo dưới đây, để thấy cảnh thương tâm của lớp người trẻ Việt Nam, sống trong một đất nước áp dụng chính sách giáo dục **loại bỏ**. Từ xưa đến nay, kể cả thời kỳ trước 1975 ở Miền Nam, Việt Nam chưa bao giờ quan tâm đến nền giáo dục, vì không nhìn thấy rằng **nền giáo dục chính là sức mạnh của một dân tộc**.

Hơn 750,000 học sinh thi tốt nghiệp Trung Học — Tệ trạng quay còp chõ nào cũng có

Thursday, June 03, 2004 7:24:29 AM - thdo



VIỆT NAM 02-06 - Báo trong nước cho hay, 751,783 cô cậu học trò lớp 12 phổ thông trung học tại Việt Nam hôm 02/06/2004 đã bước vào ngày thi đầu tiên của kỳ thi tốt nghiệp tú tài năm học 2003-2004. Sài Gòn và Hà Nội vẫn là 2 thành phố có số lượng thí sinh dự thi tú tài đông nhất nước.

Theo hãng tin VNEExpress, mặc dù Bộ Giáo Dục đã yêu cầu các địa phương siết chặt công tác coi thi, nhưng tại Hà Nội, "phao" (tài liệu để quay còp) vẫn rải trắng cổng trường sau buổi thi đầu tiên. Các giới chức Sở Giáo Dục Hà Nội khẳng định sẽ xử lý nghiêm gian lận trong thi cử, nhưng tình trạng mang "phao" vào phòng thi vẫn tái diễn. Một thí sinh cho biết, cậu và một số bạn trong phòng thi vẫn quay còp được, giám thị cũng bỏ lơ cho các học sinh chép bài, nhắc bài nhau và nhiều thầy cô còn chủ động tiếp tay cho hành vi gian lận.

Buổi tối cuối cùng trước ngày thi tốt nghiệp Trung Học Phổ Thông, các quán photocopy ở Hà Nội đồng loạt học sinh đến làm "phao" (tài liệu để quay còp). Hãng tin VNEExpress thuật lại về của chị chủ một cửa hàng photocopy: "Lâu lắm cửa hàng mới đông khách như vậy, chủ yếu là học sinh lớp 12. Mọi ngày, chỉ 1 giờ tối là cửa hàng đóng cửa nhưng hôm nay 1 giờ tối mà vẫn còn 3 khách đợi. Có 1 phải đến khuya mới làm xong chỗ tài liệu này". Chủ một quán photocopy khác trên phố Lương Thế Vinh đã nhận được hơn 20 đơn đặt hàng của các cô cậu học sinh. Riêng tối qua, anh sản xuất gần chục bộ tài liệu thu nhỏ trong đó, nhiều nhất là tài liệu môn Hóa Học và Địa Lý. Để hoàn thành tập tài liệu nhỏ xíu, một học sinh phải mất hơn một tuần để làm đề cương, sau đó photo thu nhỏ. Mặc dù phương án photocopy sách giáo khoa nhanh và tiện lợi nhưng năm nay học sinh có xu hướng tự làm lấy tài liệu để mang vào phòng thi. Thu Hương, học sinh trường Đinh Tiên Hoàng cho biết, nhóm bạn của em thay phiên nhau mỗi người làm đề cương một môn. Sau đó, chế bản vi tính và photo thu nhỏ. Những tài liệu này được làm rất chuyên nghiệp, chiều rộng chừng 3cm, chiều dài 30-40 cm, thường gọi là "phao dây". Ngoài công làm đề cương, Hương tiết lộ chi phí in ấn mỗi bộ phao khoảng 50,000 đến 80,000 đồng, tùy theo từng môn.

Nguoi Viet Online, 06/03/2004

Tỷ lệ học sinh thi trung học : $(750,000 / 80,000,000) \times 100 = 0.9\%$

Tỷ lệ học sinh "tốt nghiệp" : ?

Tỷ lệ học sinh được vào đại học: ?

Những bài văn làm rợn tóc gáy

Tuesday, June 22, 2004 1:08:06 PM Hoang Khoi Phong

(Theo Báo Thanh niên số 129 ra ngày 30/05/2001)

LTS: Để có thể biết được trình độ thường ngoạn văn học của những thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam hiện nay ở trong nước, không gì bằng đem các bài luận của các em bé tiểu học và các bài bình luận thơ văn của các học sinh trung học ra làm bằng cớ. Dưới đây là những tiết lộ của các tờ báo ở trong nước, về cảm nhận đối với văn học Việt Nam của các thế hệ học sinh ở trong nước.

Em hãy tả hình dáng và tính tình một cụ già mà em rất kính yêu" - Đó là đề tập làm văn trong kỳ thi tốt nghiệp tiểu học vừa diễn ra ở tỉnh Ninh Bình. Xin trích nguyên văn từ 10 bài làm của học sinh:

1. Hình dáng của bà nội rất là thấp được hai mét rưỡi dáng rất chậm chạp, mắt thì lờ đờ ít thấy gì nữa... Tính tình cụ già rất là bực bội... Khi bà nội cười liền nhẹ mầm răng ra còn được ba bốn cái gì mà thôi.
2. Con mắt của bà tròn như hòn bi, mũi có hai cái lỗ, miệng cụ già có hai cái tai, tóc của bà là bạc phơ. Cổ ngắn gọn, thân của bà 2, 3 thước, bà có hai cái tay, có hai cái chân.
3. Bà cụ ngoài 40 tuổi.
4. Hình dáng bình thường, chiều rộng ba mươi, chiều cao một mét sáu.
5. Khi cười miệng bà em móm mềm như miệng cá hố.
6. Hình dáng của ông ấy rất bình thường chiều rộng một mét, chiều cao hai mét.
7. Mỗi khi ông cười hàm răng của ông không còn trắng và chắc như trước nữa mà đã gãy bốn cái răng. Khuôn mặt của ông không còn đẹp trai như trước nữa mà rất nhăn nhó, ông cười cũng như là ông giận.
8. Khuôn mặt ông bầu bĩnh; đôi mắt ông như mắt bồ câu trắng; dáng đi của ông rất hoang thai và cái miệng của ông như trái tim rất mảnh liệt.
9. Ông của em dài thi bằng mười mét và không mập.
10. Ông em là khoảng 1m, khung mặt của ông như trái song.

Các HS lớp 4B (năm học 2000-2001) Trường N.T.C, Hà Nội vẫn còn nhớ như in: "Trong tiết kể chuyện, cô giáo D.T.H (GV dạy giỏi cấp thành phố) kể theo lịch sử, Triệu Đà lãnh đạo quân Tần sang xâm lược nước ta. Quân Tần chính là Tần Thuỷ Hoàng và Tần Thuỷ Hoàng là con Triệu Đà. Tần Thuỷ Hoàng tên thật là Trọng Thuỷ".

(Báo Lao Động, 22.05.2002)

Thứ năm, 23/5/2002, 08:53 (GMT+7)

Cần Thơ: Học sinh tiểu học phải tìm từ trái nghĩa "bà ngoại"

Đề thi tốt nghiệp tiểu học môn Tiếng Việt do Sở GD&ĐT Cần Thơ ra ngày 21/5 có chi tiết không chính xác khiến hầu hết thí sinh hoang mang.

Theo đó, phần C câu 1 (mục I: từ ngữ -ngữ pháp) đề thi yêu cầu học sinh tìm và ghi ra từ trái nghĩa với từ bà ngoại trong câu: "Một hôm, Sẽ được bà ngoại gửi cho một chiếc hộp đựng đầy hạt kê".

Theo ông Trần Chút, Chủ tịch Hội ngôn ngữ học TP HCM, không thể có từ trái nghĩa với từ trên, ra đề như thế là không chính xác.

Bà Lê Châu Hà, Trưởng Phòng giáo dục tiểu học, Sở GD&ĐT Cần Thơ, cho biết: "Đáp án của phần này là "bà nội". Tuy nhiên, trong cuộc họp sáng 22/5 với các trường tiểu học, nhiều giáo viên có ý kiến tranh luận và thực tế học sinh cũng lúng túng đưa ra nhiều từ khác nữa, do đó chúng tôi thống nhất đưa thêm vào đáp án các từ "ông nội", "ông ngoại".

(Theo Tuổi Trẻ)

Đề 1: (Không rõ đề)

Một bạn học sinh lớp 9 PTCS T.A., Huế đã viết như sau: "Kiều là một người con gái tài sắc vẹn toàn, song nàng bị chế độ phong kiến vùi vào đồng bùn nhơ. Đến nỗi chịu không nổi, nàng nhảy xuống sông Tiền Giang tự vẫn. May thay lúc đó có một bà Đảng viên đi công tác về, bì liền nhảy xuống sông cứu nàng. Sau đó, Kiều giác ngộ và đi theo con đường Cách Mạng..."

Đề 2: Em hãy phát biểu cảm nghĩ của mình về việc Nguyễn Du để lại cho chúng ta tác phẩm Kiều.

Một bạn lớp 11 PTTH Cái Bè viết: "... Nguyễn Du là lão tiền bối của chúng ta, mặc dù tiền bối sớm ra đi vào một chiều gió lạnh, nhưng vẫn làm chấn động cả giới hậu bối của chúng ta, qua bí kíp võ công "Vương Thuý Kiều" hay còn gọi là "Đoạn Trường Thất Thanh". Bằng chứng là qua các kỳ thi, pho bí kíp này lại xuất hiện và làm "thất diên bát đảo" cả giới "hậu bối" chúng ta..."

Đề 3: Em hãy tường thuật lại diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ

Bà làm của một học sinh lớp 9: "... Quân địch đánh ra, quân đánh vào ào ào như tre rụng, đồng chí phe ta đánh thắng cha phe nó ghê hết sức... Kết quả: sau 55 ngày đêm chiến đấu oai hùng, ngày 7-1-1991, phe ta thắng phe nó, chúng đã giết sống được 16,200 chúng nó, phanh thây 62 máy bay (em quên mất tên của máy bay, xin cõ thông cảm)..."

Đề 4: Trong các tác phẩm học và đọc thêm, em thích tác phẩm nào nhất? Vì sao, hãy chứng minh.

Bài làm của bạn NAT, lớp 10B một trường PTTH: "Trong kho tàng văn học Việt Nam, ca dao dân rất giàu tinh nghĩa... Trong các tác phẩm đó em thích nhất tác phẩm "Tắt đèn" của chị Dậu. Vì nó đã thể hiện tinh thần chống lại sự bóc lột phụ nữ của chế độ phong kiến. Chứng tỏ chị đã bán con và chó để thể hiện tinh thần kiên quyết đó..."

Đề 5: Em hãy phân tích trình tự diễn biến tâm trạng nàng Kiều trong đoạn trích "Những nỗi lòng tê tái"

Bài làm của bạn NCT, lớp 10A PTTH Phú Nhuận, có đoạn ~~đã~~ viết: “...” Nay hoàng hôn
 đã lại mai hôn hoàng”. Qua đó, ta thấy tên khách họ Hoàng thật là tàn nhẫn, hắc hồn
 Thuý Kiều ~~đã~~ rời lại bắt Kiều hồn lại, làm cho Kiều ngày càng biến thành gái lầu xanh
 chuyên nghiệp, muôn ngóc đầu lèn cũng không nỗi...”

Đề 6: Trong “Bình Ngô Đại cáo” của Nguyễn Trãi, đoạn thơ nào ~~sẽ~~ nói lên sức mạnh
 và khí thế dũng mãnh của quân ta trong cuộc kháng chiến?

Một bạn nam ~~đã~~ viết: “Đoạn thơ ~~sẽ~~ nói lên sức mạnh và khí thế dũng mãnh của cha
 ông ta: “Đánh một trận giặc không kinh ngạc, đánh hai trận tan tác quân ta”...”

Đề 7: Anh chị hãy phân tích hình ảnh người lính Việt Nam qua thơ ~~cũ~~ kháng chiến
 chống Mỹ, điển hình như bài “Dáng đứng Việt Nam” của Lê Anh Xuân
 Bài làm của một bạn lớp 12 ở Bến Tre, viết: “... Trên đường băng Tân Sơn Nhất, một
 anh giải phóng tự nhiên nằm đó. Một chị ~~đã~~ ngang thấy anh tự nhiên nằm lại rờ vào
 mình anh và lắc lắc mày cái, chị thấy anh nằm im nên nghĩ anh ~~đã~~ chết... Anh giải
 phóng quân mất ~~để~~ trong mình không có một thứ giấy tờ, một tấm ảnh nào, kể cả giấy
 chứng minh nhân dân cũng không có...”

Chấm văn xót ~~xa~~ ký

Sau khi lật ~~đi~~ lật lại để xem xét như thể dò tìm... chút le lói của kiến thức, cuối cùng
 giám khảo đành hạ bút ghi số 0 vào phiếu điểm cho một bài thi. Ngoài đề bài được
 chép ~~đi~~ chép lại kín gần 4 trang giấy, thí sinh không viết được một câu nào! Trong
 những buổi chấm thi môn văn, thỉnh thoảng các giám khảo lại được một trận cười khi
 ai đó đọc to lên một đoạn ngô nghê trong bài làm của thí sinh.

Những “đại gia trào phúng”

So với các môn thi, có lẽ chấm văn là khó nhọc nhất. Bù lại, thỉnh thoảng trong phòng
 chấm văn lại trào lên một đợt cười nghiêng ngả. Khả năng chọc cười của thí sinh dự
 thi môn văn quả là vô tận.

Phần lớn những đoạn khiến các thầy “chịu không nổi” xuất phát từ sự ~~hỗn~~ kiến thức
 dẫn đến lập luận ngây ngô hoặc viết lầm nhầm của thí sinh. Theo những giám khảo có
 kinh nghiệm, hễ đề ~~ra~~ về một tác phẩm nào đó hơi khó một chút là y như rằng sẽ xuất
 hiện nhiều “cây bút trào phúng”. Các tác phẩm của nhà văn Nguyễn Tuân là một ví dụ.
 Năm nay, trong đề văn khối C có một câu về tuy bút Người lái đò sông Đà của Nguyễn
 Tuân (5 điểm). Đang nói về ông lái đò sông Đà, bỗng “chồm hổm” trong bài làm của thí
 sinh ông già đánh cá của nhà văn Mỹ E. Hemingway: “Bằng một sự cố gắng phi
 thường, cuối cùng ông cũng ~~đã~~ lôi được con cá vào bờ dù con cá chỉ còn trơ lại bộ
 xương” (!?).

Chẳng cứ Nguyễn Tuân mà với các tác phẩm khác, thí sinh vẫn vô tư “xuyên tạc”. Văn
 đề khối C, ở một câu (2 điểm) về tác phẩm Tiếng hát con tàu của Ché Lan Viên, chẳng
 hiểu sao nhiều thí sinh lại cho rằng tác phẩm nói về một con tàu đặc biệt được đảng và

nhà nước đưa lên biên giới để đón Bác Hồ trở về từ Trung Quốc (có em viết trở về từ nhà tù của Tưởng Giới Thạch). Trong khi đó tác phẩm này bắt nguồn từ cảm hứng của nhà thơ Chế Lan Viên về một chủ chương của nhà nước vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới tại miền núi những năm 1958-1960 ở miền bắc. Trong một câu (5 điểm) yêu cầu phân tích bài thơ Đất nước của Nguyễn Đình Thi, có thí sinh khi làm bài đã liên tưởng đến một câu thơ trong đoạn trích Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm: "Đất là nơi chim tè" (nguyên văn: Đất là nơi chim về). Thoạt tiên, giám khảo tưởng thí sinh sơ ý viết nhầm, tiếp tục đọc thì toát mồ hôi. Thí sinh viết: "Câu thơ tuy hơi thô tục nhưng có tính bình dân". Đoạn bình được đọc to lên, những giám khảo khác không ai tin cho đến khi thấy tận mắt.

HỌC VĂN BÂY GIỜ]

Hàm Luông (SGGP) ghi lại.

Nhiều giáo viên chấm thi đại học năm nay nhận xét, mỗi năm bài thi văn lại kém hơn một chút. Có những lỗi sai không thể chấp nhận được, có những câu văn mà giám khảo phải ôm bụng cười tới năm phút sau mới có thể chấm tiếp. Nếu nói đọc văn biết người thì chúng ta đang đọc được một lớp người như thế này đây...

Một giảng viên văn, sau chấm thi môn văn kì tuyển sinh đại học, cao đẳng vừa qua, đã đưa ra nhiều dẫn chứng cụ thể.

"Thân thể ông lái đò hết sức tráng lệ"(!)

Ở đây chúng tôi không đề cập đến những trường hợp khó viết đúng chính tả như : truyện ngắn, câu chuyện ... (những lỗi này thì nhiều vô kể), nhưng những lỗi sau đây, theo chúng tôi, là không thể tha thứ được.

- Xuồng dòng, chữ đầu dòng không viết hoa.

- Tên riêng của người không viết hoa. Ví dụ: huy cận, nguyễn tuân...

- Cả bài viết không có dấu câu nào.

- Những từ đơn giản thông thường không viết đúng chính tả: lo nắng, i tưởng, Việt lam, đoạn cuối truyện...

Chúng tôi cũng không cần bàn tới chuyện học sinh phải dùng từ cho đúng phong cách, dùng những từ thật "đất" mà chỉ dùng từ cho đúng nghĩa. Học sinh rất hay nhầm lẫn những từ có âm gần giống nhau. Ví dụ:

- Thân thể ông lái đò rất tráng lệ (phải chăng học sinh định viết là cường tráng?).

- Cách dùng từ của Huy Cận rất thuần túy (phải viết là tinh túy).

- Những cánh đồng được phủ mây bồi đắp trở nên rất phù du, màu mỡ (phải viết là phi nhiêu).

- Ở giai đoạn này ý chí của người dân đang ở mức tuột đỉnh (tột đỉnh).

- Đoạn thơ thể hiện sự vui sướng, hí hùng của tác giả (hớn hở).

- Qua tác phẩm người lái đò sông Đà em rất ngưỡng mộ những cuộc giao hữu của ông lái đò với sông Đà (giao chiến chăng?).

- Nhan đề bài thơ tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên có ý nghĩa rất sâu cay (sâu sắc).

Rất nhiều trường hợp học sinh dùng từ sai, song chúng tôi cũng không biết học sinh định diễn đạt cái gì và thay thế bằng từ gì:

- Đó là một cụm từ gợi cho ta nỗi buồn, nó bê tha đến nhường nào.

- Nguyễn Tuân là một nhà văn cỗ kính.

-" Nguyễn Tuân rất hung bạo"?!

Có thể kể ra vô vàn những câu văn của học sinh mà người đọc không thể hiểu nổi học sinh đó muốn viết gì. Điều này chứng tỏ học sinh rất lơ mơ về kiến thức ngữ pháp tiếng Việt, đồng thời cũng chứng tỏ tư duy cũng hết sức rối rắm. Có những giáo viên khi chấm bài ~~đã~~ không thể chịu đựng được ~~đã~~ phê: "Thần kinh không bình thường".

Xin kể vài trường hợp:

- Từ lâu đến nay nói tới con sông Đà nhớ ngay tới Nguyễn Tuân vì Nguyễn Tuân có lúc rất hung bạo, một mình ông cũng ngồi trên một thuyền để lái đò và ông cứ xoáy sâu vào hình tượng sông Đà.
- Trong nền văn học Việt Nam thì có rất nhiều nhà văn mà chúng ta được biết thì chúng ta không thể nói hết về nhà văn nhà thơ được mà Nguyễn Tuân là một nhà văn rất quen thuộc với bao cô cậu học trò cũng đang in rõ sâu trong lòng nhà thơ.
- Chế Lan Viên là một nhà thơ xuyên suốt cuộc đời trong lãnh tụ của Đảng và nhân dân cũng như tất cả các cán bộ.

Cần phải nhìn nhận một thực tế bây giờ là rất ít học sinh viết rung động đối với bài thơ hay, câu văn đẹp. Vì vậy khi viết văn các em toàn diễn xuôi hoặc "thô thiển hoá" văn chương. Một bài thơ hay, sau khi được các em phân tích, bình giảng bỗng trở nên một thứ ngớ ngẩn, không thể nào chấp nhận được, đọc mà nhiều lúc phát tức. Chúng ta hãy nghe thử một số lời bình sau đây:

- Lời bình câu thơ: Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy:
Cánh đồng tàn rét mướt khiến cho con người không muốn quét tước gì nữa, để rồi sau khi nắng lên, sau lưng thềm lá ~~đã~~ rụng đầy như một bãi rác.

- Lời bình câu thơ: Mùa thu nay khác rồi:
Đấy mới hôm nào đây quay về thì phong cảnh ở đây ~~đã~~ khác rồi, không ai đoán trước được chữ ngờ.

- Lời bình câu thơ: Lơ thơ cồn nhỏ gió điu hiu:
Mở đầu bài thơ tác giả đưa ngay ~~nhà~~ một cái cồn nhỏ. Cồn của người khác thì rậm rạp còn cồn của Huy Cận thì lơ thơ vài loại cây. Cây cối của Huy Cận chỉ đủ dùng cho một luồng gió.

- Lời bình câu thơ: Sông dài, trời rộng, bến cô liêu:
"Bến cô liêu" thì có nghĩa cô liêu là tên của một bến đò. Và "Cô" ở đây chỉ cô gái đứng cô đơn một mình.

Còn đây là một cách mở bài rất điệu đàng và hoa mỹ:

Mỗi khi nghe tiếng sóng dữ dội đập vào bờ biển đây rẩy những hòn đá là ~~em~~ lại chợt rùng mình trong lòng như té tái có một điều gì đó làm ~~em~~ lo sợ. Đúng rồi, đó là tiếng sóng dữ dội mà ông lái đò từng trải qua mà em đã từng được học trên lớp.

Nếu nói văn là người thì qua những câu văn vừa rồi, bạn sẽ hình dung một lớp người như thế nào? Thật là lạ, lớp người ấy vừa đỗ tú tài xong!

<<http://nguoiviet.com>>, 06/24/2004

Các nhà giáo Mỹ nói: "Teach to teach, not to test."

Giáo Sư Nguyễn Đăng Mạnh, người phụ trách soạn thảo chương trình sách giáo khoa trung học phổ thông của chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay, nói:

"[...] vì học trò học là nhằm vào thi cử. Thi cử thế nào thì học thế ấy."

<www.talawas.org>, 07/01/2004

Bài viết dưới đây trích từ báo *Người Lao Động* ở trong nước.

Chấm thi ĐH môn văn: Cười ra nước mắt!

02/08/2004 7:36:31 AM GMT +7

"Rất hiếm đọc được một bài văn hay thật sự. Còn những bài văn ngô nghê, cầm nhận sập sái, câu chữ lủng củng, vô nghĩa thì rất nhiều", giảng viên Đoàn Ánh Loan, Phó Trưởng Khoa Ngữ văn Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM, nhận xét về nội dung làm bài thi môn văn của thí sinh thi tuyển vào trường này năm 2004.

Sai lệch kiến thức, diễn đạt ngô nghê, sử dụng từ ngữ không đúng là những lỗi thường gặp của thí sinh thi môn văn. Một giảng viên của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM khi chấm thi môn văn đã ghi lại những đoạn văn có một không hai của các thí sinh.

Viết như nói

Kiến thức văn học hạn chế khiến nhiều thí sinh khi làm bài văn không thể trích dẫn cụ thể tên tác giả, nhân vật... một cách chính xác mà phải dùng đến từ phiếm chỉ: "Có ai đó nói rằng: ... Có trường hợp không nhớ tên nhân vật nên viết: "Tên địa chủ (không muốn nhắc tên ở đây) đã đến gặp Chí Phèo". Còn khi không thuộc bài ca dao thì ché tác luôn: "Trong đầm gi đẹp bằng sen. Bông sen đẹp nhất có tên Bác Hồ".

Nhiều thí sinh viết như là nói, đưa cả văn đời thường vào bài làm không một chút do dự: "Nếu có ai hỏi đọc Hai đứa trẻ của Thạch Lam chưa? Dĩ nhiên câu trả lời không khác gì "rồi!"; hoặc có thí sinh viết: "Đứng một cái, bà cô Thị Nở không chịu"; "Một buổi chiều đầy ấm lạnh"; "Cánh chim vào vò cùng vỗ tật, đó là cánh chim không có địa chỉ"...

Những lỗi hỏng kiến thức

Không những kiến thức hạn hẹp, diễn đạt lung tung, nhiều thí sinh còn bị hỏng kiến thức một cách trầm trọng.

Một thí sinh trao giải Nobel cho nhà thơ Tố Hữu khi khẳng định: "Tố Hữu được giải Nobel năm 1960!".

Có thí sinh viết: "Đây là một nét tự hào của người dân An Nam".

Khi viết về tiêu sử nhà văn Nam Cao, một thí sinh khẳng định: "Nam Cao xuất thân từ giai cấp nông sản". Có lẽ chỉ có thí sinh này mới biết "giai cấp nông sản" là giai cấp gì?

Còn khi phân tích tình yêu giữa Chí Phèo và Thị Nở, có thí sinh nhận định: "Việt Nam không là một cường quốc kinh tế, quân sự nhưng cũng tự hào là một cường quốc về tình yêu".

Văn chương kiêu... người ngoài hành tinh

Điển đạt một cách ngây ngô thậm chí sai ý nghĩa rát phổ biến. Phân tích truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam, một thí sinh mở đầu: "Bước vào truyện ngắn, nhà văn miêu tả cảnh phố huyện" hoặc: "Phong cảnh phố huyện trong truyện là nơi gần đường tàu chạy". Với bài thơ Chiều tối, một thí sinh khác đã tưởng tượng: "Nếu điềm xuyết vào bức tranh một ông lão "Lão ông xóm núi xay ngô tối" thì hết hay, mất ý nghĩa một người già răng rụng...". Một thí sinh diễn đạt bằng cách so sánh như sau: "Chim tự do mà cứng mệt mỏi thử hỏi một người mà thân hình đầy xiềng xích có mệt mỏi không?".

Bên cạnh việc diễn đạt ngây ngô là lỗi dùng từ. Đôi khi thí sinh dùng những từ mà chỉ có các em mới hiểu. Khi phân tích bài thơ Chiều tối của Bác Hồ, có thí sinh đã viết: "Bác rất lịch sự, Người dùng chữ "sơn thôn" chứ không phải là "cô em" như bản dịch. "Cô em" nghe suông sǎ và hơi không đứng đắn". Còn khi phân tích tâm trạng của tác giả trong bài thơ Giải sớm, thí sinh đã viết: "Một tâm trạng ưng dung pha lẩn sự gấp rút".

Khi phân tích câu "Rát mặt đêm thu trận gió hàn" trong bài thơ Giải đi sớm của Bác Hồ, ngoài tả tình tả cảnh, thí sinh còn dùng luôn từ "con ma" cho ấn tượng như sau: "Ngồi bút của Bác là tài, đa cảm, ngồi bút vừa điêu luyện, vừa mạnh mẽ. Gió mà làm cho bỗng rát cả da nghĩa là gió rất mạnh, trời còn rất sớm. Tác giả đã đưa mình ra hứng chịu "con ma" của thời tiết..."

Những đoạn văn “bắt hù”

Những đoạn văn này khi đọc lên nghe có vẻ rất mượt mà, lâm ly nhưng thực chất là sáo rỗng, ngô nghê đến mức cười. Một thí sinh ~~đã~~ mở đầu bài phân tích của mình về 2 bài thơ Giải ơi sớm và Chiều tối một cách lè thê như sau: “Những cơn mưa đầu mùa bắt chợt kéo về trong vòng xoay của thiên nhiên, bỗng lòng tôi quặn lại, sao mưa buồn thế, buồn như những cái ngày cách đây mấy mươi năm, khi đất nước đang còn chiến tranh, biển lửa. Buồn thật, nỗi buồn càng tăng khi mưa càng nặng hạt, khi tâm trí tôi còn vương vấn không thôi ở những cái ngày lửa đạn... Và bắt chợt đâu đó vài tiếng hót hay hay vang lên từ lùm cây, bụi cỏ? Ra là vậy, mưa ~~đã~~ với tự bao giờ nhường chỗ cho tia nắng ban mai chiều rọi. Tôi hít thật sâu, nhìn lại cảnh vật bây giờ ~~đã~~ đổi thay, đất nước hòa bình, yên ấm. Lòng bỗng vui, tự hào về một đất nước anh hùng mà tôi may mắn được hóa kiếp...”.

Có thí sinh tưởng tượng mình là bình luận viên bóng đá khi nói về Chế Lan Viên: “Chế Lan Viên đã từng mong muốn được ẩn thân ở “tình cầu giá lạnh” để quên đi những khổ đau của cuộc đời, thì sau cách mạng Tháng Tám, ông đã có một cuộc lội ngược dòng đầy ngoạn mục để tìm về nhân dân, đất nước và tìm về với bản thân mình”.

Và còn nhiều đoạn cũng bay bổng không kém. Khi phân tích tâm trạng nhân vật Chí Phèo, có thí sinh ~~đã~~ viết: “Nhân tính của anh chỉ bị che láp chớ không hề mất đi, chỉ cần có cơ hội, chỉ cần có người biết quan tâm thì nó trỗi dậy mãnh liệt. Thị Nở ~~đã~~ làm cho anh tỉnh dậy, ~~đã~~ khơi dậy những giác quan mà bấy lâu nay anh bị quên lãng”.

Viết tham luận thay bài thi

Theo Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM, một trường hợp thí sinh thi vào trường này có bài thi viết chữ rất đẹp, văn gãy gọn, súc tích nhưng thay vì làm bài văn thi thí sinh này viết hẳn một tham luận dài ~~đến~~ trang nêu lên thực trạng dạy và học văn trong trường phổ thông hiện nay. Theo tham luận của thí sinh này thi việc học văn trong trường phổ thông ~~là~~ vô cùng máy móc, học sinh viết văn theo cảm nhận vay mượn của người khác. Trước khi kết thúc tham luận, thí sinh này ~~đã~~ có lời xin lỗi các thầy cô chấm thi vì “bức xúc không chịu nổi” và chấp nhận bị điểm không. Dĩ nhiên, trường hợp này bị điểm không. Tuy nhiên nhiều giáo viên chấm thi cho rằng, không nên xem nhẹ những ý kiến mà thí sinh này đưa ra. Qua việc chấm bài thi văn, ngành giáo dục cũng nên ~~xem~~ xét việc dạy văn và học văn trong trường phổ thông hiện nay.

Văn chương của những học sinh đã tốt nghiệp tú tài như ~~đã~~ nêu ở trên đều cũng là hệ quả tất yếu của ván nạn bài văn mẫu, sách tham khảo, sách luyện thi... Nó đã làm thuỷ chột cảm xúc và khả năng sáng tạo của các em.

Diệu Hằng

Tiếng Việt kém chính xác vì không biến dạng

VO CAO & TU DINH

Tiếng Việt *không biến dạng* khi thay đổi *tên gọi văn phạm*. Chẳng hạn, một chữ viết không thay đổi trong một câu, nhưng nó có thể mang nhiều tên gọi văn phạm khác nhau, tùy người đọc cảm nhận ý nghĩa của câu ấy. Tùy theo cách hiểu của mỗi người, một câu Tiếng Việt có thể có nhiều hơn một nghĩa. Khi một câu được hiểu nhiều hơn một nghĩa, câu ấy có thể gây ra hiểu lầm hoặc hiểu sai. Đó là tính chất kém chính xác của Tiếng Việt, so với các ngôn ngữ biến dạng, như Tiếng Anh hay Tiếng Pháp.

Ghi chú

- **động từ** = main verb/ *verbe conjugué*
- **động từ trợ** = participle/ *participe*
- **động từ nguyên** = infinitive/ *verbe infinitif*
- **danh từ** = noun/ *nom*
- **tính từ** = adjective/ *adjectif*
- **trạng từ nhóm** = adverbial phrase/ *locution adverbiale*

Ví dụ 1

Xét câu thơ của Quang Dũng,

Em đi áo mỏng buông hờn tủi
[Đòng lệ thơ ngây có đạt dào?]

Câu đâu có thể được hiểu theo hai cách khác nhau.

Cách hiểu 1

đi = động từ;
buông = động từ trợ.

Nếu người đọc hiểu như trên, câu thơ có thể dịch ra Tiếng Anh và Tiếng Pháp như sau:

Em đi [trong] áo mỏng, [được] buông [bỏ mọi] hờn tủi.
You left in light dress, relieved from all sufferings.
Tu partis en robe légère, soulagée de toute souffrance.

Cách hiểu 2

buông = động từ;
di = động từ trợ.

Nếu người đọc hiểu như trên, câu thơ có thể dịch ra Tiếng Anh và Tiếng Pháp như sau:

*Đi [trong] áo mỏng, em [đã] buông [bỏ moi] hờn tủi.
Departed in light dress, you were relieved from all sufferings.
Partie en robe légère, tu te soulageais de toute souffrance.*

Ví dụ 2

Xét câu thơ của Nguyễn Đình Chiểu,

*Theo thầy nấu sủi sôi kinh
[Tháng ngày bao quản công trình lao đao.]*

Câu đầu có thể được hiểu theo hai cách khác nhau.

Cách hiểu 1

theo = động từ;
nấu, sôi = hai động từ nguyên, được đồng hóa làm một, có nghĩa là *học hành*.

Nếu người đọc hiểu như trên, câu thơ có thể dịch ra Tiếng Anh và Tiếng Pháp như sau:

[Lục Văn Tiên] theo thầy [để] nấu sủi sôi kinh.

He* followed the steps of his master to dedicate himself to the diligent study of the Classics and Books of history.

Il suivait les pas de son maître pour se consacrer à l'étude assidue des manuels d'histoire et des œuvres classiques.*

* He/ Il là nhân vật đại từ, ngôi thứ ba, thay thế Lục Văn Tiên.

Cách hiểu 2

nấu, sôi = hai động từ, được đồng hóa làm một, có nghĩa là *học hành*;
theo = động từ trợ.

Nếu người đọc hiểu như trên, câu thơ có thể dịch ra Tiếng Anh và Tiếng Pháp như sau:

Theo thầy, [Lục Văn Tiên] nấu sủi sôi kinh.

Following the steps of his master, he dedicated himself to the diligent study of the Classics and Books of history.

Suivant les pas de son maître, il se consacrait à l'étude assidue des manuels d'histoire et des œuvres classiques.

Ví dụ 3

Xét câu ca dao,

[Gối chăn gối chiếu không êm]

Gối lụa không mềm bằng gối tay em.

Câu sau có thể được hiểu theo hai cách khác nhau.

Cách hiểu 1

gối = danh từ;

lụa = tĩnh từ, cho thông tin về danh từ *gối* (chữ đầu);

tay em = tĩnh từ nhóm, cho thông tin về danh từ *gối* (chữ sau).

Gối [bằng] lụa [thì] không mềm bằng gối [làm bằng] tay em.

The pillow in silk does not appear as soft as the tender pillow, which is your arm.

L'oreiller de soie ne paraît pas aussi doux que le tendre oreiller qu'est ton bras.

Cách hiểu 2

gối = động từ tro;

lụa = danh từ, là túc từ của động từ *gối* (chữ trước);

tay em = danh từ, là túc từ của động từ *gối* (chữ sau).

Gối [đầu trên] lụa, [anh] không [cảm thấy] mềm bằng gối [đầu trên] tay em.

Resting my head on silk, I don't feel as comfortable as what I do on your arm.

Repousant la tête sur la soie, je ne me trouve pas aussi à l'aise que quand je le fais sur ton bras.

Tính chất *không biến dạng* làm cho Tiếng Việt kém chính xác hơn Tiếng Anh và Tiếng Pháp. Khi dịch một câu thơ Tiếng Việt, có lẽ người dịch thường cảm thấy phân vân, không biết dịch như thế nào cho đúng ý của người viết. Trong các ví dụ trên, tuy hai cách viết có ý nghĩa gần giống nhau, nhưng vẫn có một sự phân biệt rất tinh tế giữa hai cách viết, nghĩa là cách viết của Tiếng Anh và Tiếng Pháp cho thấy ý chính và ý phụ một cách rõ ràng. Trong thi ca, ngôn ngữ Việt Nam mông lung như sương khói; đó cũng là linh hồn và vẻ đẹp riêng của thi ca Việt Nam.

Trong văn chương, là như vậy. Tuy nhiên, trong thể văn thông tin – văn kiện luật pháp, sách giáo khoa, tài liệu nghiên cứu, báo chí . . . – với sự thận trọng cần thiết, người ta vẫn có thể viết Tiếng Việt một cách chính xác. Nói tóm lại, Tiếng Việt không phải là một ngôn ngữ hoàn toàn kém chính xác.

Tiếng Việt kém chính xác vì *thể tinh lược*

VO CAO & TU DINH

Thể tinh lược là một đặc điểm rất quan trọng của ngôn ngữ Việt Nam. Không hiểu thể tinh lược thì không thể phân tích một câu trong Tiếng Việt, và từ đó, không thể hiểu ngôn ngữ Việt Nam.

Tinh lược có nghĩa là *bỏ bớt* một hay nhiều chữ bất kỳ trong một câu, và *những chữ ấy được hiểu ngầm*. Nói khác đi, khi một hay nhiều chữ có nhiệm vụ văn phạm trong một câu, đáng lý phải có mặt đầy đủ, nhưng được bỏ bớt, và người đọc phải hiểu ngầm, người ta nói rằng chữ hay những chữ ấy ở *thể tinh lược*. Nói một cách khác nữa, tinh lược không có nghĩa là **không có** một, hay nhiều chữ nào đó, trong một câu; tinh lược có nghĩa là **chữ hay nhiều chữ ấy có, nhưng đang vắng mặt**, trong câu.

Một trong những khuynh hướng tự nhiên của ngôn ngữ là *ngắn gọn*; thể tinh lược nằm trong khuynh hướng ấy. Tuy nhiên, thể tinh lược là một trong những nguyên nhân làm cho ngôn ngữ Việt Nam kém chính xác. Sự kém chính xác của Tiếng Việt có nghĩa là một câu có thể được hiểu nhiều hơn một nghĩa, từ đó gây ra hiểu lầm hoặc hiểu sai ý của người nói hay viết.

Ví dụ 1

Xét câu thơ của Hàn Mặc Tử,

*Vô tình để gió hôn lên má
Bên lèn làm sao lúc nửa đêm.*

Ai nói câu này? Câu này có chủ từ ở *thể tinh lược*, nghĩa là *vắng mặt*, và được hiểu ngầm. Người đọc có thể hiểu câu thơ theo hai cách khác nhau, tùy sự cảm nhận của mỗi người về ý nghĩa của câu thơ.

Cách hiểu 1

Nếu người nói là *một cô gái*, nói về *mình*, câu thơ có thể được viết như sau:

[Tôi] vô tình để gió hôn lên má
[Nên tôi] bên lèn làm sao lúc nửa đêm.
Tôi = nhân vật đại từ *tinh lược*, ngôi thứ nhất, là *chủ từ* của động từ *dé*.

Cách hiểu 2

Nếu người nói là *nàng thơ*, nói về một cô gái, câu thơ có thể được viết như sau:

[Nàng] vô tình để gió hôn lên má

[Nên nàng] bén lèn làm sao lúc nửa đêm.

Nàng = nhân vật đại từ *tỉnh lược*, ngôi thứ ba, là chủ từ của động từ *để*.

Ví dụ 2

Xét câu ca dao,

Ra về để áo lại đây

Để khuya em đắp gió tây lạnh lùng.

Ai nói câu này? Người con trai hay người con gái? Người đọc có thể hiểu câu ca dao theo hai cách khác nhau, tùy sự cảm nhận của mỗi người đối với ý nghĩa của câu ca dao trên.

Cách hiểu 1

Nếu là lời của *người con trai*, câu ca dao có thể được viết như sau:

[Anh] ra về, [và anh] để áo lại đây

Để khuya em đắp gió tây lạnh lùng.

Cách hiểu 2

Nếu là lời của *người con gái*, câu ca dao có thể được viết như sau:

Ra về, [anh hãy] để áo lại đây

Để khuya em đắp gió tây lạnh lùng.

Nói tóm lại, văn phạm chỉ xét ngôn ngữ theo *luận lý hình thức*, nhưng không xét ngôn ngữ về ý nghĩa hay nội dung, do đó, thể *tỉnh lược* có thể gây ra hiểu lầm hoặc hiểu sai.

LANG THANG TRÊN NƯỚC MỸ (2)

chuyện không có thật

TU DINH

1

Chín nhà khoa học, gồm có Mỹ, Canada, Nhựt, Pháp, Đức, Nga . . . đang làm việc trên Hỏa Tinh trong 30 ngày, sau khi Người Mỹ tìm ra năng lượng mới và kỹ thuật mới, đã rút ngắn thời gian đến Hỏa Tinh trong vài tuần lễ. Các nhà khoa học đang nghiên cứu điều kiện để con người có thể sống trên hành tinh này.

Mỗi lúc được nghỉ ngơi sau những giờ làm việc mệt nhọc, tất cả họ đều im lặng nhìn về bầu trời xa xôi. Đối với họ, Trái Đất chỉ còn lại là một chấm nhỏ trong vũ trụ bao la. Lần đầu tiên trong cuộc đời của họ, không có ai nghĩ về đất nước của mình. Tất cả họ đều có cùng một cảm giác xa lạ, chưa từng có trong cuộc đời của họ:

Lòng hoài niệm đối với Trái Đất, là Quê Quán Của Con Người.

2

Sau cuộc Thế Chiến Nguyên Tử, chỉ còn lại một con số rất ít những người còn sống sót trên Trái Đất. Tất cả các thành phố, các nhà máy sản xuất, và các tiện ích cần thiết cho đời sống của con người, đã bị hủy hoại.

Mỗi ngày, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, khắp nơi trên Trái Đất, nhiều nhóm người còn sống sót, tùng ba người, hay năm người, hay có khi chỉ có một người cô độc, đi bộ dọc theo các con đường loang lổ, để tìm những con người may mắn còn sống sót. Khắp nơi trên mặt đất, *con người đi tìm con người*. Mỗi khi họ nhìn thấy có bóng người từ đằng xa, họ cùng nhau chạy đến thật nhanh, và rồi tất cả cùng ôm và hôn con người xa lạ ấy. Nếu những người sống sót biết cùng một ngôn ngữ, họ nói chuyện với nhau; nếu ngôn ngữ khác nhau, họ ra dấu hoặc vẽ các ký hiệu dưới đất để thông tin với nhau. Từ đó, hình thành các bộ lạc mới, chỉ gồm một số ít những người sống sót, không còn phân biệt màu da, sắc tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, và quốc tịch cũ của họ.

Một buổi chiều, có hai ông già sống sót ngồi im lặng bên nhau, trên lề đường, dưới Tháp Eiffel nổi tiếng ngày xưa, nay đã đổ xuống. Người thứ nhất là một ông già Palestine; người thứ hai là một ông già Israel.

Hai ông già đang nhìn về phía chân trời hướng đông; ông già Palestine nói:

– Chúng ta đã đi bộ mươi lăm cây số ngày hôm qua, nhưng chúng ta đã không tìm thấy một người sống sót nào . . . David, anh có còn nhớ những gì đã xảy ra trong quá khứ hay không? Còn tôi, tôi không bao giờ có thể quên điều tôi đã làm sai. Năm mươi năm trước, vào năm 2002, khi tôi là một thanh niên 21 tuổi, người bạn Ali và tôi đã ném một trái bom vào trong một chiếc xe bus, trên một con đường ở Tel-Aviv. Bạn tôi chết. Trước khi chạy trốn, tôi đã nhìn thấy một hình ảnh khủng khiếp: nhiều Người Israel, gồm có đàn bà và trẻ con, bị văng ra khỏi xe bus; máu chảy từ thân thể của họ xuống mặt đường; tôi nghe tiếng khóc của họ; thân thể của họ quặt lên vì đau đớn . . . Thuở ấy, tôi là một sinh viên đại học; tôi tự hỏi, tại sao tôi có thể làm điều đó. Tôi khóc một mình, tôi hối hận, và tôi đau khổ tột cùng. Cuối cùng, tôi đã mãi mãi rời khỏi đất nước tôi, và đi đến Nước Pháp, sống như một di dân lâu . . . Tôi luôn luôn nhớ lời của một nhà phê bình văn học của Pháp, viết về một tác phẩm của Françoise Sagan, cuốn *Bonjour Tristesse*:

“Nỗi buồn là bắt đầu của luân lý.”

Phải chi, con người đã biết buồn . . .

David im lặng nghe những gì Abdel nói với mình. Vẫn nhìn về chân trời hướng đông, ông già Israel cất tiếng:

– Abdel, tôi nghĩ, điều anh đã làm và điều tôi đã làm, đó là những việc giống nhau. Tất cả đều sai. Năm đó, và vào lúc đó, là một sĩ quan trong quân đội, ngồi trên xe tăng, tôi đã ra lệnh cho binh lính tấn công một trại định cư của Người Palestine. Từ chiếc xe tăng, tôi nhìn thấy một mảng tường gạch rơi trúng đầu một bé gái Palestine ngồi ở dưới đất. Bé gái chết. Nhưng đôi mắt bất động của đứa bé gái ấy vẫn tiếp tục mở; đôi mắt ấy dường như đang nhìn vào mắt tôi. Suốt đời, tôi không bao giờ quên đôi mắt ngây thơ vô tội ấy. Có lẽ đứa bé gái ấy muốn nói với tôi: ‘Tại sao người lính của một dân tộc văn minh lại muốn giết tôi, một người dân ở trong trại định cư?’ Đột nhiên, lúc đó, tôi nhớ lại ông bà nội của tôi đã bị giết trong một trại tập trung ở Đức vào thập niên 1940. Böyle giờ, nhìn những tòa nhà đổ nát ở đây, tôi nhớ lại hình ảnh trại định cư của những Người Palestine sau cuộc tấn công của chúng tôi. Sau đó, tôi đã rời khỏi quân đội, vì tôi không muốn mất tôi quen nhìn màu máu của con người . . . Abdel, anh nói đúng. Phải chi, con người đã biết buồn; phải chi, hai dân tộc chúng ta đã biết buồn . . .

Hai ông già im lặng một hồi lâu; rồi, khi mặt trời đã lặn, trong thành phố đổ nát và hoang vắng của Paris cũ, họ ôm nhau, và im lặng, họ khóc . . .

tiếng lái,

một hình thức của ngôn ngữ ám chỉ VO CAO

1

Lời mở đầu

Như các nước Á Đông, xã hội Việt Nam có quá nhiều điều cấm kỵ về chính trị và tính dục, và những điều kiêng cử do mê tín dị đoan . . . Sống trong những điều kiện như vậy, dân gian Việt Nam dùng ngôn ngữ ám chỉ để né tránh những điều cấm kỵ và kiêng cử. Ngôn ngữ ám chỉ của Việt Nam gồm có:

- 1 *ngôn ngữ ám chỉ dùng trong văn học,*
- 2 *tiếng lái,*
- 3 *tiếng lóng.*

Ngôn ngữ ám chỉ dùng trong văn học đã được chúng tôi viết thành một mục trong quyển *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*. *Tiếng lái* là một ngôn ngữ có thể dùng trong văn học hoặc trong lời nói. *Tiếng lóng* là ngôn ngữ được dùng giữa các tay anh chị trong giới giang hồ, hoặc trong các ngành nghề riêng biệt, và chỉ dùng trong lời nói.

2

Tiếng lái là gì?

Tiếng lái là một đặc điểm của ngôn ngữ đơn âm, như Tiếng Việt. Các ngôn ngữ đa âm, như Tiếng Anh, Tiếng Pháp . . . không có tiếng lái.

Tiếng lái của một cặp *hai chữ* được tạo thành bằng cách hoán chuyển hoặc 1, hoặc 2, hoặc 3 yếu tố sau đây: *phụ âm đầu, âm gốc, dấu giọng*, của hai chữ chiếc. Xét hình thức của chữ viết, có nhiều nhất là 7 cách cấu tạo tiếng lái.

Cách	TIẾNG THƯỜNG	TIẾNG LÁI	CẤU TẠO bằng cách hoán chuyển
1	đầu tiên	tầu điên	phụ âm đầu
2	đầu tiên	diên tầu	âm gốc
3	đầu tiên	đâu tiễn	dấu giọng
4	đầu tiên	tiễn đâu	phụ âm đầu, âm gốc
5	đầu tiên	tâu điên	phụ âm đầu, dấu giọng
6	đầu tiên	diên tầu	âm gốc, dấu giọng
7	đầu tiên	tiễn đâu	phụ âm đầu, âm gốc, dấu giọng

3

Điều kiện để có tiếng lái

- Một cặp hai chữ khác nhau (hoặc đôi khi chữ ghép ba, chữ ghép bốn) mới có tiếng lái;
- Chữ chiếc không có tiếng lái;
- Chữ đôi lặp lại (như song song, đời đời, mãi mãi ...) không có tiếng lái.

Trong 3 yếu tố (*phụ âm đầu, âm gốc, dấu giọng*),

- nếu hai chữ chiếc của cặp hai chữ chỉ khác nhau 1 yếu tố → có 1 tiếng lái;
- nếu hai chữ chiếc của cặp hai chữ khác nhau cả 3 yếu tố → có 7 tiếng lái.

4

Cách đảo âm

Vì Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, khi có hai âm khác nhau (hai chữ khác nhau), người ta luôn luôn có thể *đảo âm* để tạo ra tiếng lái, tức là tạo ra các âm mới. *Đảo âm* dẫn đến *đảo chữ*, nghĩa là đảo 3 yếu tố gốc của chữ, là *phụ âm đầu, âm gốc, và dấu giọng*. Nói khác đi, bản chất của tiếng lái là *âm thanh*, chớ không phải *chữ viết*.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, tiếng lái chỉ tạo nên bởi *hai chữ*. Bởi vậy, khi người ta nói lái ba chữ, *chữ giữa* là trung tính, nghĩa là không đổi âm.

Có 3 trường hợp đảo âm.

- (1) Các tiếng lái giữ nguyên *phụ âm đầu, âm gốc, và dấu giọng* của tiếng thường.
- (2) Để viết đúng chính tả, tiếng lái có thể đổi *âm gốc, phụ âm đầu*, hoặc *dấu giọng* bằng các âm gốc, phụ âm đầu, và dấu giọng có cách phát âm tương đương.
Ví dụ,
 - đổi âm gốc: *iêm ≈ im, ao ≈ au, ôc ≈ oc, ang ≈ an, ác ≈ át, ...*
 - đổi phụ âm đầu: *k ≈ c, v ≈ gi, d ≈ gi ...*
 - đổi dấu giọng: *dấu hỏi ≈ dấu ngã.*
- (3) Ngoại lệ, khi Người Việt nói lái từ Tiếng Anh hay Tiếng Pháp, các tiếng lái chỉ cần chú ý đến việc *đảo âm*, viết đúng chính tả Tiếng Việt, và bất chấp chữ viết của Tiếng Anh hay Tiếng Pháp như thế nào.

5

Ví dụ về tiếng lái

Trường hợp (1)

(giữ nguyên phụ âm đầu, âm gốc, dấu giọng)

- 1 *Phú Diền có chị Tám Khai
Thuyền quyền hò mì*, đổi trai anh hùng.*
Ca dao. * hò đối đáp giữa đàn ông con trai và đàn bà con gái.
đổi trai ↔ đổi trai
- 2 *Ông cố bên Tàu là ông cố ai?*
Câu đố
cố ai ↔ cái lì (cây dù)
- 3 *Khi đi cửa ngọn; khi về cũng cửa ngọn.*
Câu đố
nhà ngọn ↔ con ngựa
- 4 *Gái Củ Chi chỉ cu, hỏi: củ chi?
Câu đố. Trà Lũ. Miền Đất Hứa*
chỉ cu ↔ Củ Chi
- 5 *Bằng cha bằng chả bằng chà
Con nít nghe nói sợ đà thất kinh.
Câu đố
bằng chà ↔ bà chằng*
- 6 *Chừng nào lúa mọc trên chì¹
Voi đi trên giấy² rồi dời thầy tăng.
Sẩm Trạng Trình
1. bạc các bằng kim loại có hình cây lúa; 2. giấy bạc 100 đồng có hình con voi.
thầy tăng ↔ thằng Tây*
- 7 *Quán Sứ sao mà cảnh vắng teo
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo?
Chày kình tiểu để suông không đầm
Trảng hạt vãi lân đếm lại đeo.
Hồ Xuân Hương*
- 8 *Thôi thôi xin kiểu cô từ đấy
Chiều đãi thì tôi cũng . . . váo đèo!
Tú Xương
váo đèo ↔ đèo vào*

- 9 Cái ấm còn cả nguyên vòi
*Bày bán chợ đời chỉ thấy người coi.
 Nếu đem lên bán chợ trời
 Mấy nàng tiên nữ cũng cười không mua.
 Hồi sao người đẹp ôm ở
 Thì ra là những tiên cơ tiên không.
 Tân Đà
 tiên không ↔ không tiên*

- 10 Cái kiếp tu hành nắng ~~đeo~~ đeo
*Vì gì một chút tèo tèo teo
 Thuyền tình cũng muốn về Tây Trúc
 Trái gió cho nên phải lộn lèo.
 Hồ Xuân Hương*

- 11 Hồ tù ngán nỗi con rồng lộn
*Ngọc vết thương tình kẻ cố deo.
 Tú Mỡ
 Nhà thơ dùng tiếng lái để đùa cợt với nữ sĩ Ngọc Hồ.*

- 12 Khen ai deo đá tài xuyên tạc
*Khéo hở hênh ra lầm kẻ dòm.
 Hồ Xuân Hương*

- 13 Đang con nắng cực chửa mưa hè
*Rủ chị ~~mìn~~ ra tát nước khe.
 Hồ Xuân Hương*

- 14 khoái ăn sang ↔ sáng ăn khoai
 Trong khoảng thời gian 1975-1980, dưới chế độ cộng sản, đồng bào bị đói vì thiếu lương thực, phải ăn độn bằng bo bo, bắp, và các loại khoai củ. Trong dân gian, liên xuất hiện tiếng lái trên.

Trường hợp (2)
 (thay đổi phụ âm đầu, âm gốc, hoặc dấu giọng)

- 15 Trai Hốc Môn miệng hôn tay móc
*Gái Gò Công mình göng chân co.
 Câu đối
 hôn móc ↔ Hốc Môn (âm gốc ôc được thay bằng âm gốc oc)
 göng co ↔ Gò Công*

16 Chung Vô Diệm ↔ chim vô dụng

Trong cuốn *Tiếng Việt đa dạng* (sắp xuất bản) của Tiến Sĩ Nguyễn Hữu Phước, đàn ông bất lực về sinh lý, bị các bà gọi là Chung Vô Diệm. Trong tiếng lái của ba chữ trên đây, *chữ giữa* không thay đổi, và âm gốc **iêm** được thay bằng âm gốc **im**.

17 lồng kiêng ↔ liêng công

Trong thời gian đầu xâm chiếm Miền Nam, Cộng Sản thường tăng các giấy khen, như một loại bánh vẽ, cho những công nhân viên “lao động tốt.” Trong dân gian, liền xuất hiện tiếng lái trên. Trong tiếng lái này, phụ âm đầu **k** được thay bằng phụ âm đầu **c**.

18 sao vàng bảng đỏ ↔ sang giàu bỏ Đảng

Từ năm 1980 trở đi, cán bộ cộng sản bắt đầu trở nên giàu có, do hối lộ và tham nhũng.

Trong dân gian, liền xuất hiện tiếng lái trên. Trong tiếng lái này, phụ âm đầu **v** được thay bằng phụ âm đầu **gi**; âm gốc **ao** được thay bằng âm gốc **ai**.

19 đứng trông hoài ↔ dài trong quần

Âm gốc **ong** được thay bằng âm gốc **ong**;

âm gốc **ưng** được thay bằng âm gốc **ân**;

âm gốc **oai** được thay bằng âm gốc **ai**;

phụ âm đầu **h** được thay bằng phụ âm đầu **qu**.

20 giải phóng ↔ phỏng dài

Phụ âm đầu **gi** được thay bằng phụ âm đầu **d**.

21 giải phóng ↔ phóng dài

Phụ âm đầu **gi** được thay bằng phụ âm đầu **d**; **dấu hỏi** được thay bằng **dấu ngã**.

phóng dài = *nhổ nước miếng*.

22 kháng chiến ↔ khiến chán

Âm gốc **hang** được thay bằng âm gốc **hang**.

Trường hợp (3)
(tiếng lái từ Tiếng Anh)

23 shopping ↔ xin bóp

Các bà các cô thích **đi shopping** ở Sears, JC Penny, Dillard's . . . có thể bị các thương xá này “**xin**” cái **bóp** của họ.

Những nhà nghiên cứu về ngôn ngữ Việt Nam, nói rằng *Tiếng Việt giàu*, là sai; nhưng nói rằng *Tiếng Việt đa dạng*, là hoàn toàn đúng.

Computeria

VO CAO & TU DINH

1

Lời mở đầu

Từ cuối thế kỷ 20, với sự phát triển rất nhanh của ngành điện toán, nhiều công việc đã được computer làm thay con người. Hầu hết các đồ dùng trong nhà đều có một embedded computer, để tự động điều khiển máy móc, giúp con người giảm bớt các động tác bằng tay, nghĩa là đỡ mất thời gian cho những việc lặt vặt. Trong ngôi nhà Mỹ, các embedded computers tự động hóa hệ thống tưới cỏ, mở và đóng cửa nhà để xe, hệ thống báo động, hệ thống điều hòa không khí, máy giặt máy sấy, máy rửa chén, bếp lò, lò microwave, tủ lạnh, v. v. Ngày nay, có thể nói, máy móc nào cũng có embedded computer. Những chương trình lớn dành cho công việc điều hành, sản xuất, kinh doanh, hay học hành và nghiên cứu, thì có các softwares riêng, dùng cho microcomputer (PC), minicomputer, mainframe computer, và supercomputer.

Những ích lợi mà computer mang lại cho con người không thể nói hết. Có thể nói, computer đã làm thay đổi đời sống của con người trên Trái Đất.

Nhờ có bộ nhớ và ngôn ngữ tin học, con người, tức những người viết chương trình, có thể “dạy” cho computer làm nhiều công việc thay cho con người. Kế tiếp, con người, tức những người sử dụng, điều khiển computer thực hiện các công việc được ghi trong bộ nhớ. Khi computer bị trục trặc, nghĩa là không thực hiện chính xác theo chương trình – không kể trường hợp bị virus phá hoại – ba trường hợp ~~nhà~~ đây có thể xảy ra:

- (1) *lỗi do người viết chương trình;*
- (2) *lỗi do người sử dụng, tức người điều khiển computer;*
- (3) *lỗi do hư hỏng phần vật chất, tức phần cơ khí của computer.*

Như vậy, khi computer bị trục trặc, con người phải chịu 2/3 trách nhiệm, tức phần (1) và phần (2). Từ ngày con người dùng computer để tự động hóa rất nhiều công việc, nghĩa là làm thay con người, nhiều hậu quả đã xảy ra do computer trục trặc.

Ví dụ, vài tin tức trên báo chí cho biết, do computer bị trực trặc:

- 1 *Xe lửa bị tai nạn;*
- 2 *Ở một trại giam, có những người tù bỗng nhiên được trả tự do trước thời hạn; những người tù khác đã mãn hạn vẫn chưa được trả tự do;*
- 3 *Nhiều ngàn người dân thường, thay vì được trả lại tiền thuế vài trăm dollars trong mùa khai thuế, đã nhận được giấy của Sở Thuế đòi phải đóng thuế vài trăm triệu dollars;*
- 4 *Một người lái xe du lịch ở Bỉ nhận được giấy phạt của cảnh sát, vì đã chạy với vận tốc 2,100 dặm một giờ (tương đương Mach 3, tức bằng 3 lần vận tốc của âm thanh);*
- 5 *Mấy năm trước đây, vì computer bị trực trặc, một vệ tinh viễn thông phóng lên không gian đã không vào quỹ đạo được, và đã mất tích luôn;*
- 6 *Tin tức mới nhất cho biết, hôm Thứ Bảy 05/01/2004, vì computer bị trực trặc, hãng hàng không Delta Air Lines phải hoãn lại các chuyến bay.*

Các trường hợp đã xảy ra trên đây đều được con người *đổ thừa computer bị trực trặc*. Vì computer là máy, nên nó không chịu trách nhiệm gì cả. Hậu quả của computer bị trực trặc, cho đến hôm nay, chưa đến nỗi trầm trọng. Bởi vậy, người ta chưa lưu ý đúng mức đến vấn đề này.

2

Computeria là gì?

Computer cũng có thời gian *tốt, già, bình, và chết*, như con người vậy. Chẳng hạn, computer bị bệnh và chết do bị nhiễm virus, do hao mòn vật chất, là phần cơ khí của nó, vì phải làm việc lâu ngày, và do người điều khiển sử dụng không đúng. Người viết chương trình giỏi sẽ cho ra software tốt, nghĩa là dễ sử dụng và sử dụng có hiệu quả. Người viết chương trình dở sẽ cho ra software tồi, sử dụng không có hiệu quả, và đôi khi, được cài vào computer, nó sẽ làm cho computer bị trực trặc. Trong những chương trình lớn và phức tạp, ngay cả người viết chương trình giỏi cũng có khi không dự trù hết các trường hợp có thể xảy ra; rồi vào trường hợp không được dự trù, computer sẽ không cho ra output, tức câu trả lời, và có thể làm cho computer bị trực trặc. Người điều khiển computer có thể vô ý đưa dữ kiện không chính xác vào chương trình, và do đó, computer sẽ cho ra các outputs bất thường.

Hiện tượng *đổ thừa computer bị trực trặc* còn có một nguyên nhân nữa, là con người có thói quen *cả tin vào máy móc*. Chẳng hạn,

- *Trong ví dụ 2, người ta chỉ căn cứ vào kết quả từ computer, nhưng không kiểm soát lại;*
- *Trong các ví dụ 3 và 4, nhân viên thuế vụ và nhân viên cảnh sát bỏ giấy tờ vào bao thư để gởi đi, mà không có kiểm soát. Nếu có kiểm soát, các nhân viên sẽ nhận ra cái vô lý của những con số không bình thường.*

Mọi việc làm đều do con người chủ động; máy móc chỉ là những công cụ, tức là các “thiên lôi,” thuộc loại vô tri giác, chỉ đâu đánh đó. Các thiên lôi này sẽ đánh bậy, do chương trình không hoàn thiện, người điều khiển cho linh sai, hoặc do bị bệnh. Dầu ở trường hợp nào, trách nhiệm là thuộc về con người; máy móc vô tội. Đổ thừa computer bị trực trặc, chẳng khác nào cấp chỉ huy huấn luyện và lệnh cho thuộc cấp làm theo linh của mình, *nhưng không kiểm soát gì cả*, để thuộc cấp làm bậy, rồi chỉ cần đổ thừa cho thuộc cấp để tránh trách nhiệm.

Xã hội được ~~nh~~ toàn là do mỗi con người có ý thức trách nhiệm về việc làm của mình; xã hội sẽ không còn an toàn khi con người không có ý thức và không nhận trách nhiệm về việc làm của mình.

Trong y học, Tiếng Pháp dùng hạng từ *paludisme* để gọi bệnh sốt rét rừng, hay sốt rét ngã nước, do huyết trùng Laveran phá vở hồng huyết cầu, vì vậy, người bệnh bị mất máu rất nhanh trong cơ thể. Bệnh này được truyền nhiễm bởi giống muỗi Anopheles, sinh sản rất nhiều ở các xứ nhiệt đới, đặc biệt là ở Mã Lai. Do đó, Tiếng Anh gọi bệnh sốt rét rừng là *malaria*.

Hiện tượng *dổ thừa computer bị trực trặc, và cả tin vào máy móc*, từ đó, không có ai chịu trách nhiệm về các tai nạn do computer bị trực trặc, là một chứng bệnh mới phát sinh trong thời kỳ tin học. Y học đã gọi *bệnh sốt rét rừng là malaria*; ngành điện toán ngày nay có thể gọi *bệnh đổ thừa computer bị trực trặc là computeria*.

Hiện nay, con người chưa thấy tầm nguy hiểm của computeria. Trong tương lai, có thể bệnh computeria sẽ gây ra những tai nạn trầm trọng, làm chết nhiều người, và tổn thất vật chất rất lớn. Tai nạn khủng khiếp nhất trong tương lai là, chiến tranh nguyên tử có thể xảy ra, ngoài ý muốn của con người, chỉ vì con người giao phó vận mạng của mình cho computer quyết định, trong trường hợp khẩn cấp, gồm cả việc khởi ngòi chiến tranh nguyên tử. Đó là một thảm họa, và con người lại đổ thừa computer bị trực trặc.

Nếu con người không sớm ý thức trách nhiệm của mình về bệnh computeria, và cả tin vào máy móc, dần dần con người sẽ mất tư cách làm chủ máy móc, và sẽ trở thành cùng lúc là nô lệ và nạn nhân của máy móc.

Vì chưa có biện pháp rõ ràng về việc tìm nguyên nhân và xác định trách nhiệm của con người trong bệnh computeria, nghĩa là con người không chịu trách nhiệm về việc computer bị trực trặc, các công ty kinh doanh có thể lợi dụng tình trạng này để kiếm tiền bất chánh. Chẳng hạn, trong các hóa đơn, người ta có thể ngầm gài vào chương trình một hệ số 1.005, nghĩa là tăng 0.5%. Một hóa đơn trên dưới 100 dollars, nếu chỉ tăng thêm trên dưới 0.5 dollar, khách hàng sẽ không để ý. Giả sử công ty ấy có 5 triệu khách hàng, mỗi tháng họ sẽ có được trên dưới 2.5 triệu dollars, tiền bất chánh. Nếu có khách hàng nhìn thấy lỗi trong hóa đơn, công ty chỉ cần *dổ thừa computer bị trực trặc*, thế là họ vô tội và trước pháp luật.

3

Con người ■ con người, và máy móc là máy móc

Trong khoa điện toán, có ngành *Artificial Intelligence* (*trí khôn nhân tạo*), mà một trong những ứng dụng, là môn học *robotics* (*người máy*).

Môn học này ra đời khoảng 30 năm nay, nhưng không thấy tiến triển gì đáng kể, ngoài việc “dạy” cho người máy làm các công việc đơn giản, có tính cách lặp đi lặp lại hoài (task of repetition), không đòi hỏi phải có trí khôn gì cả.

Đối với các công việc hơi phức tạp hơn, nghĩa là đòi hỏi có chút ít trí khôn, người máy tỏ ra không có khả năng. Chẳng hạn, trước đây khoảng 5 năm, một tạp chí khoa học có thuật chuyện một người máy được thảo chươn để đi vào các phòng trong một tòa nhà, rồi báo cáo cho biết phòng nào có người, và phòng nào không có người. Để làm công việc đơn giản này, người máy được trang bị một *sensor* có thể nhận ra các cử động (motion), và ghi vào bộ nhớ của người máy, để báo cáo kết quả. Khi người máy đi vào một phòng mà *sensor* ghi nhận có cử động, người máy sẽ báo cáo phòng đó có người, vì người viết chương trình cho rằng, nếu trong phòng có người, át phải có cử động. Nhận định này không hoàn toàn đúng với thực tế.

Giả sử trong phòng đang có người ngủ gục trên bàn, nghĩa là *không có cử động*, người máy sẽ báo cáo sai rằng phòng đó *không có người*. Giả sử trong phòng không có người, nhưng có một con chó, nghĩa là có cử động, người máy sẽ báo cáo sai rằng phòng đó có người. Người viết chương trình “dạy” cho người máy nhận ra con người một cách quá đơn giản, bằng cách chỉ ghi nhận cử động. Trong khi đó, con người nhận ra con người bằng mắt, và biết phân biệt giữa con người và con vật, mặc dầu cả hai đều có cử động.

Một ứng dụng khác của ngành *Artificial Intelligence*, là dùng máy để dịch từ tiếng một nước này sang tiếng một nước khác. Người ta đã dùng máy để dịch một bản văn Tiếng Pháp sang Tiếng Anh, rồi dịch ngược lại từ Tiếng Anh sang Tiếng Pháp. Kết quả là, bản văn Tiếng Pháp sau này không còn giống như bản văn Tiếng Pháp gốc, về hình thức lẫn nội dung.

Máy móc không thể thay thế con người để dịch từ tiếng một nước này sang tiếng một nước khác, vì nhiều lý do:

- *Chữ nghĩa là phương tiện thông tin không hoàn toàn chính xác. Những người chung dung với chữ nghĩa hàng ngày, tức những người viết lách thường xuyên, đã hiểu rõ điều này. Khi viết một câu, người ta phải thận trọng và cân nhắc kỹ, để người đọc không hiểu lầm hoặc hiểu sai ý nghĩa của câu ấy. Chỉ có con người mới làm được việc này; máy móc thì không.*

- *Tiếng nước nào cũng có những chữ nhiều hơn một nghĩa. Trong trường hợp này, tùy ý nghĩa của một câu, người ta nhận ra ý nghĩa nào đó của một chữ có nhiều nghĩa. Chỉ có còn người mới làm được việc này; máy móc thì không.*

Chẳng hạn, người ta không thể dùng máy để dịch câu sau đây, từ Tiếng Pháp sang Tiếng Anh:

La France et l'Angleterre se séparent d'un seul pas¹; c'est le pas² de Calais.

Máy không thể phân biệt,

1 **pas** = bước;

2 **pas** = eo biển.

Chẳng hạn, người ta không thể dùng máy để dịch câu sau đây, từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh hay Tiếng Pháp:

[Thầy bối xem quẻ nói rằng:]

Lợi¹ thì có lợi² nhưng răng không còn.

Ca dao

Máy không thể phân biệt,

1 **lợi** = lối;

2 **lợi** = nổu răng.

Máy móc chẳng những không có “trí khôn,” mà thường cho người ta thấy sự “đần độn” của chúng.

Vài ví dụ.

(1) Những ai có dùng Microsoft Word để viết Tiếng Việt, đều thấy MSWord báo lỗi chính tả và văn phạm đầy hết trang viết. Lý do là MSWord không phân biệt được Tiếng Anh và Tiếng Việt.

(2) Những ai có dùng Microsoft Word để viết Tiếng Anh, thỉnh thoảng thấy MSWord báo lỗi về văn phạm hay cách viết, mặc dầu câu văn không sai. Chẳng hạn, nếu mình viết một câu theo thể thụ động (passive voice), MSWord thường báo lỗi, và sửa lại bằng một câu theo thể tác động (active voice). Xét ngôn ngữ về mặt thẩm mỹ, không phải luôn luôn một câu tác động “hay” hơn một câu thụ động. Có khi người viết dùng một câu thụ động, vì nó hay hơn một câu tác động. Chẳng hạn, xét hai câu sau đây:

Quý khách sẽ được phục vụ một cách chu đáo. (thể thụ động)

Chúng tôi sẽ phục vụ quý khách một cách chu đáo. (thể tác động)

Câu sau, chúng tôi là chủ từ của động từ *phục vụ*, một cách nói bình thường.

Câu trước, quý khách là chủ từ của động từ *phục vụ*, một cách nói lịch sự và tỏ ra tôn trọng khách hàng, bằng cách để khách hàng lên đầu câu, vì câu này làm cho người ta chú ý đến chữ “quý khách,” chứ không phải chú ý đến chữ “chúng tôi.”

- (3) MSWord luôn luôn báo lỗi, mỗi khi người viết xuống dòng mà không viết bằng chữ hoa. Thực tế, không phải luôn luôn xuống dòng thì phải viết bằng chữ hoa.
- (4) Trong các versions trước đây của VNI, rất nhiều Tiếng Việt phải viết bằng chữ cái S mới đúng chính tả, nhưng VNI thường tự động sửa lại bằng chữ cái X, làm sai chính tả. Và người viết phải mất công chỉnh lại cho đúng.
- (5) Trong trò chơi cờ tướng (chinese chess), thời gian để đi một nước cờ (move) lâu hay mau tùy thuộc ở nước cờ có nhiều cách đi, hoặc có ít cách đi. Nhưng trong một chương trình cờ tướng, tất cả các nước cờ đều cần một thời gian bằng nhau (30 giây, 1 phút, 2 phút . . .), dầu cho nước cờ đó chỉ có một cách đi thôi. Nghĩa là nhiều khi người ta chỉ cần 1-2 giây đồng hồ để đi một nước cờ chỉ có một cách đi, nhưng computer phải chờ 1-2 phút, hoặc lâu hơn nữa, mới đi nước cờ đó. Con người *biết suy nghĩ*, nên con người hành động một cách linh động, tùy trường hợp và hoàn cảnh; máy móc *không biết suy nghĩ*, nên máy móc chỉ biết làm theo linh đã được cài đặt sẵn trong bộ nhớ, và làm một cách cứng ngắt, nghĩa là làm “một cách máy móc.”

Nói tóm lại, con người chỉ có thể “dạy” cho computer làm những việc hết sức đơn giản, và có tính cách lặp đi lặp lại, mà không cần “suy nghĩ,” vì bản chất của computer là các “thiên lôi,” chỉ đâu đánh đó. Vấn đề quan trọng là, khi dùng máy móc, con người phải có trách nhiệm *luôn luôn kiểm soát lại các kết quả* từ máy móc.

Người viết chương trình có trình độ sẽ cho ra các softwares khá tốt; người viết chương trình không có trình độ sẽ cho ra các softwares tồi. Dầu tốt hay tồi, các softwares chỉ là các công cụ *không biết suy nghĩ*. Không chịu kiểm soát các kết quả cho bởi computer, cả tin vào máy móc, rồi sau đó, lại đổ thừa computer bị trực trặc, đó là bệnh *computeria*. Bệnh *computeria* cũng có nghĩa là con người tự biến mình thành nô lệ và nạn nhân của computer.

Chỉ có con người có trí khôn, vì con người biết suy nghĩ; không có máy móc có trí khôn, vì máy móc không biết suy nghĩ. Con người là con người; máy móc là máy móc.

Tháng 9 năm 1983, Trung Tá Stanislav Petrov, người phụ trách hệ thống báo động của Liên Sô, nhận được tín hiệu sai lầm về một hỏa tiễn liên lục địa của Hoa Kỳ được phóng đi. Petrov phải quyết định trong vòng 20 phút về sự chính xác của tín hiệu báo động, và có nên phóng hỏa tiễn để trả đũa hay không.

Stanislav Petrov đã quyết định tín hiệu báo động là sai, và đã không phóng hỏa tiễn để trả đũa. Nhờ quyết định sáng suốt của Stanislav Petrov mà nhân loại tránh được trận chiến tranh nguyên tử khủng khiếp năm 1983 giữa Liên Sô và Hoa Kỳ.

Đây là trường hợp *computer bị trực trặc*. Điều may mắn cho nhân loại là, Trung Tá Stanislav Petrov đã hành động **như một con người**, nghĩa là biết suy nghĩ và làm chủ máy móc. Nếu không phải là Trung Tá Stanislav Petrov, mà là một người khác, cả tin vào máy móc, cuộc chiến tranh nguyên tử có thể đã xảy ra.

Thêm một ví dụ về computer bị trực trặc.

Hoá Đơn Y Tế Rất Dễ Tính Sai Lầm Nhiều Người Sát Nghiệp

WASHINGTON – Vài tuần sau khi giải phẫu buồng trứng bên mặt, Leann Coronzo chơi với khe ca mổ hai tiếng đồng hồ bị đòi phải trả 25.652\$ 14.

Cô khiếu nại bệnh viện ở San Jose. Hai năm sau chưa được trả lời. Nhưng hảng bảo hiểm của Cô lại đi thương lượng với bệnh viện giảm xuống còn 17.000\$ và đòi Coronzo chung chịu với hảng bảo hiểm chung 2.148\$. Coronzo không trả và khiếu nại một năm sau thì cơ quan đòi nợ mướn thúc nợ hàng ngày và đề nghị giảm, Coronzo chỉ trả 1.300\$ thôi. Thế là Coronzo trả.

Cơ quan chuyên môn sau khi thẩm tra hồ sơ của Coronzo nhận thấy, khi làm hoá đơn mổ cho Coronzo, bệnh viện đã dùng mã số sai của việc chữa trị nên máy cứ chạy theo giá tiền mã số đã án định, việc làm một lần mà tính tiền như ba lần và cộng sai. Còn hảng bảo hiểm thì vô trách nhiệm thấy hoá đơn cao mà được bót thì đồng ý và đòi người được bảo hiểm chung chịu với hảng bảo hiểm, miễn bảo hiểm không thiệt thòi, là đồng ý. Trường hợp nghiên cứu điển hình viết thành một phóng sự dài, báo Washington Post đưa ra nhằm cảnh báo coi chừng hoá đơn y tế dễ làm sai và dễ làm nhiều người sạt nghiệp.

đồng hương, đồng hương, và đồng hương

VO CAO & TU DINH

Trên báo chí và đài phát thanh của Người Việt tại Mỹ, hàng ngày Người Việt phải đọc và nghe chữ **đồng hương**, **đồng hương**, và **đồng hương** . . .

Đồng hương là Tiếng Hán Việt, có nghĩa là **cùng làng** (**đồng** = cùng; **hương** = làng).

Viết hay nói với toàn thể Người Việt đến Mỹ từ khắp nơi trên đất nước Việt Nam, nghĩa là đến từ hàng ngàn cái làng tại Việt Nam, từ Mũi Cà Mau đến Ái Nam Quan, tại sao dùng chữ **đồng hương**, là **cùng làng**? Tại sao không dùng chữ **đồng bào**, theo thần thoại trong lịch sử Việt Nam, có nghĩa là **cùng một dân tộc** hay **cùng một giống nòi**?

Chữ **đồng bào** có nguồn gốc từ thần thoại **Âu Cơ và Lạc Long Quân**.

Vào buổi đầu của dân tộc Việt Nam, Bà Âu Cơ lấy Lạc Long Quân, sanh ra một cái bọc có một trăm cái trứng. Một trăm cái trứng nở ra một trăm đứa con: năm mươi đứa con đi lên núi, và năm mươi đứa con đi ra biển. Tuy đi theo hai hướng khác nhau, đàn con ấy đã được sanh ra trong cùng một cái bọc của người mẹ.

Từ đó, dân gian Việt Nam dùng chữ **đồng bào** để gọi nhau, và để nhớ rằng tất cả mọi Người Việt Nam được sanh ra *trong cùng một cái bọc* (**đồng** = cùng; **bào** = cái bọc). Ngôn ngữ của Tàu cũng có chữ “**đồng bào**”, nhưng không cùng một ý nghĩa lịch sử như chữ **đồng bào** của Người Việt. Các dân tộc Tây Phương chỉ có chữ **công dân** để gọi những người dân trong cùng một đất nước.

Tiếng nước ngoài không có chữ tương đương và chính xác để dịch chữ **đồng bào**, vì đó là một chữ có một không hai của dân tộc Việt Nam.

Lớp người trẻ của Việt Nam, sanh ra và lớn lên tại Mỹ, sẽ nghĩ gì, khi nhìn thấy lớp người lớn tuổi, là cha anh của chúng, miệng thì hô hào nào là bảo vệ văn hóa dân tộc, nào là bảo vệ truyền thống dân tộc, nào là Tiếng Việt mến yêu, nào là Tiếng Việt “trong sáng” . . . trong khi tay thì liệng bỏ chữ **đồng bào**. Có lẽ, một số đông trong lớp người lớn tuổi của Việt Nam tại Mỹ không biết rằng lớp tuổi thơ Việt Nam, đi học trường Mỹ, được dạy cho không có thói quen nói dối, và không có thói quen “nói một dàn làm một nோ.”

Trong khi Người Việt đang từ từ vứt bỏ chữ *đồng bào*, thì một người nước ngoài đã dùng chữ ấy để gói lời chúc mừng năm mới cho Người Việt trong nước.

Dưới đây là đoạn cuối trong bài phỏng vấn Ỷ Lan của đài phát thanh *Chân Trời Mới*, đăng trên *Việt Báo Online*, ngày 2/6/2003.

CTM (Chân Trời Mới)

– Xin Chị Ỷ Lan nói đôi lời tâm tình và chúc Tết đồng bào quốc nội.

YL (Ỷ Lan)

– Đầu năm mới, tôi xin cầu chúc quý thính giả và Đồng Bào trong nước một năm thịnh vượng, an vui, thành công như ý. Tôi là một Người Anh, chưa bao giờ được đặt chân lên quê hương gấm vóc Việt Nam, mà dám gọi quý liệt vị là Đồng Bào, thì thật là trái phép. Nhưng xin quý vị lượng tình cho một kẻ ở xa, nơi xứ sương mù Anh Cát Lợi, chỉ vì mến mộ con người Việt bất khuất, với nền văn hóa cao cả và đậm tình đậm nghĩa, nên muốn được cùng chung trong bọc trướng của Mẹ Âu Cơ. Xin Đồng Bào hiểu cho.

Ỷ Lan là bút hiệu của một người đàn bà Anh. Là một Người Anh, một nhà hoạt động văn hóa, bà thông thạo lịch sử, văn hóa, và phong tục của dân tộc Việt Nam.

Ghi lại
 ca dao mới,
 và
 ngôn ngữ ám chỉ mới
 VO CAO & TU DINH

1

Ca dao mới

*Trăm năm trong cõi người ta
 Ở đâu cũng được đi ra đi vào
 Xa xôi như Xứ Bồ-Đào
 Người ta cũng được đi vào đi ra
 Đến dải như Ăn-Gô-La
 Người ta cũng được đi ra đi vào
 Chậm tiến như ở Nước Lào
 Người ta cũng được đi vào đi ra
 Chỉ riêng có ở nước ta
 Người ta không được đi ra đi vào.*

Ca dao mới. Thông Luận Số 181, 5/2004

Thông thường, khi đã có chữ viết thì văn chương truyền miệng chấm dứt vai trò của nó. Nhưng ở Việt Nam, văn chương truyền miệng, đặc biệt là ca dao, vẫn tiếp tục có mặt, song song với văn học thành văn. Ca dao vẫn tiếp tục có mặt, bởi vì, cho đến hôm nay, đó vẫn là tiếng nói tự do duy nhất của Văn Học Việt Nam. Là phương tiện văn chương dễ dùng, ngắn gọn nhất và nhanh nhất, để cất tiếng nói hồn nhiên và tự do, ca dao vẫn tiếp tục có mặt như hơi thở của dân gian Việt Nam.

Khác với Kinh Thi của Tàu, là một loại sách giáo khoa, Ca Dao Việt Nam là hình thức nguyên thủy của báo chí, vì ca dao ghi lại trung thực nếp sống và nếp suy nghĩ của dân gian Việt Nam qua các thời kỳ của lịch sử.

2

Ngôn ngữ ám chỉ mới

Một bài báo trên VietNamNet, ngày 05/11/2004, cho người ta thấy hiện nay trong nước, đã có mặt một **hình thức mới** của ngôn ngữ ám chỉ. Từ trước, ngôn ngữ Việt Nam chỉ có ba hình thức của ngôn ngữ ám chỉ, như sau:

1. *ngôn ngữ ám chỉ dùng trong văn học;*
2. *tiếng lái;*
3. *tiếng lóng.*

Vài ví dụ về một hình thức mới của ngôn ngữ ám chỉ, hiện dùng trong nước.

- *Đi đâu mà dâu lầu thế?*
Đi đâu mà lầu thế?
- *Ừ, tại đường Hà Đông quá!*
Ừ, tại đường đông quá!
- *Bắc Can đi, các ông ơi!*
Can đi, các ông ơi!
- *Này, hết bao nhiêu đấy, để còn Campuchia?*
Này, hết bao nhiêu đấy, để còn chia?
- *Từ đây đến đấy, còn Natasá không mày?*
Từ đây đến đấy, còn má không mày?
- *Thôi, tôi Lương Văn Can ông, đừng đến đấy!*
Thôi, tôi can ông, đừng đến đấy!
- *Lát nữa có tiện đi siêu thị, nhớ mua hộ chai nước mắm nhé!*
Lát nữa có tiện đi siêu thị, nhớ mua hộ chai nước mắm nhé!

Cách cấu tạo của hình thức ngôn ngữ ám chỉ mới này, là:

- (1) *Nếu là Tiếng Việt, chỉ dùng chữ cuối của một chữ ghép đôi/ ghép ba ...*
- (2) *Nếu là tiếng nước ngoài, chỉ dùng âm cuối (vần cuối) của một chữ;*
- (3) *Không quan tâm đến chính tả.*

Hiện tượng ngôn ngữ trên đây cho người ta thấy,

- Cũng như ca dao và tiếng lái, hình thức mới của ngôn ngữ ám chỉ hiện nay biểu lộ đầu óc giễu cợt của dân gian Việt Nam. Đó là ngõ thoát tâm lý của dân gian, trong một xã hội nhân trị kiểu cũ hay nhân trị kiểu mới ngày nay, đầy dẫy những điều cấm kỵ, và dân gian thường xuyên bị áp bức.
- Ngày xưa, ông bà mình nói: “*Hết chồn thì hôi.*” Ngày nay, Người Việt có thể nói: “*Hết cộng sản thì nói dối.*” Vì tập đoàn thống trị của cộng sản sợ sự thật, nên họ luôn luôn nói dối, và nói dối trơ trẽn, đến độ trẻ con cũng phải cười. Sống trong môi trường như vậy, dân gian Việt Nam thích dùng các hình thức của ngôn ngữ ám chỉ, để tránh nói sự thật bằng chữ nghĩa trần truồng.

3

Thêm ngôn ngữ ám chỉ mới

Cô gái làm nghề "xếp bì"

Đang mải nhìn theo các cảnh quay cuồng ở sàn nhảy, tôi giật mình khi một cô gái lạ bỗng nhiên ngồi sà xuống ghế, dạn dĩ làm quen với hai người bạn trai trong nhóm chúng tôi. Cô gái chừng h้าm hai tuổi có gương mặt rất đẹp. Anh bạn tôi vờ hỏi: "Em tên gì?" Cô ta trả lời: "Cứ gọi em là Lemon Question". Biết bạn tôi chưa hiểu, cô nói: "Trời ơi! Thời buổi này chơi mà không biết tên này hả? Lemon tiếng Anh là "chanh", question là "hỏi", chanh hỏi "chành" là tên em đó".

<www.nld.com.vn>, 6/16/2004

Đọc đoạn phỏng sự này, trên báo *Người Lao Động* ở trong nước, người ta mới thấy rằng dân gian dùng chữ nghĩa với một trí tưởng tượng rất phong phú, và với đầu óc phơi phới tự do, vượt ra ngoài mọi hàng rào của định kiến.

Dựa vào ý tưởng của cô gái này, các cô gái và chàng trai Việt Nam có thể dùng ngôn ngữ ám chỉ như trên, để không cho biết tên riêng, bằng cách đặt các nicknames cho mình theo Tiếng Anh, hay Tiếng Pháp. Chẳng hạn, theo Tiếng Anh, như sau:

Chanh ⇒ **Lemon Fall** = Chanh + *ngã*

Chạnh ⇒ **Lemon Heavy** = Chanh + *nặng*

Chánh ⇒ **Lemon Iron** = Chanh + *sắt* (không quan tâm đến chính tả)

Chành ⇒ **Lemon Black** = Chanh + *huyền*

Lê ⇒ **Pear Heavy** = Lê + *nặng*

Đồng ⇒ **East Question** = Đồng + *hỏi*

v. v.

Những Người Việt không có quê hương ngay trên đất nước Việt Nam

TU DINH

SGGP>Phóng sự - Điều tra**Bài không tên**

21:24', 2/7/ 2004 (GMT+7)

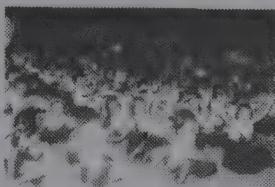
Dù là những con người không có giấy tờ tùy thân, không được đăng ký hộ khẩu. Vẫn mặc nhiên, khi lập gia đình, họ lại nhận một thẻ hộ tiếp tục đứng bên lề xã hội, sống một cuộc đời không tên...

- **Những mảnh đời... “trắng”**

Kể từ khi cây cầu Ông Lãnh mới hoàn thành và chợ đầu mối Cầu Muối – Cầu Ông Lãnh (quận 1-TPHCM) được di dời, khu vực này trông có vẻ thông thoáng và sạch sẽ hơn. Tuy nhiên, vẫn còn đó cảnh bán buôn ồn ào của những người “chạy chợ” hàng cũ cũ, trái cây dọc hai bên đường Nguyễn Thái Học.

Hầu hết họ là dân nghèo. Lúc tôi cùng một chị cán bộ xã hội vừa dừng xe, một cô gái bỏ hàng rau cũ chạy ù đến hỏi: “Có làm được khai sanh cho em của con chưa cô?”. Chị cán bộ lắc đầu, cô gái tiu nghỉu trở về.

Cô gái ấy là Thái Thị Thảo, gia nhập đội quân bán hàng la - ghim máy năm nay. Dù 21 tuổi nhưng trông Thảo bé choắt như đứa trẻ 15, chỉ có đôi mắt và làn da là “từng trai”. Ba chết, mẹ có chồng khác, mới lên bảy, Thảo ra chợ Cầu Muối bán rau củ kiếm sống, tối về tá túc ở quán cơm Xã hội (phường Cầu Ông Lãnh, quận 1).



Ước mơ được đi học ban ngày
cùng với bạn đồng tuổi quá xa
với với những trẻ không có giấy
tờ tùy thân. **Ảnh: P.P.T.**

Đến năm 16 tuổi, Thảo rời quán em vì quá tuổi mà chẳng có giấy tờ tùy thân, bắt đầu những tháng ngày lấy “chợ làm nhà, vỉa hè làm chiếu”. Thảo quen rồi sống với Trần Thị Hồi, cũng không một tấm giấy lận lưng, và có với nhau một cậu con trai. “Ngày cưới” của hai đứa, bà mẹ chồng làm mâm cơm vái đất trời chứng giám.

Hiện nay, Hồi đang ở tại một trung tâm để cai nghiện, đứa con gửi mẹ chồng chăm sóc. Thằng nhỏ bị suy dinh dưỡng nặng. Tuy đứa con Thảo có giấy chứng sinh của Bệnh viện Từ Dũ nhưng không làm được giấy khai sinh vì cha mẹ nó không có giấy tờ. Trong suy nghĩ của Thảo, việc làm giấy khai sinh cho con chỉ là nghe người ta bảo phải làm, thế thôi, chứ Thảo đâu hiểu gì về quyền lợi của một công dân!

Trường hợp của ông Nguyễn Văn Hòa, 46 tuổi thì lại khác. Ông hàng ngày đẩy xe rau quả thuê. Bà Lan, vợ ông, bán rau củ ở vỉa hè khu chợ Cầu Muối. Ông bà có với nhau bốn đứa con, đứa lớn 10 tuổi, đứa bé lên 6. Gia đình 6 người thuê căn phòng nhỏ gần đập tát túc.

Hơn 10 năm trước, ông Hòa cũng có nhà ở quận 1. Nhà cháy. Giấy tờ tùy thân cũng thành tro, ông cũng không nghĩ đến chuyện đăng ký lại giấy tờ cũng như đăng ký khai sinh cho các con. Khi tôi hỏi: "Sao ông không làm giấy khai sinh cho các em đi học?".

Ông Hòa thở trả lời: "Vợ chồng tui làm quẫn quật từ sáng sớm tối tối mịt, kiếm được cho chúng cái ăn là may lắm rồi chứ hơi đâu mà lo đến ba cái chuyện giấy tờ chi cho rắc rối". Bốn đứa con đi học lớp phổ cập được vài hôm, lớp học giải tán, thế là chúng gia nhập vào đội quân bán giấy dó kết quả xô số.

Những trường hợp trên không phải là hiếm tại TP Hồ Chí Minh. Thực trạng này không những làm thiệt thòi cho bản thân họ mà còn là gánh nặng cho xã hội. Tương lai của đứa trẻ sẽ mịt mù vì chưa được xã hội công nhận là công dân.

Chúng sẽ không được đến trường học chính qui như bao trẻ khác mà chỉ được học ở những lớp tình thương, phổ cập. Và bằng cấp cho dù là ở mức thấp nhất cũng trở nên với đối với chúng.

Theo chị Bạch Phát, nhân viên xã hội - Hội Bảo trợ trẻ em TPHCM, với trường hợp có giấy tờ thì sẽ dễ dàng xin việc ở các công ty hay cơ sở sản xuất luôn có công việc ổn định. Những trường hợp còn lại thì chỉ vào được các cơ sở nhỏ, lầm lúc được nhận chỉ vì lòng hảo tâm, và thường thì thủ lao rất thấp, không ổn định.

Cuối cùng, chịu không nổi, chúng phải trở lại kiếp lang thang, dùng sức lao động kiếm sống. Như một vòng luẩn quẩn, những đối tượng này khi đã tuổi yêu đương, sống đời vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn được lại sinh ra những đứa bé không được công nhận chính thức.

■ Cho con làm công dân



Những đứa trẻ này rất cần có
được giấy khai sinh.

Một chị cán bộ xã hội của một mái ấm, người mà công việc hàng ngày của chị luôn tiếp xúc, gần gũi với những em không làm được giấy khai sinh nói như than với tôi: "Những kè vi phạm pháp luật thì sẽ bị tước đi quyền công dân. Còn với những trẻ mới sinh, nào có tội tinh chí! Böyle giờ, chúng chỉ nghĩ đơn giản rằng chúng phải đi học ban đêm, không được đi học ban ngày như bao bạn khác vì không có giấy tờ chứ không thể hiểu rằng khi lớn lên sẽ chịu nhiều thiệt thòi thế nào đâu! Thật tội nghiệp cho chúng! Đáng lý ra, những đứa trẻ này phải được hưởng quyền công dân chứ!".

Cũng theo chị Bạch Phát, khi đi làm giấy khai sinh cho trẻ, chị gặp không ít những trường hợp những trẻ mà cha mẹ chúng còn đầy đủ giấy tờ nhưng lại không làm được giấy khai sinh.

Những trường hợp này, theo chị Phát, do cha mẹ chúng chưa đủ tuổi kết hôn (18 tuổi), nên người cha đứng tên trong giấy khai sinh có thể bị truy tố vì quan hệ với trẻ vị thành niên, nên không dám đăng ký. Do đó, hiện nay trong xã hội còn không ít những người chưa được công nhận công dân.

Và như vậy, một hệ quả kéo theo là khi đến tuổi trưởng thành, lao mình vào cuộc mưu sinh, những người này mới loáng thoáng nhận ra sự thiệt thòi mà họ đang gánh chịu.

Năm 2000, Sở Tư pháp TPHCM đã phát động chiến dịch "Ngành tư pháp TPHCM vì quyền khai sinh của trẻ em" nhằm giảm đến mức tối đa tình trạng không có giấy khai sinh của trẻ em cư trú trên địa bàn thành phố. Qua chiến dịch, đã có gần 14.000 trẻ dưới 16 tuổi ở cộng đồng, trong các cơ sở xã hội, mái ấm nuôi dưỡng được đăng ký khai sinh. Đây là sự nỗ lực đáng ghi nhận của các cơ quan hữu quan.

Tuy nhiên, những đứa trẻ nằm trong diện được đăng ký là những trường hợp còn truy được một phần gốc gác, còn với những trường hợp: Vô gia cư, nhân thân không rõ ràng, hoặc cha mẹ chúng không có giấy tờ tùy thân, chưa được công nhận nơi cư trú... thì rơi vào bế tắc.

Theo bà Trịnh Thị Bích, Trưởng phòng Hộ tịch – Lý lịch tư pháp – Quốc tịch, Sở Tư pháp TPHCM, rất cần có một cuộc khảo sát tổng thể trên diện rộng, thống kê số lượng đối tượng chưa có giấy tờ tùy thân.

Từ đó, phân loại đối tượng, cơ quan tư pháp phối hợp với công an và đoàn thể ở địa phương xác nhận những đối tượng có thời gian cư trú lâu dài, ổn định để cấp giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân theo một quy chế đặc biệt dành riêng cho những đối tượng này.

ĐẠI NGUYÊN

<www.sggp.org.vn>, 7/2/2004

Trên đây là bài phỏng sự của tờ *Sài Gòn Giải Phóng* ở trong nước.

Hơn hai triệu Người Việt lang thang trên khắp Trái Đất. Ở đâu, Người Việt lang thang cũng có tư cách thường trú, hoặc đã vào quốc tịch của quốc gia mà họ đang định cư. Riêng ở Mỹ, đối với các di dân chưa vào quốc tịch Mỹ, trong đó có Người Việt, kể cả di dân hợp pháp và bất hợp pháp, con cái của họ sanh ra trên Nước Mỹ, đều được chánh phủ Mỹ cấp khai sinh, mang quốc tịch Mỹ. Con cái của những cha mẹ còn dưới 18 tuổi, vẫn được làm khai sinh bình thường. Tóm lại, tất cả mọi đứa trẻ sanh ra trên Nước Mỹ, đều được chánh phủ Mỹ làm khai sinh, và đương nhiên là công dân Mỹ. Trong cuộc di cư năm 1954 của một triệu đồng bào Miền Bắc vào Miền Nam, trên đường di chuyển, những đứa trẻ sanh ra trên tàu Anh, đã được chánh phủ Anh cấp khai sinh, là công dân của Nước Anh.

Dưới chế độ cộng sản tại Việt Nam, nhiều triệu trẻ em Việt Nam sanh ra trên đất nước Việt Nam, đã bị chánh quyền từ chối làm khai sinh cho chúng, chỉ vì cha mẹ không có hộ khẩu, hoặc vì những lý do khác. Tại Việt Nam hiện nay, có nhiều triệu Người Việt là công dân lậu, vì không có hộ khẩu. Nhiều triệu công dân lậu này sanh ra nhiều triệu công dân lậu nữa, là con cái của họ, không được "nhà nước" cấp khai sinh, nghĩa là không được công nhận là công dân của Nước Việt Nam Cộng Sản. Người ta có thể gọi tất cả những trẻ em Việt Nam này, vừa không có khai sinh vừa không có hộ khẩu, là:

Những Người Việt Không Có Quê Hương Ngay Trên Đất Nước Việt Nam.

Trong khi Cộng Sản Việt Nam cắt lìa từng khúc ruột ở trong nước, họ lại tẩy quan tâm đến "khúc ruột ngàn dặm" ở Mỹ.

Phóng sự dưới đây trích từ báo *Người Lao Động* ở trong nước.

Làng không hộ khẩu

02/08/2004 8:24:59 AM GMT +7

Trở thành “ngụ cư” trên chính quê hương mình với đất nghèo, làm lũ

Ba năm trôi qua, hơn 30 gia đình, với 150 nhân khẩu, sau khi không bám trụ nỗi nơi vùng kinh tế mới Đức Dục (Kon Tum) trở lại mưu sinh quanh lòng hồ Việt An thuộc xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức (Quảng Nam), vẫn chưa chuyển được hộ khẩu về quê. Con số ngày càng tăng lên, khi mỗi năm có thêm 15 đứa trẻ ra đời. Nay giờ có người đã gọi nơi đây là “làng không hộ khẩu”.

Nghèo khổ từ khi di dời

Biết tới về “làng không hộ khẩu”, ông Lê Tấn Quán, Phó Chủ tịch UBND xã Bình Lâm, cho biết cuộc sống của 133 hộ gia đình nằm trong diện di dời khỏi lòng hồ Việt An rất khổ khốn, ai cũng nghèo khó. Dù đã hẹn trước, nhưng khi chúng tôi đến nhà chị Nguyễn Thị Sành (một trong những hộ di dời), đứa con của chị cho biết mẹ vừa bị bốc gạch thuê kiêm tiền mua thuốc cho đứa em bị ốm, chưa về.

Hồ thủy lợi Việt An (tại thôn 5, Bình Lâm) được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư giúp Quảng Nam xây dựng vào năm 1995. Hơn 100 hộ dân ở thôn 5 phải đến định cư nhiều vùng cùng xã Bình Lâm. Khi còn ở lòng hồ, mỗi hộ gia đình chỉ có vài mẫu đất để sản xuất. Nhưng đến khu tái định cư, mỗi hộ còn vài trăm mét vuông đất vườn, với 2-3 sào ruộng làm kinh doanh. Trong số 133 hộ, chỉ có vài người được đền bù 50 đến 60 triệu đồng, còn đa số là 20 đến 30 triệu đồng. Về nơi ở mới, nhiều người không đủ đất để sản xuất, tiền đền bù nhận được chỉ đủ để xây nhà và mua gạo. Chưa đầy một năm, tiền cũng không còn. Ngày ngày người dân mò cua, bắt cá, làm nương rẫy kiếm sống. Mỗi khi có tổ chức nào hỗ trợ, lãnh đạo xã Bình Lâm đều ưu tiên cho những hộ di dời khỏi hồ Việt An, nhưng chẳng đủ vào đâu. “Ngày trước dù không giàu có nhưng cũng đủ ăn, còn bây giờ thì đổi lên đổi xuống, khổ lắm chứ ạ!”. Chị Nguyễn Thị Văn, một trong những hộ dân ở “làng không hộ khẩu”, tâm sự.

Nhọc nhằn mưu sinh nơi đất khách

Năm 1999, khi tỉnh Quảng Nam vận động nhân dân di vùng kinh tế mới ở Đức Dục, Ngọc Hồi (Kon Tum), gần 40 hộ dân ở lòng hồ Việt An bán nhà, bán vườn, bán bò... đăng ký ra đi, mong thoát khỏi cảnh nghèo túng. Ngày ra đi về nơi “miền đất hứa” Đức Dục, cũng băng rôn cùng đoàn xe tiễn đưa rầm rộ, người dân ai cũng phấn khởi. Nhưng rồi, sự thè khόng như mong đợi. Anh Nguyễn Văn Đông kể lại: Ở Đức Dục đất toàn sỏi đá, khô khốc, cây cối không lên nỗi. Tia hạt ngô, gieo hạt lúa chẳng thấy nảy mầm. Càng khủng khiếp hơn khi trong đất có cả bom, mìn thời chiến còn sót lại. Chưa có ai tử vong nhưng bị thương thì khá nhiều. Hầu hết rủ nhau đi làm thuê kiếm sống qua ngày. Chưa đầy một năm, họ kéo nhau trở về quê cũ, sống bám nơi lòng hồ. Chỉ duy còn hộ bà Nguyễn Thị Hương ở lại, nhưng gia đình bà cũng chia nhau đi nhiều nơi, kẻ vào Lâm Đồng, người về quê hương.

Bao giờ thoát khỏi cảnh lùn lùn “lậu”?

Trở về quê hương, không ruộng vườn, nhà cửa, họ dựng tạm một túp lều quanh lòng hồ, Việt An sinh sống. Công việc hằng ngày của họ là làm thuê, ở mướn, đàn ông đi phụ hồ, đàn bà đi trông con, giữ nhà cho người ở thành phố.

Gần 4 năm trở lại quê hương nhưng không một ai chuyển được hộ khẩu từ Đức Dục về. Con cái họ sinh ra không có giấy khai sinh, lớn lên không được làm giấy chứng minh nhân dân, làm giấy nhập học cũng gặp không ít khó khăn. Trên nguyên tắc họ không được

phép xây nhà, vi họ ~~đ~~ dân Đức Dục. Những chính sách ưu đãi của Nhà nước họ cũng không được tiếp cận. Theo lời của anh Nguyễn Văn Đông, vừa rồi ~~đ~~ con góp tiền cùi anh vào Đức Dục xin chuyển hộ khẩu, UBND xã Bình Lâm cũng có giấy yêu cầu chính quyền bạn giúp đỡ cho bà con được chuyển hộ khẩu trở về quê, nhưng khi vào đến nơi chính quyền huyện Ngọc Hồi vẫn không đồng ý.

Sắp tới, đời sống của những người dân nơi đây ~~đ~~ càng khó khăn hơn, vì vừa qua huyện Hiệp Đức đã cho một số nhà đầu tư thuê hồ Việt An để nuôi cá nước ngọt. Nương rẫy quanh lòng hồ cũng sẽ bị thu hồi để trồng rừng phòng hộ. Trao đổi với chúng tôi, ông Lê Văn Dũng, Phó Chủ tịch UBND huyện Hiệp Đức, cho biết huyện ~~đ~~ cùi cán bộ sang huyện Ngọc Hồi để cùng giải quyết vấn đề hộ khẩu, lãnh đạo huyện cũng ~~đ~~ chỉ đạo cho xã Bình Lâm tạo điều kiện cho người dân ổn định cuộc sống. Đó là nói, còn sự thực bao giờ người dân làng hồ thoát cảnh “ngụ cư” trên chính quê mình thì chưa biết được?

BÀI - ANH: HOÀNG DŨNG

Viết

<www.nld.com.vn> 08/02/2004

Ở trang kế tiếp, thêm một bài phỏng sự trên *Tuổi Trẻ Online*, ngày 08/13/2004, cho thấy Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục dùng “hộ khẩu” để xóa bỏ quyền tự do di lại, quyền tự do cư trú, và quyền làm người, của đồng bào trong nước.

Trước Tháng 4 Năm 1975, đồng bào ở Miền Nam được quyền tự do di lại, và được quyền tự do cư trú. Kể từ khi Cộng Sản Miền Bắc “giải phóng” Miền Nam, đồng bào ở Miền Nam, cũng như đồng bào ở Miền Bắc sau 1954, mỗi người bị nhốt vào một cái xà-lim cá nhân, mà Cộng Sản Việt Nam gọi là “hộ khẩu.”

Nhiều triệu Người Việt, vì sinh kế, hay vì những lý do khác, đã thoát khỏi cái xà-lim ấy, nghĩa là không còn hộ khẩu nữa, phải sống thân phận của những người dân lậu, ngay trên quê hương của mình. Và hậu quả là con cái của những người dân lậu này không được cấp khai sanh. Thế hệ Người Việt thứ nhất làm dân lậu, sanh ra thế hệ Người Việt thứ hai, tệ hơn nữa, không được tập đoàn thống trị của cộng sản công nhận là công dân của Nước Việt Nam Cộng Sản.

Đặc biệt, văn học Việt Nam có Văn Học Dân Gian, gọi là *văn chương truyền miệng*, nghĩa là loại văn chương sáng tác bởi dân gian không tên tuổi, và không được ghi bằng chữ viết, được xếp vào loại văn học *không thành văn*. Tương tự như vậy, ngày nay, dưới chế độ cộng sản, có những con người mà tên họ chỉ được *truyền miệng*, vì không có khai sanh, nên không được viết thành chữ. Đó là những ~~còn~~ người *truyền miệng* (cùng một thân phận như *văn chương truyền miệng*) của Nước Việt Nam Cộng Sản.

Quái kiệt Trần Văn Trạch có phát biểu cảm tưởng về chế độ cộng sản tại Việt Nam: “*Nếu những cây cột đèn biết đi, chúng cũng đã đi khỏi Nước Việt Nam Cộng Sản rồi.*”

Thứ Sáu 13/08/2004, 16:32 (GMT+7)

AI HIỂU NỐI KHỎI NGƯỜI KHÔNG HỘ KHẨU?

TT - Tại TP.HCM từ lâu nay hộ khẩu được coi là "tấm bùa hộ mệnh", bởi nếu không có hộ khẩu thường trú thì công dân bị hạn chế rất nhiều quyền, thậm chí đến các nghĩa vụ công dân cũng không thể thực hiện được.

Không có hộ khẩu, không được lấy chồng...

Chị T.T. (sinh 1975) quê Quảng Ngãi, cùng gia đình vào cư trú tại quận Tân Bình, TP.HCM từ năm 1980. Không nhập được hộ khẩu vào TP vì thiếu điều kiện, bị cắt hộ khẩu tại quê do đã lâu không về, cả gia đình T.T. rơi vào cảnh "công dân tự do". Đến nay, T.T. đã 30 tuổi nhưng vẫn không có giấy chứng minh nhân dân vì không có hộ khẩu. T.T. muốn lấy chồng nhưng sẽ không để cho đăng ký kết hôn vì không có chứng minh nhân dân.

Điều vắn đề của mẹ T.T. lại hơi khác. Để có hộ khẩu, mẹ của T.T. đã gom góp tiền mua một căn nhà hợp pháp. Điều kiện nhà ở đã xong, mẹ T.T. lo sang điều kiện việc làm ổn định. Trớ trêu thay, mẹ của T.T. đã gần 60 tuổi - hết tuổi lao động nên không ai nhận bà vào làm việc dù có được hợp đồng lao động. Và do vậy, theo tư vấn, mẹ T.T. phải làm "giám đốc" và "được" đóng thuế trong sáu tháng liên tục dù chẳng kinh doanh gì - để chứng minh là có việc làm ổn định.

Bà N.T.H., sống tạm trú tại nhà người em ở quận 1 từ năm 1978. Do không có hộ khẩu, khi sinh con bà H. không thể khai sinh cho con nên con bà chỉ được học lớp tình thương vào ban đêm. Bà H. làm đơn xin được nhập hộ khẩu vào nhà người em (có sự đồng ý, bảo lãnh của người em là chủ hộ nhà hợp pháp) nhưng công an không cho vì không hợp qui định của TP.HCM.

Người thân bà H. góp tiền cho bà mượn mua nhà hợp pháp để xin hộ khẩu thì không đăng ký chủ quyền được, lý do không có giấy chứng minh nhân dân. Bà H. làm đơn xin cấp giấy chứng minh nhân dân, công an từ chối, lý do không có hộ khẩu. Bà H. xin hộ chiếu ra nước ngoài thăm người quen bị công an gạt sang một bên cũng vì không có hộ khẩu. Và tất nhiên, bà H. cũng không được mở tài khoản ngân hàng, không thể tham gia các giao dịch dân sự, hành chính, kinh tế khác vì không có chứng minh, không có hộ khẩu.

Theo qui định của Công ty Cấp nước TP.HCM, những người thuộc diện tạm trú tại TP nếu sử dụng nguồn nước do công ty cung cấp thì phải chịu trả giá cao hơn (cho mỗi đơn vị mét khối) so với người có hộ khẩu thường trú. Tại sao cùng là khách hàng sử dụng nước như nhau lại có sự phân biệt giữa người có hộ khẩu thường trú và tạm trú như vậy?

Thậm chí trong vụ hỏa hoạn vừa xảy ra tại phường 1, quận 8 làm 40 hộ dân rời vào cảnh màn trời chiếu đất. Việc cứu trợ, hỗ trợ cho các nạn nhân cũng có sự phân biệt giữa người có hộ khẩu với người không có hộ khẩu.



Trong lúc hoạn nạn nhất, người nhập cư cũng bị phân biệt đối xử... (Trong ảnh, các nạn nhân trong vụ hỏa hoạn tại phường 1, quận 8)

Nhà - hộ khẩu: bao giờ hết đời nhau?

"Muốn hợp thức hóa nhà ~~mi~~ phải có hộ khẩu, muốn đăng ký hộ khẩu đòi phải có nhà hợp pháp" là qui định tréo ngoe chưa có lối thoát. Nhà hợp pháp là gì? Theo qui định của TP.HCM, phải là nhà ~~mi~~ có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Vậy hàng trăm ngàn căn nhà chưa được cấp giấy là nhà không hợp pháp? Thật ra, "nhà hợp pháp" chỉ từ qui định mà ra, chứ những căn nhà chưa có giấy chứng nhận vẫn tồn tại hàng chục năm qua, người dân vẫn sống ổn định ở đó.

Ông Trần Triều Dương, phó giám đốc Công ~~m~~ TP.HCM, nói: "Quan điểm của Công ~~m~~ TP là nên tách rời quan hệ sở hữu ~~m~~ khỏi quan hệ quản lý hành chính. Tức nhà ~~m~~ sản, còn hộ khẩu ~~m~~ để quản lý nhà nước về vấn đề cư trú". Có lẽ vậy nên trong báo cáo ngày 9-4-2004 gửi UBND TP, Công ~~m~~ TP thừa nhận "phần nào đó TP chưa thực hiện đúng nội dung qui định của nghị định 51 rằng hộ khẩu nhằm xác định nơi cư trú của công dân, đã gây khó khăn cho cả chính quyền, công ~~m~~ và người dân".

Theo đề xuất, Công ~~m~~ TP sẽ giải quyết mối quan ~~he~~ giữa hộ khẩu và nhà ở theo nguyên tắc hộ khẩu ~~m~~ để xác định nơi cư trú của công dân, còn nhà ở ~~theo~~ nguyên tắc sở hữu. Theo đó, công dân đang cư trú ở ~~điều~~ thì đăng ký (bao gồm thường trú và tạm trú) ở đó. Nếu ~~m~~ điều kiện về nhà ở thì cấp sổ theo nghị định 51. Ngược lại, vẫn cấp sổ nhưng thêm dòng "nhà ở chưa hợp pháp", "nhà thuê", "nhà ở nhờ", "nhà xây dựng trên đất nông nghiệp"... Đây là tình thần, ~~m~~ hướng giải quyết cho cặp mâu thuẫn "nhà - hộ khẩu".

Còn về điều kiện nhập hộ khẩu vào TP.HCM? Công an TP.HCM đề xuất: vẫn giữ nguyên điều kiện: "không thuộc diện cấm cư trú tại TP.HCM", "thực ~~m~~ cư trú tại TP.HCM từ năm năm trở ~~m~~ và có cuộc sống ổn định" thì được nhập hộ khẩu.

Bao giờ hộ khẩu mới được coi là giấy xác nhận cư trú? Bao giờ việc đăng ký, quản lý hộ khẩu được ~~m~~ về đúng chức năng của nó ~~m~~ để quản lý nhà nước?

L.A.Đ.

www.tuoitre.com.vn 08/13/2004

Sau đây, thêm bài phỏng sự điều tra trên *Saigon Giải Phóng Online*, ngày 09/30/2004, viết về tình cảnh của những "Việt Kiều" từ Căm Bốt trở về nước, sau khi Cộng Sản Miền Bắc đã "giải phóng" Miền Nam.

SGGP>Xa hội

Có một xóm dân “5 không”!

22/6', 30/9/ 2004 (GMT+7)

Nép mình bên dòng kênh Tám Ngàn, xóm Việt kiều thuộc ấp Ninh Phước xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn (An Giang) hiện có 277 hộ với gần 1.500 nhân khẩu. Nhiều người quen gọi nơi đây là xóm “5 không”: không hộ khẩu, không chứng minh nhân dân, không đất đai, không nghề nghiệp, không tài sản.

- **Heo hút “xóm Việt kiều”**

Thoạt đầu, nghe tiếng “Việt kiều” ai cũng ngờ là xóm khá giả, nhưng khi đến nơi thì mọi chuyện trái ngược. Án tượng đầu tiên của chúng tôi về xóm Việt kiều là hàng trăm căn nhà lá xập xệ nằm liền kề nhau, trông trước vắng sau. Nhà nào cũng “nghèo”, nghèo từ đầu trên đến ngõ dưới...



Đường vào xóm Việt kiều không khói, chỉ cần xuôi theo kênh Tám Ngàn là thẳng về hướng Kiên Giang, đến cuối xã Lương An Trà là đến ngay. Buổi trưa ở xóm Việt kiều im lặng lạ thường, nhiều nhà đóng cửa, một vài gia đình chỉ còn trẻ em và người già trông nhà. Phó áp Ninh Phước – anh Huỳnh Văn Mǎng – giải thích: “Đi hết rồi, người ra đồng giăng câu - thả lưới kiếm cá, kẻ bắt ốc mò cua hay cắt lúa thuê, có người chạy tuốt xuống Hà Tiên ghe biển... Phải tim việc thôi. Xứ này thất nghiệp quanh năm, ru rú trong nhà, đối cả sao?”.

Một nhóm cư dân xóm Việt Kiều.

Ông Mǎng cũng là thành viên của xóm Việt kiều, nhờ có uy tín nên được chính quyền xã cử làm phó áp. Không cần lật sô tay, ông vẫn thuộc vanh vách “lý lịch” trích ngang hàng trăm hộ trong xóm. Nhà ông Lượm, ông Thơi, thằng Bé, thằng Hai Lùn... người nào cũng nghèo thuộc loại rớt mồng toéi. Chẳng những thế, họ còn đông con; trung bình từ 10 - 14 người/ hộ. Phần lớn đều “dót” hoặc chỉ học nhấp nhem ~~đại~~ ba chữ. Ông Mǎng bùi ngùi: “Xưa cũng vậy, mà nay cũng thế thôi, cả xóm này vẫn nghèo - vẫn dót không gì thay đổi. Ở đâu cũng được đầu tư vay vốn giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo; nhưng chẳng ai thèm ngó ngàng tới tụi tuí”.

Đến con trong xóm Việt kiều đều là người Việt, hồi trước do chiến tranh loạn lạc phải rời quê hương chạy sang Campuchia sinh sống. Lúc ở đất bạn, nhiều người vẫn tham gia hoạt động cách mạng, sát cánh chiến đấu cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế. Nhiều người được nhà nước tặng huân chương, huy chương kháng chiến... Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, bà con mong muôn trở về quê hương làm ăn, sinh sống. Lúc ~~đến~~ trắng tay, khi về tay trắng; tài sản duy nhất của mỗi gia đình chỉ có chiếc ghe làm phương tiện đánh cá kiếm sống.

Rồi con cá con tôm cũng cạn dần, bà con phải chạy ~~đến~~ làm mướn theo mùa; giỏi lặm chỉ đủ gạo ăn, chớ làm gì thoát được nghèo? ~~Đến~~ đến những năm 1993- 1994, vùng đất hoang Lương An Trà khai thác, khuyến khích dân các nơi về lập nghiệp. Hàng trăm hộ kéo về đây và hình thành nên xóm Việt kiều “độc nhất vô nhị”. Tuy nhiên, hơn 10 năm rồi chẳng hộ nào được cấp đất, mặc dù địa phương có chủ trương cấp 3 ha/hộ ~~đến~~ khai hoang.

■ Ăn nhờ - ở tạm

Có **l** ở nước ta hiếm nơi nào “đặc biệt” như xóm Việt kiều. Hàng ngàn người sống trên chục năm, nhưng không ai có mảnh giấy lận lưng. Hộ khẩu chẳng có, chứng minh nhân dân cũng không. Phó áp Huỳnh Văn Mǎng phân trần: “Gọi chúng tôi là xóm **l** không cũng đúng, nhưng chưa đủ. Thật ra, phải là xóm trăm không hay ngàn không, bởi tất cả đều không có gì. Lúc còn bên Campuchia, bị ảnh hưởng chiến tranh nên giấy tờ mất hết.



Tầm Huy chương Kháng chiến hạng Nhất này vẫn chưa đủ để giúp ông Huỳnh Văn Mǎng và gia đình có được sổ hộ khẩu.

Khi về Việt Nam, chúng tôi chạy **ra** xã, lên huyện rồi **nh** tỉnh để xin làm hộ khẩu, giấy chứng minh... nhưng không được giải quyết, chẳng hiểu tại sao?”. Nhiều năm qua, sống không giấy tờ, người dân xóm Việt kiều không được hưởng mọi quyền lợi. Xin vay vốn xóa đói giảm nghèo, ngân hàng “ngại” đầu tư. Bà Phan Thị Thọ, 55 tuổi, chua chát nói: “Mấy năm nay lo miếng đất cát nhà không nồi, gia đình hơn chục người phải **nh** túc dưới ghe.

Năm rồi, ông nhà tui bị đau đến mù mắt không tiền chạy chữa. Hồi vay tín dụng vài trăm ngàn buôn bán nhỏ kiếm sống, nhưng họ lắc đầu. Cùng đường đành mượn bạc 30 (vay 100 ngàn đồng lãi 30 ngàn đồng/tháng) xoay xở”. Cả xóm Việt kiều nhà nào cũng nợ ngập đầu, hầu hết đều ăn trước trả sau, vay hối từ phía.

Anh Nguyễn Văn Giấy, than thở: “Gần đây, ở địa phương không tìm được việc, chúng tôi vay tiền nóng làm lô phi lên Đồng Nai và Bình Dương xin làm công nhân. Cuối cùng, tiền mất tật mang, do không giấy tờ nên lang thang cùng trời chalendar ai dám nhận”. Chưa hết, trai gái lớn lên, cưới vợ lấy chồng không làm được giấy hôn thú. Đến ngày bầu cử Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, cả xóm chỉ biết... đứng nhìn.

• Đến chính quyền cấp tỉnh cũng bó tay?

Mang những bức xúc của người dân xóm Việt kiều, chúng tôi tìm đến các ngành chức năng. Anh Lê Văn Dùm, Phó Chủ tịch UBND xã Lương An Trà cho biết: “Xã rất hiểu và đau lòng khi chứng kiến những thiệt thòi của bà con. **nh** nhiều lần xã **nh** nghị huyện, tỉnh xem xét giải quyết hộ khẩu cho người dân, nhưng đến nay vẫn chưa được. Do không hộ khẩu, giấy tờ nên mọi chuyện đành chịu. Đến thời điểm này, chưa hộ nào có cuộc sống ổn định. Cái nghèo của xóm Việt kiều **nh** “góp phần” khiến xã Lương An Trà thành xã nghèo nhất tỉnh”.

Theo giải thích của Sở Tư pháp tỉnh An Giang: Cái vướng hiện nay trong việc làm hộ khẩu cho bà con là chưa xác định được nguồn gốc sinh đẻ, thời gian cư trú, quốc tịch... Có người sinh ở Campuchia, có người sinh ở Việt Nam, nhiều người mất hết giấy tờ và không **nh** bản thân mình mang quốc tịch nào, sinh ra ở đâu... Ông Phan Văn Hùng, Trưởng phòng Quản lý hộ tịch quốc tịch - Sở Tư pháp An Giang cho biết thêm: “Trước mắt, tỉnh giải quyết cấp khai sinh cho trẻ **nh** để chúng được đến trường còn mọi việc khác phải chờ ý kiến của Bộ Tư pháp và Bộ Công an, mặc dù tình rất nóng lòng giúp bà con, nhưng đành chịu”.

Theo kết quả điều tra mới đây của Sở Tư pháp, không riêng gì xã Lương An Trà mà hiện nay, ở khắp 11 huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh An Giang có đến 5.856 Việt kiều Campuchia đang sống trong diện “5 không”. Nhiều người khẳng định: Dù khó khăn mấy, họ nhất quyết không **nh** rời quê hương đất tổ một **nh** nữa. Mong ước duy nhất là được làm “công dân” như bao người khác **nh** xã hội không còn xem họ là kẻ “ăn nhờ - ở tạm”. Ước mơ đơn giản, nhưng chưa ai biết đến bao giờ mới thành sự thật. Chẳng **nh** các ngành chức năng để người dân chịu thiệt thòi mãi sao?

bài thơ lượm được trên đường bolsa

30 Tháng Tư
 họ đến
 nắng Sài Gòn héo úa
 nắng Sài Gòn xanh xao
 gió ngừng thổi
 con chim ngừng bay

người đi đường
 người không nhìn nhau
 người đi đường
 nhìn nhau không thấy nhau
 người đi đường
 không nhìn nhau thấy nhau
 thành phố im lìm
 tắt thở

từ đó
 người vào hư vô
 người đi lên rừng
 người đi lên núi
 người đi lặng lẽ
 người đi âm thầm
 thời gian ngừng trôi
 từ đó
 trẻ thơ mù lòa từ bụng mẹ
 người trẻ bơ vơ
 đi trên cây cầu khỉ
 qua dòng sông lớn
 nhìn nước sông trôi
 không biết nguồn nguồn
 từ đó
 người đi ra biển
 người đi ra biển
 người đi ra biển
 người nằm yên dưới biển
 người trôi giặt phương xa
 trời trại
 bơ vơ
 ngơ ngác giữa bến bờ xa lạ
 người chỉ còn lại linh hồn
 Việt Nam
 từ đó
 thời gian ngừng trôi
 quê hương ngừng thở
 trên trái đất người lang thang
 trên quê hương người cũng lang thang

LANG THANG TRÊN NƯỚC MỸ (3)

đi lang thang,
và nghĩ miên man

TU DINH

1

Nhìn Nước Mỹ**Nước Mỹ, và nền giáo dục toàn dân**

Có lẽ chỉ có Mỹ, và một hai nước khác trên thế giới, có *nền giáo dục toàn dân*, trong khi hầu hết các nước còn lại đều theo *chính sách giáo dục loại bỏ*. Người đọc có thể xem bài viết *Lang thang trên Nước Mỹ 1* ("Trường học Mỹ"), ở phần trước.

Ngoài ý nghĩa nâng cao dân trí, nền giáo dục còn mang ý nghĩa kinh tế. Theo thống kê, Nước Mỹ hiện nay có:

- 84.4% dân số học xong *high school*;
- 24.4% dân số có trình độ đại học, ít nhất là *Bachelor Degree*.

Ngoài các loại học bổng của các hiệp hội tư nhân, các loại nợ mà sinh viên có thể vay để đi học, của Liên Bang và của các cơ quan tài chánh tư nhân, mỗi năm, Liên Bang chi ra từ 40 tỷ đến 60 tỷ dollars, để trợ cấp (cho không) cho hàng triệu sinh viên thuộc gia đình có lợi tức thấp, để đi học đại học. Số tiền 40 tỷ dollars bằng với ngân sách quốc gia của Nước Việt Nam Cộng Sản hiện nay.

Nền giáo dục toàn dân, với triết lý giáo dục Mỹ, đó chính là sức mạnh của Nước Mỹ, vì, tất cả sự phát triển của xã hội đều do nền giáo dục mà ra. Tiến bước trên con đường đã vạch ra, sau hơn hai trăm năm, người dân Mỹ đã nhanh chóng vươn lên hàng đầu trên Trái Đất, về tinh thần tự do, tinh thần nhân bản, tinh thần pháp tri, và tinh thần dân chủ. Đồng thời, Nước Mỹ cũng đóng góp rất nhiều cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật trên Trái Đất. Là một dân tộc rất trẻ, Người Mỹ vẫn đang tiếp tục nhìn về phía trước, và lầm lũi đi tới.

Khi Nước Mỹ chưa có tên gọi, Việt Nam đã có mấy ngàn năm lịch sử. Ngày nay, trong khi đại học Mỹ không có cửa, và mọi Người Mỹ đều được tự do cắp sách đến trường, đại học Việt Nam là một khung cửa hẹp, chưa thoát khỏi thời kỳ lêu chổng ngày xưa: học trò bon chen trong các cuộc thi cử, một số rất ít qua được khe cửa “tuyển lựa,” và số rất đông thì rơi rụng như lá mùa thu, đành phải vác chiếu về quê. Sự học phải được quan niệm như là một trong các nhân quyền. Người ta đi học là để có tri thức, chứ không phải để “bị tuyển lựa.” Nghĩa là không ai có quyền loại bỏ một người muốn đi học, vì người đó muốn có tri thức. Ngày nay, khi Nước Mỹ, với nền giáo dục toàn dân, vươn lên hàng đầu trên Trái Đất, Việt Nam đứng ở hàng áp chót trong danh sách của hơn một trăm nước. Trong khi Người Mỹ đã đặt chân lên Mặt Trăng từ lâu, đang thăm dò và khảo sát hành tinh Mars, báo chí ở Việt Nam lúc nào cũng nhắc đến bốn ngàn năm văn hiến, và các nhà khảo cổ thì lo đào bới dưới lòng đất để kiếm tìm những di chỉ khảo cổ; rồi lấy làm tự hào về hàng triệu cổ vật, và về lời nhận xét mới đây của một nhà khảo cổ Nhựt, “Hoàng Thành Thăng Long có quy mô lớn hơn Thành La Mã.” Việt Nam quên rằng, dân tộc nào cũng có các di tích lịch sử của họ, và nhiều dân tộc trên Trái Đất đã đóng góp cho tài sản trí tuệ của thế giới, trong khi Việt Nam chưa có đóng góp gì đáng nói, cho tài sản ấy. Người ta có thể tưởng tượng ra hình ảnh như sau:

Người Mỹ đang đi tới; Người Việt còn ngồi đếm tuổi già của mình.

Nước Mỹ, đất nước của khai phá và sáng tạo

Tuy là một nước hợp chủng từ nhiều giống dân Âu Châu, Người Mỹ là một dân tộc trẻ, họ đã bỏ bớt một số truyền thống của các dân tộc Âu Châu, mà họ thấy có thể cản trở bước tiến của họ, và họ tự khai mở con đường cho mình, với những truyền thống mới, phong tục tập quán mới, và một nếp sống không còn giống nếp sống của Âu Châu. Ngày nay, Âu Châu là Âu Châu; Nước Mỹ là Nước Mỹ.

Có thể tóm tắt ba giai đoạn trước khi hình thành Nước Mỹ.

- *Thời kỳ vàng và máu.*
Đầu tiên, những Người Âu Châu đến Vùng Đất Mới chỉ là để khai thác tài nguyên – tài nguyên chính, là vàng – để mang về xứ họ. Đến đâu, họ tàn sát Người Da Đỏ (Native American), tàn phá các làng mạc và thành phố, đến đó.
- *Thời kỳ hợp chủng.*
Đàn ông Âu Châu đến Vùng Đất Mới ngày càng đông. Vì nhu cầu, họ lấy đàn bà bản xứ làm vợ. Thế hệ hợp chủng ra đời. Thời kỳ này, những Người Âu Châu vẫn tiếp tục khai thác tài nguyên để mang về xứ họ; tình trạng tàn sát Người Da Đỏ giảm bớt.
- *Thời kỳ nhận Vùng Đất Mới làm quê hương mới.*
Cuối cùng, sống lâu ngày tại Vùng Đất Mới, các di dân Âu Châu cảm thấy sự gắn bó với nơi đây, họ yêu Vùng Đất Mới, và nhận nơi đây làm quê hương mới của họ. Những người dân mới tại Mỹ vẫn tiếp tục khai thác tài nguyên, nhưng không phải mạnh ai đem về xứ này, mà là để xuất cảng và làm giàu cho quê hương mới.

Từ đó, những Người Mỹ đầu tiên bắt đầu xây dựng Nước Mỹ, từ con số không. Họ soạn thảo luật lệ và hiến pháp; họ xây dựng các nông trại; họ mở trường học, xây dựng nhà cửa và các thành phố, phát triển đường xe lửa, v. v. bằng sức làm việc hăng say, với tinh thần khai phá và sáng tạo của một dân tộc trẻ.

Vào buổi đầu của Nước Mỹ, nhiều phát minh về khoa học và kỹ thuật ra đời: tin điện Morse (Morse telegraph), máy hát, bóng đèn điện . . . Phát minh bởi Samuel Morse, một họa sĩ chuyên vẽ chân dung, từ 1861, tin điện Morse truyền tin nhanh bằng vận tốc của dòng điện, được dùng cho dân sự và quân đội, trên khắp thế giới, từ đó cho đến cuối thế kỷ 20, sau khi có khoa học điện toán. Trước khi có tin điện Morse, tin tức từ Miền Đông Nước Mỹ truyền đến Miền Tây phải mất vài tuần lễ đến một tháng. Bóng đèn điện, một trong nhiều phát minh của Thomas Edison, năm 1879, đã thắp sáng Nước Mỹ và Trái Đất. Đó là hai phát minh quan trọng trong những ngày đầu của Nước Mỹ.

Tất cả các phát minh trên thế giới, Người Mỹ đều nghiên cứu tiếp, và hoàn thiện, để phát triển đất nước trẻ của họ. Chẳng hạn, Người Pháp phát minh kỹ thuật chụp hình, còn thô sơ, và George Eastman, một thư ký nhà băng ở New York, đã nghiên cứu tiếp, sáng tạo ra kỹ thuật dùng phim âm bản, và chế tạo được máy chụp hình hoàn chỉnh, chụp được nhiều hình ảnh liên tục; đó là nguồn gốc của máy chụp hình và phim Kodak ngày nay. Eastman cũng còn là người có đầu óc sáng tạo của một nhà kinh doanh: để đặt tên cho loại phim của mình, ông không dùng Tiếng Anh, mà dùng hai âm *Ko* và *Dak* ghép lại, vì ông cho rằng mọi dân tộc trên thế giới đều có thể phát âm chữ *Kodak*, ngắn gọn và dễ nhớ, một cách để mọi người không quên nhận hiệu phim và máy chụp hình của Nước Mỹ. Đó là buổi đầu của nghệ thuật quảng cáo.

Nước Mỹ dùng đường chạy nhanh (freeway cho thành phố, và highway cho đường xuyên bang), là phát minh của Nước Đức, để phát triển hệ thống đường bộ của họ. Đường nhiều tầng ở các ngã tư của các đường chạy nhanh, được thiết kế như hoa mai bốn cánh, là ý tưởng của kiến trúc sư Pháp Le Corbusier, được Nước Mỹ áp dụng, nhưng sửa lại theo một hình thức khác hơn, để người lái xe nhanh tránh khỏi cảm giác chóng mặt, khi phải quẹo gắt trên các đường cong nhỏ của hình hoa mai bốn cánh dính vào nhau. Tại Mỹ, thỉnh thoảng người ta có dịp gặp một vài ngã tư nhiều tầng có hình hoa mai bốn cánh mà ngày nay không còn được áp dụng nữa.

Nói tóm lại, sáng tạo là tìm ra ý tưởng mới, hoặc dùng ý tưởng của người khác, theo sự suy nghĩ riêng của mình, nghĩa là biết *suy nghĩ khác*, khi áp dụng các ý tưởng có sẵn, cho hoàn thiện hơn.

King Size là một đặc tính của Nước Mỹ. Là một dân tộc trẻ, trên một đất nước rộng lớn, Người Mỹ thích cái gì cũng rộng, to lớn, và đồ sộ.

- Xe hơi Mỹ trước đây lớn hơn xe hơi Âu Châu;
- Nhà chọc trời;
- Tòa nhà rộng nhất (*Pentagon*, 6,500,000 sq. ft; *Sears Tower*, 4,500,000 sq. ft);
- Nhà tháp cao nhất (*Sears Tower*, 1,454 ft; *World Trade Center*, 1,353 ft);
- Đập nước lớn nhất (*New Cornelia*, Arizona, 274,015,000 cu. yards);
- Cầu treo dài nhất (*Mackinac*, Michigan, 7,400 ft);
- Cầu cao nhất (*Royal Gorge*, Arkansas River, Colorado, 1,053 ft).
- Kiệt tác kiến trúc về nhà ở, nên thơ và trữ tình, thể hiện ý tưởng “nhà ở kết hôn với thiên nhiên.” (*Fallingwater*, Bear Run, Pennsylvania 1936, Frank L. Wright).

Ngày nay, Người Việt định cư tại Mỹ có thể nhìn thấy, chỉ nói về đồ dùng điện tử, các công ty Mỹ cải tiến sản phẩm của họ liên tục không ngừng. Cứ vài tháng, người ta lại thấy sản phẩm mới trên các tạp quảng cáo kèm theo các số báo chúa nhụt. Người Mỹ gọi kỹ nghệ điện tử là “*kỹ nghệ 30/30*”: mỗi năm, sản phẩm điện tử mạnh hơn, nhanh hơn, và nhỏ hơn 30%; mỗi năm; giá sản phẩm hạ 30%. Như vậy, một computer loại mới nhất và tốt nhất hôm nay, sẽ lỗi thời sau 3 năm.

Nước Mỹ là nơi sớm áp dụng Trưởng Phái Bảo Thủ trong kinh tế, mở đầu bởi Adam Smith (1723-1790), nhà kinh tế học Scotland, chủ trương thị trường tự do. Trưởng phái này đã thúc đẩy sự phát triển nhanh của nền kinh tế Mỹ trong cuộc cạnh tranh với các nước trên thế giới. Tuy nhiên, Trưởng Phái Bảo Thủ cũng dẫn đến tính chất vô nhân trong xã hội, vì các cuộc cạnh tranh tự do, mạnh được yếu thua, một mất một còn. Bởi vậy, Nước Mỹ còn dùng Trưởng Phái Cấp Tiến xuất phát từ Nước Anh, theo ý tưởng của nhà kinh tế học John Maynard Keynes (1883-1946), là trưởng phái chủ trương xã hội hóa nền kinh tế, nhằm bảo vệ các nhóm người yếu thế trong xã hội, để dung hòa với Trưởng Phái Bảo Thủ. Tuy nhiên, Nước Mỹ xa lạ với Trưởng Phái Độc Quyền của nhà triết học chính trị Đức Karl Marx (1818-1883), vì trưởng phái này đã tạo nên các xã hội không có tự do; đó là điều trái với Tinh Thần Tự Do, mà người dân Mỹ coi như lý tưởng của Nước Mỹ.

Đến Thời Kỳ Tin Học hiện nay, Nước Mỹ cũng góp phần quan trọng trong việc phát triển khoa học điện toán. Computer là do sự đóng góp của nhiều nước; ý tưởng về Internet không xuất phát từ Nước Mỹ, nhưng với *Integrated Circuit* (cũng gọi là mạch IC, hay microchip, hay chip), chế tạo bởi kỹ sư Jack Kilby, Nước Mỹ đã góp phần vào sự hình thành máy điện toán cá nhân. Nếu chỉ có các máy điện toán công kềnh của IBM trước kia, mà không có máy điện toán cá nhân, không thể có Internet. Kỹ sư Jack Kilby đã có công làm cho ý tưởng về Internet trở thành sự thật. Mạch IC đã giúp Kilby nhận được giải Nobel Vật Lý năm 2000. Lần đầu tiên, Hàn Lâm Viện Thụy Điển phá lệ xưa nay để phát giải Nobel Vật Lý cho một kỹ sư (người làm), vì từ trước đến giờ, giải này chỉ dành cho các nhà vật lý lý thuyết (người biết). Jack Kilby nói:

“A scientist wants to understand things; an engineer wants to make things work.”

Nước Mỹ, đất nước của tốc độ

Người ta không thể thay đổi khối lượng của các công việc, nhưng người ta có thể thay đổi số lượng thời gian để làm xong một công việc. Đó là ý nghĩa của tốc độ. Rút ngắn thời gian của các công việc, đó là làm tăng tốc độ, dẫn đến tăng năng suất.

Từ xưa, Nước Mỹ đã có khuynh hướng tận dụng máy móc làm con người, để tăng năng suất. Ngày nay, với khoa học điện toán phát triển mạnh, có thể nói Nước Mỹ là một trong những nước đạt đến trình độ tự động hóa cao nhất, trong sản xuất và trong đời sống của con người.

Lý thuyết phân công, hay chuyên môn hóa trong kinh tế, cộng với khoa học điện toán ngày nay, đã biến Nước Mỹ thành một trong những đất nước của tốc độ. Người Việt sống tại Nước Mỹ có thể thấy, thời gian ở đây được tính bằng giây, phút, và giờ, chớ không phải được tính bằng ngày, tháng, và năm, như lúc còn sống ở trong nước.

Trong sản xuất, người ta không ngừng cải tiến công tác quản trị cho ngày càng có hiệu quả (nghĩa là rút ngắn thời gian của công việc điều hành), và cải tiến động tác sản xuất bằng máy móc luôn luôn mới (nghĩa là rút ngắn thời gian sản xuất). Chẳng hạn, người ta thống kê số giờ để hoàn thành một chiếc xe hơi, và người ta cải tiến công việc điều hành và động tác sản xuất để rút ngắn số giờ sản xuất càng ngày càng thấp. Hạ giá thành sản phẩm là một trong những cách cạnh tranh trên thị trường.

Chỉ nói riêng các món đồ dùng nhỏ nhặt trong gia đình, Người Mỹ cũng không ngừng cải tiến cho hoàn thiện hơn, nhằm tiết kiệm thời gian, nghĩa là tiết kiệm tiền bạc.

Một ví dụ nhỏ.

Cách đây nhiều năm, các bình chứa xăng loại nhỏ dùng cho máy cắt cỏ, máy xén cỏ (trimmer) . . . có một cái phễu rời dùng để đổ xăng vào máy. Sau đó, người ta thấy xuất hiện các bình chứa xăng có cái phễu là một ống nhựa mềm nằm chìm trong bình.

So sánh.

- Khi dùng *bình chứa xăng có phễu rời*, người ta mở nắp kín thư nhút; mở tiếp nắp có lỗ trên đầu; đặt cái phễu lên miệng bình; rồi dùng nắp có lỗ trên đầu để vặn chặt phễu vào miệng bình xăng. Sau khi dùng xong, người ta làm ngược lại 4 động tác trên.
- Khi dùng *bình xăng có phễu chìm*, người ta chỉ cần mở nắp đậy bình xăng; kéo phễu chìm cho dài ra hết mức để không bị rỉ xăng. Sau khi đổ xăng vào máy, người ta làm ngược lại 2 động tác trên.

Như vậy, dùng *bình xăng có phễu chìm*, người ta có thể tiết kiệm thời gian so với dùng *bình xăng có phễu rời*. Giả sử tiết kiệm được 1 phút. Giả sử mỗi ngày có 3 triệu người cắt cỏ ở sân nhà, như vậy, thời gian tiết kiệm được là 3 triệu phút, hay 50,000 giờ công. Giả sử giờ công trung bình là 10 dollars. Với sự cải tiến bình xăng, Nước Mỹ tiết kiệm được mỗi ngày là 500,000 dollars. Đó chỉ là một trong hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn, thậm chí hàng triệu động tác trong sản xuất và trong đời sống hàng ngày.

Ngày xưa, con người phải đi ra khỏi ngôi nhà của họ, để giải quyết các dịch vụ. Chẳng hạn, phải đến thư viện để đọc sách và tìm tài liệu, phải đến rạp để xem phim, phải đến trường để ghi lớp và nộp học phí, phải đi đến các thương xá để mua sắm, phải đến các cơ quan tài chánh để làm thủ tục vay tiền, v. v. Với khoa học điện toán, Nước Mỹ đã đưa hầu hết các dịch vụ đến tận nhà của họ: ngôi nhà đọc sách và tìm tài liệu trên online, ngôi nhà xem phim trên online, ngôi nhà ghi lớp ở trường học và đóng học phí trên online, ngôi nhà để mua sắm nhiều thứ trên online, ngôi nhà để vay tiền từ các tiểu bang xa bằng điện thoại và fax, v. v. Số đông Người Mỹ vừa lái xe, vừa ăn và uống cà phê. Tại các tiệm bán thức ăn nhanh (fast food), người ta có thể ngồi trên xe để mua thức ăn, rồi đi tiếp. Người Mỹ ngồi trên xe để rút tiền bằng ngân phiếu. Người Mỹ thường nghe nhạc và tin tức trong lúc lái xe. Có thể nói, ngoài ngôi nhà cố định, chiếc xe hơi là *ngôi nhà di động* của Người Mỹ.

Nước Mỹ có hệ thống đường sá tốt nhất thế giới; tuy nhiên, nếu người dân Mỹ phải đi ra khỏi ngôi nhà của họ để giải quyết các dịch vụ như ngày xưa, vẫn có thể xảy ra nạn kẹt xe, vì mỗi Người Mỹ có một chiếc xe hơi, đó là chưa nói việc di chuyển lầm lัง phí rất nhiều giờ công, tăng cao nhu cầu nhiên liệu, tăng cao tai nạn lưu thông, tăng cao mức ô nhiễm môi trường, v. v. Khoa học điện toán đã giúp Nước Mỹ tránh khỏi các khuyết điểm kể trên. Đó cũng là lý do Nước Mỹ phát triển mạnh và nhanh về khoa học điện toán.

Chỉ cần quan sát đời sống thường ngày ở Mỹ, người ta có thể thấy Người Mỹ đi bộ cũng nhanh, lái xe cũng nhanh, ăn cũng nhanh, nói cũng ngắn gọn và nhanh, làm cũng nhanh, kể cả yêu nhau cũng nhanh, và ■ nhau cũng nhanh . . . Người ta có thể thấy ngôn ngữ cũng chịu ảnh hưởng từ đời sống tốc độ của Nước Mỹ: Người Mỹ nói ngắn gọn, và viết ngắn gọn, chờ không dài dòng văn tự như thói quen của Người Việt. Người ta cũng thấy phong tục tập quán chịu ảnh hưởng từ đời sống tốc độ của Nước Mỹ: Người Mỹ giữ đúng giờ giấc và đúng hẹn.

Trong các chỗ làm, đâu là của tư nhân hay công sở, giờ làm và giờ nghỉ phải giữ đúng, và chính xác: 30 phút dành cho nhân viên ăn giữa ca là 30 phút, không phải là 31 phút; mỗi lần nghỉ xả hơi là 10 hay 15 phút là 10 hay 15 phút, không phải là 11 hay 16 phút.

Lớp Người Việt thế hệ đầu tiên đến Mỹ, chưa tập được nếp sống tốc độ của Nước Mỹ: ít khi giữ đúng giờ và đúng hẹn; các tiệc cưới của Người Việt mời khách lúc 6 giờ chiều, nhưng thường phải đến ■ giờ tối mới bắt đầu nhập tiệc . . .

Không phải đợi đến ngày nay, mà từ xưa, Nước Mỹ đã là đất nước của tốc độ. Bởi vậy, chỉ sau hơn hai trăm năm, dân tộc rất trẻ này đã phát triển và vượt qua các dân tộc khác, đã từng có nhiều ngàn năm lịch sử.

Nước Mỹ không ngủ

Nước Mỹ không có giờ hành chánh cố định như ở Việt Nam. Đầu là cơ quan chánh phủ hay các cơ sở của tư nhân, mỗi nơi có giờ làm việc khác nhau, tùy theo nhu cầu. Bởi vậy, Nước Mỹ chỉ có ngày hành chánh (business day). Ở các cơ sở tư nhân, ngày hành chánh thường là từ Thứ Hai đến Thứ Sáu. Ở các cơ quan chánh phủ, ngày hành chánh cũng thường là từ Thứ Hai đến Thứ Sáu. Vài cơ quan chánh phủ làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Năm (mỗi ngày 10 giờ), ngày hành chánh là từ Thứ Hai đến Thứ Năm.

Trong cách dịch vụ, khi người ta hẹn ngày, thông thường là tính ngày hành chánh. Chẳng hạn, những người vay nợ mua nhà trả góp, sau khi ký tên vào hồ sơ, có 3 ngày hành chánh để từ chối, nghĩa là có thể hủy bỏ việc vay tiền, nếu muốn. Nếu ký tên vào ngày Thứ Sáu, 3 ngày hành chánh được tính là Thứ Hai, Thứ Ba, và Thứ Tư kế đó, nghĩa là không kể hai ngày Thứ Bảy và Chúa Nhật. Tuy nhiên, đối với các hàng hóa thông thường, thời hạn được quyền trả lại các món hàng, được tính bao gồm cả ngày hành chánh và Thứ Bảy, Chúa Nhật. Chẳng hạn, các món hàng mua ở các thương xá, được quyền trả lại trong một thời hạn gồm có ngày hành chánh + ngày cuối tuần: các hàng hóa loại thường, là 30 ngày, và đồ dùng điện tử, là 14 ngày.

Các cơ sở sản xuất (hàng hóa hay dịch vụ) hầu hết hoạt động liên tục suốt ngày đêm. Trong một ngày 24 giờ, có nhiều hơn 24 ca làm việc khác nhau, vì cùng trong một cơ sở sản xuất, có khi hai ca làm việc chỉ cách nhau nửa giờ, tùy theo sự sắp xếp có lợi cho hoạt động sản xuất. Nghĩa là Người Mỹ có thể bắt đầu làm việc vào bất cứ giờ nào trong 24 giờ, bất kể ngày hay đêm. Do đó, hầu hết các siêu thị (bán thực phẩm và đồ dùng hàng ngày), tiệm bán thức ăn nhanh, máy rút tiền ATM, cây xăng, v. v. hoạt động suốt 24 giờ. Tại các thành phố đông dân, xe cộ chạy rào rào suốt ngày đêm.

Ở Mỹ, một số người làm hai công việc ở hai nơi khác nhau, là bình thường. Thống kê cho thấy một số đáng kể Người Mỹ chỉ ngủ 6 giờ một ngày; tai nạn xe cộ do buồn ngủ, đứng thứ hai, sau tai nạn do say rượu lái xe. Hiện nay, có thêm tai nạn do nói chuyện bằng điện thoại cầm tay (cell phone) khi lái xe, cũng đang tăng lên đáng kể.

Các trường đại học thường hoạt động từ 7:00 giờ sáng đến 10:30 tối. Từ 11:00 giờ tối đến 7:00 giờ sáng, là thời gian để làm vệ sinh bên trong các tòa nhà (housekeeping). Nước Mỹ có hơn 100 kênh truyền hình, hoạt động 24 giờ; các đài phát thanh cũng hoạt động 24 giờ. Báo hàng ngày ở Mỹ hoạt động suốt năm, không có ngày nghỉ. Tin tức trên Online được cập nhật từng giờ, từng phút, không phải từng ngày. Các công ty, và các viện nghiên cứu làm việc ráo riết để không bị các nước khác vượt qua.

Có thể nói, Nước Mỹ không ngủ theo hai nghĩa, vật chất và ý niệm: Người Mỹ làm việc hùng hục; Người Mỹ, với đầu óc khai phá, không ngừng nghiên cứu, sáng tạo, và phát minh. *Không phải là một dân tộc đã tự mãn*, đó là một đặc điểm của Nước Mỹ.

Tính chất nhân bản và lòng nhân ái bị phai mờ

- Ca làm việc 12 giờ một ngày

Thủ so sánh luật về giờ làm việc ở hai tiểu bang California và Colorado.

California	40 giờ một tuần, và 8 giờ một ngày.	(2 điều luật)
------------	-------------------------------------	---------------

Colorado	40 giờ một tuần.	(1 điều luật)
----------	------------------	---------------

Ở California, khi một người làm việc quá 8 giờ một ngày, số giờ làm hơn sẽ được coi là giờ phụ trội; khi một người làm việc quá 40 giờ một tuần, số giờ làm hơn sẽ được coi là giờ phụ trội. Giờ phụ trội được tính lương bằng 1.5 giờ thường.

Ở Colorado, khi một người làm việc quá 8 giờ một ngày, số giờ làm hơn không được coi là giờ phụ trội; chỉ khi nào người đó làm việc tổng cộng quá 40 giờ một tuần, số giờ làm hơn mới được coi là giờ phụ trội.

Do đó, ở Colorado, thường có các ca làm việc 10 giờ, hoặc 12 giờ một ngày, vì những người chủ thấy các ca làm việc dài như trên có lợi hơn là ca làm việc 8 giờ một ngày. Những người đã từng làm ca 12 giờ một tuần, đều có kinh nghiệm về tình trạng uể oải, và mệt mỏi, mặc dầu luân phiên một tuần làm 36 giờ, và một tuần làm 48 giờ. Mặc dầu có nhiều ngày nghỉ, những người làm ca 12 giờ một ngày vẫn cảm thấy uể oải, vì ca này làm đảo lộn chu kỳ sinh hoạt bình thường của con người trong một ngày: 4 giờ ngủ, 8 giờ làm việc, và 8 giờ để di chuyển, nghỉ ngơi, hay giải trí. Sau khi mãn việc về nhà, người trẻ thì ăn vội vã, rồi ngủ vùi cho đủ giấc; người già chỉ ngủ được một giấc ngắn. Khi thức dậy, người ta không còn làm được việc gì khác hơn là, chờ đi làm tiếp. Trong thời gian dài, tâm sinh lý của những người làm ca 12 giờ một ngày không còn giữ được bình thường. Đó là *tính chất vô nhân của ca làm việc 12 giờ một ngày*.

California ảnh hưởng Cấp Tiến; người lao động được bảo vệ bằng luật làm việc 8 giờ một ngày; người chủ không có lợi khi tổ chức các ca làm việc dài hơn 8 giờ một ngày. Colorado ảnh hưởng Bảo Thủ; luật lệ có lợi cho người chủ hơn là người lao động.

- Đầu óc kỳ thi

Kỳ thi chủng tộc (racism), đặc biệt là đối với người da đen (African American), đã chấm dứt bằng luật lệ cấm kỳ thi, sau cuộc tranh đấu cho nhân quyền của Tiến Sĩ Martin Luther King, vào thập niên 1960. Từ đó, Nước Mỹ có một ngày lễ kỷ niệm trong năm, gọi là *Ngày Martin Luther King*. Tuy nhiên, kỳ thi vẫn còn trong tiềm thức.

Ngoài ra, xã hội Mỹ vẫn còn một hình thức kỳ thị khác, gọi là phân biệt đối xử (discrimination), xuất phát từ quan niệm của Trường Phái Bảo Thủ, cho rằng người da đen, đàn bà, dân da đỏ (native American), di dân đến từ các nước ở ngoài Âu Châu, là thuộc nhóm người “hạ đẳng,” còn đàn ông da trắng thuộc nhóm người “thượng đẳng.”

Trong các công ty, người da đen thường bị chèn ép trong việc lén chức, và tăng lương. Trong lao động trí óc, người đàn bà ở Mỹ thường lãnh lương ít hơn đàn ông, khi cả hai có cùng một trình độ học vấn, và cùng thời gian kinh nghiệm. Các chức vụ chỉ huy thường ưu tiên dành cho Người Mỹ trắng hơn là các di dân da màu, cùng một trình độ học vấn, và cùng thời gian kinh nghiệm.

Tuy nhiên, xã hội Mỹ không ngừng biến đổi. Nhóm người bị coi là hạ đẳng đang tự họ vươn lên để xóa dần hình thức kỳ thị nói trên.

Trong Thế Chiến 2, để thay thế nhiều triệu đàn ông phải phục vụ chiến tranh, đàn bà Mỹ đã rời khỏi cái bếp và ngôi nhà của họ, để làm việc bên ngoài, lắp vào các công việc bị bỏ trống của đàn ông. Từ đó đến nay, số lượng đàn bà Mỹ làm nghề tự do, đi làm cho các công ty, và giữ những trách nhiệm như đàn ông, tăng lên rất nhanh. Ngày nay, trong các trường đại học, nữ sinh viên Mỹ chiếm tỷ lệ 53%. Tỷ lệ này có thể còn tăng theo thời gian. Đó là sức mạnh của người đàn bà trong xã hội Mỹ, và sức mạnh này, trong một hai thế hệ nữa, sẽ xóa nạn phân biệt đối xử đối với người đàn bà.

Các di dân, từ người lao động không có năng khiếu, đến các nhà khoa học, đã và đang đóng góp đáng kể cho nền kinh tế, và cho sự phát triển về khoa học và kỹ thuật cho Nước Mỹ. Đặc biệt, các nhà khoa học di dân đã đóng góp rất nhiều cho sự phát triển khoa học điện toán của Nước Mỹ. Lực lượng các di dân tại Nước Mỹ ngày càng tăng; thế hệ con cháu của các di dân, đến từ nhiều nước Á Châu và Phi Châu, trừ Người Tàu thích kinh doanh, hầu hết đều coi Nước Mỹ là cơ hội để vươn lên bằng học vấn. Và theo thời gian, các thế hệ di dân da màu lâu đời sẽ có sức mạnh để tự họ xóa bỏ sự phân biệt đối xử trong xã hội Mỹ hiện nay.

Tuy có chậm, Người Mỹ da đen, đã thoát khỏi thân phận nô lệ, cũng sẽ vươn lên từ từ, và đến một lúc, họ đủ sức mạnh để tự họ xóa bỏ nạn phân biệt đối xử.

Riêng Người Da Đỏ, họ đang sống thầm lặng trong xã hội Mỹ, với tâm trạng của một dân tộc mất nước, như Người Chàm tại Việt Nam. Họ mang tiếng là một sắc dân ưa rượu chè và cờ bạc, nghĩa là khó có cơ hội vươn lên.

Tỷ lệ (%) tham gia lực lượng lao động của đàn bà tại Mỹ ngày càng tăng.

NĂM	ĐÀN ÔNG			ĐÀN BÀ		
	Da trắng	Da đen	Hispanics	Da trắng	Da đen	Hispanics
1975	78.7	70.9	80.7	45.9	48.8	43.1
1999	75.6	68.7	79.8	59.6	63.5	55.9

Tỷ lệ (%) đàn bà Mỹ có nghề nghiệp ngày càng tăng.

<u>NGHỀ NGHIỆP</u>	<u>1970</u>	<u>1999</u>
Kiến trúc sư	4.0	15.7
Nhà sinh học & khoa học về đời sống	37.8	43.8
Nhà hóa học (không kể ngành sinh hóa)	11.7	27.4
Kỹ sư điện toán & phân tích thông tin	13.6	28.5
Nha sĩ	3.5	16.5
Nhà kinh tế học	15.9	51.2
Nhà biên tập & ký giả	41.6	49.8
Kỹ sư	1.7	10.6
Luật sư	4.9	28.8
Nhà nghiên cứu	11.1	46.6
Dược sĩ	12.1	49.0
Y sĩ	9.7	24.5
Nhà tâm lý học	38.8	61.0
Chuyên viên giao dịch công cộng	26.6	61.0
Y tá	97.3	92.9
Nhân viên xã hội	63.3	71.4
Giáo viên tiểu học	83.9	83.8
Giáo sư trung học	49.6	57.5
<u>Giáo sư đại học</u>	<u>29.1</u>	<u>42.4</u>

[Tài liệu: Blau, Francine D. et al. *The Economics of Women, Men, and Work*. Upper Saddle River: Pearson Education, 2002]

Ngày nay, các con số thống kê trong hai bản trên đây đã tăng cao hơn. Bị những người bảo thủ liệt vào nhóm “hạ đẳng,” đàn bà Mỹ, người da đen, và các di dân da vàng, tự họ vươn lên để xóa dần sự miệt thị của những người bảo thủ. Và ý niệm mà những người bảo thủ gọi là “scientific racism,” dùng cho người da đen, và các dân tộc da màu, sẽ trở nên vô nghĩa.

Xưa kia, Người Mỹ cũng đã xem Người Nhựt thuộc nhóm người “hạ đẳng.” Ngày nay, có lẽ không có Người Mỹ bảo thủ nào dám coi thường dân tộc Nhựt.

Là di dân đến Mỹ muộn nhất, cộng đồng Việt Nam ít chú tâm đến kinh doanh như Người Tàu, mà đang vươn lên bằng học vấn. Đó là cách để cùng các di dân da màu khác, tự mình xóa bỏ ý niệm “hạ đẳng” của những người bảo thủ trong xã hội Mỹ.

Nhà kinh tế học Mỹ Gary Stanley Becker (1930 -) đã cho thấy rằng, trong kinh doanh, sự phân biệt đối xử giữa các nhóm người trong xã hội, sẽ dẫn các công ty đến chỗ lụn bại. Khi số cung (labor supply) của nhóm “hạ đẳng” nhiều hơn “thượng đẳng,” có cùng trình độ học vấn, và cùng thời gian kinh nghiệm, công ty nào phân biệt đối xử, phải trả lương cao cho nhóm “thượng đẳng,” và do đó, không cạnh tranh nổi với các công ty khác, không chủ trương phân biệt đối xử.

■ Bạo lực vì súng đạn

Trước khi thành lập Liên Bang Mỹ rộng lớn như ngày nay, lịch sử Miền Tây Nước Mỹ cho thấy, cây súng là sức mạnh của người da trắng, để chiến đấu và tàn sát người da đỏ bản xứ (native American), trong cuộc chinh phục đất đai và khai thác tài nguyên. Vào thời kỳ đó, đất rộng người thưa, cây súng là phương tiện vừa để chiến đấu, vừa để phòng thủ cá nhân trên đường di chuyển. Ngày nay, con người trên Trái Đất lên án những cuộc thảm sát, nhưng vào thời kỳ đó, người da trắng đã tàn sát dân da đỏ một cách man rợ. Trên đường di chuyển, người da trắng sẵn sàng bắn giết thổ dân da đỏ, và họ mô tả hành động ấy thích thú như “một cuộc đi săn.”

Ngày nay, cây súng, và quyền giữ súng có thể được coi như lòng hoài niệm về tổ tiên của Người Mỹ, những người đã chiến đấu để khai phá, chinh phục, và mở rộng đất đai của Nước Mỹ. Quyền giữ súng được ghi trong hiến pháp của Nước Mỹ.

Có lẽ những cảnh tàn sát người thổ dân da đỏ tại Vùng Đất Mới, đã thức tỉnh lương tri của những di dân đến từ Âu Châu, nên sau khi nhận nơi đây làm quê hương mới, cảnh giết chóc không còn nữa, và những người dân mới của Nước Mỹ trở thành một dân tộc tôn trọng lòng nhân ái.

Người dân Mỹ có tinh thần trọng pháp, tinh thần kỹ luật, và không thích bạo lực, nhưng quyền giữ súng chính là nguyên nhân của bạo lực trong xã hội Mỹ ngày nay.

Hội Súng Toàn Quốc (National Rifle Association, NRA) của Nước Mỹ lý luận rằng, “*Người giết người; súng không giết người.*” Thực tế, cây súng kích thích người ta giiết người, vì dùng cây súng, người ta có thể giiết người nhanh, nhiều, và có thể giiết từ xa, hay trong bóng tối. Nếu dùng vũ khí thô sơ, như dao búa, hay gậy gộc, người ta chỉ có thể giiết người khi đến gần, nghĩa là rất khó bỏ chạy sau khi giiết người. Quyền giữ súng được áp dụng cho các công dân lương thiện, nhưng ai có thể cấm những người không lương thiện có súng. Sau vụ Columbine ở Colorado, tờ báo *The Denver Post* cho biết, người ta có thể mua súng lậu dễ dàng ở chợ đen tại Downtown Denver.

Đối với trẻ em, cây súng như một món đồ chơi, một đồ chơi rất nguy hiểm. Nếu không có cây súng, hai học sinh ở trường trung học Columbine đã không thể giiết chết một lúc 13 người (bao gồm cả hai học sinh này). Nếu không có cây súng, đã không có nạn bắn súng làm chết nhiều người. Nếu không có cây súng, đã không xảy ra rất nhiều vụ cướp của giiết người bằng súng. Mức độ thiệt hại trong các vụ cướp của giiết người sẽ nhẹ hơn rất nhiều, nếu kẻ cướp chỉ dùng các vũ khí thô sơ, khác hơc cây súng. Nếu không có cây súng, không thể xảy ra các vụ cướp nhà băng. Vân vân. Như vậy, câu nói của NRA chỉ là ngụy biện.

Bảo Thủ ủng hộ quyền giữ súng; Cấp Tiến chống lại, nhưng không thành công.

Quyền giữ súng đã làm phai mờ tính chất nhân bản và lòng nhân ái của người dân Mỹ, bởi quá nhiều cảnh bạo lực bằng súng đạn trong xã hội Mỹ. Bạo lực trong xã hội, cộng với sự kỳ thị người da đen và di dân da màu⁽¹⁾, còn trong tiềm thức, đã làm cho một số viên chức trong ngành tư pháp Mỹ suy nghĩ và hành động máy móc, bằng cách tăng thời hạn phạt tù lên cao, từ đó, nhà tù ngày càng chật, càng nhiều, và Nước Mỹ, một đất nước được coi là tự do, nhân bản, và nhân ái, ngày nay có số lượng người tù cao nhất trên thế giới.

Theo thống kê, cứ mỗi 100,000 dân, có 702 người tù ở Mỹ; 628 ở Nga; và 90 ở Pháp. Hiện nay, nhà tù ở Mỹ ngốn 54 tỷ dollars một năm. Đa số tù nhân là người da đen và dân thiểu số. Giả sử 1 người ở tù có trung bình 10 thân nhân gần và xa; cứ trong 100 người dân ở Mỹ, có 7 người lo âu và đau khổ vì có người thân bị ở tù; đó là không nói đến các hệ lụy xã hội khác, như con cái thiếu sự chăm sóc của cha hay mẹ đang ở tù.

Người dân Mỹ đã nhìn thấy tai hại của bạo lực vì súng đạn. Cách đây mấy năm, sau vụ thảm sát ở Columbine, *Cuộc Diễn Hành Của Một Triệu Bà Mẹ* tại thủ đô Washington D.C. đã bày tỏ sự lo âu về bạo lực vì súng đạn, và chống lại quyền giữ súng trong xã hội Mỹ. Vì được những người bảo thủ ủng hộ, quyền giữ súng rất khó bị xóa bỏ; xóa bỏ quyền giữ súng sẽ động đến quyền lợi của tập đoàn tư bản sản xuất súng cá nhân.

• Người dân trung bình và nghèo, luôn luôn bị hy sinh

Khi phân tích các sự kiện kinh tế, các nhà kinh tế học luôn luôn cho thấy lợi và hại trong hai trường hợp: trong *ngắn hạn* (short run), và trong *dài hạn* (long run).

Song song với việc cạnh tranh trên thế giới, các chánh phủ cấp tiến thường quan tâm đến đời sống của người dân trong nước. Các chánh phủ bảo thủ thường đặt nặng việc cạnh tranh trên thế giới, và ít quan tâm đến đời sống của người dân trong nước. Hiểu theo nghĩa kinh tế, cấp tiến chú ý đến cái lợi ngắn hạn, và chắc chắn; bảo thủ chú ý đến cái lợi dài hạn, nghĩa là khi kinh tế Mỹ lên cao trong tương lai, mọi người dân Mỹ sẽ được hưởng lây. Trong khi chờ đợi cái lợi dài hạn, lớp người trung bình và nghèo trong xã hội (khoảng 75% dân số) phải điêu đứng và thiệt thòi, nghĩa là bị hy sinh.

Ví dụ mới nhất.

Giảm thuế

Bảo Thủ dùng chính sách *giảm thuế* để dồn tiền cho các tập đoàn tư bản, nhằm giúp họ có sức mạnh để cạnh tranh với thế giới. Tỷ phú Mỹ chiếm 1% dân số, hưởng 50% tiền giảm thuế, tính cả tỷ phú và triệu phú, chiếm 25% dân số, hưởng tổng cộng 90% tiền giảm thuế. Thành phần người dân trung bình và nghèo, chiếm 75% dân số, chia nhau 10% tiền giảm thuế. Trong đợt giảm thuế đầu tiên của chánh phủ bảo thủ hiện nay, những người có lợi tức thấp chỉ được giảm thuế trung bình 110 dollars, và có người không nhận được đồng nào, trong khi các triệu phú và tỷ phú được giảm thuế từ vài chục ngàn, đến vài trăm ngàn, đến hàng triệu. Đó là lý do những người cấp tiến gọi giảm thuế là làm giàu cho nhà giàu. Nếu không giảm thuế, số tiền ấy sẽ được dùng cho phúc lợi chung, và các tiện ích công cộng, như vậy, tất cả mọi người dân sẽ

được hưởng tương đối đồng đều. Những người bảo thủ lý luận theo sách vở, rằng giảm thuế sẽ giúp các công ty mua sắm trang bị sản xuất mới, và thâu nhận thêm người làm, nghĩa là sẽ giúp kinh tế tăng trưởng trở lại. Đây là nhầm vào cái lợi trong dài hạn. Trong ngắn hạn, có hại cho 75% dân thường và nghèo: thất nghiệp, mất bảo hiểm sức khỏe, phải chờ đợi cái lợi trong dài hạn, thường đến rất chậm, có thể trong 3, 4 năm, hay 9, 10 năm sau. Trong khoảng thời gian này, người dân thường và nghèo phải chịu nhiều điều đe dọa trong đời sống, nghĩa là họ thuộc thành phần bị hy sinh. Thực tế cho thấy, sau các đợt giảm thuế, nhiều tiểu bang thiếu hụt ngân sách; nhiều phúc lợi xã hội bị cắt giảm; các trường đại học tăng học phí và chi phí khác, từ 20% đến 30%. Giảm thuế cũng có nghĩa là móc túi dân trung bình và nghèo, để bỏ vào túi của các tập đoàn tư bản, để các tập đoàn này cạnh tranh với thế giới, và sẽ mang lợi nhuận về cho Nước Mỹ, rồi sau đó, dân thường và nghèo sẽ được hưởng lây. Đó là cảnh,

“Nước đi ra biển lại mưa về nguồn.” (Tản Đà)

Vấn đề là thành phần 75% dân thường và nghèo, luôn luôn bị hy sinh, phải khổn đốn chờ đợi mỗi mốt, từ lúc *nước đi ra biển*, cho đến lúc *lại mưa về nguồn*, không phải một sớm một chiều, mà thường kéo dài trong nhiều năm.

Chiến tranh Iraq

Trong cuộc chiến tranh Iraq, chánh phủ Mỹ chủ trương, “Tiên hạ thủ vi cường.” Chủ trương này không phải để đối phó với Iraq, vì binh lực của Iraq thuộc hàng yếu kém trên thế giới. *Tiên hạ thủ vi cường*, thật ra, là để đối phó với Nước Tàu Cộng Sản. Sau hàng chục năm gần đây, Nước Tàu không ngừng phát triển kinh tế với nhịp độ rất cao, do đó, nhu cầu năng lượng chính, là dầu hỏa, ngày càng cao. Cuộc chiến tranh Iraq không có ý nghĩa nào khác hơn là, Nước Mỹ, cũng lệ thuộc vào năng lượng dầu hỏa, phải có mặt về quân sự và chiếm ưu thế tại vùng đất có trữ lượng dầu hỏa lớn nhất trên Trái Đất, trước khi Nước Tàu thò tay vào vùng này. Và Nước Mỹ đã thắng cuộc chiến mà họ muốn, dĩ nhiên phải trả giá bằng tiền bạc và xương máu của Người Mỹ.

Tiêu diệt chế độ độc tài tàn bạo của Saddam Hussein chỉ là chuyện bên lề cuộc chiến. Tuy nhiên, đối với dân tộc Iraq, đây là cơ hội ngàn năm một thuở, để đổi đời, và xây dựng một đất nước nhân bản, tự do, dân chủ, và pháp trị. Nhanh hay chậm, Cái Thiện sẽ thắng Cái Ác. Những nhóm thần quyền cuồng tín sẽ không đủ sức mạnh để triệt hạ chánh phủ lâm thời Iraq hiện nay. Hơn nữa, những người Iraq, thầm lặng và sáng suốt, đã nhìn thấy ánh sáng ở cuối đường黑暗, sau hàng trăm năm sống trong cảnh tăm tối và lầm than, dưới ách đô hộ của Nước Anh, và dưới ách độc tài của Saddam Hussein.

Với cái nhìn toàn thế giới, nếu Mỹ không hành động nhanh, để Nước Tàu Cộng Sản nhảy vào Trung Đông, các dân tộc Trung Đông sẽ bị đè dưới hai chế độ thần quyền: *Thần Quyền Hồi Giáo*, và *Thần Quyền Cộng Sản*. Khi đó, người dân Trung Đông sẽ không còn thở nổi, và các xã hội Trung Đông không biết đến bao giờ mới có cơ hội vươn lên được. Nước Mỹ tiến hành cuộc chiến Iraq khi chưa được sự chấp thuận của Liên Hiệp Quốc, là một Cái Xấu, vì điều này trái với tinh thần trọng pháp của dân tộc Mỹ, hơn nữa, Nước Mỹ là một trong những quốc gia sáng lập Liên Hiệp Quốc.

Nếu Nước Tàu Cộng Sản nhảy vào Trung Đông, thế giới sẽ thê thảm và đen tối hơn. Tuy lòng nhân ái bị phai mờ trong cuộc chiến Iraq, Nước Mỹ thắng cuộc chiến Iraq đã làm cho Thế Giới Tự Do mạnh hơn, và tinh thần nhân bản sẽ có cơ hội lan rộng tại Trung Đông, để xóa dần tinh thần quyền tại vùng này. Giữa hai Cái Xấu (Tàu nhảy vào Trung Đông hay Mỹ nhảy vào Trung Đông), người ta có thể chọn Cái Xấu ít.

• Nền dân chủ 25%

Người ta thường nói, các dân biểu và nghị sĩ là những người “thay mặt dân.” Thực tế, họ được thành phần 25% dân giàu, từ triệu phú đến tỷ phú, giúp tiền cho họ ra ứng cử. Một ví dụ nhỏ là, trong các tiệc gây quỹ ứng cử, thành phần được mời đều ở trong giới nhà giàu, và mỗi người phải đóng góp từ vài trăm đến vài ngàn dollars. Không có người dân thường và nghèo nào bén mảng đến các buổi tiệc gây quỹ tranh cử ấy, vì họ không đủ tiền, mà cũng không được mời. Nếu người ta đồng ý với nhau rằng, lời nói của những nhà kinh tế học, “No free lunch,” là đúng, khi đắc cử, các dân biểu và nghị sĩ sẽ không thoát khỏi sự chi phối của thành phần 25% dân giàu. Do đó, tất cả nguyên tắc và luật lệ làm ra bởi các nhà làm luật, sẽ có lợi cho nhà giàu hơn là nhà nghèo. Như vậy, trên thực tế, những nhà làm luật, gọi là “thay mặt dân,” chỉ ưu tiên phục vụ cho thành phần 25% dân giàu của Nước Mỹ. Nói khác đi, *nền dân chủ Mỹ trị giá 25%*.

Một so sánh.

Cộng Sản Việt Nam có trên 2 triệu đảng viên, nhưng không phải ai cũng có quyền lực; trong số này, ước tính có khoảng 50 ngàn người thuộc thành phần tỷ phú và triệu phú (tính bằng dollars), bao gồm các đảng viên, bà con thân thuộc, tay chân bộ hạ, và những người theo đuôi chế độ cộng sản. Các dân biểu do thành phần kể trên trực tiếp đưa ra, bằng các cuộc bầu cử giả tạo; dĩ nhiên, những “nhà làm luật” này phải chuyên tâm phục vụ cho 50 ngàn người thuộc thành phần tỷ phú và triệu phú trong tập đoàn thống trị của Cộng Sản Việt Nam hiện nay. Như vậy, trị giá của nền dân chủ của Nước Việt Nam Cộng Sản, với 80 triệu dân, là:

$$(50,000 / 80,000,000) \times 100 = 0.06\%$$

Lúc mới xâm chiếm Miền Nam, báo chí cộng sản nói rằng Cộng Sản Miền Bắc dân chủ gấp một triệu lần Âu Mỹ. Sự thật, nền dân chủ của Nước Việt Nam Cộng Sản hiện nay chỉ trị giá bằng 0.2% (tức 2 phần ngàn), so với nền dân chủ Mỹ:

$$(0.06 / 25) \times 100 = 0.2\%$$

Sẽ là ảo tưởng, nếu cho rằng một xã hội là dân chủ 100% ⁽²⁾. Hiện nay, trị giá của nền dân chủ cao nhất, chỉ là 25%. Sự biến đổi của xã hội con người trên Trái Đất diễn ra rất chậm chạp. Phải mất hàng trăm năm, hay hàng ngàn năm, xã hội mới tiến được một bước nhỏ, để trở nên tốt đẹp hơn. Người ta có thể hy vọng rằng, sau vài trăm năm nữa, hay sau vài ngàn năm nữa, nền dân chủ trên Trái Đất có thể tăng dần trị giá lên bằng hoặc hơn 50%. Đó cũng là điều đáng mừng rồi.

2

Nhìn các trường phái kinh tế

Theo Âu Mỹ, có ba trường phái kinh tế chính, được tóm gọn như sau.

	<u>TRƯỜNG PHÁI</u>	<u>TIÊU BIỂU</u>	<u>Ý TƯỞNG</u>
(1)	Bảo Thủ	Adam Smith	⇒ chọn lựa
(2)	Cấp Tiến	John Maynard Keynes	⇒ xã hội hóa
(3)	Độc Quyền	Karl Marx	⇒ bóc lột & tha hóa

(1)

Trường Phái Bảo Thủ quan niệm rằng mọi con người đều biết suy nghĩ, và *chọn lựa*, trong đời sống.

Ví dụ,

Một người nghèo, bởi người đó *chọn sự nghèo*, nghĩa là không thích học một nghề, hoặc không thích làm giù cã; một người có thể giàu, bởi người đó *chọn sự giàu*, bằng cách *chọn một nghề nghiệp thích hợp*. Một người ngu dốt, bởi người đó không *chọn sự học*; một người có tri thức, bởi người đó *chọn sự học*. Một người có thể là nhà thơ, bởi người đó *chọn họ trở thành nhà thơ*; một người có thể là diễn viên điện ảnh, bởi người đó *chọn họ trở thành diễn viên điện ảnh*. Một người có đời sống khiêm tốn, bởi người đó *chọn họ trở thành nhà giáo hay nhà nghiên cứu*. Vân vân.

Trường Phái Bảo Thủ coi mọi người là như nhau; họ không quan tâm đến sự khác biệt của những chủng tộc, những người thiểu số, và phụ nữ; họ cho rằng cảnh nghèo khổ, nạn thất nghiệp, và việc bị phân biệt đối xử giữa con người với nhau, là hệ quả tự nhiên của sự *chọn lựa* của từng người hoặc từng nhóm người. Chọn lựa bao hàm lòng ham muốn. Bởi mọi con người đều có những cái muốn không có giới hạn, khi sống trong một thế giới khan hiếm tài nguyên (đất đai, lao động, và nguồn vốn), nên không thể có sự đồng đều giữa người này và người khác, theo nghĩa kinh tế. Lòng ham muốn bao hàm sự cạnh tranh giữa con người với nhau, trong tình trạng của sự khan hiếm. Cạnh tranh bao hàm tự do, vì không có tự do thì không thể cạnh tranh. Cũng từ đó, Trường Phái Bảo Thủ chủ trương *thị trường tự do*. Chính sự cạnh tranh đã giúp cho kinh tế phát triển, và xã hội không ngừng tiến bộ.

(2)

Trường Phái Cấp Tiến, về quan niệm căn bản của nền kinh tế, và về các vấn đề chuyên môn, không khác nhiều với Trường Phái Bảo Thủ. Trường Phái Cấp Tiến vẫn tôn trọng quyền tự do *chọn lựa* của con người. Trong khi Bảo Thủ dựa vào thuyết ưu sinh, mà các học giả ngày nay gọi là “chủ nghĩa kỳ thị khoa học” (“scientific racism”), để các nghĩa tính chất hạ đẳng trong phạm vi kinh tế xã hội, của các nhóm người thuộc di dân, da đen, và đàn bà, là do di truyền, Cấp Tiến có cái nhìn phân tích khác hơn.

Cấp Tiến thừa nhận những điểm yếu kém của các nhóm người này, nhưng họ lý luận rằng tất cả những điều đó là do tác dụng của xã hội. Vậy, cần cải thiện chúng bằng chính sách xã hội. Đó là chủ trương *xã hội hóa nền kinh tế* của Trường Phái Cấp Tiến. Xã hội đã làm cho những nhóm người kể trên trở nên thấp kém, bây giờ cũng chính xã hội, với những chính sách đặc biệt, và những chương trình của chánh phủ, hoàn thiện họ trở lại. Bảo Thủ thả lỏng cho mọi người chọn lựa và cạnh tranh với nhau; cạnh tranh ngày càng ác liệt, dẫn đến cảnh con người dẫm đạp lên nhau, mạnh được yếu thua, một mất một còn, mà Người Mỹ gọi là dog-eat-dog. Cấp Tiến quan tâm đến yếu tố con người và xã hội, nên cần các chính sách điều chỉnh của chánh phủ. Do đó, người ta dễ hiểu tại sao Bảo Thủ muốn thu nhỏ guồng máy chánh phủ, trong khi Cấp Tiến vẫn muốn duy trì guồng máy chánh phủ vừa đủ, để điều chỉnh xã hội, để bảo vệ các nhóm người thất thế trong xã hội, và giúp họ vươn lên từ từ.

Một ví dụ có thể cho người ta thấy sự khác biệt giữa Bảo Thủ và Cấp Tiến.

Có hai người đang đánh nhau để giành một ổ bánh mì. Người bảo thủ nhìn thấy, và nói, “Cứ để chúng đánh nhau; mạnh được yếu thua,” rồi bỏ đi. Người cấp tiến đứng lại, can ngăn, lấy ổ bánh mì, rồi chia cho người to con phần nhiều, và người nhỏ con phần ít.

Trái với lời tuyên bố của những nhà chánh trị, thực tế xã hội cho thấy,
Con người sanh ra không bình đẳng.

Ví dụ,

- Một đứa trẻ sanh ra ở núi rừng Ban Mê Thuột không thể bình đẳng với một đứa trẻ sanh ra tại Sài Gòn; một đứa trẻ sanh ra ở Việt Nam không thể bình đẳng với một đứa trẻ sanh ra tại Mỹ, về nhiều phương diện: săn sóc y tế, trường hợp cấp cứu, điều kiện dinh dưỡng, v. v. Ngay cả khi những đứa trẻ ấy lớn lên, chúng vẫn không bình đẳng, về điều kiện sống, học hành, vui chơi, v. v.
- Nói chung, hầu hết những di dân mới đến Mỹ không thể bình đẳng với Người Mỹ, về ngôn ngữ, học vấn, đời sống, v. v.
- Người đàn bà không thể bình đẳng với người đàn ông về thể lực; khác với người đàn ông, người đàn bà có nhiệm vụ mang thai, sanh con, và nuôi con.
- Ngoài ra, còn vấn đề di truyền. Một cách tổng quát, có thể nói không có con người nào đồng nhất với con người nào khác. Không đồng nhứt dẫn đến không bình đẳng. Ngay cả về phương diện pháp luật, con người cũng không bình đẳng với nhau. Ở các nước không cộng sản, luật lệ được làm bởi những người bị chi phối bởi thế lực của các tập đoàn tư bản, nên luật lệ có lợi cho người giàu hơn là người nghèo. Ở các nước cộng sản, luật lệ luôn luôn có lợi cho tập đoàn thống trị hơn là người dân thường, vì luật lệ được độc quyền đặt ra bởi tập đoàn thống trị. Trong một bài báo trên tờ Sài Gòn Giải Phóng, ngày 7/12/2004, người ta có dịp đọc một câu như sau:

Vì sao đến 80% luật đã ban hành nhưng chưa đi vào cuộc sống? Phó Chủ
Nhiệm Văn Phòng Quốc Hội Nguyễn Sĩ Dũng đặt vấn đề rồi trả lời: “Vì
chúng [] ban hành cái mình cần chứ không phải cái dân và xã hội cần!”

Xã hội hóa nền kinh tế có nghĩa là, phải xét đến yếu tố con người, với sự khác biệt giữa các nhóm người, về nếp sống và văn hóa. Vì từng con người không đồng nhứt với nhau, và từng nhóm người không đồng nhứt với nhau, nên việc Trưởng Phái Bảo Thủ xem mọi con người là như nhau trong việc chọn lựa và cạnh tranh kinh tế là không hợp lý. Từ đó, Trưởng Phái Cấp Tiến, ngoài cái nhìn kinh tế, còn nhìn con người bằng cái nhìn xã hội, và tìm cách điều chỉnh xã hội, nhằm giảm bớt khoảng cách giữa các nhóm người lợi thế và các nhóm người thất thế, xem như một sự xúc phạm về đạo đức. Do đó, lợi nhuận của người chủ phải được dung hòa, chia sot cho những người làm công, và cho toàn xã hội, dưới nhiều hình thức, như vấn đề an toàn nơi làm việc, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn lao động, quỹ tiết kiệm, quỹ hưu trí, và các cơ sở tiện ích công cộng, và các đạo luật nhằm giảm bớt sự cách biệt giữa các nhóm người thất thế (người da đen, đàn bà, di dân da màu) và nhóm người lợi thế (đàn ông da trắng), như *Affirmative Action* chẳng hạn. Đặc biệt, Trưởng Phái Cấp Tiến chủ trương dùng chính sách thuế lũy tiến để phân chia lại lợi tức: người có lợi tức cao phải đóng thuế theo thu thuế suất cao hơn người có lợi tức thấp, và nhà nước dùng số tiền thuế đó cho các tiện ích công cộng, như trường học, bệnh viện, đường sá, cầu cống, v. v. Bảo Thủ coi người đàn bà thuộc nhóm người hạ đẳng, nên lương của đàn bà phải thấp hơn đàn ông, có cùng trình độ học vấn và cùng thời gian kinh nghiệm; Cấp Tiến chống lại quan điểm này của Bảo Thủ: trong những điều kiện làm việc như nhau, lương của đàn ông và đàn bà phải bằng nhau.

Về kinh tế, Bảo Thủ thiên về cạnh tranh với thế giới để tạo sức mạnh cho Nước Mỹ, do đó, họ ưu đãi các tập đoàn kinh doanh, còn Cấp Tiến thì quan tâm đến quyền lợi của lớp người thất thế trong nước (người lao động không có năng khiếu, đàn bà, người nghèo, trẻ em, người già, các di dân da màu). Tuy nhiên, về kinh tế, Nước Mỹ là sự dung hòa giữa Bảo Thủ và Cấp Tiến, có khi thiên bên này, và có khi thiên bên kia.

Ví dụ,

Về kinh tế, chính phủ bảo thủ chủ trương giảm thuế, để đồn tiền cho các tập đoàn tư bản, nhằm cạnh tranh với thế giới, để làm tăng sức mạnh của Nước Mỹ. Đồng thời, chính phủ bảo thủ không thể không quan tâm đến giáo dục, giúp đỡ trẻ con, và người già. Chính phủ cấp tiến, ngoài việc bảo vệ các lớp người thất thế trong xã hội, vẫn lo cạnh tranh với các nước khác, để phát triển sức mạnh của Nước Mỹ đối với thế giới.

Về phương diện xã hội, Bảo Thủ cũng có nghĩa là *giữ lấy cái cũ*, nghĩa là tuân theo các truyền thống đã có từ lâu, và Cấp Tiến cũng có nghĩa là *mở đường* cho xã hội đổi mới, xuôi theo tự nhiên, hay xuôi theo sự biến đổi trong đời sống của con người, theo thời gian. Về xã hội, cuối cùng, Nước Mỹ cũng dung hòa giữa Bảo Thủ và Cấp Tiến.

Ví dụ,

Trưởng Phái Bảo Thủ cấm phá thai, vì đó là giết các đứa trẻ còn trong bụng mẹ, một tội ác, tội giết người. Ngày càng có nhiều đàn bà con gái Mỹ muốn phá thai, họ biểu tình với một hàng từ chối của Bảo Thủ, là "quyền chọn lựa," để đòi được quyền phá thai. Trưởng Phái Cấp Tiến, xuôi theo tự nhiên, ủng hộ quyền phá thai.

Trưởng Phái Bảo Thủ chỉ công nhận hôn nhân truyền thống, một người đàn ông với một người đàn bà, nhưng cấm hôn nhân đồng tính, đàn ông với đàn ông, hoặc đàn bà với đàn bà. Ngày càng có nhiều cặp đồng tính muốn được kết hôn chính thức, nghĩa là có hôn thú; Trưởng Phái Cấp Tiến, xuôi theo tự nhiên, đã ủng hộ hôn nhân đồng tính.

Vì lý do tôn giáo và đạo đức, Trưởng Phái Bảo Thủ cấm phát triển Stem-cell⁽³⁾. Vì ngày càng có nhiều người mắc những chứng bệnh mà các nhà khoa học cho rằng stem-cell có thể chữa được, như Alzheimer, hay Parkinson chẳng hạn, Trưởng Phái Cấp Tiến, xuôi theo tự nhiên, ủng hộ kế hoạch phát triển stem-cell.

Trong tương lai, chắc chắn Trưởng Phái Bảo Thủ sẽ dung hòa với Trưởng Phái Cấp Tiến trong những vấn đề trên.

Trưởng Phái Cấp Tiến chủ trương giúp lớp người thất thế bằng trợ cấp an sinh xã hội (welfare). Đến khi thấy việc này có hại, như:

- không khuyến khích kết hôn;
- không khuyến khích tìm việc làm;
- khuyến khích gian dối;
- khuyến khích sanh đẻ;

chính chính phủ cấp tiến, thời Tổng Thống Bill Clinton, đã ra luật sửa đổi: cắt giảm từ từ, để chỉ còn lại một số rất ít người được hưởng trợ cấp xã hội, trong trường hợp hết sức cần thiết; một chính phủ cấp tiến đã hành động như một chính phủ bảo thủ.

Ít khi một trưởng phái hành động một cách quá khích theo quan niệm và chủ trương của mình. Thông thường, Nước Mỹ là sự pha trộn giữa Bảo Thủ và Cấp Tiến. Bảo Thủ và Cấp Tiến luôn luôn bổ túc cho nhau, và người ta có thể nói, Bảo Thủ + Cấp Tiến là khuynh hướng hiện nay của các nước tự do trên thế giới.

Về giáo dục, cả Bảo Thủ và Cấp Tiến đều áp dụng các lý thuyết về giáo dục của các nhà kinh tế của Thế Giới Tự Do, như sau.

Lợi Tức (L) là hàm số của Giáo Dục (G), viết tắt là:

$$L = f(G)$$

Theo lý thuyết về giáo dục này, một người học nhiều sẽ làm ra lợi tức nhiều, bởi vì giáo dục tạo ra khả năng sản xuất cao. Theo đúng lý thuyết trên đây, Nước Mỹ đã cho áp dụng nền giáo dục toàn dân, như đã nói ở phần trước. Người ta thấy ngân sách dành cho giáo dục của các tiểu bang là lớn hơn hết: Nước Mỹ cần một dân gian có học thức (*educated population*), như một yếu tố quyết định, để phát triển nền kinh tế.

Giáo dục	35.1%
An sinh xã hội	14.1
Sức khỏe và Bình viện	9.6
Đường lộ	6.5
Các chi tiêu khác	34.7
	100%

(3)

Trường Phái Độc Quyền không nhận ra, hoặc phủ nhận, bản tính của con người, là lòng ham muốn và đầu óc tư hữu. Trường Phái Độc Quyền không biết ý nghĩa của kinh tế, là kinh tế thỏa mãn *Cái Muốn*, chớ không phải *Cái Cần* của con người. Vì phủ nhận quyền tư hữu của con người, Trường Phái Độc Quyền gom tất cả tài nguyên (đất đai, lao động, và nguồn vốn, là các công cụ sản xuất và nguyên vật liệu) về một mối, đó là *nà nước*. Do đó, người ta cũng còn gọi những nhà kinh tế độc quyền là “những nhà kinh tế chánh trị.” Như vậy, nhà nước là tập đoàn tư bản duy nhất của một nước. Vì là duy nhất, tập đoàn tư bản này, tức nhà nước, trở nên độc quyền.

Trong Trường Phái Độc Quyền, nhà nước có nghĩa là tập đoàn thống trị; dưới tập đoàn thống trị, là dân. Độc quyền không có cạnh tranh, nên xã hội không thể có tự do. Vì Trường Phái Độc Quyền đi ngược với bản tính của con người, là lòng ham muốn và đầu óc tư hữu, nhà nước phải luôn luôn dùng *quyền lực*, là pháp luật, và *bạo lực*, là công an và quân đội, để ngăn chặn sức phản kháng tự nhiên của người dân. Trường Phái Độc Quyền coi mọi con người là như nhau, nghĩa là không có sự phân biệt đàn ông, đàn bà, các nhóm người, và các chủng tộc. Trường Phái Độc Quyền cho rằng, giữ người đàn bà làm việc quanh quẩn trong gia đình, là một cách hành hạ người đàn bà; người đàn bà cũng phải được làm việc bên ngoài ngôi nhà, như người đàn ông. Bởi vậy, Trường Phái Độc Quyền cho rằng họ đã giải phóng người đàn bà.

Trường Phái Độc Quyền tạo nên các xã hội cộng sản trên thế giới. Tập đoàn tư bản duy nhất trong các nước cộng sản, là nhà nước, chẳng những độc quyền về *vật chất*, tức nắm giữ tài nguyên và tư bản, mà còn độc quyền về *trí tuệ*, tức nhà nước *suy nghĩ* giùm người dân, và người dân không được quyền *suy nghĩ khác*.

Có thể lấy một ví dụ đơn giản để hiểu tại sao các nhà nước cộng sản không ngừng đàn áp người dân.

Một người dùng bàn tay (một lực) để đè một cái lò xo; bị đè, lò xo sanh ra phản lực. Muốn cho lò xo luôn luôn ở tình trạng như thế, người đó không thể buông tay ra, vì buông ra, phản lực tồn trữ trong lò xo sẽ làm cho lò xo bung lên. Người đè cái lò xo là nhà nước; lò xo là dân.

Trường Phái Độc Quyền cho rằng họ tạo ra sự bình đẳng giữa con người với nhau. Đó là sự bình đẳng về nhu cầu tối thiểu để sống và làm việc, nghĩa là nhà nước thỏa mãn *Cái Cần* của con người, tức cơm áo, nhà ở, và phương tiện tối thiểu để di chuyển và làm việc. Do đó, người ta hiểu tại sao Cộng Sản nói: “*Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*.” Mọi người dân phải làm việc hết sức mình, tùy khả năng, và mọi người chỉ được hưởng các nhu cầu tối thiểu để sống. Thế thôi.

Cái mà Karl Marx gọi là “thặng dư giá trị” từ sức lao động của người dân, nhà nước nắm giữ. Tóm lại, trong xã hội cộng sản, con người được thỏa mãn Cái Cần, nhưng không bao giờ được thỏa mãn Cái Muốn. Vì nhà nước nắm giữ tất cả giá trị lao động của người dân, và chỉ cho họ hưởng phần nhu cầu tối thiểu, nên các nhà kinh tế học gọi Trường Phái Độc Quyền là *bóc lột*; bóc lột có nghĩa là tập đoàn thống trị lấy tất cả giá trị lao động của người dân làm của mình. Vì nhà nước *suy nghĩgiùm* người dân, và người dân không được quyền *suy nghĩ khác*, nên các nhà kinh tế học gọi Trường Phái Độc Quyền là *tha hóa* con người; tha hóa có nghĩa là mình không còn là mình nữa, tức là người dân cảm thấy họ không còn là họ nữa. Nói khác đi, trong xã hội cộng sản, con người chỉ hiện hữu như những “công cụ sản xuất.”

Khi con người chỉ được thỏa mãn Cái Cần, mà không được thỏa mãn Cái Muốn, con người sống đời sống của con vật, vì con vật không biết Muốn. Khi con người không được suy nghĩ khác, vì nhà nước độc quyền suy nghĩ giùm, con người sống đời sống của con vật, vì con vật không biết Suy Nghĩ. Khi con người không được tự do, con người sống đời sống thua con vật, vì con vật được Tự Do, trừ trường hợp những con vật bị nhốt trong các sở thú.

Nói tóm lại, cái khác nhau giữa những nước tự do và những nước cộng sản, là:

- Những nước tự do có *nhiều tập đoàn tư bản*, là **tư nhân**, nên có cạnh tranh, và có cạnh tranh có nghĩa là xã hội có tự do, đồng thời kinh tế được phát triển.
- Những nước cộng sản chỉ có *một tập đoàn tư bản duy nhất*, là **nhà nước**; vì không có cạnh tranh, nên nhà nước độc quyền; vì muốn giữ độc quyền, nhà nước phải đàn áp dân, nên *xã hội không thể có tự do*. Không có tự do cạnh tranh, nên các xã hội cộng sản là những xã hội ù lỳ, chẳng những không tiến bộ được, mà càng ngày càng thụt lùi.

Về giáo dục, những nhà kinh tế Độc Quyền đưa ra lý thuyết về giáo dục như sau.

Giáo Dục (G) là hàm số của Lợi Tức (L), viết tắt là:

$$G = f(L)$$

Theo lý thuyết về giáo dục này, một người có lợi tức cao sẽ được học nhiều, bởi vì người đó đủ tiền để đi học. Chẳng hạn, những gia đình giàu mới có thể cho con cái học đại học. Nói khác đi, theo Trường Phái Độc Quyền, giáo dục là kết quả của cấu trúc xã hội, giống như xã hội phong kiến thời xưa:

“Con vua thì được làm vua
Con sài ở chùa thì quét lá da.”
Ca dao

Lý thuyết này tạo ra những xã hội áp dụng *nền giáo dục loại bỏ*, như Nước Việt Nam Cộng Sản ngày nay. Ở những nước thuộc Khối Cộng Sản, lý thuyết về giáo dục này (cũng gọi là lý thuyết giáo dục mác-xít) là một trong những yếu tố đã cản trở sự phát triển nền kinh tế của họ.

3

"Bao cấp trí tuệ"

Trong Trưởng Phái Độc Quyền mà các xã hội cộng sản trên thế giới đã áp dụng, việc nhà nước *suy nghĩ giúp* người dân, và người dân không được quyền *suy nghĩ khác*, người cộng sản gọi đó là công tác “quản lý tư tưởng.” Lưu Quang Vũ, một nhà viết kịch trẻ ở Miền Bắc, gọi đó là “bao cấp trí tuệ.” Ngay sau đó, ông, người vợ, và một đứa con, đã chết trong một “vụ đụng xe” ở Hà Nội trong những năm 1980. Để bảo vệ độc quyền vật chất và trí tuệ của tập đoàn tư bản duy nhất, là nhà nước, cộng sản lập ra “Ban Tư Tưởng-Văn Hóa Trung Ương”, theo dõi, kiểm soát, và ngăn chặn, để không cho phép bất cứ ai được quyền suy nghĩ khác hơn họ. Do đó, cộng sản phải bưng bí thông tin, và nói dối. Trong các xã hội cộng sản, người dân thấy *tất cả mọi thứ đều là giả tạo*, từ báo chí, văn học, giáo dục, đến các sinh hoạt chính trị, như quốc hội, các cuộc bầu cử, pháp luật, tòa án, v. v. Ngoài ra, còn một thứ giả tạo ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống: đồng lương giả tạo. Trong xã hội cộng sản, đảng cộng sản nắm gọn hết cả ba quyền: hành pháp, lập pháp, tư pháp, và giữ độc quyền kinh doanh. Quyền tự do ngôn luận của dân thì không có; báo chí chỉ là công cụ tuyên truyền và ru ngủ của đảng. Tóm lại, xã hội cộng sản là một xã hội làm bằng sự giả tạo, vì xã hội cộng sản đi ngược lại với bản tính của con người. Vì người dân bị đàn áp, xã hội cộng sản luôn luôn hiện hữu một sức đối kháng của dân, đúng theo Định Luật Thứ Ba của Newton: “*Lực và phản lực xảy ra cùng một lúc, cùng một cường độ, và nghịch hướng với nhau.*” Người cộng sản biết điều đó, nên họ luôn luôn sợ sự thật, và họ phải nói dối thay cho nói thật. Lời nói thật là một việc xa lạ trong xã hội cộng sản.

Để quản lý tư tưởng và văn hóa, và bưng bí thông tin, tập đoàn thống trị của Cộng Sản Việt Nam đã hai lần tiêu hủy sách của dân tộc Việt Nam:

- *lần đầu, tiêu hủy sách của Miền Bắc đã có trước năm 1954;*
- *lần sau, tiêu hủy sách của Miền Nam đã có trước năm 1975.*

Tập đoàn tư bản độc quyền của cộng sản vừa nắm giữ tài nguyên, vừa bao cấp trí tuệ, nên người dân sống đời sống của bầy cừu.

Lịch sử của con người trên Trái Đất cho thấy chỉ có một loại nhà tù: đó là nơi *giam nhốt thân xác* của người tù. Vì bao cấp trí tuệ, một nước cộng sản là một nhà tù lớn, nhà tù kiểu mới, *giam nhốt trí tuệ* của toàn dân. Đầu là ở đâu trên khắp Trái Đất, bên Đông cũng như bên Tây, nhà cầm quyền, hay chánh phủ, thường chỉ là một nhóm nhỏ những con người trung bình của trung bình. Những con người tài năng và xuất chúng nằm ở trong dân gian; họ không tham gia chánh trị vì, dưới mắt họ, chánh trị là một sinh hoạt cấp thấp, và đầy cảnh bon chen. Riêng các nước cộng sản không vươn lên được, vì một nhóm nhỏ cầm quyền đã giam nhốt toàn bộ trí tuệ của dân gian.

4

Nước Mỹ,**với tư cách người chủ lớn trên Trái Đất**

Các nhà kinh tế học định nghĩa *người chủ* như sau: *người chủ* là người luôn luôn tìm kiếm lợi nhuận tối đa, và chỉ biết có lợi nhuận mà thôi. Người chủ trong kinh tế cũng đồng thời là người nắm quyền lực trong chính trị.

Hiện nay, người ta có thể gọi Nước Mỹ là người chủ lớn trên Trái Đất, vì nền kinh tế Mỹ là lớn và mạnh nhất trên thế giới. Người chủ ở đây được hiểu là tập hợp của các tập đoàn tư bản của Nước Mỹ. Để ngăn ngừa xã hội sẽ đi đến cảnh con người đẫm đàp lên nhau, không còn nhân ái, vì mạnh được yếu thua, một mất một cùn, dog-eat-dog, tạo nên bởi sự cạnh tranh tự do, ráo riết, và vô điều kiện, giữa từng con người, từng nhóm người, và giữa các tập đoàn tư bản, nhỏ và lớn, Trường Phái Cấp Tiến là cái thắng của Trường Phái Bảo Thủ. Ngăn ngừa bằng quan niệm, nguyên tắc hành động, chính sách, và luật pháp, chớ không phải bằng những lời kêu gọi suông. Người chủ là người làm kinh tế. Kinh tế hoạt động theo những định luật riêng của nó, hoàn toàn không có dính dáng gì đến vấn đề đạo đức.

Trường Phái Cấp Tiến chỉ khác với Trường Phái Bảo Thủ về quan niệm và chính sách của họ trong *nội bộ* Nước Mỹ mà thôi. Đối với thế giới, Bảo Thủ và Cấp Tiến là một: mọi chủ trương, đường lối, và hành động đều là để cạnh tranh quyết liệt với thế giới, một mất một cùn, mạnh được yếu thua, nhằm nâng cao sức mạnh của Nước Mỹ.

Điều này giúp cho người ta dễ hiểu các biến cố và thời sự trên thế giới.

Ví dụ,

- (1) Các nhà kinh tế học Mỹ cho thấy Nước Mỹ đã mượn đường Việt Nam để mở cửa Nước Tàu. Mở cửa Nước Tàu để buôn bán, chớ không phải để “giải phóng” Nước Tàu khỏi chế độ cộng sản. Sau khi có thể đi thẳng vào Nước Tàu để làm ăn buôn bán, nghĩa là đạt mục đích kinh tế, và thấy Miền Nam VN không còn “giá trị lợi dụng” nữa (nói theo phim Hongkong); Nước Mỹ liền rời bỏ Miền Nam VN. Một giáo sư kinh tế ở đại học Pennsylvania đã nói với các sinh viên Việt Nam trong lớp học rằng, ông rất tiếc về điều đó. Kinh tế là kinh tế; kinh tế không phải là đạo đức. Sau khi Nước Mỹ rời bỏ Miền Nam từ năm 1972, Miền Nam rơi vào tay Cộng Sản Miền Bắc vào năm 1975. Cuộc nội chiến kết thúc: *Người Việt “chiến thắng” Người Việt*.

Sau chiến tranh, nhiều người ở Miền Nam trách móc chánh quyền Mỹ, và đổ thừa cho phong trào phản chiến ở Mỹ. Họ tỏ ra không hiểu gì cả:

Chớ đem đạo đức để nói với người chủ.

Chớ đem đạo đức để nói về kinh tế.⁽⁴⁾

- (2) Là người chủ lớn trên Trái Đất, nghĩa là có quyền lực lớn nhất, chánh quyền Mỹ, thay mặt cho các tập đoàn tư bản Mỹ – không phải người dân thường của Mỹ – đã có những hành động có thể hiểu được, nếu người ta hiểu *bản chất của người chủ*, như sau:
- Không cùng với nhiều nước khác bảo vệ môi trường sống của con người trên Trái Đất, bằng cách không ký Hiệp Định Kyoto về bảo vệ môi trường chung, với lý do là hiệp định này có hại cho nền kinh tế Mỹ.
 - Không công nhận Tòa Án Quốc Tế, về quyền xét xử tội phạm chiến tranh, riêng đối với Người Mỹ phạm tội.
 - Là một trong các nước sáng lập Liên Hiệp Quốc, chánh quyền Mỹ vượt qua LHQ, nghĩa là không được sự chấp thuận của LHQ, đã đơn phương đánh Iraq.
 - Nói dối với người dân Mỹ về mối đe dọa của vũ khí giết người hàng loạt tại Iraq, và nói dối về sự liên quan giữa Iraq và al-Qaeda.
 - Vi phạm Công Ước Quốc Tế Genève khi đối xử vô nhân với các tù binh tại Guantanamo, Afghanistan, và Iraq.
 - Bỏ ra 15 tỷ dollars, nhưng không thật lòng giúp các nước nghèo chống lại bệnh AIDS; viện trợ có điều kiện: phải dùng tiền viện trợ của Mỹ để mua thuốc trị bệnh của Mỹ, không được mua thuốc của các nước khác, mặc dầu rẻ hơn rất nhiều so với thuốc của Mỹ, như Ấn Độ, Brazil . . . Đại biểu Mỹ tuyên bố tại Hội Nghị Chống AIDS Toàn Cầu là “Mỹ đóng góp nhiều nhất,” thực tế, bỏ tiền ra “viện trợ nước nghèo chống AIDS” là một việc làm vừa được tiếng là nhân đạo, vừa làm giàu các tập đoàn tư bản Mỹ. Cho tay này lấy lại tay kia.

- (3) Về đối nội, Cấp Tiến khác với Bảo Thủ. Về đối ngoại, Cấp Tiến và Bảo Thủ là một: cạnh tranh quyết liệt với thế giới để tăng sức mạnh của Nước Mỹ. Đối với Nước Mỹ, kinh tế là tất cả. Trừ trường hợp cấp cứu, tất cả mọi hình thức viện trợ, dù được gọi là “viện trợ nhân đạo,” đều có điều kiện. “*No free lunch.*”

Một vài người trong cộng đồng Việt Nam tại Mỹ đã chỉ trích và trách móc Thượng Nghị Sĩ John Kerry, về việc ông không đưa một dự luật về vấn đề nhân quyền tại Việt Nam cho Thượng Viện Mỹ thảo luận và biểu quyết. Những người này, sống ở Mỹ khá lâu, nhưng đã không hiểu rằng, đối với Nước Mỹ, kinh tế là trên hết. Khi Nước Mỹ đang làm ăn buôn bán thuận lợi tại Việt Nam, họ không muốn thấy việc gì gây trở ngại cho sự buôn giao của họ. Một nghị sĩ Cấp Tiến hay một nghị sĩ Bảo Thủ cũng sẽ hành động như vậy, vì quyền lợi của Nước Mỹ.

Cấp Tiến chủ trương bảo vệ môi trường sống. Đó là chuyện trong phạm vi Nước Mỹ. Đối với bên ngoài, chánh phủ cấp tiến thời Tổng Thống Bill Clinton đã từ chối ký Hiệp Định Kyoto về bảo vệ môi trường chung trên Trái Đất, chờ không phải đợi đến thời chánh phủ bảo thủ hiện nay.

- (4) Nelson Mandela đã từng nói thẳng về thái độ ngạo mạn của Tổng Thống G. W. Bush khi Ông Bush tuyên bố rằng, các nước trên thế giới hoặc là đứng về phía Mỹ, hoặc là đối nghịch với Mỹ. “Thế giới muôn màu, chờ không phải chỉ có màu trắng và màu đen!” Hiểu *bản chất của người chủ*, người ta dễ hiểu các sự việc khác.

5

**Nước Mỹ,
đất nước nhận viện trợ
nhiều nhứt trên thế giới**

Thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, trong một buổi lễ trao tặng viện trợ kỹ thuật cho Miền Nam, Đại Sứ Pháp đã nói rằng, thật ra, Việt Nam đã viện trợ kỹ thuật cho Nước Pháp nhiều hơn là Nước Pháp viện trợ kỹ thuật cho Việt Nam. Đại Sứ Pháp muốn nói đến một số đáng kể các chuyên viên Việt Nam đủ mọi ngành đang phục vụ cho Nước Pháp. Đó là các sinh viên Việt Nam du học và ở luôn tại Pháp. Đó là con cháu của những người lính Việt Nam, đến Pháp để giúp Pháp đánh lại Đức; những người lính này đã ở lại Nước Pháp, và hầu hết con cháu của họ được học hành và trở thành các chuyên viên, phục vụ cho Nước Pháp.

Đó là ý nghĩa về một nước nghèo “viện trợ kỹ thuật,” tức viện trợ chất xám, cho một nước giàu. Một đồng Franc hay một đồng Dollar có giá trị giới hạn của nó; giá trị của chất xám không đo được.

Do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, Nước Mỹ mới là nước nhận viện trợ chất xám nhiều nhứt trên thế giới, từ rất nhiều nước khác. Một nước trẻ, đất rộng người thưa, mức sống rất cao, tự do – dân chủ – pháp trị, nền giáo dục toàn dân, đời sống giản dị, phong tục tập quán không cầu kỳ như các dân tộc Âu Châu, đó là tất cả những yếu tố thuận lợi để Nước Mỹ trở thành là một đất nước của cơ hội, dễ dàng thu hút các di dân từ mọi nơi trên thế giới. Mỗi năm, Nước Mỹ đều có một hạn ngạch dành cho di dân vào Nước Mỹ. Các di dân không có năng khiếu và trình độ học vấn, sẽ đáp ứng nhu cầu cho các việc làm lao động chân tay. Các di dân có trình độ chuyên môn, sẽ đáp ứng các nhu cầu lao động trí óc. Lao động chân tay hay trí óc, các di dân đã góp phần phát triển cho nền kinh tế Mỹ, nói chung, và cho nền khoa học và kỹ thuật của Mỹ, nói riêng.

Các di dân, đủ thành phần, đến từ nhiều nước khác nhau, đa số từ các nước nghèo, đó chính là nguồn viện trợ lớn lao, mà Nước Mỹ nhận được. Bằng đồng dollar, Nước Mỹ viện trợ có giới hạn và có điều kiện, cho các nước nghèo, trong khi đó, Nước Mỹ nhận lại viện trợ không giới hạn và không điều kiện, vừa lao động chân tay, vừa chất xám, từ nhiều nước. Bởi đó, xảy ra tình trạng các nước nghèo thiếu chất xám, lại bị chảy máu chất xám, đã nghèo càng nghèo thêm.

Sau đây là các ví dụ.

- Tiến vào Bá Linh, sau khi Đức bị đánh bại trong Thế Chiến 2, Mỹ và Nga tranh nhau săn lùng những nhà khoa học hàng đầu của Đức, vì hai nước này đều hiểu rằng đó là tài nguyên vô giá của Nước Đức.
- Trong thời gian bùng nổ của Thời Kỳ Tin Học tại Mỹ, chất xám tin học của nước nghèo Ấn Độ chảy sang Mỹ; mỗi năm hàng trăm ngàn chuyên viên tin học được đào tạo bằng vốn đầu tư trong nước của Ấn Độ, nhập cư và làm việc tại Mỹ. Đó là chưa kể số lượng chuyên viên đến từ các nước khác.
- Sau khi Miền Bắc Cộng Sản “chiến thắng” Miền Nam Tự Do trong cuộc nội chiến, chấm dứt năm 1975, hầu hết chất xám của Miền Nam vượt Thái Bình Dương, chảy qua Nước Mỹ, bằng cuộc di tản của 150 ngàn Người Việt đầu tiên, và tiếp theo là các cuộc vượt biển kéo dài hàng chục năm sau, chương trình Ra Đi Có Trật Tự (ODP), chương trình HO, Con Lai, và Đoàn Tụ Gia Đình. Và thế hệ thứ hai của lớp người di dân tỵ nạn Việt Nam tại Mỹ hiện nay, cũng đang đóng góp chất xám cho Nước Mỹ.
- Sau khi Cộng Sản Liên Xô và Đông Âu tan rã, chất xám từ Nga và các nước Đông Âu cũng chảy vào Mỹ một phần, vì Nước Mỹ là nơi hấp dẫn nhất.
- Sau cuộc thảm sát tại Thiên An Môn, Nước Mỹ cho phép số sinh viên Trung Cộng đang du học tại Mỹ, được ở lại Nước Mỹ. Nước Mỹ lại có thêm chất xám, được đào tạo tại Mỹ bằng vốn đầu tư của Trung Cộng.
- Thời gian gần đây, một số con cái của cán bộ cộng sản, và nhà giàu tại Việt Nam, được qua Mỹ du học. Theo tin báo chí trong nước, có khoảng 60% sinh viên Việt Nam đã tìm nhiều cách hợp pháp để ở luôn tại Mỹ. Càng tốt cho Nước Mỹ, vì đó là chất xám từ vốn đầu tư của Việt Nam.
- Vân vân.

Do hoàn cảnh lịch sử, Nước Mỹ hưởng rất nhiều từ các nước nghèo, nhưng cho lại các nước nghèo chẳng bao nhiêu. Nước Mỹ so đo và tính toán kỹ khi viện trợ có điều kiện cho các nước nghèo. Nước Mỹ không hào phóng như nhiều người tưởng.

Kinh tế là tất cả, vì kinh tế là điều kiện đầu tiên dẫn đến các phát triển khác trong một xã hội. Chẳng hạn, hiện nay, Nước Mỹ đang dẫn đầu về khoa điện toán, so với Âu Châu, Nhụt, Ấn Độ . . . không phải vì các nhà khoa học Mỹ “thông minh” hơn các nhà khoa học của các nước khác. Đó là vì các tập đoàn tư bản Mỹ có số vốn lớn hơn các tập đoàn tư bản của các nước khác. Các công ty như Microsoft, Intel, Cisco . . . có khả năng bò ra ngân sách lớn dành cho công tác nghiên cứu, để không ngừng cải tiến sản phẩm của họ. Các công ty điện tử của các nước khác bỏ ■ ngân sách ít hơn cho công tác nghiên cứu, nên chạy theo không kịp Mỹ. Mặt khác, với các điều kiện để nghiên cứu rất đầy đủ của Mỹ, cộng với mức sống rất cao, Nước Mỹ đã dễ dàng thu hút chất xám từ nhiều nước khác, nhất là từ các nước nghèo. Những người tài năng ở các nước nghèo không có đầy đủ phương tiện để nghiên cứu và phát minh, nhưng khi đến Mỹ, họ đã thành công, và đã đóng góp rất nhiều công trình về khoa học và kỹ thuật cho Nước Mỹ.

6

Nhìn về Việt Nam

Nước Việt Nam Cộng Sản đã và đang thay đổi?

Ngày nay, các cán bộ cộng sản đã rời bỏ Cái Cần, và đang sống cho Cái Muốn: họ thích ở biệt thự loại sang, đi xe loại sang, ăn tại nhà hàng sang, uống rượu loại đắt tiền, thích gái đẹp, làm việc trong phòng có máy điều hòa không khí, cho con đi du học tại Âu Mỹ, chuyển tiền ra cất dấu ở ngân hàng nước ngoài, mua biệt thự tại nước ngoài, như ở Houston, Texas, chẳng hạn, và v.v.

Từ ngày Việt Nam và Nước Mỹ nối lại bang giao, nghĩa là Việt Nam thoát khỏi thời kỳ bị cô lập, tiền viện trợ của quốc tế, và tiền đầu tư của nhiều nước vào Việt Nam, đã phần nào làm thay đổi bộ mặt tại trung tâm của các thành phố lớn. Tại các quận và làng quê, đời sống cùng cực của người dân vẫn như trước. Một số Người Việt lang thang trên khắp Trái Đất, kể cả người dân thường và lớp người có học, về Việt Nam, trú ngụ ở các trung tâm thành phố, nhìn bể ngoài, cho rằng Việt Nam nay đã thay đổi. Thậm chí, có người cho rằng Việt Nam ngày nay chỉ có cái vỏ là cộng sản, còn cái ruột đã thay đổi.

Thật ra, phải nói ngược lại mới đúng: Việt Nam ngày nay có cái vỏ ít màu sắc cộng sản, còn cái ruột vẫn là cộng sản chính thống. Một nước sẽ không còn là cộng sản nữa, chỉ khi nào:

- Không còn độc đảng;
- Nhà nước không còn là tập đoàn tư bản; các tập đoàn tư bản phải là của dân;
- Ba quyền căn bản, là lập pháp, hành pháp, và tư pháp, phải độc lập với nhau, theo nguyên tắc *Quyền lực ngăn ngừa quyền lực*;
- Có quyền thứ tư, là tiếng nói của dân, tức có tự do báo chí; báo chí là của dân;
- Nhà nước không còn độc quyền *suy nghĩ giùm* người dân, và người dân được quyền *suy nghĩ khác*;
- Không còn cơ quan gọi là *Ban Tư Tưởng-Văn Hóa Trung Ương*, nhằm theo dõi và kiểm soát tư tưởng của người dân;
- Không còn tờ hộ khẩu, là công cụ để kiểm soát sự di lại và chỗ ở của dân;
- Tất cả công dân đều được cấp hộ chiếu, tự do di lại trên thế giới, để du học, làm công tác nghiên cứu, làm ăn buôn bán, hay du lịch;
- Chế độ *nhân trị* kiểu mới như hiện nay không còn nữa, và thay bằng *pháp trị*;
- Không còn bầu cử giả tạo, và thay bằng bầu cử thật.

Tất cả những điều kể trên vẫn chưa xảy ra; vậy, Nước Việt Nam Cộng Sản vẫn chưa có gì thay đổi. Việt Nam ngày nay vẫn còn là một nước cộng sản chính thống.

Về “yêu nước”

Có thể nói, không có ai không yêu đất nước của mình. Người Mỹ yêu Nước Mỹ, Người Pháp yêu Nước Pháp, Người Nigeria yêu Nước Nigeria, Người Tàu yêu Nước Tàu, Người Tây Tạng yêu Nước Tây Tạng, Người Lào yêu Nước Lào, Người Việt yêu Nước Việt Nam, v. v.

Yêu nước là một tâm trạng tự nhiên của con người. Con người yêu nơi đã sanh ra mình, đã cưu mang mình từ lúc lọt lòng mẹ, đã nuôi mình lớn khôn, đã cho mình được học hành . . . Những đứa trẻ sanh ra ở thành phố thì yêu thành phố, là nơi đầy đủ tiện nghi mà chúng đã ra đời. Những đứa trẻ sanh ra ở làng quê thì yêu làng quê mộc mạc, là nơi thiêng thiếp tiện nghi mà chúng đã ra đời. Thành phố hay làng quê, tất cả những nơi chốn ấy đều nằm trong một mảnh đất chung, theo quy ước, được gọi là một nước. Mảnh đất chỉ là phần thân xác của một nước. Một nước còn làm bằng những ý niệm, là nếp sống, nếp suy nghĩ, phong tục tập quán, truyền thống, và những giá trị tinh thần, theo thời gian, được tạo nên bởi dân gian cùng nhau sống chung trên mảnh đất ấy. Lòng yêu nước được làm bằng những kỷ niệm gần, và những hoài niệm xa xưa, đối với những gì thuộc về vật chất và những gì thuộc về ý niệm, đã và đang hiện hữu trên mảnh đất ấy.

Không có ai sanh ra và lớn lên trên đất nước của mình mà mất chưa được ngắm nhìn quê hương của mình, lòng không có những kỷ niệm và hoài niệm trên mảnh đất ấy. Vậy, không có ai là người không yêu đất nước của mình. Có thể nói, như một hiện tượng tự nhiên, lòng yêu nước chảy trong máu của mỗi con người.

Trước năm 1975, tại Pháp và Bỉ, có một nhóm người, hầu hết là Người Việt du học, đã lập ra một hội, gọi là “Hội Việt Kiều Yêu Nước.” Những người trong hội muốn tỏ ra cho nhiều trăm ngàn đồng bào Việt Nam sống tại hai nước kể trên biết rằng, chỉ có họ mới là những người “yêu nước.” Điều này cho thấy họ không hiểu lòng yêu nước là gì, bởi vậy họ không coi lòng yêu nước là một ý niệm, mà như một thứ gì đó thuộc về hình thức, hay vật chất, cần phải phơi bày cho mọi người nhìn thấy.

Tại Mỹ hiện nay, cũng có một số ít người như thế. Họ luôn luôn muốn phơi bày lòng “yêu nước” của họ cho mọi người nhìn thấy, và để ngầm nói rằng hơn một triệu đồng bào Việt Nam đang sống tại Mỹ không phải là những người yêu nước, như họ. Những người này không nhớ rằng, đối với tập đoàn thống trị của cộng sản tại Việt Nam, “yêu nước” phải có điều kiện: “*Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội*.” Tập đoàn thống trị của cộng sản Việt Nam đã và đang dùng “chủ nghĩa xã hội” để bắt 78 triệu đồng bào Việt Nam (trừ 2 triệu đảng viên) phải sống đời sống của bầy cừu. Thật dễ hiểu, chỉ cần một chút ưu ái của tập đoàn thống trị của cộng sản dành cho họ, những người này liền “cảm động,” và trở thành những người “yêu nước” tại Mỹ, và họ tự hào phơi bày ra cho hơn một triệu đồng bào thầm lặng tại Mỹ nhìn thấy.

Những người “yêu nước” ấy có thể nhìn vài sự kiện sau đây, để suy nghĩ:

- Tại Việt Nam, có hàng triệu đứa trẻ bị “nhà nước” từ chối cấp khai sanh, chỉ vì cha mẹ chúng không có hộ khẩu, nghĩa là hàng triệu đứa trẻ này không được công nhận là công dân của Nước Việt Nam Cộng Sản. Cộng Sản Việt Nam đã cắt lìa từng khúc ruột ở trong nước, tại sao họ lại tỏ ra quan tâm đến “khúc ruột ngàn dặm” ở Mỹ? Trong khi hàng triệu trẻ em ở Việt Nam bị “nhà nước” từ chối nhận vào các trường học, tại sao Cộng Sản Việt Nam lại đòi mở các lớp dạy Tiếng Việt cho trẻ em Việt Nam tại Mỹ?
- Tại Nước Nga hiện nay, mấy chục ngàn đồng bào Việt Nam bị cảnh sát Nga thường xuyên hiếp đáp, trấn lột, và đánh đập tàn nhẫn. Trên *Người Việt Online*, ngày 07/26/2004, Bà Inna Malkhanova, một người đàn bà Nga biết Tiếng Việt, đã kể lại tình cảnh của đồng bào Việt Nam tại Nga như sau: [...] Người Việt trở thành nạn nhân thường xuyên, trở thành nguồn nuôi sống, và tổng tiền của cảnh sát Moskva. Cảnh sát Moskva luôn nhắm Người Việt để săn lùng như săn lùng . . . thú quý hiếm trong rừng. Đã có không ít trường hợp, cảnh sát không chỉ lấy hết tiền bạc của những Người Việt không ai bảo vệ, mà sau khi bắt giữ, chuyển về đồn, thì một Người Việt Nam khỏe mạnh, hay một người phụ nữ đang sung sức, bỗng biến thành . . . một cái xác không hồn, mà điều đáng nói là giấy tờ của họ hoàn toàn hợp lệ. Họ bị thiêt mạng chỉ vì họ đã quá ương bướng, đã quá tin cậy vào pháp luật và không chịu nộp giao tiền cho những kẻ trấn lột hợp pháp mà thôi. Phần lớn Người Việt ở Moskva (có lẽ chỉ trừ một số nhỏ những ‘soái’ – triệu phú các khu chợ hay công ty lớn), đều cảm thấy mình là một thứ dân hạng hai hay thậm chí hạng ba ở xứ sở này, một thứ bia đỡ đạn của cảnh sát hay các nhóm phát-xít mới ở đây [...]” Tòa đại sứ của Cộng Sản Việt Nam tại Moskva⁽⁵⁾ bất động, và chánh phủ Cộng Sản Việt Nam tại Hà Nội hoàn toàn im lặng.
- Một số người già Việt Nam sống thầm lặng tại Mỹ, sau nhiều năm làm việc, để dành riêng một số tiền khoảng 10 ngàn dollars, và dặn vợ con dùng số tiền này trả cho công ty mai táng của Mỹ, để công ty này đưa xác họ về Việt Nam, khi họ chết. Những người già thầm lặng này không bao giờ nói với ai rằng họ là người “yêu nước.” Họ không trở về quê hương khi còn sống, vì họ không chấp nhận tập đoàn thống trị của cộng sản, nhưng khi chết, họ vẫn muốn an giấc ngàn thu trên quê hương đã sanh ra họ.

Yêu nước, và *yêu tập đoàn thống trị* của Cộng Sản Việt Nam, là hai việc khác nhau.

Biết rằng lòng yêu nước luôn luôn chảy trong máu của mọi người, Cộng Sản Việt Nam luôn luôn lợi dụng lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam, từ cuộc kháng chiến chống Pháp⁽⁶⁾, đến cuộc nội chiến để cộng sản hóa Miền Nam Việt Nam. Đối với những người có tư tưởng khác với họ, Cộng Sản Việt Nam dùng hai thủ đoạn:

- *guiết chết* (như trường hợp của Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, và nhiều người khác);
- *chiêu dụ* – nếu không thể *guiết* được – bằng tiểu xảo tình cảm, hoặc bằng tiền. Cộng Sản dùng tình cảm cá nhân, hoặc lợi dụng lòng yêu nước, để làm cho người bị chiêu dụ “cảm động,” “biết ơn nhà nước,” hoặc cảm thấy tập đoàn thống trị của cộng sản là những kẻ “yêu nước,” để đứng về phía họ.

Khi dùng chính sách chiêu dụ, Cộng Sản Việt Nam không biết điều này: hơn hai triệu Người Việt lang thang trên khắp Trái Đất, hầu hết định cư ở các nước tự do và tiến bộ; Người Việt lang thang có kinh nghiệm sống, làm bằng xương máu của họ, bằng nỗi đau khổ tận cùng của họ, và họ có kinh nghiệm lịch sử về những giá trị tinh thần, về xã hội cộng sản và xã hội tự do, tại những đất nước mà họ đang định cư.

Hiện nay, tập đoàn thống trị của Cộng Sản Việt Nam không thể giải hết hơn hai triệu Người Việt đã bỏ quê hương ra đi, mà Cộng Sản đã từng gọi là “bọn phản quốc,” Cộng Sản Việt Nam liền dùng chính sách chiêu dụ. Sau khi chiêu dụ được một ít người ở Tây Âu và Bắc Mỹ, bằng tiểu xảo tình cảm, và bằng tiền bạc, Cộng Sản mở rộng chính sách chiêu dụ bằng Nghị Quyết 36. Đó là hoạt cảnh về *những người biết Một* đang ra sức chiêu dụ *những người biết Hai*.

Đọc báo trong nước trên Internet

Hiện nay, Người Việt lang thang trên khắp Trái Đất có thể đọc báo trong nước trên Internet, như *Tuổi Trẻ*, *Thanh Niên*, *Người Lao Động*, *Sài Gòn Giải Phóng*, *Nhân Dân*, *Hà Nội Mới*, *VietnamNet*, v. v. và tạp chí lưu vong *talawas* tại Đông Đức:

- | | |
|----------------------|---|
| ▪ Tuổi Trẻ | <u>www.tuoitre.com.vn</u> |
| ▪ Thanh Niên | <u>www.thanhnien.com.vn</u> |
| ▪ Người Lao Động | <u>www.nld.com.vn</u> |
| • Sài Gòn Giải Phóng | <u>www.sggp.org</u> |
| ▪ Nhân Dân | <u>www.nhandan.org.vn</u> |
| • Hà Nội Mới | <u>www.hanoimoi.com.vn</u> |
| • VietnamNet | <u>www.vnvn.vn</u> |
| ▪ talawas | <u>www.talawas.org</u> |

Các chánh phủ ở Miền Nam trước năm 1975 đã bưng bít thông tin từ báo chí của Miền Bắc Cộng Sản. Đó là một sai lầm, vì để cho dân gian biết sự thật luôn luôn có lợi hơn là có hại. Một vật để ở ngoài ánh sáng, mọi người sẽ nhìn thấy nó như nó đang hiện hữu; một vật để trong bóng tối, bằng trí tưởng tượng, mọi người sẽ hình dung ra nó như thế nào cũng được, và thường là không đúng như nó đang hiện hữu. Bưng bít thông tin về Miền Bắc càng làm lợi cho bộ máy tuyên truyền của Cộng Sản Miền Bắc. Chẳng hạn, nếu cho dân gian Miền Nam đọc báo chí của Miền Bắc, người dân Miền Nam sẽ có dịp nhìn thấy, và suy nghĩ, về những cảnh đại khái như sau, trong xã hội cộng sản:

- Dân gian Miền Bắc mỗi khi đi từ nơi này đến nơi khác, phải khai báo với công an về tình trạng “tạm trú tạm vắng,” nghĩa là người dân trong xã hội cộng sản không có quyền tự do di lại.
- Nếu không phải là cán bộ, dân gian Miền Bắc không được dời chỗ ở ghi trong hộ khẩu, nghĩa là không có quyền tự do cư trú.

- Báo chí Miền Bắc là của Đảng, không phải của dân. Ở Miền Nam, có lúc có một tờ báo của chánh phủ, nhưng không có ai đọc, và phải đóng cửa. So sánh báo chí giữa hai Miền, dân gian Miền Nam sẽ thấy ở Miền Bắc không có quyền tự do ngôn luận.
- Người dân Miền Bắc phải sắp hàng để mua các nhu yếu phẩm, bằng phiếu: mỗi tháng 2kg đường, 21kg gạo, v. v. chẳng hạn, và mỗi năm một người được cấp 4m vải không phải do mình chọn lựa. Trong lúc đó, dân gian Miền Nam dùng tiền lương của mình để mua sắm tự do. Các cô gái ở Miền Nam chắc là không thích được cấp mỗi năm 4m vải không phải do họ chọn lựa.
- Nói chung, đọc báo Miền Bắc, dân gian Miền Nam được dịp biết những gì Cộng Sản Miền Bắc nói dối về xã hội Miền Nam. Khi người ta biết một người đã từng nói dối, người ta sẽ không còn tin người đó nữa.
- Vân vân.

Sống ở các nước tự do, Người Việt lang thang đều thấy rằng các xã hội tự do đều chuộng nói thật, và xem nói dối là một hành động xấu xa.

Hiện nay, vì báo chí trong nước được chuyển đi khắp thế giới bằng Internet, nhầm vào Người Việt ở các nước tự do, nên Cộng Sản Việt Nam không còn dám nói dối và bịa đắt tráng trọng như trước. Nhờ có Internet, những lời nói dối của Cộng Sản Việt Nam, dân gian trong nước cũng biết được.

Không còn nói dối được, Cộng Sản Việt Nam, vốn sợ sự thật, đã tìm cách bưng bít thông tin trên Internet từ bên ngoài, bằng cách dùng tường lửa (firewall). Cộng Sản Việt Nam còn cấm dân dùng disk antenna (trong nước gọi là ăng-ten chảo) để xem các chương trình truyền hình ở nước ngoài từ vệ tinh, vì cộng sản hiểu rằng thông tin bằng hình ảnh có tác dụng mạnh hơn báo chí, sách vở, hay đài phát thanh bên ngoài.

Cộng Sản Việt Nam còn bưng bít thông tin bằng cách không cho báo chí và sách vở của Người Việt lang thang được vào trong nước. Báo chí trên Internet của Người Việt tại nước ngoài đều bị chặn bằng tường lửa. Trong khi đó, tại Mỹ, người ta có thể đọc mọi tờ báo trong nước, có trên Internet, và người ta thấy hàng trăm ngàn sách vở trong nước được Người Việt tại Mỹ quảng cáo và bày bán tự do.

Mới đây, tạp chí lưu vong “độc lập,” trên Internet, là *talawas*, đã bị tường lửa sau hai năm được vào trong nước. Nhiều ý kiến được đăng lên tạp chí này, nói thẳng hoặc nói xa nói gần về hành động ngăn chặn tiếng nói *talawas*, của Cộng Sản Việt Nam. Những người này không biết rằng, đối với cộng sản, tất cả những người không đứng hẳn về phía họ, đều là “bọn phản động.” Không có “độc lập”, hay “ở giữa.” Dân gian Miền Nam đã có kinh nghiệm lịch sử về việc này. Khi Cộng Sản Miền Bắc “chiến thắng” Miền Nam, người ta đã nhìn thấy thân phận của những người “ở giữa” là như thế nào, và những tay sai, như Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam VN, là như thế nào.

Được đọc báo trong nước là một việc tốt, đối với Người Việt lang thang. Qua các bài phóng sự và điều tra, người đọc sẽ được biết một phần nào đời sống của đồng bào thường dân trong nước. Tuy nhiên, phần tin tức thời sự sẽ làm người đọc chán ngấy, vì sẽ thấy, nào là:

- *Phải kiểm tra chắc chẽ . . .*
- *Không được buông lỏng . . .*
- *Phải lập khung pháp lý cho . . .*
- *Cái này rất nhạy cảm . . . cái kia rất nhạy cảm . . .* (cấm kỵ, không được nói đến).

Đọc báo trong nước mới thấy hiện tượng: chính nhà thơ báo nhà nước phải kiểm tra chắc chẽ các nhà thơ khác, chính nhà đạo diễn điện ảnh báo nhà nước không được buông lỏng các đạo diễn điện ảnh khác, v. v. Ngày nào cũng có bài viết “*Phải kiểm tra chắc chẽ . . .*” Chế độ toàn trị của Cộng Sản Việt Nam giam nhốt trí tuệ của toàn dân, đã kéo dài nửa thế kỷ rồi. Xã hội cộng sản ngày nay hiện hữu đúng như thí nghiệm *phản xạ có điều kiện*⁽⁷⁾ đối với loài chó, của nhà khoa học Nga Ivan P. Pavlov.

Một sự kiện cho thấy “hiệu quả” của chính sách bưng bít thông tin, và nói dối, của Cộng Sản Hà Nội.

Địa ngục không cửa sổ
*Tôi đã đến Paris phồn hoa tráng lệ
 Đi dưới trời tuyết lạnh
 Tôi ngắn ngơ từng góc phố con đường
 Sao tôi thấy cảnh thanh bình xa lạ
 Tùng đàn chim quanh quẩn dưới chân người
 Cuộc sống nơi đây tôi nào có biết
 Nhưng nhận ra ngay qua những nụ cười
 Ở nơi đó tôi thấy rất nhiều khác lạ
 So với điều người ta dạy cho tôi
 Và từ đó hồn tôi bỗng "Cửa Mở"
 Tôi khóc thầm cho dân tộc của tôi
 Hồi nhân loại! Hãy giúp tôi mở cửa
 Bao nhiêu người đang ngủ muội lầm than
 Trong địa ngục khổng lồ không cửa sổ.*
 Trần Việt Phương. Hà Nội, 1972

Tác giả Trần Việt Phương nguyên là thư ký của Thủ Tướng Cộng Sản Phạm Văn Đồng. Ông đã làm bài thơ *Địa Ngục Không Cửa Sổ* trong dịp xuất ngoại theo Ngoại Trưởng Nguyễn Duy Trinh qua Âu Châu yết kiến Giáo Hoàng Paul VI để xin Đức Giáo Hoàng kêu gọi Nước Mỹ ngừng ném bom Miền Bắc. Khi ở Paris, ông đã nhận ra rằng đời sống tại xứ tự do này không giống như những gì Đảng Cộng Sản đã nói với ông. Khi về nước, ông đã lén lút phổ biến tập thơ *Cửa Mở*. Bài thơ trên đây là 1 trong 32 bài thơ trong tập thơ của ông.

Cộng sản thường nói, “*Tư tưởng phát sinh hành động.*” Điều này hoàn toàn đúng. Nhưng họ đã không nói đến hệ luận tiếp theo, “Tư tưởng đúng sẽ dẫn đến hành động đúng, và tạo nên một xã hội tốt đẹp; tư tưởng sai sẽ dẫn đến hành động sai, và tạo nên một xã hội xấu xa.” Phát triển kinh tế đòi hỏi thời gian lâu dài; thay đổi những giá trị tinh thần, tức tư tưởng, có thể làm ngay, một sớm một chiều. Và đó là điều kiện cần thiết để một dân tộc có thể phát triển kinh tế, và vươn lên. Mỗi con người biết suy nghĩ, và chọn lựa; mỗi dân tộc cũng biết suy nghĩ, và chọn lựa. Vấn đề là chọn lựa cái gì.

Mặt khác, tâm lý chung của hầu hết những dân tộc già, là thích nhìn lui để tự hào và thỏa mãn về quá khứ lịch sử của mình, từ đó, các dân tộc già đậm chất tại chỗ. Trong lúc khoa học và kỹ thuật đã và đang làm thay đổi nhanh đời sống của con người trên Trái Đất, một dân tộc đậm chất tại chỗ có nghĩa là thụt lùi. Trong khi đó, các dân tộc trẻ không vướng bận quá khứ, nhìn tới, với tinh thần phơi phới tự do, biết chọn lọc để rời bỏ những truyền thống lỗi thời làm cản trở bước tiến của họ. Khai phá và sáng tạo, các dân tộc trẻ đã và đang tiếp tục đưa đất nước của họ vươn lên từng ngày.

Ai cũng biết, các dân tộc Âu Mỹ nhờ vào suối nguồn khoa học và kỹ thuật đầu tiên của Hy Lạp, Ả Rập, Ấn Độ, và Tàu, làm vốn trí tuệ ban đầu, từ đó phát triển tiếp và vươn lên, như ngày nay. Trong khi đó, những người chủ của tài sản trí tuệ ban đầu, ngày nay lại trở thành những người bán rẻ sức lao động cho Âu Mỹ. Có thể nói:

Ngày Hôm Qua không có ý nghĩa quan trọng bằng Hôm Nay, Bây Giờ.

Trong *Biện chứng của tự nhiên* của Friedrich Engels, có một tiền đề của biện chứng là, “Mọi vật mọi sự, nghĩa là bất cứ cái gì, cũng đang ở trong tình trạng *vận động*, nghĩa là biến đổi theo thời gian.” Dưới sự thống trị của tập đoàn cộng sản, trong thời gian dài nửa thế kỷ, xã hội Việt Nam có “vận động,” nghĩa là có biến đổi. So với đà tiến của thế giới, xã hội Việt Nam đang biến đổi thụt lùi. Sau khi Mỹ chấm dứt thời gian cô lập Việt Nam Cộng Sản, nhiều nguồn tiền đã đổ vào Việt Nam: tiền viện trợ của quốc tế, tiền đầu tư của nhiều nước, cộng với tiền bán rẻ sức lao động cho nước ngoài, và cộng với tiền của Người Việt lang thang trên khắp Trái Đất gởi về nước. Ngoài việc người dân nghèo trong nước đang bán rẻ sức lao động cho Âu Mỹ, Nhật, Úc . . . Cộng Sản Việt Nam còn tổ chức đưa dân đi bán rẻ sức lao động trên khắp thế giới, mà họ gọi là “xuất khẩu lao động.” ⁽⁸⁾ Tất cả nguồn tiền này đã và đang làm thay đổi bộ mặt của các trung tâm thành phố lớn tại Việt Nam. Điều này đã làm cho số đông Người Việt về thăm quê hương, hiểu lầm rằng Nước Việt Nam đã không còn là cộng sản nữa. Thực tế, như đã nói ở phần trên, cho đến nay, Việt Nam vẫn là một nước cộng sản chính thống. Đó là nguyên nhân làm cho xã hội Việt Nam thụt lùi.

Người cộng sản Việt Nam thường tự hào về *Người Việt “chiến thắng”* *Người Việt* trong cuộc nội chiến kết thúc năm 1975. Sau “chiến thắng” của họ, nhìn Nước Việt Nam Cộng Sản ngày nay, người ta liên tưởng đến ông già trong *The old man and the sea* của E. Hemingway: ông già này đã chiến thắng con cá to ngoài biển và mang về bến cảng; sau đó, trên bãi biển, người ta nhìn thấy bộ xương to trắng héo của con cá.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, sau chuyến đi Canada thăm gia đình, đã nói một câu đáng để cho người cộng sản suy nghĩ: “*Nước Canada không có anh hùng, nhưng Người Canada hiền hòa và nhân ái.*” Và Canada, rất trẻ như Mỹ, là một nước trong G8⁽⁹⁾ của thế giới.

Trong một quyển truyện của Pearl Buck, nữ văn hào đã nói đại ý như sau:
“Nhân loại hãy sợ những kẻ muốn làm anh hùng hay siêu nhân, vì đó là những kẻ thường làm cho con người đau đớn và chảy máu.”

Nhìn về trong nước, người ta có thể nói, bây giờ:

Năm trên “Đống Rác Của Lịch Sử,”⁽¹⁰⁾ Việt Nam còn đang ngủ giấc ngủ cộng sản⁽¹¹⁾ đã dài nửa thế kỷ vẫn chưa thức dậy.

Người ta không thể chỉ dùng triết học để xây dựng một xã hội tốt đẹp, như nếp suy nghĩ của các trí thức xa-lông. Mọi thứ chủ nghĩa đều là những hàng rào, hay xích xiềng, hay nhà tù, mà con người tự nhốt mình trong đó. Một dân tộc phi chủ nghĩa, là một dân tộc tự do; một con người trơ trọi, là một người tự do.

Ghi chú

(1) **Hiện tượng kỳ thị di dân da màu** (tr.164)

Trên thực tế, có thể nói rằng, Người Mỹ có lý do khi họ tỏ ra kỳ thị các di dân da màu, đến từ những nước có trình độ xã hội và dân trí thấp, như Mẽ Tây Cơ, Tàu, Việt Nam . . . và những nước thuộc Châu Phi.

Ngày nay, di dân lậu là một vấn đề mà Nước Mỹ quan tâm. Mỗi năm, có một số đáng kể di dân lậu tràn vào Nước Mỹ, hầu hết là từ Mẽ Tây Cơ; một số ít là di dân lậu từ Châu Phi, Nam Mỹ, và Tàu, theo tin tức trên báo chí Mỹ.

Ngoài vấn đề an ninh, nói chung, di dân da màu thường làm những việc có hại cho xã hội Mỹ:

- Lạm dụng các trợ cấp an sinh xã hội;
- Người chủ di dân, và người lao động di dân không có năng khiếu (unskilled) thường trả và nhận tiền mặt, một cách để trốn thuế;
- Gây ra nhiều tệ nạn xã hội, so với Người Mỹ trắng; ở những khu có đồng dân da đen và di dân da màu, thường thiếu an ninh, và dơ bẩn, do đó, Người Mỹ trắng thường bán nhà để dọn đi nơi khác.

- Thiếu tinh thần trọng pháp khi sống trong một đất nước pháp trị. Nói riêng di dân Việt Nam, không phải chỉ có lớp người ít học, mà một số nhỏ trong lớp người có học, cũng thiếu tinh thần trọng pháp. Chẳng hạn, trong khi nhiều bác sĩ hành nghề đàng hoàng, đã có vài bác sĩ, vào thời trợ cấp an sinh còn rộng rãi, trước đây hơn mươi năm, đã giúp những người hưởng an sinh xã hội, rút tiền an sinh về sức khỏe, để mua sắm những thứ khác, thay vì để trị bệnh. Chẳng hạn, mới đây, vài bác sĩ chính hình tại California, đã gian dối trong khi chữa trị cho bệnh nhân, để nhận tiền của các hãng bảo hiểm một cách phi pháp . . . Chẳng hạn, trong thời gian đầu định cư ở Texas, một số di dân Việt Nam làm nghề đánh cá, đã không tuân thủ luật đánh cá ban ngày của Nước Mỹ, ban đêm lén lút ra khơi để đánh cá; khi bị các ngư dân Mỹ tố cáo, một vài ngư dân Việt Nam đã dùng bạo lực ghiết đối thủ . . . Chẳng hạn, Đại Sứ Lê Văn Bằng của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đã từng vi phạm pháp luật, khi đi bắt sò trái phép, đã bị cảnh sát Mỹ bắt phạt.

(2) **Sẽ là ảo tưởng, nếu cho rằng một xã hội là dân chủ 100%** (tr. 166)

Dưới đây là một bài báo trích từ *Việt Báo Online*, ngày 09/23/2004.

Dân Quyền Báo Động: Nhiều Triệu Phiếu Mất Oan

WASHINGTON (Reuters) -- Nhiều triệu công dân Mỹ, trong đó có nhiều cử tri da đen, sẽ bị gạt ra khỏi cuộc bỏ phiếu ngày 2-11 sắp tới vì rào cản pháp lý, vì thủ tục sai và vì đòn bắn chính trị, theo các nhà dân quyền và chuyên gia pháp lý.

Phần lớn nhất trong những người mất quyền bầu cử này là gần 5 triệu cựu tù hình sự, những người đã hết án tù và được thả.

Tính chung, 13% trên toàn bộ đàn ông da đen bị cản ngoài vòng bầu cử vì án hình sự cũ, theo Ủy Hội Dân Quyền CCR. Thăm dò liên tục cho thấy Mỹ da đen đại đa số bầu cho Dân Chủ.

"Chưa ai giải thích cho tôi vì sao cựu hình sự đã mãn án lại không cho bầu cử," theo lời Jessie Allen thuộc Brennan Center for Justice ở Đại Học New York.

Phe bảo thủ bất đồng. "Những ai không tuân theo luật pháp và bị tống vào tù thì không nên ở vị trí làm luật cho người khác bằng cách chọn ra vị dân cử," theo lời Roger Clegg của Center for Equal Opportunity.

Nhiều triệu phiếu bầu khác trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2000 đã mất mát vì sai lầm hành chánh trong khi các hội dân quyền liệt kê nhiều kỹ thuật nhằm đè nén cử tri da đen đi bầu.

Vicky Beasley, viên chức của People for the American Way, liệt kê vài cách làm khó cử tri, "Trong bầu cử ở Baltimore năm 2002 và ở Georgia năm ngoái, cử tri da đen nhận được các truyền đơn gửi tới nói là ai chưa trả đủ tiền hóa đơn năng lượng hay là chưa trả tiền phạt đậu xe, hay là trả trễ tiền thuê nhà thì sẽ bị bắt ở phòng phiếu. Cứ lần bầu cử nào cũng hù dọa như thế."

Trong bầu cử chức thị trưởng năm ngoái ở Philadelphia, nhiều người già như cảnh sát chìm đứng ngoài các phòng phiếu, hỏi người qua lại cẩn cước. Cũng có các tường trình về những người quay phim các dây người xếp hàng chờ bầu cử ở các xóm da đen.

Cử tri thiểu số còn bị ngăn cản bầu cử chỉ đơn giản bằng cách viên chức bầu cử đòi xem bằng lái xe trước khi đưa cho họ phiếu bầu, theo lời Spencer Overton, giáo sư luật ở Đại Học George Mason, “Người Mỹ da đen có 4 tới 5 lần ít hơn dân da trắng về việc có cẩn cước có hình,” theo lời ông trong buổi họp báo về tình hình làm thiểu số mất quyền bầu cử.

Courtenay Strickland thuộc ACLU tuần trước điều trần trước Ủy Hội Dân Quyền Mỹ rằng tại 1 cuộc bầu cử sơ bộ ở Florida tháng trước, nhiều người bị gạt bỏ sai lầm khi không đưa ra cẩn cước nào.

Ủy hội trong bản tường trình đầu năm nay, nói là ở Florida, nơi TT Bush thắng trong bầu cử 2000 với 537 phiếu, cử tri da đen gấp 10 lần nhiều phần hơn cử tri khác là có lá phiếu bị bác bỏ và thường bị cản chỉ vì tên họ bị gạch bỏ sai lầm trên danh sách ghi danh.

Thêm nữa, Florida là 1 trong 14 tiểu bang cấm cựu tù hình sự bầu cử.

Penda Hair, đồng giám đốc của Advancement Project, mới đây tường trình là các phòng đăng bộ ghi danh khắp Hoa Kỳ thường nói là không nhận được mẫu ghi danh cử tri hay là đã bác bỏ chúng vì lý do kỹ thuật mà lý ra có thể điều chỉnh dễ dàng trước ngày bầu cử, nếu người ghi danh biết có trả ngại.

Beasley nói, nhiều cử tri mới ghi danh ở các tiểu bang nghiêm ngặt nhiều phần là không thấy tên trên danh sách khi họ tới phòng phiếu ngày 2-11.

www.vietbao.com 09/23/2004

(3) Stem-cell (tr. 170)

Một trong các loại *stem-cell* là *stem-cell* của *bào thai* (embryonic stem-cell). *Stem-cell* của bào thai là những master cell được tạo thành trong những ngày đầu sau khi thụ thai. *Stem-cell* có khả năng phát triển thành nhiều loại tế bào của cơ thể. Theo lý thuyết, các *stem-cell* có thể chia đôi đến vô tận, để thay thế các tế bào bị bệnh, hoặc bị hủy hoại.

Chống đối và ủng hộ việc phát triển stem-cell.

Lấy *stem-cell* ra khỏi bào thai sẽ giết chết bào thai. Nhiều đoàn thể tôn giáo và Phe Bảo Thủ chống đối việc phát triển *stem-cell*, vì họ xem việc làm đó là trái với luân lý. Họ quan niệm rằng, một bào thai – dầu ở trong những ngày đầu thụ thai – vẫn là một sinh mạng; do đó, giết một bào thai là tội giết người. Nhiều nhà khoa học và Phe Cấp Tiến ủng hộ việc phát triển *stem-cell*, vì họ quan niệm rằng, một bào thai trong mấy ngày đầu thụ thai chưa phải là một con người; do đó, việc hủy hoại một bào thai trong trường hợp này, không phải là tội giết người. *Stem-cell* có thể dùng để chữa rất nhiều bệnh tật, như Parkinson, Alzheimer, đau cột sống, tiểu đường, rỗng xương, thấp khớp . . .

(4) **Chớ đem đạo đức để nói về kinh tế** (tr. 174)

Nước Mỹ thường tự hào về nền Tự Do của họ, và Nước Mỹ cũng tự hào rằng họ là dân tộc đã gieo rắc Tinh Thần Tự Do trên khắp Trái Đất. Sự kiện mới nhất dưới đây, được trích từ *Việt Báo Online*, ngày 27/08/2004, cho người ta thấy các tập đoàn tư bản Mỹ, khi cần, sẵn sàng hủy hoại khát vọng tự do của các dân tộc khác. Kinh tế là vô đạo.

Tin Thế Giới**Nhân Quyền Lên Án 3 Hãng Mỹ Giúp Công An TQ Xiết Internet**

BEIJING – Một tổ chức bênh vực quyền tự do phát biểu **đã** chỉ trích Yahoo và Google – 2 công cụ tìm kiếm trên Internet được **nhà** chuộng nhất – vì **đã** hợp tác với chính phủ Trung Quốc để bưng bit thông tin.

Hội Phóng Viên Không Biên Giới (RSF) bản doanh ở Paris **đã** lên án “các chính sách vô trách nhiệm của 2 hãng Mỹ Yahoo và Google vi tiếp tay trực tiếp hay gián tiếp với chính phủ Hoa Lục để kiểm duyệt.”

Hội yêu cầu Hoa Kỳ áp dụng nguyên tắc Luật Tự Do Internet Toàn Cầu (GIFA) vào hoạt động của các hãng tư tại “một số của các chế độ đàn áp nhất thế giới.”

Luật GIFA do Hạ Viện Mỹ thông qua tháng 7-2003, nhằm chống kiểm duyệt Internet do các chính phủ toàn cầu thực hiện.

Hội nói, khi dùng web Yahoo Hoa Ngữ thì tìm các trang “Độc lập Tây Tạng” thì không **rõ** gì hết, trong khi tìm nhóm chữ “Độc lập Đài Loan” thì chỉ hiện ra các trang web Hoa Lục chửi mắng lập trường độc lập.

Khi dùng Yahoo tìm chữ “Ngụy Kinh Sinh,” nhà ly khai nổi tiếng nhất Trung Quốc, thì chỉ ra các trang web Hoa Lục lên án ông này. Còn tìm ở Google thì ra màn hình nói không hiển thị được.

Các hãng Mỹ khác, như Cisco Systems, cũng đã giúp công an Trung Quốc theo dõi trên Internet, người dùng và các email họ gửi đi, theo lời RSF.

Hội nói Cisco đã bán nhiều ngàn máy routers để giúp chế độ lập hệ thống theo dõi, biết tức khắc khi có ai gõ lên các chữ “nỗi loạn” trong email.

- (5) Về tòa đại sứ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Moskva (tr. 180)
 Chẳng những không bảo vệ mấy chục ngàn đồng bào Việt Nam tại Nga, bị cảnh sát Moskva hiếp đáp, trấn lột, và đánh đập tàn nhẫn, tòa đại sứ của Cộng Sản Việt Nam tại Moskva còn gây khó dễ để làm tiền đồng bào Việt Nam đang sinh sống tại Nước Nga.

Dưới đây là lời của một Người Việt tại Nga, đăng trên *Người Việt Online*, ngày 03/24/2004, cho thấy Tòa Đại Sứ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đối xử với đồng bào Việt Nam tại Nga như thế nào.

Nỗi khổ của người Việt tại Nga: Muốn đổi hộ chiếu phải hối lộ cho đại sứ quán

Wednesday, March 24, 2004 3:13:07 PM -

Dù không có con số thống kê chính thức, thế nhưng hiện nay tại nước Nga cũng đang có vài trăm ngàn người Việt đang sinh sống, làm việc và học tập...

Trong số người này đa số vẫn không có quốc tịch Nga và vẫn mang quốc tịch Việt Nam do đó họ vẫn phải dùng hộ chiếu Việt Nam và đến thời hạn họ phải đến đại sứ quán Việt Nam xin đổi hộ chiếu. Mặc dù đang sống ở nước ngoài (tại Nga) thế nhưng tình cảnh của họ cũng không sáng sủa hơn những người dân trong nước, có nghĩa là họ vẫn bị đại sứ quán Việt Nam tại Nga với vĩnh tiền hối lộ một cách trắng trợn khi họ đến đổi hộ chiếu mà đại sứ quán Việt Nam tại Nga gọi nôm na là "phí dịch vụ". Một **■** thư của 1 người Việt tại Nga tên là Ngô Văn Long đưa lên Internet đã kể lại trò "ăn bǎn" này của sứ quán CHXHCN Việt Nam:

"Là một người Việt chỉ biết quanh năm chǎm chỉ làm lụng kiếm **đi** ở Tula - một thành phố của Nga cách khá xa thủ đô, tôi chẳng mấy khi lên Mát (tên gọi ngắn chỉ thủ đô Mabcovia mà người Việt thường dùng) nếu như không có những việc thật cần thiết.

Nhưng **■** thành lệ, năm năm một lần hộ chiếu lại hết hạn, những người dân đen như **tôi** lại phải lo làm thủ tục để xin được cấp hộ chiếu mới. Mấy năm trước tình hình buôn bán khẩm khá, những người sống xa sứ quán như chúng tôi thường "phó mặc" việc này cho một số người làm dịch vụ chuyên mang hộ chiếu, giấy tờ lên **Mát** đổi hộ.

Dịch vụ phí cũng không phải là thấp, hồi đó nghĩ một buổi chợ đổi với chúng tôi có thể còn thấp thu hơn nhiều. Nhưng từ hai năm nay, chuyện làm **■** trở nên khó khăn, hàng họ không chạy như trước, chợ càng ngày càng vắng mà chi tiêu hằng tháng lại hay phát sinh, cho nên đổi với những người buôn bán nhỏ thì tiết kiệm được khoản nào hay khoản đấy.

■ lâu rồi mới lại khăn gói đến cửa quan, sáng sớm thứ hai chúng tôi theo **x** hàng lên Mát rồi tìm đến sứ quán VN. 10 giờ chúng tôi **đ** đứng trước cửa phòng lãnh sự, chú em đi cùng bỗng nhiên khụng lại, cẩn thận chui chân, bỏ mũ rồi mới dám mở cửa bước vào. Trước mặt chúng tôi là một ô cửa sổ, chắc là phòng thường trực, nhưng bên trong không có ai. Phải mấy phút sau mới có một ông to cao đeo kính xuất hiện. Thấy chúng tôi, ông hỏi đúng giọng bảo vệ chuyên nghiệp: "Anh hỏi ai? Vào đây làm gì?". Tôi trình bày lý do, rồi xuất trình giấy tờ để chứng minh là anh em tôi lên sứ quán đổi hộ chiếu. Nhưng cũng phải mất đến hơn 10 phút chúng tôi mới qua được cái "ô tò vò" của ông thường trực.

Anh em tôi không những đã phải xuất trình đủ mọi thứ giấy tờ tùy thân, mà còn phải trả lời cả những câu hỏi vừa “dọa dẫm”: “Đi đâu? Gặp ai?”, lại vừa như “cảm thông” của ông thường trực nọ: “Giờ này chưa ai tiếp đầu, anh cần gì thì tôi giúp? Đổi hộ chiếu hả, hay làm giấy thông hành về nước? Hay khai sinh cho con? Cần gì tôi làm cho, mất thêm tí chút nhưng lấy được ngay rồi còn về mà đi bán hàng”. Sau một hồi “qua lại”, rồi anh em tôi cũng vào được bên trong phòng lãnh sự.

Vừa đặt người xuống ghế thì bỗng có ngay một chị đến bên chúng tôi: “Các anh đến sớm thế, chắc là ở đây lên phái không? Vào đây uống nước đã”. Rồi chị đơn đã kéo anh em tôi sang phòng bên cạnh và nói: “Đây là phòng dịch vụ của sứ quán... nếu muốn làm nhanh thì đưa đây tôi giúp, chỉ mất thêm chút ít thôi nhưng lấy được ngay”.

Nghe vậy, tôi mới hỏi nếu muốn làm hộ chiếu thì cần phải khai những giấy gì và mất bao nhiêu tiền thì nhận được ngay. Chị ta liền chào ngay, đổi hộ chiếu 230 đôla, cấp hộ chiếu mới nếu bị mất là 370 đôla, lấy nhanh trong vòng nửa tiếng. Thấy chúng tôi kêu đất, chị ta bèn nói: “Tôi cũng chỉ lấy công 10 đô thôi, tiền là trên kia họ thu hết...”. Thấy chúng tôi ngần ngừ, chị ta nói: “Các anh không tin thì ra bảng thông báo mà xem bảng giá, cũng thế thôi, mà còn lâu mới nhận được”.

Hai anh em tôi ra xem bảng thông báo. Quả thật, trên đó ngoài các mức phí thông thường còn có thêm mục qui định các mức phải nộp thêm nếu muốn làm trong ngày. Như chúng tôi đổi hộ chiếu, trong vòng 24 tiếng ta phải nộp lên thành 200%, muộn hơn thì 150%. Trong khi đó phí đổi hộ chiếu bình thường chỉ ghi là 50 đôla.

Vừa lúc đó thì có cán bộ xuống, những người đang đứng quanh bảng thông báo liền ào về phía quầy tiếp dân. Một cảnh tượng hỗn loạn, chen lấn nhau diễn ra. Cuối cùng đến lượt mình, tôi hỏi về thủ tục đổi hộ chiếu thì được trả lời: khai theo mẫu, nộp hồ sơ, rồi cầm giấy hẹn sau một tháng đến nhận. Tôi liền hỏi về cách đổi nhanh thì được trả lời: “Đọc qui định tại bảng thông báo. Nói rồi anh cán bộ ôm tập hồ sơ đi. Ô bên cạnh có một chị cán bộ đang ngồi, tôi vội hỏi về thời gian nếu làm nhanh thì được giải thích: lệ phí là 220 đôla, cuối giờ lấy!”

Thấy chúng tôi thất vọng quay ra, chị “dịch vụ” mời chúng tôi vào trong lúc mới đến và ông thường trực vừa nói vừa cười: “Thấy chưa, mất có 10 đôla cho chúng tôi thì có khi bây giờ đã xong rồi, thích làm thằng thì chờ đến chiều muộn nhé”. Anh em tôi chỉ còn biết nhìn nhau.

Đành vậy thôi, ta lên được đến đây, tốn kém tiền tàu xe, lại luôn bị dọa công an bắt kiểm tra giấy tờ để ăn tiền, tôi đành tặc lưỡi rút 460 đô và hai quyển hộ chiếu sắp hết hạn đưa cho chị “dịch vụ”. Chị ta đơn đã cầm hộ chiếu và tiền rồi bấm điện thoại. “Hai anh cứ ngồi đây uống nước, tí là xong thôi”. Tôi cầm chén chè loáng trong tay mà như cầm chén mồ hôi nước mắt. Trong thâm tâm tôi bỗng thấy vừa buồn, vừa tủi, vừa xót xa.

Tôi nhìn đồng hồ hết đúng 25 phút, chúng tôi đã cầm quyền hộ chiếu “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” mới tinh trong tay với dấu quốc huy đỏ chót.

Chúng tôi cầm quyền hộ chiếu trong tay mà cảm thấy thật đau xót cho một đất nước nhiều người phải tha hương xa xứ kiếm ăn, mà anh em chúng tôi chỉ là hai trong số hàng vạn người Việt đang sinh sống làm ăn ở nước ngoài...

(6) **Cuộc kháng chiến chống Pháp** (tr. 180)

Cuộc kháng chiến chống Pháp, Mùa Thu 1945, như nhiều cuộc kháng chiến trước đó, là do lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam. Các lực lượng chống Pháp là một *liên minh* của nhiều thành phần chính trị: những người cộng sản, và những người không cộng sản; vì vậy, lực lượng này được gọi là *Việt Minh*, có nghĩa là liên minh của những lực lượng Người Việt thuộc nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau.

Đối với người cộng sản, chống Pháp là phương tiện để đạt đến cứu cánh là thiết lập chế độ cộng sản tại Việt Nam. Bởi vậy, Cộng Sản dùng thủ đoạn để loại bỏ từ từ các khuynh hướng chính trị khác với họ, bằng cách thủ tiêu những người lãnh đạo của các khuynh hướng này. Tuy những nhà lãnh đạo bị thủ tiêu, thành phần chiến sĩ không hề biết cộng sản là gì, vẫn tiếp tục chiến đấu, như những người yêu nước thuần túy, nghĩa là không đảng phái.

Khi Người Pháp rút khỏi Việt Nam, năm 1954, lực lượng cộng sản thống trị một nửa Nước Việt Nam, từ vĩ tuyến 17 trở ra Miền Bắc, theo Hiệp Định Genève 1954. Vào lúc đó, những người cộng sản công khai thiết lập chế độ cộng sản ở Miền Bắc, và họ gọi là *Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa*.

Những thành phần Người Việt không cộng sản tập hợp lại ở Miền Nam, do Cựu Hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng, và sau đó, một thương thư cũ của Triều Đinh Huế, là Ngô Đình Diệm, sống lưu vong tại Mỹ, trở về Miền Nam lập ra Đệ Nhứt Cộng Hòa, và gọi là *Nước Việt Nam Cộng Hòa*.

Trên thế giới, vào lúc đó, có đến ba nước ở trong hoàn cảnh chia đôi lãnh thổ, với hai thể chế đối lập nhau, một bên theo Khối Cộng Sản, và một bên theo Thế Giới Tự Do: Đức, Triều Tiên, và Việt Nam. Nếu những người Cộng Sản Việt Nam không cuồng tín vì lý thuyết mác-xít, để cộng sản hóa toàn dân tộc Việt Nam, Nước Việt Nam đã không ở trong hoàn cảnh bị chia đôi lãnh thổ.

Cuồng tín và tham vọng, tập đoàn thống trị của Cộng Sản Miền Bắc muốn cộng sản hóa luôn Miền Nam. Do đó, họ mở ra cuộc nội chiến tại Việt Nam từ năm 1960, và cuối cùng, Cộng Sản Miền Bắc đã “thắng” Miền Nam Tự Do, vào năm 1975, với nhiều triệu Người Việt ở cả hai miền đã chết vì tham vọng của Cộng Sản Miền Bắc.

Trước đây, Tập Đoàn Cộng Sản Việt Nam lợi dụng lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp, để thiết lập chế độ cộng sản tại Việt Nam; vì còn yếu, họ phải đứng trong liên minh với những Người Việt không cộng sản. Ngày nay, khi đã thống trị toàn thể lãnh thổ Việt Nam, Tập Đoàn Cộng Sản Việt Nam tiếp tục dùng chiêu bài “yêu nước,” một cách công khai, để chiêu dụ lực lượng Người Việt Tự Do đang tỵ nạn tại các nước ngoài, đặc biệt là ở Nước Mỹ, nơi có nhiều Người Việt nhất. Cộng Sản đã nói rõ: “*Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội*.”

Vậy, người ta phải hiểu là, theo Nghị Quyết 36 của Cộng Sản Việt Nam, những Người Việt tại Mỹ muốn tổ cho Tập Đoàn Cộng Sản Việt Nam thấy mình là người “yêu nước,” những người ấy cũng bị bắt buộc phải yêu luôn “chủ nghĩa xã hội,” nghĩa là yêu “chế độ cộng sản” tại Việt Nam hiện nay, một chế độ mà họ đã trốn chạy từ Tháng Tư, Năm 1975. Đối với Cộng Sản, không thể “yêu nước” mà không “yêu chế độ cộng sản.”

(7) Phản xạ có điều kiện (tr. 183)

Nhà khoa học Nga Ivan Petrovich Pavlov (1849-1936) có làm thí nghiệm sau đây, về một hiện tượng gọi là *phản xạ có điều kiện* (conditioned reflexes).

Người ta đưa đồ ăn đến trước một con chó, đồng thời rung chuông lên; người ta nhận thấy con chó chảy nước miếng ra. Người ta lặp lại nhiều lần thí nghiệm trên đây, và ghi nhận kết quả giống nhau.

Sau đó, người ta làm một thí nghiệm khác, cũng với con chó trên đây: người ta chỉ rung chuông trước con chó mà không có đưa đồ ăn tới. Người ta ghi nhận rằng, khi nghe tiếng rung chuông, con chó vẫn chảy nước miếng ra.

Người ta gọi phản xạ của con chó (chảy nước miếng) khi nghe tiếng chuông rung, là *phản xạ có điều kiện*.

(8) “Xuất khẩu lao động” (tr. 184)

Ở các nước tự do, tất cả mọi người dân đều được cấp passport. Người nào muốn đi làm việc ở nước khác, thì cứ đi tự do; chính phủ không can thiệp và tổ chức giữ cả. Bởi vậy, người nước này đi làm việc ở nước khác là một việc bình thường trên thế giới, đã có từ lâu.

Tại Việt Nam Cộng Sản, tập đoàn thống trị *tổ chức* cho người dân đi lao động ở nước ngoài. Việc tổ chức được xem như một dịch vụ để kiếm tiền; những người muốn được “xuất khẩu lao động” phải nộp những số tiền rất lớn, thường là gia đình phải vay mượn hoặc bán nhà cửa, mới đủ tiền nộp cho tập đoàn tư bản nhà nước. Trong tiền lương mà người “xuất khẩu lao động” lãnh tại nước ngoài, nước nhận họ phải trừ 30% để nộp cho tập đoàn tư bản nhà nước của Cộng Sản Việt Nam, và 10% để nộp cho cơ quan làm dịch vụ “xuất khẩu lao động.” Người lao động chỉ còn lại 60%. Trong dịch vụ “xuất khẩu lao động,” những người dân nộp tiền cho nhà nước để được đi làm việc cho các nước ngoài, được Cộng Sản Việt Nam coi là một loại *hàng hóa* để xuất khẩu. Đó là ý nghĩa khác nhau giữa người dân của các nước tự do (tự họ tự do đi làm ở nước ngoài) và Người Việt được tập đoàn tư bản nhà nước cho đi “xuất khẩu lao động,” dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Tin trên báo chí Việt Nam, kể cả trong nước và ngoài nước, đã cho thấy cảnh những Người Việt “xuất khẩu lao động” bị lường gạt, bị đối xử thô bạo bởi những người chủ nước ngoài, và Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn im lặng.

Vì Người Việt trong nước đã được tập đoàn tư bản nhà nước của Cộng Sản Việt Nam xuất khẩu như một loại hàng hóa, nên khi bị khách hàng, là các nước ngoài nhận món hàng, khiếu nại về món hàng, nhà nước phải họp với khách hàng để giải quyết tình trạng của món hàng mà họ đã giao. Tin sau đây trích trên *Tuổi Trẻ Online*, ngày 07/17/2004.

Thứ Bảy, 17/07/2004, 08:51 (GMT+7)

Tìm giải pháp chống lao động xuất khẩu bỗn trốn

TT (TP.HCM) - Cục Quản lý lao động ngoài nước đang có cuộc khảo sát thị trường nước ngoài kéo dài 10 ngày (từ 13 đến 23-7-2004) tại Hàn Quốc và Nhật Bản, với sự tham gia của đại diện các ủy ban quốc hội, một số ban ngành T.Ư để tìm giải pháp xử lý vấn đề lao động VN bỗn trốn.

Theo thống kê của cục, hiện nay tại thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản, VN lao động VN bỗn trốn cao (Nhật Bản trên 25%, Hàn Quốc 40%). Đây là một thực trạng kéo dài nhiều năm và có nguy cơ thu hẹp thị trường nếu chúng ta không khắc phục nhanh. Ngoài việc nắm bắt tình hình thực tế, đoàn khảo sát sẽ có những buổi làm việc trực tiếp với các ngành liên quan phía bạn nhằm phối hợp thực thi những qui định cứng rắn trong việc sử dụng lao động và người trú bất hợp pháp.

Sau chuyến khảo sát, cục sẽ đề xuất các biện pháp xử lý hành chính cả phía doanh nghiệp xuất khẩu lao động và người lao động VN vi phạm khi làm việc ở nước ngoài. Cục đẩy mạnh công tác quản lý bằng việc tăng cường đại diện tại các nước, đề nghị phía bạn hỗ trợ các doanh nghiệp VN tăng thời hạn visa cho cán bộ quản lý tại các thị trường.

N.BAY

<www.tuoitre.com.vn> 07/17/2004

(9) **G8** (tr. 185)

Nhóm G8 gồm có 8 nước phát triển nhất về kỹ nghệ.

- Châu Âu *Pháp, Đức, Anh, Ý, Nga* (5 nước)
- Châu Mỹ *Mỹ, Canada* (2 nước)
- Châu Á *Nhật* (1 nước)

(10) **“Đống Rác Của Lịch Sử”** (tr. 185)

Hang từ của Tổng thống Mỹ R. Reagan, dùng để chỉ *Trường Phái Độc Quyền* (Karl Marx) đã tạo nên các xã hội cộng sản.

(11) **Việt Nam còn đang ngủ giấc ngủ cộng sản . . .** (tr. 185)

Cách nay nửa thế kỷ, vào thập niên 1950, Miền Nam Việt Nam và Đại Hàn tương đương với nhau, về xã hội và kinh tế. Sau khi Miền Bắc Cộng Sản xâm chiếm Miền Nam, và thiết lập chế độ cộng sản trên toàn lãnh thổ Việt Nam, ngày nay, Đại Hàn đã bỏ xa Nước Việt Nam Cộng Sản, về mọi phương diện.

Tiếng lóng

VO CAO

1

Tiếng lóng là gì?

Tiếng lóng, cũng như tiếng lái, là một hình thức của ngôn ngữ ám chỉ, nhưng tiếng lóng khác tiếng lái ở hai điểm quan trọng sau đây:

- (1) Hầu như ngôn ngữ nào cũng có tiếng lóng: Người Việt có *tiếng lóng*, Người Anh có *slang*, Người Pháp có *argot* . . . Trái lại, chỉ có các ngôn ngữ đơn âm như Tiếng Việt mới có tiếng lái; những ngôn ngữ đa âm, như Tiếng Anh hay Tiếng Pháp, không có tiếng lái;
- (2) *Tiếng lái* được dùng trong phạm vi *rộng*, nghĩa là mọi người trong xã hội đều có thể hiểu và dùng tiếng lái. Trái lại, *tiếng lóng* chỉ được dùng trong phạm vi *hẹp*:
 - các nhóm xã hội, đặc biệt là xã hội đen: *trộm cướp, buôn lậu, đĩ điếm*;
 - các tổ chức nghề nghiệp.

Những người ở ngoài các nhóm xã hội hoặc các tổ chức nghề nghiệp ấy, không thể hiểu được tiếng lóng của họ.

2

Tiếng lóng được định nghĩa trong tự điển

- *Tiếng lóng (slang)* là một từ vựng không chính thức, không tiêu chuẩn, và đặc biệt gồm có những chữ mới đặt ra, những chữ được biến đổi một cách tùy tiện, và các phép tu từ vô lý, gượng ép, hoặc khôi hài.

Slang = an informal nonstandard vocabulary composed typically of coinages, arbitrarily changed words and extravagant, forced, or facetious figures of speech.

Merriam-Webster's Collegiate Dictionary, 1996

- *Tiếng lóng (argot)* là từ vựng đặc biệt của một nhóm xã hội, một nghề nghiệp.
Argot = vocabulaire particulier à un group social, à une profession.

Le Petit Larousse, 1998

Định nghĩa thứ nhất nhấn mạnh tính chất *không chính thức* và *không tiêu chuẩn* của tiếng lóng. Định nghĩa thứ hai lưu ý đến *phạm vi sử dụng* của tiếng lóng.

Người ta có thể tóm lược ý nghĩa của tiếng lóng, như sau:

Tiếng lóng là ngôn ngữ riêng của một nhóm xã hội hoặc một tổ chức nghề nghiệp, gồm có các chữ của ngôn ngữ chính thức, đã được gán cho nghĩa mới, và các chữ mới đặt ra, chỉ để những người cùng nghề hiểu với nhau (đối với các tổ chức nghề nghiệp), hoặc nhằm làm cho những người ngoài không thể hiểu thông tin của những người trong nhóm (đối với các nhóm xã hội hoặc hội đoàn bí mật).

Tiếng lóng có hai đặc điểm chính: (1) không phổ biến, và (2) tạm thời.

Tiếng lóng không có tính chất phổ biến, vì nó chỉ được dùng trong một phạm vi hẹp của các nhóm xã hội, hoặc các tổ chức nghề nghiệp, nhưng không được mọi người trong xã hội công nhận và dùng nó. Mặt khác, tiếng lóng xuất hiện rất nhanh trong các nhóm xã hội, hoặc các tổ chức nghề nghiệp, nhưng nó cũng bị quên đi rất nhanh; đó là tính chất tạm thời của tiếng lóng.

Đặc biệt, có một loại tiếng lóng chỉ được dùng một lần một, rồi bỏ; đó là các mật khẩu. Trong quân đội, khi còn dùng tin điện Morse để truyền tin, người ta dùng tiếng lóng quy định để ám chỉ các chữ cái. Chẳng hạn, trong Quân Đội Miền Nam Việt Nam trước ngày 30/04/1975 :

Bắc Bình	⇒	B
Kinh kỳ	⇒	K
Lê Lai	⇒	L
Non nước	⇒	N
Oanh liệt	⇒	O
Hai lần Oanh liệt	⇒	OO = Ô

...

Tuy nhiên, cũng có một số tiếng lóng dần dần được mọi người trong xã hội chấp nhận, và những tiếng lóng ấy được đưa vào vốn từ vựng của ngôn ngữ chính thức. Chẳng hạn gần đây, tiếng lóng có khuynh hướng phát triển mạnh ở giới trẻ, đặc biệt là tuổi trẻ ở trường học.

3

Cách cấu tạo tiếng lóng

Tiếng lóng được cấu tạo theo ba cách chính sau đây:

- (1) Gán ý nghĩa mới cho những chữ có sẵn trong Tiếng Việt;
- (2) Đặt ra chữ mới;
- (3) Gán ý nghĩa mới cho những chữ nước ngoài.

Sau đây là các ví dụ về ba loại tiếng lóng.

(1) Gán ý nghĩa [] cho những chữ có sẵn trong Tiếng Việt

Tiếng lóng	Ý nghĩa
101 áo tơi/ áo mưa	bao cao su ngừa thai (condom)
102 áo đình chiến	áo đan bà mặc khi có bầu
103 chị em ta	gái điếm/ gái bán dâm
104 gái ăn sương	"
105 hàng	gái điếm loại sang, liên lạc bằng điện thoại cầm tay
106 chim chuột	trai gái ve vãn nhau
107 gái nhảy dù	đàn bà có chồng lén lút bán dâm
108 cháy túi	hết sạch tiền
109 chạy thuốc	đút lót, hối lộ để tránh tội
110 cho mò tôm	giết người bằng cách đâm xuống sông
111 chưa mờ mắt	đàn ông con trai chưa biết việc phòng the
112 chạm dây	thần kinh không bình thường
113 cửa nợ	bộ phận sinh dục của đàn ông
114 vùng vịnh	bộ phận sinh dục của đàn bà
115 lá da	"
116 cơm cầm tay	bánh mì
117 đào	người tình, là đàn bà con gái
118 mèo	"
119 đánh bóng mặt đường	đi lang thang trên phố
120 đầm mõm	đút lót, hối lộ
121 tin hành lang	tin đồn
122 đi khách	bán dâm
123 gõ đầu trẻ	[nghề] dạy học
124 bán cháo phổi	"
125 đo ván	bị đánh ngã
126 đào mỏ	lấy nhau nhằm mục đích hưởng của cải bên người phổi ngẫu
127 tiền chùa	tiền không phải của mình
128 đi bán muối	chết
129 chó lửa	súng
130 kèo đồng	đạn
131 nầm ấp	ở tù
132 phòng nhì	vợ bé
133 quay phim	lén lút chép bài vở, tài liệu trong phòng thi
134 trả bài	chồng làm việc phòng the với vợ, như một bốn phận
135 về vườn	bị cách chức, bị cho nghỉ việc
136 phim con heo	phim chiếu cảnh làm tình
137 bị cắm sừng	có vợ hay chồng lang chạ (ngoại tình)
138 cày	làm việc vất vả
139 bèo/ giá bèo	rất rẻ

140	<i>ăn hàng</i>	cướp giựt
141	<i>bãi dáp</i>	nơi gái điếm bán dâm
142	<i>bán cái</i>	đẩy trách nhiệm cho người khác
143	<i>bố già</i>	kẻ đứng đầu các băng đảng hoạt động phi pháp
144	<i>của lạ</i>	người ăn năn không phải là vợ hay chồng
145	<i>tin vịt</i>	tin bịa đặt, không có thật
146	<i>anh chị</i>	người lì lợm, đáng sợ nhứt trong đám du đảng
147	<i>áo vàng</i>	công an
148	<i>áo xanh</i>	công an võ trang
149	<i>đầm</i>	lấy cắp, ăn cắp
150	<i>ăn thịt thỏ</i>	bị lừa, bị gạt
151	<i>bắn máy bay</i>	xuất tinh lúc nǎm mộng
152	<i>bắt mạch</i>	thăm dò ý đồ của người khác
153	<i>bật đèn xanh</i>	ngầm báo hiệu cho phép làm một việc gì
154	<i>bật mí</i>	tiết lộ điều bí mật
155	<i>bể mánh</i>	ý đồ, thủ đoạn bị đối phương biết được
156	<i>bóc lịch</i>	ở tù
157	<i>bụi đời</i>	sống lang thang, nay đây mai đó
158	<i>canh đại dương</i>	canh chỉ có nước, không có thịt cá
159	<i>cà phê đèn mờ</i>	quán cà phê có gái bán dâm trá hình
160	<i>chạy làng</i>	bỏ cuộc, bỏ dở nửa chừng
161	<i>nổ ống khói</i>	bộ phận sinh dục đàn ông bị bệnh
162	<i>nướng</i>	tiêu phí [tiền bạc] vô ích
163	<i>bóng đá ôm</i>	vừa xem bóng đá trên ti-vi, vừa ôm gái bán dâm trá hình
164	<i>bia/ cà phê ôm</i>	vừa uống bia/ cà phê, vừa ôm gái bán dâm trá hình
165	<i>ngon</i>	không biết, không hiểu
166	<i>ngựa sätt</i>	xe đạp
167	<i>cần câu cơm</i>	phương tiện để kiếm sống
168	<i>công ty bắt ngừa</i>	chỗ gái bán dâm hành nghề
169	<i>trái cấm</i>	trinh tiết của người con gái
170	<i>xì bong bóng</i>	[con gái] bị mất trinh
171	<i>viêm cánh</i>	hở nách
172	<i>viêm túi</i>	hết tiền
173	<i>trùng tu di tích</i>	[đàn bà luống tuổi] đi viện thẩm mỹ để sửa sắc đẹp
174	<i>xào khô</i>	sờ mó thân xác đàn bà, con gái
175	<i>xào ướt</i>	làm tình với đàn bà, con gái
176	<i>thầy chạy</i>	hết thuốc chữa, hết nước nói

(2) **Đặt ra chữ mới**

Hầu hết các tiếng lóng trong phần này được trích từ tác phẩm *Bì vở* của Nguyễn Hồng.

Tiếng lóng**Ý nghĩa**

201	<i>bè</i>	hiếp dâm đàn bà con gái
202	<i>bè hội đồng</i>	nhiều người cùng hiếp dâm một người đàn bà/ con gái

203	bỉ	người đàn bà
204	bỉ đươi	gái điếm
205	bỉ vỏ	người đàn bà ăn cắp
206	bướu	tiền
207	cơm	công an/ cảnh sát
208	cơm chìm	công an/ cảnh sát mệt (không mặc sắc phục), lính kín
209	cơm nỗi	công an/ cảnh sát có mặc sắc phục
210	địa	tiền
211	bắt địa	làm tiền
212	đồ nghê	phương tiện, dụng cụ để đi trộm cướp
213	hiếc	lận lùng
214	ken nếp	thuốc phiện
215	keten	hết
216	keten sạch bướu	hết cả tiền
217	keten rập	hết gạo
218	khẩu bó	ăn chặn
219	khoảng	ăn trộm, ăn cắp
220	loại tươi	lấy ngay
221	mẻ báng	mất ngay
222	mòn	trông cậy
223	mõi	lấy trộm
224	ngũ dị	chạy trốn
225	nhở	bị bắt
226	so	thẳng
227	so cơm	cánh binh
228	so khوم	thẳng già
229	so quéo	kẻ khù khờ, dần độn
230	soạng	sờ
231	sôp kê	nhiều tiền
232	vỏ lõi	trẻ con trộm cắp
233	béo	trộm cắp
234	cà tẩm	quê mùa
235	cây	nhát, sợ sệt
236	bốc	giụt [tiền bạc, đồ vật]
237	bợ	lấy, ăn cắp
238	bám càng	đi theo
239	bớp	gái bán dâm
240	bùng	trốn, bỏ đi nơi khác
241	nhẩu	nhanh
242	nhi	nhỏ tuổi, ít tuổi
243	nhót	nhảy đầm, khiêu vũ
244	phê	say [thuốc phiện/ thuốc lào]
245	vã	say rượu

(3) Gán ý nghĩa mới cho những chữ nước ngoài

	Tiếng lóng	Ý nghĩa	Ghi chú
301	mộc tồn	con chó/ thịt chó	Chữ Hán: <i>mộc</i> = cây; <i>tồn</i> = còn; cây còn ↔ con cầy (con chó).
302	ôm ba-lông	mang bầu	Chữ Pháp: <i>ballon</i> = trái banh.
303	rơ -mợt	vợ con, gia đình	Chữ Pháp: <i>remorque</i> = thùng xe được kéo bởi một chiếc xe ở trước.
304	ăng-ten	kẻ điềm chỉ, nghe lén	Chữ Pháp: <i>antenne</i> = bộ phận thu tín hiệu truyền tin.
305	nâng bi	nịnh bợ	Chữ Pháp: <i>bille</i> = viên đạn, chỉ hòn đá của đàn ông.
306	cua gái	tán gái	Chữ Pháp: <i>faire la cour</i> = tán gái.
307	số dách	nhứt/ hạng nhứt	Chữ Hán: <i>dách</i> = số mốt/ nhứt.
308	ôm ba-lô ngược	có bầu	Chữ Pháp: <i>ballot</i> = cái bao/ túi mang trên người, sau lưng.
309	đồ rin	đồ nguyên gốc/ đồ tốt	Chữ Pháp: <i>origine</i> = gốc.
310	đồ lạc-xoong	đồ hạ giá	Chữ Pháp: <i>à la solde</i> = hạ giá.
311	tiền boa	tiền cho người phục vụ	Chữ Pháp: <i>pourboire</i> = tiền nước.
312	cúp cua	trốn học	Chữ Pháp: <i>cours</i> = lớp học.

Ghi chú

Hiện nay, trong nước xuất hiện khá nhiều tiếng lóng mới. Chúng tôi sẽ ghi nhận và sẽ bổ túc thêm những tiếng lóng mới nhất.

Một tấm gương đáng suy gẫm

Dưới đây là một bài viết của tác giả Đoàn Dự, trích từ trang nhà *Quán Gió*. Hai nhân vật trong bài này, là các giáo sư của trường trung học Chu Văn An tại Sài Gòn, trước năm 1975, hiện còn sống.

Chuyện có thật này cho thấy, một người bị kỳ thị đã không ngồi đó để trách móc người đã kỳ thị mình, hoặc trông chờ sự can thiệp của pháp luật (nếu có luật cấm kỳ thị), mà cố gắng vươn lên ngang tầm hoặc cao hơn người đã từng kỳ thị mình. Đó là cách tốt nhất, hợp lý nhất, và hiệu quả nhất, để tự mình xóa bỏ sự kỳ thị của người khác.

Xin cảm ơn tác giả Đoàn Dự, và người trích đăng bài này, Nguyễn Ngọc Tùng, trên trang nhà *Quán Gió*. Vì không thể liên lạc được với tác giả Đoàn Dự, chúng tôi xin được mạn phép đăng bài viết dưới đây, trong tập sách này. Chúng tôi nghĩ, đây là một bài viết rất có ý nghĩa, và cần được phổ biến rộng rãi trong Cộng Đồng Người Việt, nhất là những Người Việt lang thang trên những đất nước còn kỳ thị dân tộc da màu.

Tu Dinh

Câu chuyện giữa thầy Hạnh "gầy" và thầy Tiến (tức nhạc sĩ Chung-Quân) **ĐOÀN DỰ**

Ghi chú:

Bài được trích đăng trong báo khổ nhỏ, tờ tuần san Thời-Sự phát hành tại Canada số 350, ngày 05 tháng 3 năm 2004, khởi từ trang số 113.

Tựa đề bài viết: "Những cuộc trả thù tức cười" của tác-giả có bút hiệu là Đoàn-Dự. Vì có đoạn viết về hai vị thầy đáng kính của chúng ta nên người đọc đã mạn phép tác-giả, nhờ anh Đặng-Vũ-Thám đưa lên Quán Gió, để chúng ta cùng có dịp tưởng nhớ lại mái trường xưa cùng thầy yêu và bạn mến.

(Thầy Tiến từ Anh về lại Việt nam, ở cùng với mẹ già sau 75, nhà vẫn ở khu Khánh-Hội.
Thầy Hạnh "gầy" nghe nói hiện đang ở nước ngoài).

Xin cảm ơn tác-giả Đoàn-Dự.

(n.n.tùng)

....

Trước khi kể câu chuyện thứ nhất, Đoàn-Dự tôi xin mạn phép trình bầy hầu quý bạn về cuốn phim đen trắng nhưng là phim nói đầu tiên tại Việt Nam năm 1953. Trước năm 53 thì VN chỉ có phim câm thôi, từ năm 1953 trở đi mới có phim nói.- Tại sao đang kể chuyện trả thù tôi lại nhẩy qua chuyện phim ảnh? Xin thưa, tại vì bộ phim này có liên quan đến nhân vật chính trong câu chuyện của chúng ta: nhạc sĩ Chung Quân Nguyễn Đức Tiến, tác giả bản nhạc "Làng tôi" nổi tiếng được nhiều người biết:

*Làng tôi có cây đa cao ngất tùng xanh,
có sông sâu lơ lửng vòng quanh,
êm suối về nam...
Làng tôi bao mái tranh san sát kề nhau,
bóng tre ru rú bên mấy hàng cau,
đồng quê mơ màng...".*

Vâng, thưa quý bạn, cuốn phim nói đầu tiên của Việt Nam là phim Kiếp Hoa, do công ty điện ảnh kiêm tuồng cải lương Kim Chung sản xuất. Sau ngày di cư vào Nam năm 1954, đoàn Kim Chung "Tiếng Chuông Vàng Bắc Việt" không còn làm phim nữa, chỉ diễn các vở cải lương rất ăn khách tại một rạp không lấy gì là lớn lăm trên đường Lê Lai, sau đổi sang rạp Olympic sang trọng hơn ở đường Hồng Thập Tự (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai, Sài Gòn).

Người VN bắt đầu công việc điện ảnh từ năm 1937 với những bộ phim tất nhiên là câm và đen trắng., như Cánh Đồng Ma, Bà Đế, Trận Phong Ba...vv. Chúng ta thử xem nhận xét của nhà phê bình Lê Giang nói về các phim này trên tờ tạp chí Nghệ thuật và Tân Sinh số ra cuối tháng 11-1953 do Đoàn Dự tôi đã tìm tòi được: " Chúng ta không thể công nhận các quái thai điện ảnh Cánh Đồng Ma, Bà Đế, Trận Phong Ba... là con đẻ của nghệ thuật Thứ bẩy, bởi vì lúc đó chưa có sự hiện diện của hai nhóm điện ảnh Kim Chung và Alpha với hai bộ phim Kiếp Hoa và Bến Cũ. Khi hai bộ phim này ra đời, nó thực sự chứng tỏ Nghệ thuật Thứ bẩy đã bắt đầu có mặt tại Việt Nam...".

Phim Kiếp Hoa do nhóm Kim Chung thực hiện tại Hà Nội, phim Bến Cũ do nhóm Alpha của ông Thái Thúc Nha thực hiện tại Sài Gòn, và cả hai đều cùng làm xong vào khoảng tháng 9 năm 1953. Ngoài ra, trong thời gian này còn có bộ phim thứ ba là phim HAI THẾ GIỚI của ông Phạm Văn Nhận thực hiện tại Pháp, đem về chiếu tại VN nhưng chúng ta không nói đến.

Bây giờ chúng ta thử xem phim Kiếp Hoa trước khi đề cập tới nhạc sĩ Chung Quân Nguyễn Đức Tiến, nhân vật chính trong câu chuyện. Phim Kiếp Hoa do ông Trần Long, giám đốc nhóm điện ảnh kiêm tuồng cải lương Kim Chung, đồng thời cũng là chồng

của nghệ sĩ Kim Chung viết kịch bản. Đạo diễn là ông Doãn Hải Thanh, người Việt gốc Hoa. Các diễn viên gồm: Kim Chung, Kim Xuân (rất đẹp, em dâu Kim Chung, vợ của Tiêu Lang), Ngọc Toàn, Phúc Lai, Tiền Phong, Tuấn Sử và nhiều nghệ sĩ khác.

....

Như phần trên chúng tôi đã nói, ta thấy ông Trần Long giám đốc đoàn Kim Chung là người rất giỏi, tự viết kịch bản và giám bồi tiền ra thay đổi máy móc, làm ăn tơi nới tơi chốn rất có phương pháp nên mới thu lời dữ dội... Ngoài ra, ông biết một bộ phim thì cần phải có nhạc nền và bản nhạc này phải thật giá trị. Bởi vậy ông tung tiền ra, đăng trên báo chí treo giải thưởng rất lớn mời các nhạc sĩ tham dự cuộc thi sáng tác nhạc chủ yếu cho phim.

Các nhạc sĩ "bậc thầy" nổi tiếng thời đó đua nhau sáng tác, gửi về tham dự. Cậu Tiến cũng dự với bản "LÀNG TÔI" như đã nói trên. Tiết điệu bản nhạc êm đềm, bình dị, đặc biệt là rất dễ hát, dễ thuộc nhưng hễ hát lên là người ta cảm thấy có một cái gì đó thiết tha, trùm mền khó phân tích nổi. Sau này bản "Lòng mẹ" của cố nhạc sĩ Y Vân cũng vậy, rất dễ thấm vào lòng người.

Cậu Nguyễn Đức Tiến đoạt giải, vượt luôn các thầy.

"LÀNG TÔI" được hát và làm nhạc nền cho phim KIẾP HOA. Kiếp Hoa nổi tiếng thì nó cũng nổi tiếng, cả nước đều biết. Nhưng vì khi tham dự cậu chưa lấy bút danh Chung Quân, báo chí đăng tin để tên Nguyễn Đức Tiến, nên sau này khi bản nhạc được in ra và phát hành, mặc dầu đề bút danh Chung Quân nhưng mọi người quen miệng bèn gọi luôn là Chung Quân Nguyễn Đức Tiến.

Hai năm sau, 1954, thầy giáo Chung Quân 18 tuổi, di cư vào Nam, gia đình ở bên Khánh Hội.

Rồi các trường Chu-Văn-An Hà Nội, Nguyễn-Trãi Hải Phòng cũng lục tục di cư vào Nam. Do danh tiếng của mình cộng thêm các giấy tờ đã học sự phạm chuyên ngành về Nhạc, vị nhạc sĩ trẻ tuổi Chung Quân được Bộ Quốc-Gia Giáo Dục ưu đãi, cho dạy môn nhạc tại hai trường đó, ăn lương theo ngạch giáo-sư trung học đệ nhất cấp tương đối là lớn. Trên thực tế, về văn hóa ông chỉ mới có bằng trung-học, học trường sự phạm theo ngạch hương sư. Cái khúc mắc là ở chỗ đó.

* * *

Thầy Chung Quân dáng dong dỏng cao, nước da trắng, luôn luôn đeo kính mát gọng vàng và rất đẹp trai. Thầy tính khoan, mực thước và rất nghiêm nghị, ít khi người ta thấy thầy cười thành tiếng. Các giáo sư thời ấy đi dạy ăn mặc rất sang trọng. Trời nắng chang chang đổ mồ hôi nhưng cụ Hoàng Văn Việt hiệu trưởng trường Chu-Văn-An

hoặc cụ Vũ Đức Thân, hiệu trưởng trường Nguyễn-Trãi vẫn luôn luôn mặc com-lê trắng, mang cravát, còn các giáo sư và các vị giám thị cũng mang cravát, mặc áo sơ mi dài tay cài nút măng-sét. Trọng các thầy "oai" không thể tưởng được. Chúng tôi thường gọi thầy hiệu-trưởng và "ông già Nô-en" tổng giám-thị bằng cụ, ít gọi bằng thầy, chỉ khi nào ở trước mặt các cụ, phải thưa thốt điều gì thì mới gọi bằng thầy và sợ các thầy đến chết đi được. Trong các giáo-sư, người ăn mặc đẹp nhất và sang trọng nhất và đúng mốt nhất vẫn là thầy Chung-Quân. Thầy ăn nói nhỏ nhẹ nhưng hát rất hay, mỗi khi thầy hát làm mẫu, cả lớp chúng tôi đều lắng tai nghe và mong thầy hát thật nhiều để chúng tôi được thưởng thức. Chữ thầy viết rất hoa mĩ, kiểu cách và đẹp như cất-suốt đời tôi chưa từng thấy ai viết chữ đẹp như vậy. Ngoài ra, một điều lạ lùng là khi ghi các dòng nhạc lên bảng cho học sinh chép, thầy cầm phấn vạch từ đầu bên kia bảng sang bên này bảng thẳng tắp và đều đặn nhau không cần dùng thước. Sau này khi đã trở thành giáo viên (trước 75 gọi là giáo sư), tôi vẽ các hình tròn, hình parabol, hình hyperbol cũng rất nhanh và đẹp, học sinh phục lăn nhưng không có cách chi vẽ nổi các đường thẳng không cần dùng thước như vậy. Hồi đó có lần chúng tôi hỏi, thầy trả lời nho nhỏ như không để ý : "Làm nhiều thì quen tay vậy thôi". Nói chung giữa thầy và trò luôn luôn có sự xa cách. Tuy dạy nhưng hình như thầy không biết tên chúng tôi, không biết tên bất cứ một học sinh nào cả vì dạy quá nhiều lớp. Hồi đó học-sinh đệ nhất cấp (từ Đệ Thất đến Đệ Tứ tức lớp 9 bây giờ) phải học các môn phụ như nhạc, vẽ, thể dục, Hán văn...vv. Mỗi lớp mỗi tuần một giờ nhạc đều do thầy dạy và học sinh hết sức kính trọng thầy.

Tôi thi vào lớp Đệ Thất trường Nguyễn-trãi năm 1957, đậu hạng nhì trong danh sách thí sinh trúng tuyển nên khi vào học được các bạn trong lớp bầu làm trưởng ban học tập kiêm ban báo chí & văn nghệ. Trường Nguyễn-trãi lúc đó ở số 94 đường Phan Đình Phùng Đa-kao, sau này mới xây trường mới sang bên Khánh-Hội. Chúng tôi học buổi chiều vì buổi sáng do học-sinh trường Nam tiểu học Đa-kao học. Trưởng ban báo chí & văn nghệ không phải làm gì cả, mỗi năm chỉ thúc đẩy các bạn làm bích báo một lần vào dịp Tết mà thôi.

Năm sau, niên khóa 1958-59 tôi lên Đệ Lục và vẫn được làm trưởng ban Học tập kiêm Báo chí & văn nghệ như cũ. Một buổi trưa, sắp được nghỉ Tết nên học cũng ít, tôi đến trường sớm để lên phòng giáo-sư lấy tờ bích báo lớp đã làm xong, đang chờ giáo sư hướng dẫn nộp lên cụ hiệu-trưởng xem qua, đóng dấu, sẽ đem xuống lớp treo lên trên tường cho các bạn coi.

Cụ hiệu trưởng có lẽ chưa đến nhưng tôi thấy chiếc xe Lambretta củ thầy Tô Đình Hiền dựng ở cửa. Vậy là thầy Hiền đã tới rồi, có lẽ thầy đã nộp tờ bích báo lên cụ hiệu trưởng.

Tôi đang dụ dỗ, định vào hỏi thầy Hiền thì bỗng nghe có tiếng đập bàn và tiếng la mắng rất lớn:

- "Đừng có láo! Anh đừng tưởng rằng được ngồi cùng bàn với tôi là anh đã ngang hàng với tôi...".

Đó là giọng thầy Hà Đạo Hạnh, giáo-sư Toán trong trường. Thầy Hạnh lúc ấy cũng còn trẻ, chỉ độ 23- 24 nhưng rất kiêu. Nghe nói thầy đậu cử nhân Toán năm 22 tuổi, vậy là giỏi lắm. Sinh-viên bây giờ đậu cử nhân lúc 22 tuổi là chuyện thường, còn thời đó việc học rất phức tạp, ở ngoài Bắc cuộc sống lao đao, học tiếng Pháp do các giáo-sư Pháp dạy, đậu được cử nhân nhất là cử nhân Toán không phải chuyện dễ, bởi vậy thầy "hết ra lửa" thì cũng đúng thôi. Chúng tôi sợ thầy lắm. Trong các giờ dạy thầy thường la mắng và cho zê-rô. Hơi tí thì thầy cho zê-rô, mà hễ đã bị zê-rô là thế nào chiều thứ bẩy cũng bị "ông già Nô-en" tổng giám-thị xách cuốn sổ bìa đen xuống lớp "tặng quà" đọc tên đi công-si, tức phạt cấm túc vào sáng Chúa nhật. Học sinh nào vắng mặt, không đi sẽ bị phạt gấp đôi. Ba lần công-si sẽ bị đưa ra hội đồng kỷ luật.

- "Nên nhớ anh chỉ là một thằng hương sư quèn, giáo học bổ túc mới Diplômé. Tôi không thiếu gì học trò cũng Diplômé như anh...vv".

Thầy ngừng lại. Có giọng nho nhỏ hỏi lại:

- "Anh nói hết chưa? Nếu anh nói hết thì tôi sẽ nói".

Đó là giọng thầy Chung-Quân. Mọi người im lặng. Thầy tiếp:

- "Ở trường này hay bất cứ một trường nào khác giáo sư Hà Đạo Hạnh cũng oai lầm, đáng hanh diện lắm, một hương sư quèn như Nguyễn Đức Tiến chẳng là cái gì cả. Nhưng ra bên ngoài, trước mặt công chúng, nếu có người giới thiệu đây là giáo sư Hà Đạo Hạnh còn đây là nhạc sĩ Chung-Quân, lúc ấy mọi người chỉ biết có tôi thôi, chẳng ai thèm biết anh là ai. Giá trị của chúng ta là ở chỗ đó".

Các thầy khác can ngăn:

- "Thôi mà, đồng nghiệp với nhau cả mà...".

Thầy Hạnh hậm hực:

- "Không ai đồng nghiệp với hạng đó".

Thầy Tiến nói:

- "Tôi cũng không cần phải là đồng nghiệp với anh. Anh không nên tự mãn, nên nhớ rằng cái gì Hà Đạo Hạnh làm được thì Nguyễn Đức Tiến cũng làm được. Ngược lại, cái gì Nguyễn Đức Tiến làm được thì mòn đori Hà Đạo Hạnh cũng chưa chắc đã làm nổi".

Tôi đang tò mò không hiểu cái gì làm được với cái gì không làm được là "cái gì" và tại sao hai thầy lại phải cãi nhau như vậy, thì bỗng có ai nắm cổ tôi, bàn tay rất mềm và mập. Tôi quay lại. Đó là thầy Thịnh-Del, giáo sư hội-họa. Thầy đã lớn tuổi, thân hình thấp lùn, giọng nói lúc nào cũng ề à chậm chạp và rè như tiếng gáo bể. Nghe nói trước kia thầy học hội họa ở bên La-Mã, tốt nghiệp thủ khoa nên tên có chữ "Del" đi kèm theo sau: Nguyễn Văn Thịnh 'Del'. ("Del" tiếng La-Tinh đọc là "đen", viết tắt của chữ

"Delphinium", tên một loại cây dùng làm vòng nguyệt quế đội trên đầu người đậu thủ-khoa).

Bàn tay ngắn ngủn mập ú của thầy kéo người tôi về phía dằng sau, phát vào mông tôi và la nho nhỏ: "Về lớp, coi cái gì!..". Trong lúc phát, thầy buông tay ra, vậy là tôi bèn chuồn thẳng, không giám ở lại giải thích rằng tôi lên lấy bích báo, không phải cố ý nghe lép.

Về lớp, tôi giữ kín không tiết lộ chuyện hai thầy xích mích. Tôi hiểu chuyện này không nên nói ra. Ấy vậy mà rồi các bạn trong lớp cũng biết. Chỉ mấy hôm sau Nguyễn Toàn Thắng nhà cũng ở bên Khánh-Hội gần nhà thầy Tiến, hỏi tôi: "Trưa hôm nọ mày lên lấy tờ bích-báo có thấy ông Hạnh với ông Tiến cãi nhau không?". "Không". Thế sao có đứa bảo nó trông thấy mày đứng núp bên ngoài nghe lép, bị ông Thịnh-Đen đá đít mấy cái đuổi về lớp? ". "Thằng đó nói tầm bậy tầm bậ chứ ông Thịnh-Đen ỳ à ỳ ạch, đá tao sao nỗi". Đứa bạn bè kể cho tôi nghe chuyện hai thầy cãi lộn và thầy Hạnh mắng thầy Chung-Quân là đồ hương-sư quèn mới Diplômé, nhưng lý do tại sao hai thầy cãi nhau thì chính nó cũng không biết. Dần dần tin đồn lan ra, cả trường đều biết.

.....
...đậu xong Tú-Tài II, tôi thi vào Đại học sư-phạm, sau đó tốt nghiệp, được bổ đi dạy học ở tỉnh. Thỉnh thoảng tôi mới có dịp về Sài Gòn nghỉ Tết hoặc đi coi thi, chấm thi nên ít biết tin tức về các thầy cũ. Nghe nói Nguyễn-Trãi đã đổi sang bên Khánh-Hội, do thầy Hà Đạo Hạnh làm hiệu-trưởng, còn thầy Chung-Quân thì đi học lại từ lớp Đệ Tam, đã đậu Cử nhân văn-chương và đang làm luận án Tiến-sĩ ở đại-học Văn-khoa. Tôi rất ngạc nhiên. Muốn học Tiến-sĩ phải có cao-học (bây giờ gọi là thạc-sĩ), như vậy là thầy đã đậu cao-học. Ghê thật, tôi học hành không đến nỗi dở mà kiếm được cái bằng Cử-nhân còn thấy trán ai huống chi thầy, đã thôi học từ lâu, học lại rất khó. Tự nhiên tôi nhớ tới lời thầy nói: "Cái gì Hà Đạo Hạnh làm được thì Nguyễn Đức Tiến cũng làm được, cái gì Nguyễn Đức Tiến làm được mòn đời Hà Đạo Hạnh chưa chắc đã làm nổi". Thầy học để trả thù thầy Hạnh chăng? hay muốn chứng tỏ giá trị của mình? Dù sao tôi thấy cũng rất thán phục.

Hồi ấy tôi vừa đi dạy vừa viết tiểu-thuyết cho tờ Tự-do và tờ Màn ảnh. Một hôm, lên tòa soạn kiểm mấy số báo cũ bị thiếu để đem về cắt ra, đưa cho nhà xuất bản đem đi kiểm duyệt trước khi in thành sách, tôi bỗng để ý thấy một cái tin nhỏ dặt trên trang 4: thầy Nguyễn Đức Tiến đã được học bổng sanh Anh du học. Tôi lại ngạc nhiên gần như không giám tin ở mắt mình. Thầy đậu tiến-sĩ văn-chương Việt nam, tại sao lại được học bổng du học bên Anh? Giữa văn chương Việt nam và văn chương Anh không có gì liên quan cả.

Bัง đi một thời gian rất lâu, một người bạn ở Nguyễn Trãi ngày trước cho tôi biết

thầy Hà Đạo Hạnh bây giờ được chuyển sang làm hiệu-trưởng trường Văn-hóa quân đội, đeo lon Thiếu tá, đi xe jeep có tài xế lái oai lâm. "Còn ông Chung-Quân thì tức cười cậu ạ. Đậu MA. sau đó tới Tiến sĩ văn-chương Anh xong, ông đã gửi bảo đảm tất cả các bằng cấp từ nhỏ đến lớn đã đậu đạt được về cho ông Hạnh để trả đũa việc bị ông Hạnh xỉ nhục hồi còn đi dạy". "Thế hiện nay?". "Học xong, ống được nhà trường giữ lại mời làm giáo-sư diễn giảng trong trường nên ở lại, không về nước".

* * *

Sau 30-4-75, thầy Hà Đạo Hạnh không bị đi cải tạo vì không có cấp bậc chính thức trong quân-đội. Nhưng sáu năm sau, 1981, ông bị giam giữ khá lâu ở dưới Rạch-giá vê tội vượt biên. Khi được tha, ông già đi nhiều và không hiểu tại sao tự nhiên theo đạo, tuần nào cũng đi lễ ở Nhà thờ Francisco Đa Kao và hoạt động rất nhiệt tình, có chân trong ban thư-ký hội-đồng giáo xứ. Những lúc rảnh rỗi ông thường đến chơi thăm một người bạn ở gần nhà tôi.

Một hôm tôi mời ông sang chơi. Hai thầy trò bây giờ đều đã lớn tuổi nhưng chuyện trò rất vui, coi bộ tương đắc. Tôi hỏi về chuyện xích mích ngày trước, ông mỉm cười: "Tại hồi đó còn ít tuổi nên bồng bột, cả như bây giờ thì không thể xảy ra như vậy". "Thưa thầy, em nghe nói sau khi du-học, thầy Tiến có gửi tất cả bằng cấp về cho thầy, có đúng vậy không?". Thầy Hạnh xác nhận đúng như thế và cho tôi biết ông Tiến được đi du-học là vì ngoài bằng Tiến sĩ văn-chương ông còn có thêm bằng cử nhân Anh văn. "Ông ấy đi do bằng Cử-nhân Anh văn chứ không phải do bằng Tiến sĩ văn-chương Việt Nam". "Thưa thầy, em hỏi thật thầy điều này. Sau khi nhận được thư bảo đảm của thầy Tiến, thầy nghĩ như thế nào?". Thầy Hạnh đắn đo một lát, sau đó trả lời: "Kể ra lúc đầu cũng ân hận thật nhưng sau đó, nghĩ cho cùng, chính nhờ sự xích mích ông Tiến mới được như ngày nay nên mình cũng đỡ áy náy, đỡ bị dằn vặt".

Thầy Hạnh có "đỡ áy náy, đỡ bị dằn vặt" thật không? Ngược lại, thầy là người rất kiêu hãnh, liệu thầy có áy náy hoặc bị dằn vặt thật không? Tôi không biết rõ điều đó. Một hôm, một ý nghĩ chợt loé sáng trong đầu óc tôi. Tôi hỏi ông Trưởng, người hàng xóm bạn của ông Hạnh rằng không hiểu tại sao đang tự nhiên ông Hạnh lại theo đạo? Ông Trưởng trả lời: "Nghe ống nói ngày trước ống có lỗi gì đó với một người bạn vậy mà...".

Vâng, thưa quý bạn, theo tôi biết, ông Chung Quân có đạo. Ông Hạnh hiểu điều đó nên theo đạo để...chỗ lối với bạn. Như vậy đúng là ông có bị dằn vặt thật.

//

ĐOÀN DŨ

nghĩ về Việt Nam

TU DINH

Tạp chí Thông Luận, số 185, trên trang nhà www.thongluan.org, có đăng bài viết của Ya Biloh, một người trí thức của dân tộc thiểu số, viết về thân phận của các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Việt Nam.

Trình bày ngắn gọn, chính xác, mạch lạc, và với thái độ ôn hòa của một người trí thức, bài viết của Ya Biloh là một tiếng nói mà tất cả những Người Việt có lương tri phải lắng nghe.

Lịch sử cho thấy Việt Nam đã từng xóa lãnh thổ của dân tộc Chàm, lấn đất và xâm chiếm một phần lãnh thổ của Căm Bốt. Riêng các cộng đồng dân tộc thiểu số trên cao nguyên Ban Mê Thuột, Pleiku, và Kontum, mà Người Việt quen gọi là đồng bào Thượng, đã từng bị chánh phủ Ngô Đình Diệm xóa bỏ quy chế tự trị của họ, đã có từ thời Pháp thuộc cho đến thời Vua Bảo Đại.

Tiếp theo tham vọng của chánh phủ Ngô Đình Diệm, hiện nay, chánh phủ cộng sản tại Việt Nam đã cho thấy một tham vọng lớn hơn, và tàn bạo hơn, bằng cách dùng chánh sách định cư, đưa một số rất đông đồng bào Kinh lên vùng cao nguyên này, vốn là mảnh đất thân yêu ngàn năm của các cộng đồng dân tộc thiểu số, để chiếm những vùng đất màu mỡ, và đẩy đồng bào Thượng lùi sâu vào rừng.

Suốt dòng lịch sử, bị ngoại xâm và đô hộ liên miên bởi những nước mạnh hơn mình, Việt Nam là một dân tộc đau thương nhiều hơn hạnh phúc. Đã từng trải qua thân phận nô lệ của một dân tộc nhỏ yếu, vậy mà ngày nay, những Người Việt trong tập đoàn thống trị tại Việt Nam đang diễn lại cảnh gây đau thương cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, là những đồng bào Thượng khác văn hóa, nhưng đã sống chung nhiều ngàn năm với đồng bào Kinh, trên cùng một mảnh đất lớn, gọi là Nước Việt Nam.

Có thể nói, tập đoàn thống trị của Cộng Sản Việt Nam hiện nay – không phải dân gian Việt Nam – là những kẻ “trên đội dưới đạp.” Trên thì đội Tàu, cất đất cho Tàu, vì Tàu là nước lớn và mạnh hơn mình; dưới thì đạp các cộng đồng dân tộc thiểu số, xâm chiếm những mảnh đất thân yêu ngàn năm của họ, vì đồng bào Thượng nhỏ và yếu hơn mình.

Chánh phủ Ngô Đình Diệm, và Cộng Sản Việt Nam hiện nay, mau quên bài học lịch sử nhiều ngàn năm của một dân tộc đã từng trải qua thân phận của một dân tộc nô lệ.

Sau đây là bài viết của tác giả Ya Biloh.

1954 - 2004: 50 năm Tây Tiến của Việt Nam

Ya Biloh

Cộng đồng người Tây Nguyên trước 1954

Lãnh thổ miền trung Việt Nam, bao gồm cả vùng đồng bằng duyên hải và cao nguyên, chạy dài từ Quảng Bình đến địa phận Biên Hòa. Vùng đất này trước kia thuộc vương quốc Champa, được hình thành vào cuối thế kỷ thứ 2, mang nhiều ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ.

Sau khi giành được độc lập vào thế kỷ thứ 10, các vua chúa Đại Việt bắt đầu cuộc Nam Tiến, lãnh thổ của vương quốc Champa đã lần lượt bị mất dần và đến năm 1832 thì mất hẳn. Ngày nay, vương quốc Champa tuy không còn nữa nhưng dân tộc Champa vẫn còn. Hơn 800.000 người cư ngụ trên Tây Nguyên và 100.000 người Chăm sinh sống dọc vùng duyên hải Phan Rang, Phan Rí. Đó là chưa tính hơn 400.000 di dân Chăm đã đến Campuchia, khu vực Châu Đốc và Tây Ninh lập nghiệp.

Theo Hiệp ước Harmand mà người Pháp ký với triều đình Hué ngày 25-8-1883, các cộng đồng dân tộc thiểu số thuộc tỉnh Bình Thuận và khu vực Đồng Nai (Chăm, Churu, Raglai Kaho, Stieng, Mạ, v.v.) trực thuộc vào chính quyền Pháp ở Nam Kỳ và được hưởng một chế độ đặc biệt, gọi là quy chế Harmand, theo đó mọi văn bản về thuế má, luật lệ và hành chánh đều được viết bằng tiếng Chăm và tiếng Pháp thay vì bằng chữ Hán.

Trên cao nguyên miền Trung, trong giai đoạn từ 1832 đến 1895, người Tây Nguyên sinh sống hoàn toàn độc lập vì không trực thuộc bất cứ chính quyền nào. Họ tự do sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng truyền thống, vì nép sống của họ không va chạm với bất cứ nền văn hóa nào tại đồng bằng. Hơn nữa, họ cũng không có quan hệ trực tiếp với ai và cũng không người lạ mặt nào, kể cả người Kinh và người Xiêm La, phiêu lưu trên vùng đất xa lạ này trước khi các giáo sĩ Công giáo Pháp tìm đường lên cao nguyên Bình Định năm 1842 tránh các vụ bắt giết người theo đạo tại đồng bằng và đã thành lập xứ đạo Kontum năm 1852.

Từ 1859 đến 1867, sau khi làm chủ Nam Kỳ, người Pháp bắt đầu tổ chức những cuộc thám hiểm qui mô trên vùng đất này. Năm 1895, chính quyền thuộc địa Pháp quyết định sáp nhập Tây Nguyên vào lãnh thổ hành chánh Đông Dương nhưng vẫn để người Tây Nguyên sinh hoạt theo văn hóa truyền thống của họ. Chỉ từ sau đệ nhị thế chiến (1945), Tây Nguyên trở thành khu vực quân sự chiến lược giữa quân đội Pháp và phong trào Việt Minh, đời sống người Tây Nguyên mất đi sự độc lập. Để bảo đảm an ninh trật tự trên vùng đất này, ngày 27-5-1946 chính quyền thuộc địa Pháp thành lập một lãnh thổ tự trị dành cho người Tây Nguyên, gọi là "Pays Montagnard du Sud Indochinois" (Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương), viết tắt là PMSI, đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của người Pháp, biệt lập với người Kinh ở đồng bằng.

"Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" được hưởng một quy chế đặc biệt, nghĩa là có nền hành chánh riêng, những tòa án phong tục riêng và chương trình giáo dục riêng dành cho người thiểu số. Chính quyền thuộc địa Pháp tuyển chọn và đào tạo những thanh thiếu niên thuộc các gia đình vọng tộc người Tây Nguyên và Chăm vào Collège Sabatier (trường trung học cấp hai) ở Buôn Ma Thuột và Lycée Yersin (trường trung học cấp ba) ở Đà Lạt, một số khác được tuyển vào các đơn vị quân sự địa phương. Mục đích của người Pháp trước hết là nâng cao trình độ dân trí của người thiểu số để sau đó giúp họ quản trị vùng đất này.

Với thời gian, một số thanh niên ưu tú này đã tự kết hợp lại thành một nhóm nhân sĩ, có lập trường chính trị rõ ràng để bảo vệ quyền sống của dân tộc họ trên cao nguyên. Nói chung,

nhóm nhân sĩ Tây Nguyên này không muốn bị người Kinh tiếp tục khinh khi gọi họ là "Man", "Mọi" hay "Hời". Vấn đề là cho tới 1954, nghĩa là từ sau khi có độc lập, cộng đồng người Kinh ở đồng bằng vẫn không hề hay biết hay không quan tâm gì tới những chuyển biến tâm lý và văn hóa quan trọng này trong lòng người Tây Nguyên.

Ngoài chương trình đào tạo hành chánh và quân sự dành riêng cho người bản xứ, từ 1923 đến 1938, người Pháp cũng đầu tư rất nhiều vào những dự án phát triển cơ sở hạ tầng nhằm củng cố sự cai trị và khai thác tài nguyên trên Tây Nguyên, "Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" trở thành một khu vực trù phú và an bình.

Lo sợ Tây Nguyên bị sáp nhập vào lãnh thổ Nam Kỳ, vua Bảo Đại yêu cầu chính quyền thuộc địa Pháp thừa nhận chủ quyền của triều đình Huế trên vùng đất này và đã được chấp nhận. Ngày 21-5-1951, "Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" được Pháp nhin nhận trực thuộc Hoàng Triều Cương Thủ (Domaine de la Couronne), do Bảo Đại lãnh đạo, nhưng được hưởng một qui chế đặc biệt : không ai có quyền sang nhượng lãnh thổ này cho một quốc gia khác nếu không có sự đồng ý của nhà vua và cộng đồng người Tây Nguyên được xác nhận không phải là người Kinh (non-annamites). Hoàng Triều Cương Thủ trên danh nghĩa là một lãnh địa tự trị, trong thực tế mọi quyền quyết định đều do người Pháp chủ động. Nói cách khác, Tây Nguyên là một vùng tự trị trực thuộc Pháp.

Trong qui chế mới này, để bảo đảm cho người Tây Nguyên nếp sống tự do theo truyền thống, người Pháp hạn chế tối đa, nếu không muốn nói là cấm hẳn, mọi phong trào di dân của người Kinh vào lãnh thổ này, trừ những nhân viên hành chánh và quân sự được người tuyển mộ lên làm việc nhưng phải trở về đồng bằng khi hợp đồng mãn hạn. Chính vì thế, cho tới năm 1953, chỉ có khoảng 35.000 người Kinh sinh sống trên một khu vực chạy dài từ cao nguyên Gia Lai, Kontum, Đắc Lắc đến Lâm Đồng, số là quân nhân, công chức làm việc trong các cơ quan hành chánh của Pháp, một số khác đến canh tác hoa màu để phục vụ người Pháp tại đây và chỉ tập cư quanh các thị trấn lớn như Đà Lạt, Buôn Ma Thuột.

Nói tóm lại, trong suốt 18 thế kỷ nằm trong quỹ đạo chính trị của vương quốc Champa và hơn 60 năm dưới chế độ Pháp thuộc, cộng đồng người Tây Nguyên sống hoàn toàn biệt lập với người Kinh đồng bằng. Đại đa số gần như chưa bao giờ thấy hay tiếp xúc với người Kinh và cũng không biết người Kinh nói tiếng gì. Những người hiểu biết hơn gọi người Kinh là "Yuong" hay "Yavana" (theo tiếng Phạn, là người ngoài, không cùng văn hóa với mình).

Sau hiệp định Genève 1954

Khi hiệp định Genève, ký ngày 21-7-1954, bắt đầu có hiệu lực, định chế Hoàng Triều Cương Thủ bị giải tán và "Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" được giao lại cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, do thủ tướng Ngô Đình Diệm lãnh đạo, ngày 11-3-1955. Chủ tâm của chính quyền Ngô Đình Diệm khi sáp nhập phần đất này vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa là để xác nhận chủ quyền và vai trò lãnh đạo của người Kinh trên cao nguyên miền Trung.

Quyết định xóa bỏ Hoàng Triều Cương Thủ dành cho người Tây Nguyên cũng là xóa bỏ "Quy Chế Harmand" dành cho cộng đồng người Chăm sinh sống dọc vùng duyên hải các tỉnh Phan Rang, Phan Rí và Phan Thiết. Cộng đồng người Champa được đổi tên thành người Thượng và người Chàm. Cả hai cộng đồng này cùng với người Miền, người Hoa và các nhóm sắc tộc di cư từ miền Bắc sau 1954 có tên gọi chung là những "sắc tộc thiểu số".

Từ đầu năm 1955 trở đi, chính quyền Ngô Đình Diệm đưa khoảng 700.000 di dân miền Bắc, trong đó có hơn 20.000 người thiểu số từ các miền thượng du Bắc Việt, lên Tây Nguyên lập nghiệp, số còn lại định cư tại Sài Gòn và vùng ven đô. Những di dân gốc Kinh trên Tây

Nguyên sống tập trung trong các thị trấn lớn, dọc các quốc lộ và vùng Phan Rang, Phan Rí. Sự hiện diện quá đông đảo của những di dân làm đảo lộn lối sống cổ truyền của những nhóm dân cư bản địa đã có mặt từ trước, sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Tây Nguyên và người Chăm mai một dàn với thời gian. Thêm vào đó, chính sách Việt hóa triệt để của chính quyền Ngô Đình Diệm đã để lại nhiều vết thương khó hàn gắn, nhất là với người Hoa và người Tây Nguyên. Đây là khúc quanh lịch sử đã tạo ra các biến cố dẫn đến sự vùng dậy đòi quyền sống của các dân tộc Tây Nguyên và Chăm. Hai cộng đồng này không chống lại sự lệ thuộc vào chính quyền Việt Nam, họ chỉ muốn chính quyền Việt Nam Cộng Hòa nhìn nhận và tôn trọng những quyền cổ truyền như quyền làm chủ đất đai, quyền phát triển tiếng nói và phong tục tập quán của họ... nhưng không thành.

1955 là năm khởi động tiếng chuông báo hiệu của sự vùng dậy đó. Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố bãi bỏ các tòa án phong tục và quyền làm chủ đất đai cổ truyền (cơ cấu tổ chức kinh tế, xã hội và tín ngưỡng của mình), một số trí thức và nhân sĩ Tây Nguyên (đa số xuất thân từ các trường do người Pháp đào tạo) đã cùng nhau họp lại bàn thảo về sự sống còn của dân tộc họ dưới chế độ Ngô Đình Diệm.

Đầu năm 1955, những người này thành lập một tổ chức mang tên "Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên". Y Mot Nie Kdam được bầu làm chủ tịch, Y Thih Eban làm tổng thư ký. Tháng 3-1955, Y Thih Eban thảo một văn thư gửi thủ tướng Ngô Đình Diệm yêu cầu : tôn trọng phong tục tập quán và truyền thống tín ngưỡng của dân tộc thiểu số ; áp dụng chính sách công bằng giữa dân tộc thiểu số và người Kinh ; trả lại cho người Tây Nguyên tất cả đất đai mà người Kinh hay chính phủ đã trưng dụng. Chẳng những không trả lời, tổng thống Ngô Đình Diệm, đắc cử ngày 23-10-1955, ban hành những biện pháp khắc khe hơn đối với người Tây Nguyên : phủ nhận quyền sở hữu đất đai cổ truyền ; bãi bỏ các tòa án phong tục ; cấm dạy chữ Hán ; đưa hàng trăm ngàn người Kinh lên Tây Nguyên khai thác các vùng đất mới.

Quá thất vọng, đầu năm 1958, những người lãnh đạo Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên thành lập một ủy ban điều hành mới để tìm một phương pháp đấu tranh khác hữu hiệu hơn. Ông Y Bham Enoul được ủy nhiệm làm chủ tịch. Ban lãnh đạo mới tập trung mọi nỗ lực vào việc nghiên cứu một chiến lược khả dĩ tạo ra một sức mạnh đủ để tiếng nói của toàn thể các sắc tộc Tây Nguyên được tôn trọng và được lắng nghe, không những ở trong nước mà cả ở ngoài nước, nghĩa là phải có tầm vóc quốc tế.

Ngày 1-5-1958, ban chấp hành Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên cho ra đời tổ chức Bajaraka (chữ viết tắt của bốn sắc tộc lớn : Bahnar, Jarai, Radé và Kaho). Đây là tổ chức chính trị đầu tiên của người Tây Nguyên chủ trương đấu tranh bất bạo động, yêu cầu tái lập lại quy chế "Hoàng Triều Cương Thủ" và chấm dứt mọi chính sách phân biệt đối xử với người thiểu số.

Hai tháng sau, ngày 25-7-1958, Y Bham Enoul cùng 16 thành viên Bajaraka ký tên chung trong một văn thư gửi tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, đại sứ Mỹ, Pháp, Anh ở Sài Gòn, yêu cầu can thiệp với chính quyền Ngô Đình Diệm tái lập lại quy chế tự trị ở Tây Nguyên. Ngày 8-9-1958, Y Bham Enoul, với tư cách là chủ tịch phong trào Bajaraka, gửi một văn thư chính thức cho tổng thống Ngô Đình Diệm, yêu cầu ban hành một chính sách mới cho người thiểu số. Hai ông Y Dhon Adrong và Y Mot Nie đem thư này về Sài Gòn trao cho văn phòng phủ tổng thống. Nhận được thư, tổng thống Ngô Đình Diệm liền ra lệnh truy nã và bắt giam tất cả những người đã ký tên trong văn thư : các ông Paul Nur, Y Thih Eban, Y Bham Enoul, Y Ju Eban, Nay Luett...

Ngày 26-11-1958, có tin đồn người Tây Nguyên sẽ nổi lên tấn công các ngục giam để giải thoát những thành viên Bajaraka bị bắt, chính quyền Sài Gòn liền đưa ông Y Bham Enoul về Huế giam và những thành viên Bajaraka khác về trại giam ở Sài Gòn, đồng thời thuyên

chuyển những cán bộ, viên chức dân sự và quân sự, tinh nghi có liên hệ với phong trào Bajaraka, và làm việc ở các tỉnh đồng bằng.

Ngày 1-5-1962, từ ngục giam, ông Y Thih Eban gửi một bức thư khác cho đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn yêu cầu can thiệp với tổng thống Ngô Đình Diệm trả tự do cho tất cả thành viên Bajaraka bị giam giữ. Ngày 18-8-1962, 5 thành viên Bajaraka được trả tự do, đó là các ông Y Thih Eban, Nay Luett, Toneh Yoh, Siu Sipp, Y Ju Eban, trong khi các ông Y Bham Enoul và Paul Nur vẫn tiếp tục bị giam.

Tháng 6-1963, ông Y Thih Eban nhậm chức quận trưởng Buôn Sarpa, một căn cứ quân sự của lực lượng đặc biệt Mỹ gần biên giới Campuchia mà số thành viên đều thuộc phong trào Bajaraka. Tại Buôn Sarpar, Y Thih Eban giao cho thiếu úy Y Nam Eban trách nhiệm lãnh đạo quân sự cán bộ Bajaraka và cù Y Klong Nie sang Campuchia liên lạc viên với trung tá Les Kosem (một lãnh tụ tộc Chăm ở Nam Vang) tìm giải pháp đưa Y Bham Enoul ra khỏi ngục giam. Sau ngày gặp gỡ với Y Klong Nie ở thủ đô Nam Vang, Les Kosem hứa sẽ dành cho Y Bham Enoul và thành viên Bajaraka một sự đón tiếp nồng hậu nếu Y Bham sang Campuchia.

Mọi chuyện đang được xúc tiến thì cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm ngày 1-11-1963 đã làm thay đổi toàn bộ thế cờ chính trị miền Nam Việt Nam, trong đó có người Tây Nguyên. Toàn bộ những người trong phong trào Barajaka còn bị giam giữ đều được trả tự do.

Một ngày đầu tháng 3-1964, Y Bham Enoul cù Y Klong Nie sang Campuchia gặp trung tá Les Kosem tại bờ sông Dam cạnh vùng biên giới Việt-Miền. Trong cuộc gặp gỡ này, Y Klong Nie yêu cầu Les Kosem phải bằng mọi cách bảo vệ tánh mạng những người lãnh đạo phong trào Bajaraka khi bị cảnh sát Việt Nam Cộng Hòa truy nã lần nữa. Trung tá Les Kosem nhờ Y Klong Nie giao tận tay Y Bham Enoul bức thư trả lời, theo đó Les Kosem bày tỏ lòng ngưỡng mộ của ông đối với sự hy sinh cao cả của ông Y Bham Enoul cho lý tưởng dân tộc, một người mà Les Kosem nhìn nhận là bậc đàn anh của dân tộc Champa, và hứa là sẽ bằng mọi cách giúp các thành viên Bajaraka và Y Bham Enoul sang Campuchia một khi tình hình chính trị ở Việt Nam đưa họ vào ngõ cụt. Trong một cuộc trao đổi nội bộ, Y Dhorn Adrong, Y Nhuin Hmok và Y Nham Eban chấp nhận đưa các thành viên Bajaraka sang Campuchia hợp tác với Les Kosem.

Ngày 20-9-1964, một số sĩ quan gốc Chăm và Khmer Krom thuộc quân đội hoàng gia Campuchia, do Les Kosem đứng đầu, tập trung một số cán bộ hành chánh và quân sự thành lập một mặt trận chung gọi là Front Unifié de Lutte des Races Opprimées, viết tắt là FULRO (Mặt Trận Thống Nhất Đầu Tranh Các Chủng Tộc Áp Bức). Trong thực tế Fulro là tập hợp của ba mặt trận :

- Mặt Trận Giải Phóng Campuchia Krom (lãnh thổ từ Sài Gòn đến mũi Cà Mau).
- Mặt Trận Giải Phóng Campuchia Bắc (vùng Champassak ở Nam Lào).
- Mặt trận giải phóng Champa (Tây Nguyên và các tỉnh Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết).

Để chính thức hóa liên minh chính trị này, những người lãnh đạo Fulro (phái đoàn Bajaraka, trung tá Les Kosem và trung tá Um Savuth, một lãnh tụ Khmer Krom) vẽ lá cờ Fulro đầu tiên hình chữ nhật gồm ba sọc màu xanh biển (tượng trưng cho biển cả), màu đỏ (biểu tượng của máu tranh) và màu xanh lá cây (màu của rừng núi). Trên sọc màu đỏ có ba ngôi sao màu trắng tượng trưng cho ba mặt trận của Fulro : Campuchia Krom, Campuchia

Bắc và Champa.

Trong suốt quá trình đấu tranh bằng vũ lực, mà hàng ngàn người Tây Nguyên đã hy sinh trên các chiến trường, mặt trận Fulro đã không đạt được mục tiêu đề ra là xây dựng một lãnh thổ "Tây Nguyên-Champa tự trị", nhưng tổ chức này đã đánh động được dư luận Việt Nam và nước ngoài quan tâm đến những đòi hỏi của cộng đồng người Tây Nguyên và Chăm trong quốc gia Việt Nam.

Năm 1969, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa ~~đã~~ tỏ ra đặc biệt quan tâm tới tương lai của người gốc Tây Nguyên và Chăm bằng cách tiến cử nhiều nhân sĩ xuất thân từ hai cộng đồng này vào những chức vụ cao trong chính quyền và thành lập nhiều định chế chính trị do người thiểu số đứng đầu (Bộ phát triển sắc tộc, hội đồng sắc tộc, quận trưởng, xã trưởng), ngoài ra họ còn tham gia trực tiếp vào nhiều định chế như quốc hội, thượng nghị viện, tòa án...

Cộng đồng người Tây Nguyên từ 1975 tới nay

Thời vàng son của người Tây Nguyên chấm dứt năm 1975, cả nước bị đặt dưới quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tất cả những qui chế đặc biệt dành riêng cho người thiểu số đều bị bãi bỏ.

Lợi dụng tình trạng loạn lạc tháng 3-1975, cộng đồng người Tây Nguyên thu nhặt các loại vũ khí bỏ rơi, khi quân đội Việt Nam Cộng Hòa rút lui về đồng bằng, và đứng ra tự bảo vệ buôn làng của mình. Xung đột liền xảy ra, Tây Nguyên bị đặt dưới quyền lãnh đạo trực tiếp của bộ đội. Chênh lệch lực lượng ~~đã~~ quá rõ ràng, người Tây Nguyên không đủ sức chống lại một quân đội mạnh hơn gấp nhiều lần, những người lãnh đạo phong trào chống đối nếu không bị giết thì cũng bị bắt, một số khác chạy sang Campuchia tiếp tục chống đối tới năm 1982 thì chấm dứt hẳn.

Từ sau ngày đó, cộng đồng người Tây Nguyên bị phân biệt đối xử. Chính quyền cộng sản đã đưa hàng triệu người từ đồng bằng sông Hồng và miền thượng du Bắc Việt lên Tây Nguyên khai thác. Trước sự lấn át này, địa bàn cư trú của người Tây Nguyên teo hẹp dần, đất đại cỏ truyền của họ lần lượt lọt vào tay những di dân mới và người Tây Nguyên trở thành thiểu số trên chính quê hương của họ.

Niềm ~~mà~~ ủi cuối cùng của người Tây Nguyên là theo đạo Tin Lành cũng bị đánh phá. Các nhà thờ Tin Lành bị niêm phong, toàn bộ sinh hoạt của những hội thánh tư gia đều bị cấm chỉ. Sự nhẫn耐 của người Tây Nguyên ~~đã~~ vượt quá sức chịu đựng, đầu năm 2001 hàng chục ngàn người xuống đường đòi tự do tôn giáo và trả lại đất đai, và đã bị dập tắt trong bạo lực, hàng ngàn đã phải chạy vào rừng sâu và sang Campuchia trốn tránh, số còn lại bị bắt và bị theo dõi. Tháng 4-2004 người Tây Nguyên lại đứng dậy đòi quyền sống và cũng bị trấn áp trong máu lửa.

Trong suốt 50 năm Tây tiến của người Kinh, từ 1954 đến 2004, chưa bao giờ các chính quyền Việt Nam có chính sách nâng đỡ và tôn trọng thực sự văn hóa của người Tây Nguyên. Đã đến lúc phải thay đổi, và thay đổi càng sớm càng tốt, để mọi người Việt Nam có thể cùng nhau bắt tay xây dựng lại một tương lai chung.

Ya Biloh (Cheo Reo)

Về tính chất kém chính xác của Tiếng Việt

VO CAO & TU DINH

Trong bài viết “**Học sinh ra từ hành – hay vấn đề từ ghép trong Tiếng Việt**”⁽¹⁾ của Bùi Kiến Quốc, trên trang nhà e-Văn, ngày 8/24/2004, tác giả có đưa ra hai ví dụ về tính chất kém chính xác của Tiếng Việt. Từ đó, tác giả đề nghị viết các chữ ghép dính liền nhau, thay vì viết rời từng chữ chiếc như hiện nay, hoặc dùng gạch nối như trước đây gần một thế kỷ.

1

Về tính chất kém chính xác của Tiếng Việt

Trong quyển *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*⁽²⁾, chúng tôi đã có viết một mục về tính chất kém chính xác của Tiếng Việt. Tiếng Việt kém chính xác vì ba nguyên nhân:

- (1) *không biến dạng* (non-inflection);
- (2) *thể tinh lược* (omission);
- (3) *cách gọi theo bà con họ hàng*, khi dùng các đại từ chỉ người (personal pronouns).

Các ví dụ của tác giả Bùi Kiến Quốc cho thấy tính chất kém chính xác của Tiếng Việt có hai nguyên nhân chính, là (1) *Tiếng Việt không biến dạng*, và (2) *thể tinh lược*. Ngoài ra, còn một nguyên nhân nữa, là *cách viết*.

Tiếng Việt là ngôn ngữ không biến dạng, vì *chữ viết không thay đổi* khi chúng thay đổi tên gọi văn phạm, hoặc thay đổi nhiệm vụ văn phạm, trong một câu hay trong một mệnh đề.

Ví dụ,

Đêm qua trời sáng trăng rằm.

(qua là tính từ, cho thông tin về danh từ *đêm*)

Cô ấy đã đi qua Canada.

(qua là giới từ, kết hợp danh từ *riêng Canada* với động từ *đi*)

Cô ấy qua sông băng phà.

(qua là động từ, số ít)

Nhiều người qua sông băng phà.

(động từ *qua* không thay đổi theo số nhiều)

Bàu nói với qua bậu không hái lựu bẻ đào.

(qua là đại từ, ngôi thứ nhất, thay thế *người đang nói*)

Có qua có lại mơi toại lòng nhau.

(qua là danh từ)

Cô gái ấy thì rất đẹp.

(thì là động từ đặc biệt; *đẹp* là tính từ)

Những cô gái ấy thì rất đẹp.

(động từ đặc biệt *thì*, và tính từ *đẹp* không thay đổi theo số nhiều)

Về thể tinh lược, sau đây là một đoạn trích từ quyển *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*.

Thể tinh lược là một đặc điểm rất quan trọng trong ngôn ngữ Việt Nam. Không hiểu thể tinh lược thì không thể phân tích văn phạm một câu trong Tiếng Việt, và từ đó, không thể hiểu ngôn ngữ Việt Nam.

Trong một câu nói hay viết của Tiếng Việt, có thể xảy ra một trong hai trường hợp:

- (1) tất cả các chữ có nhiệm vụ văn phạm đều *có mặt*;
- (2) một hay nhiều chữ có nhiệm vụ văn phạm *vắng mặt*, và *được hiểu ngầm*.

Trường hợp 2 gọi là **thể tinh lược**. Trường hợp 1 là bình thường. **Tinh lược** có nghĩa là bỏ bớt một hay nhiều chữ bất kỳ trong một câu hay một mệnh đề, và *những chữ ấy được hiểu ngầm*. Nói khác đi, khi một hay nhiều chữ có nhiệm vụ văn phạm trong một câu hay một mệnh đề, đáng lý phải có mặt đầy đủ, nhưng được bỏ bớt, và người đọc phải hiểu ngầm, người ta nói rằng chữ hay những chữ ấy ở *thể tinh lược*. Nói một cách khác nữa, tinh lược không có nghĩa là **không** có một chữ, hay nhiều chữ nào đó, trong một câu; tinh lược có nghĩa là chữ hay nhiều chữ ấy **có, nhưng đang vắng mặt**, trong câu. Thể tinh lược được dùng rất nhiều trong lời nói hay chữ viết, và đó là một đặc điểm rất quan trọng về văn phạm của ngôn ngữ Việt Nam [. . .]

Một trong những khuynh hướng tự nhiên của ngôn ngữ là ngắn gọn; thể tinh lược nằm trong khuynh hướng ấy.

Ví dụ,

*Thà như giọt mưa
Võ trên tượng đá.
Nguyễn Tất Nhiên
đại từ chỉ người tinh lược:
[Ta] thà như giọt mưa
Võ trên tượng đá.*

*Nói bùa bùa dây nghe bùa bùa
Dây đưa giàn dậu phơi tơ mưa
Chuyện đời chán ngấy người lên được
Nghe quỷ mồ thu hát thấy ưa.
Vũ Hoàng Chương. Thơ dịch
đại từ chỉ người tinh lược:
[Đó] nói bùa bùa dây nghe bùa bùa
Dây đưa giàn dậu phơi tơ mưa
Chuyện đời chán ngấy người lên được
[Đây] nghe quỷ mồ thu hát thấy ưa.*

*về thành nhớ cánh chim bay
xa thành thương vóc em gầy rạc hoa
Phạm Thiên Thư
về thành, [anh] nhớ cánh chim bay
xa thành, [anh] thương vóc em gầy rạc hoa*

*Con thơ tay ẩm tay bồng
Tay dắt mẹ chồng đầu đội thúng bông.
Ca dao
[Nàng dâu] con thơ tay ẩm tay bồng
Tay dắt mẹ chồng đầu đội thúng bông.*

– Thầy Hai, ông Đốc-tơ Huỳnh kêu dây nói cho tôi hay rằng xe của ông chết máy nằm trên đường đi Tây Ninh, tại chỗ Gò Dầu, và ông cậy hăng cho xe lén kéo về mà sửa cho ông. Thầy làm ơn biểu dưới xuống cho một cái xe đi liền kéo tối.

Hồ Biểu Chánh

một chữ tinh lược trong câu sau:

Thầy làm ơn biểu [người] dưới xuống cho một cái xe đi liền kéo tối.

Đến đây, xét các ví dụ của tác giả Bùi Kiến Quốc.

Ví dụ 1,

Học sinh ra từ hành.

Trường hợp nằm trong một đoạn nhỏ (paragraph), câu trên có thể hiểu được. Trường hợp đứng lẻ loi một mình, câu trên tối nghĩa, và rất khó hiểu. Tuy nhiên, đối với những người viết lách thường xuyên, người ta có rất nhiều cách viết, để cho câu trên rõ ý, và dễ hiểu, nghĩa là không sợ bị hiểu lầm hay hiểu sai. Chẳng hạn, người ta có thể có năm cách viết, như sau:

Học sinh ra từ hành	≈	Học sinh ra từ hành .	(nếu đánh máy)
	≈	Học sinh ra từ hành.	(“ ”)
	≈	[Cái] học sinh ra từ [cái] hành .	(thêm mạo từ)
	≈	Học sinh ra từ hành.	(nếu viết tay)
	≈	“Học” sinh ra từ “Hành.”	(viết tay hay đánh máy)

Ngay cả khi nói, người ta cũng có thể làm cho người nghe hiểu ý của câu trên, bằng cách nói ngắt khoảng giữa chữ *Học* và chữ *sinh*, và nhấn mạnh hai chữ *Học* và *hành*.

Câu trên khó hiểu, vì Tiếng Việt không biến dạng. Vì Tiếng Việt không biến dạng, người ta khó nhận ra chữ nào là danh từ, và chữ nào là động từ. Trong câu này, *sinh ra* là một động từ. Nếu câu trên được viết bằng Tiếng Anh hay Tiếng Pháp – ngôn ngữ biến dạng – người ta nhìn hình thức của chữ viết để dễ dàng nhận ra các danh từ và động từ, và do đó, không có hiểu lầm hay hiểu sai. Người ta có thể nói, các *ngôn ngữ không biến dạng* kém chính xác hơn các *ngôn ngữ biến dạng*.

Tiếng Việt có khuyết điểm kém chính xác vì không biến dạng. Tuy nhiên, Tiếng Việt có cấu trúc rất uyển chuyển. Với một chút thận trọng khi viết hay nói, Người Việt vẫn có thể viết hay nói Tiếng Việt một cách chính xác. Tính chất kém chính xác của ví dụ trên đây là do ba nguyên nhân: *Tiếng Việt không biến dạng, thể tinh lược, và cách viết*.

Ví dụ 2,**Giờ học sinh học.**

Câu này có thể có hai nghĩa. Người ta vẫn có cách viết để làm rõ từng nghĩa một.

- Giờ học sinh học ≈ [Bây giờ là] giờ học sinh [đang] học.
- ≈ Giờ [này] học sinh [đang] học.
- Giờ học sinh học ≈ Giờ học [môn] sinh học.

Thực tế, có lẽ lớp người có học không viết những câu tối nghĩa như các ví dụ kể trên. Cách tốt nhất để viết Tiếng Việt chính xác là, loại bỏ thể tinh lược, và dùng nhiều hình thức viết để người đọc dễ dàng nhận ra chữ nào là danh từ, và chữ nào là động từ, hay tinh từ, trạng từ, v.v. Người Việt thường dùng *chữ ghép Hán Việt*, nhưng không dùng *chữ chiếc Hán Việt* xen lẫn trong một câu Tiếng Việt⁽³⁾. Trường hợp cần thiết phải dùng các *chữ chiếc Hán Việt* trong một câu Tiếng Việt, như trường hợp ví dụ 1 của tác giả Bùi Kiến Quốc, người viết phải dùng một trong các hình thức viết đặc biệt (*chữ nghiêng*, *chữ đậm*, *chữ hoa*, hoặc dấu ‘ ’, hay dấu “ ”) để người đọc có thể nhận ra đó là một Chữ Hán Việt. Đối với các chữ nước ngoài khác, người ta cũng dùng các hình thức viết như vậy, trong một câu Tiếng Việt.

2**Về vấn đề chữ ghép viết liền nhau**

Trong bài viết của ông, tác giả Bùi Kiến Quốc cho rằng, viết các chữ ghép dính liền nhau sẽ làm cho Tiếng Việt chính xác hơn, nghĩa là sẽ không có tình trạng hiểu lầm, hoặc hiểu sai, hoặc tối nghĩa, như các ví dụ trên đây.

Đối với người lớn

Các chữ ghép dính liền nhau không gây ra trở ngại nào cả, tuy tốc độ đọc có thể chậm hơn chút ít, so với các chữ viết rời, vì chưa quen.

Đối với trẻ em

Trẻ em còn học ở các lớp tiểu học, có thể đọc và viết chữ quốc ngữ, nhưng chưa hiểu ý nghĩa của nhiều chữ. Theo nguyên tắc cấu tạo của chữ quốc ngữ⁽⁴⁾, một số chữ ghép có thể được các em tách ra theo hai kiểu khác nhau, và do đó, có hai nghĩa khác nhau, hoặc trở nên không có nghĩa. Ví dụ, một học sinh Lớp 5, sống với ông bà nội ở xa nhà, nhận được thư của người cha, viết bằng chữ ghép dính liền nhau. Trong thư, em đọc một câu như sau, *theo cách đọc của em*, và không hiểu cha mình muốn nói điều gì:

Con nhớ đừng ha mǎn hố tuống như lúc còn ở nhà . . .

Thư của người cha viết như sau:

Con nhớ đừng ham ăn hố tuống như lúc còn ở nhà . . .

(Con nhớ đừng ham ăn hố tuống như lúc còn ở nhà . . .)

Dối với người nước ngoài học Tiếng Việt

Người nước ngoài học Tiếng Việt, giống như các trẻ em Việt Nam học các lớp tiểu học, cảm thấy cách viết các chữ ghép dính liền nhau, đôi khi có đến hai cách phát âm, và mỗi cách tạo ra những chữ chiếc khác nhau, với ý nghĩa khác nhau, hoặc không có nghĩa gì cả. Họ cảm thấy Tiếng Việt là một ngôn ngữ khá rắc rối, và không chính xác. Do đó, số người nước ngoài học Tiếng Việt ngày càng ít, vì chán nản, trừ những người làm nghề ngoại giao, hay các nhà nghiên cứu.

Sau đây là các ví dụ về sự bất tiện, dẫn đến sự không chính xác, của các chữ ghép viết dính liền nhau, vì những người mới biết Tiếng Việt không biết đọc thế nào cho đúng.

Chữ ghép	Cá thể đọc lì	Ý của người viết
chútít	chú tít	chút ít
mónăn	mó năn	món ăn
phátâm	phá tâm	phát âm
búnốc	bú nốc	bún ốc
bạchà	bạ chà	bạc hà
Langà	Lan gà	La ngà
hoạthình	hoa thình	hoạt hình
ủê	uể	ủ ê (dấu giọng sai chỗ)
đmờ	ở mờ	đm ở (viết sai dấu giọng)
uẩn	uẩn	u ẩn (rất khó phân biệt)
pháthỏa	phá thỏa	phát hỏa
emút	e mút	em út
làmuốt	là mướt	làm ướt
cátra	cát ra	cá tra
đànông	đà nồng	đàn ông
hởtha hởthải	hở tha hở thải	hởt ha hởt hải
táchợp	tá chợp	tác hợp
quanái	qua nái	quan ái
lácót	lác ót	lá cốt
láchanh	láchanh	lá chanh
cángừ	cán gừ	cá ngừ
bốchốt	bố chốt	bốc hốt
pháthành	phá thành	phát hành
.....		

Không ai có thể cấm các trẻ em Việt Nam, chưa biết nhiều Tiếng Việt, và những người nước ngoài học Tiếng Việt, tách các chữ ghép theo đúng nguyên tắc cấu tạo của chữ quốc ngữ, *theo ý nghĩ của họ*, chớ không theo *ý nghĩ của người viết*.

Có hai về thông tin

Thể văn thông tin (sách giáo khoa, tài liệu nghiên cứu, báo chí, văn kiện pháp luật . . .) đòi hỏi sự chính xác của ngôn ngữ, khác với thể văn nghệ thuật (truyện, thơ, nhạc . . .). Sự chính xác của ngôn ngữ có nghĩa là, một chữ hay một câu không thể được hiểu nhiều hơn một nghĩa.

Ví dụ, sau đây là một chuyện không có thật, nhưng có thể xảy ra.

Bây giờ là năm 2104. Hôm nay, ngày 21/11/2104, có phiên tòa đại hình, xử các bị cáo về tội đã dùng chất nổ để phá sập thành nội Huế, một di tích của Triều Nguyễn từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20 tại Việt Nam.

Sau phần buộc tội, công tố viên nói:

- Các bị cáo có tội **pháthành**. Căn cứ vào Điều ----- của Bộ Luật Hình năm 2075, hình phạt dành cho tội này là từ 5 năm đến 9 năm tù ở.

Luật sư biện hộ đứng lên, với thái độ bình tĩnh và tự tin, nói:

- Thưa quý Tòa, thân chủ của tôi chỉ làm công việc **phát hành** [sách báo]. Đây là một công việc làm ăn lương thiện. Như vậy, thân chủ của tôi không có tội.

Công tố viên đứng vụt lên, trố mắt và ngạc nhiên nhìn luật sư biện hộ. Luật sư biện hộ chậm rãi nói tiếp:

- Thưa quý Tòa, bản cáo trạng mà tôi đang cầm trong tay đây, có viết rằng thân chủ của tôi bị buộc tội **phát hành**. Thưa quý Tòa, công việc **phát hành** mà thân chủ của tôi đã làm, theo pháp luật, không phải là một tội. Xin quý Tòa vui lòng đọc kỹ lại chữ này trong cáo trạng.

Phiên xử được hoãn lại, để tòa án nghiên cứu thêm về bản cáo trạng. Vì sự không chính xác của chữ ghép viết liền nhau, trong phiên xử kế tiếp, tòa án đã ra lệnh thabổng cho các bị cáo.

Đầu năm sau, năm 2105, Tối Cao Pháp Viện và Bộ Tư Pháp của Việt Nam đã có một quyết định quan trọng như sau:

Kể từ ngày 1 Tháng 3 Năm 2105, tất cả các văn kiện pháp luật phải được viết bằng chữ quốc ngữ tách rời từng chữ một, như cách viết của Thế Kỷ 21, trước khi có cách viết chữ ghép dính liền nhau, như hiện nay.

Phát triển và cải cách để làm cho ngôn ngữ tiến hóa và hoàn thiện theo thời gian, là một nhu cầu cần thiết. Tuy nhiên, mọi sự cải cách ngôn ngữ đều phải xét đến tính chất chính xác của ngôn ngữ, như một mục tiêu quan trọng nhất. Tiếng Việt vốn đã kém chính xác; đề nghị viết các chữ ghép dính liền nhau của tác giả Bùi Kiến Quốc càng làm cho Tiếng Việt trở nên kém chính xác hơn nữa.

Ghi chú

-
- (1) Bùi Kiến Quốc (24/8/2004). *Học sinh ra từ hành – hay vấn đề từ ghép trong Tiếng Việt*.
Đọc Ngày 19 Tháng 10, 2004, từ <http://evan.vnexpress.net/>
 - (2) Tu Dinh và Vo Cao. *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*. California: SEACAEF, Bản in lần 2, 2003. Quyển sách này đã được đưa lên mạng, trên <http://www.chuyenbenle.com/>
 - (3) Vo Cao (10/2003). *Phân biệt Chữ Hán Việt và Chữ Việt thuần*, từ <http://www.chuyenbenle.com/>
 - (4) Tu Dinh và Vo Cao. *Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam*. California: SEACAEF, Bản in lần 2, 2003. Chương 3: 147+.
-

TU LUC BOOKSTORE



14318 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92843 - USA
Tel: (714) 531-5290 Fax: (714) 531-2280
WWW.Tuluc.com
Email: Buybooks@tuluc.com

Một vấn đề đã và đang được bàn luận trong hơn nửa thế kỷ qua,
Tiếng Việt, hay Chữ Việt, là đơn âm hay đa âm?

Người đọc có thể tìm thấy một câu trả lời trong tập sách này:

- *Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm và đa từ (monosyllabic & polylexemic);*
- *Tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm và đơn từ (polysyllabic & monolexemic).*

<http://www.tuluc.com>



Item ID: 108363812.00

Price: \$12.00

Set: 1

Loc: C8-C11